



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN SEABANK 2022

## Mục lục

---

Mục lục	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	5
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
THÔNG ĐIỆP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	8
TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI	10
THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2022	11
<b>I. TỔNG QUAN VỀ SEABANK</b>	<b>13</b>
1.1. Thông tin khái quát	13
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	14
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
1.4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	20
1.5. Chuỗi giá trị và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng	20
1.6. Công ty con	22
1.7. Các đối tác chiến lược	23
1.8. Định hướng phát triển tới 2026	29
<b>II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỚI 2026</b>	<b>30</b>
2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh	30
2.2. Tổ chức và nhân sự	30
2.3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	33
2.4. Tình hình tài chính	35
2.4.1. Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	35
2.4.2. Hoạt động kinh doanh của các Công ty con	35
2.5. Cơ cấu Cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	36
2.5.1. Cổ phần	36
2.5.2. Cơ cấu cổ đông	36
2.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	37
<b>III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>41</b>
3.1. Định vị thương hiệu ngân hàng SeABank	41
3.2. Thành tích về phát triển thương hiệu	42
3.3. Vị thế của SeABank trên thị trường	43
3.4. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	44

<b>3.5. Tình hình hoạt động và tài chính</b>	<b>45</b>
3.5.1. Tăng trưởng tổng tài sản và chất lượng tài sản	45
3.5.2. Hành trình bứt phá từ những thách thức tạo nên sự tăng trưởng phân khúc khách hàng cá nhân	46
3.5.3. Hệ thống giải pháp, sản phẩm dịch vụ đồng bộ, chuyên biệt, chuyên nghiệp	52
3.5.4. Hoạt động nổi bật mảng khách hàng doanh nghiệp lớn	54
3.5.5. Tập trung vào các danh mục đầu tư then chốt	56
3.5.6. Duy trì cơ chế quản lý thu nợ, quản trị nợ chủ động	57
3.5.7. Đổi mới công tác vận hành, linh hoạt phòng chống dịch	58
<b>3.6. Đánh giá của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề người lao động</b>	<b>63</b>
3.6.1. Hoạt động đào tạo	63
3.6.2. Hoạt động phát triển nguồn nhân lực	64
3.6.3. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi	65
<b>3.7. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</b>	<b>66</b>
<b>3.8. Kế hoạch phát triển trong tương lai</b>	<b>67</b>
<b>IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>71</b>
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động ngân hàng	71
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	73
4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị trong năm 2023	74
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>76</b>
5.1. Tổng quan về hoạt động quản trị tại SeABank	76
5.2. Cơ cấu tổ chức Hội đồng Quản trị	77
5.2.1. Hội đồng Quản trị	77
5.2.2. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	82
5.2.3. Đề cử và lựa chọn quản lý cấp cao	83
5.2.4. Quản lý Xung đột lợi ích	84
5.3. Cam kết của Hội đồng Quản trị về Phát triển bền vững	84
5.4. Hoạt động của Hội đồng Quản trị	85
5.4.1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị	85
5.4.2. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị năm 2022	89
5.5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	91
5.5.1. Ủy ban Quản lý rủi ro	91
5.5.2. Ủy ban Nhân sự	92
5.6. Ban Kiểm soát	92
5.7. Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích đối với Hội đồng quản trị, BKS, CQKTNB	94
5.7.1. Cơ chế xác định mức tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích	94
5.7.2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	95
5.7.3. Các giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:	96
5.7.4. Các giao dịch với bên liên quan:	102
5.8. Bảo đảm lợi ích và đối xử công bằng với cổ đông	105
5.8.1. Nguyên tắc trong bảo đảm lợi ích và đối xử công bằng với cổ đông	105
5.8.2. Chính sách chi trả cổ tức	105
5.8.3. Xây dựng và thực hiện quy trình chuẩn trong thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	

5.8.4.	<i>Xây dựng các kênh thông tin đa dạng và dễ tiếp cận nhất đến nhà đầu tư</i>	107
<b>VI.</b>	<b>QUẢN TRỊ RỦI RO</b>	<b>107</b>
6.1.	<b>Nâng cao năng lực kiểm soát nội bộ và tuân thủ với mô hình 3 tuyến</b>	107
6.2.	<b>Quản trị rủi ro</b>	108
6.2.1.	<i>Thực thi và kiểm soát quản lý rủi ro toàn diện</i>	108
6.2.2.	<i>Danh mục các rủi ro được nhận diện và quản lý</i>	109
6.2.3.	<i>Các hoạt động quản trị rủi ro nổi bật trong năm 2022</i>	112
6.3.	<b>Tuân thủ</b>	114
6.3.1.	<i>Cam kết về tuân thủ các nghĩa vụ tuân thủ</i>	114
6.3.2.	<i>Các chính sách, quy chế bảo đảm ngân hàng tuân thủ các nghĩa vụ tuân thủ</i>	115
6.3.3.	<i>Các hệ thống, phần mềm hỗ trợ tuân thủ</i>	115
6.3.4.	<i>Biện pháp quản lý, kiểm soát tuân thủ trong toàn ngân hàng</i>	116
6.3.5.	<i>Cơ chế xử lý, khen thưởng đối với những vi phạm hoặc đóng góp cho hệ thống tuân thủ của ngân hàng</i>	116
6.3.6.	<i>Kết quả của Ngân hàng về tuân thủ</i>	117
6.3.7.	<i>Phát huy vai trò văn hóa tuân thủ trong doanh nghiệp</i>	118
6.4.	<b>Kiểm toán nội bộ</b>	119
6.4.1.	<i>Cơ cấu chức năng nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ</i>	119
6.4.2.	<i>Hoạt động kiểm toán nội bộ trong năm 2022</i>	119
<b>VII.</b>	<b>BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	<b>120</b>
7.1.	<b>Giới thiệu chung về báo cáo phát triển bền vững của SeABank</b>	120
7.2.	<b>Các nguyên tắc triển khai hoạt động phát triển bền vững của SeABank</b>	121
7.2.1.	<i>Sứ mệnh, Tâm nhìn, Giá trị cốt lõi</i>	121
7.2.2.	<i>Cam kết của doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm trong Phát triển bền vững (Xây dựng văn hóa Phát triển bền vững)</i>	122
7.3.	<b>Nhận diện và quản trị các chủ đề trọng yếu</b>	123
7.3.1.	<i>Phương pháp luận</i>	123
7.3.2.	<i>Các chủ đề trọng yếu</i>	124
7.3.3.	<i>Bảng nhận diện rủi ro và cơ hội tương ứng với từng chủ đề trọng yếu theo 6 nguyên tắc ngân hàng có trách nhiệm của UNEP FI</i>	126
7.3.4.	<i>Các chính sách, cơ chế quản lý, giám sát các chủ đề trọng yếu được thiết lập tại SeABank</i>	129
7.4.	<b>Gắn kết các bên liên quan</b>	129
7.4.1.	<i>Phương pháp tiếp cận và thực tế trao đổi trong năm 2022</i>	129
7.4.2.	<b>Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan (thang điểm 1-5, 5 là điểm cao nhất)</b>	131
7.5.	<b>Định hướng phát triển bền vững</b>	131
7.5.1.	<i>Trọng tâm phát triển bền vững năm 2023</i>	131
7.5.2.	<i>Kế hoạch triển khai trong thời gian tới</i>	132
7.6.	<b>Quản lý tác động từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá trình phát triển bền vững</b>	135
7.6.1.	<i>Tác động từ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng tới môi trường và xã hội</i>	135
7.6.2.	<i>Chiến lược số hóa</i>	137
7.6.3.	<i>Các sản phẩm, dịch vụ được lồng ghép yếu tố phát triển bền vững</i>	138
7.6.4.	<i>Hoạt động chống tham nhũng</i>	140
7.7.	<b>Phát triển nhân tài</b>	142
7.8.	<b>Văn hóa doanh nghiệp bền vững</b>	144
7.8.1.	<i>Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp</i>	144

7.8.2. Văn hóa tổ chức tiếp tục phát triển mạnh mẽ	145
7.8.3. Phát triển văn hóa thân thiện với môi trường	147
7.8.4. Hạnh phúc với những chỉ số gắn kết CBNV	147
<b>7.9. Tạo dựng giá trị cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động thực hiện bền vững</b>	<b>149</b>
<b>7.10. Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả</b>	<b>150</b>
7.10.1. Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường	150
7.10.2. Tiêu thụ nước	152
7.10.3. Tiêu thụ điện	153
7.10.4. Quản lý rác thải	153
7.10.5. Phát thải khí nhà kính	154
<b>7.11. Mục lục GRI</b>	<b>155</b>
<b>VIII. MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH</b>	<b>165</b>
<b>IX. MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ</b>	<b>169</b>
<b>X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>177</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

---

**NHNN:** Ngân hàng Nhà nước

**HDQT:** Hội đồng Quản trị

**TGD:** Tổng Giám đốc

**CBNV:** Cán bộ nhân viên

**ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng Cổ đông

**KHCN:** Khách hàng cá nhân

**KHDN:** Khách hàng doanh nghiệp

**KHDNL:** Khách hàng doanh nghiệp lớn

**CNTT:** Công nghệ thông tin

**QTRR:** Quản trị rủi ro

**PC&TT:** Pháp chế và Tuân thủ

**ESMS:** Quản lý rủi ro môi trường và xã hội

**UMUM:** Ươm mầm Ước mơ

**BKS:** Ban Kiểm soát

**UBQLRR:** Ủy ban Quản lý Rủi ro

**UBNS:** Ủy ban Nhân sự

## THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Kính gửi: Quý Cổ đông, đối tác và khách hàng,

Năm 2022 là một năm nhiều biến động với kinh tế thế giới, từ các vấn đề về năng lượng đến lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Trong bối cảnh đó, dưới sự điều hành và chỉ đạo linh hoạt, sát sao của Chính phủ cùng các Bộ ngành nền kinh tế Việt Nam vẫn có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Đóng góp vào những thành tựu chung của nền kinh tế có sự cố gắng, nỗ lực của toàn ngành Ngân hàng. Theo định hướng của Chính phủ và điều hành của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cùng sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, SeABank đã chủ động, linh hoạt trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa nguồn thu, ứng dụng công nghệ vào hoạt động cũng như số hóa sản phẩm, dịch vụ cùng nhiều sáng kiến, đổi mới và nỗ lực để rút ngắn thời gian đạt được mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2025... qua đó giúp kết quả kinh doanh năm 2022 của Ngân hàng gặt hái được nhiều thành tựu nổi trội như: lợi nhuận trước thuế đạt gần 5.069 tỷ đồng, tăng trưởng 55% so với năm 2021, hoàn thành 104% kế hoạch năm 2022; tỷ lệ nợ xấu giảm xuống còn 1,60%; tăng vốn điều lệ lên gần 20.403 tỷ đồng.

SeABank tự hào là ngân hàng tiên phong trong nền tảng ngân hàng số ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo (AI), Big Data, công nghệ điện toán đám mây Google Cloud, máy học (ML) để xây dựng các ứng dụng và giải pháp công nghệ đáp ứng kinh doanh, số hóa sản phẩm dịch vụ cũng như phục vụ hoạt động vận hành hàng ngày như: hệ thống văn phòng điện tử SeAOffice, hệ thống giao dịch tự động tại quầy SeATeller, trợ lý ảo FPT.AI tự động nhắc nợ và gia hạn sổ tiết kiệm, triển khai ứng dụng ngân hàng số SeAMobile cho KHCN và SeAMobile Biz cho khách hàng doanh nghiệp (KHDN)... Chiến lược hội tụ số đã giúp Ngân hàng tối ưu hóa chi phí và thời gian vận hành, gia tăng lợi thế cạnh tranh, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tạo sự nhanh chóng, thuận tiện cho toàn bộ cán bộ nhân viên (CBNV) và khách hàng.

Thực hiện chính sách của NHNN về tín dụng xanh, bên cạnh nguồn lực sẵn có, SeABank nỗ lực tìm kiếm, huy động các nguồn vốn từ các định chế tài chính lớn để tài trợ cho các dự án xanh. Đến hết năm 2022, Ngân hàng được các tổ chức quốc tế lớn như DFC, IFC và 5 quỹ đầu tư quốc tế đầu tư dài hạn với tổng số tiền gần 500 triệu USD để nâng cao năng lực tài chính, gia tăng nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, hỗ trợ tín dụng xanh và chống biến đổi khí hậu.

Cùng với các hoạt động kinh doanh, với mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội, mang lại những giá trị thiết thực cho cộng đồng, SeABank luôn xác định tương lai bền vững được xây dựng từ chính những hoạt động có trách nhiệm và có tác động của hiện tại, từ đó chúng tôi chủ động, tích cực trong các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường với tổng số tiền gần 14,4 tỷ đồng cho các hoạt động ý nghĩa như: tài trợ xây nhà cho người nghèo, ủng hộ cho quỹ “Vì người nghèo” để hỗ trợ người nghèo khám chữa bệnh; đóng góp vào quỹ “Ngày mai tươi sáng” nhằm hỗ trợ các bệnh nhân ung thư; tài trợ kinh phí xây dựng nhà cho người nghèo tại Tuyên Quang, Thanh Hóa, Quảng

Ngãi, Cần Thơ và tặng nhà cho gia đình các chiến sĩ ở Hoàng Sa, Trường Sa; tặng gần 183.000 cây cho các hộ dân trồng rừng tại Hương Sơn - Hà Tĩnh, Khu Bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen... Bên cạnh đó Quỹ học bổng Ươm mầm Ước mơ của SeABank cũng chi hơn 2 tỷ đồng để hỗ trợ học bổng hàng tháng cho 189 em học sinh nghèo hiếu học trên toàn quốc.

Trong quá trình hoạt động, SeABank luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Ngân hàng đồng thời là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai tiêu chuẩn quản trị rủi ro (QTRR) quốc tế Basel III. Ngân hàng đã được Moody's xếp hạng tín nhiệm Ba3 ở nhiều danh mục quan trọng, đồng thời đánh giá cao chất lượng tài sản, khả năng sinh lời và nguồn vốn phù hợp để duy trì sự phát triển ổn định, bền vững.

Sự quyết tâm, linh hoạt của đội ngũ lãnh đạo và truyền thống đoàn kết, đồng lòng cố gắng của toàn thể CBNV SeABank được coi là yếu tố tiên quyết, quan trọng đem đến những kết quả tích cực của Ngân hàng năm vừa qua.

Thay mặt HĐQT, tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Đối tác đã đồng hành, ủng hộ và tin tưởng SeABank trong năm vừa qua. Tôi cũng đặc biệt cảm ơn những cống hiến của Ban điều hành, các cán bộ quản lý cùng toàn thể CBNV SeABank cùng chung sức đồng lòng cho sự thành công và phát triển của Ngân hàng.

Với chiến lược phát triển đã được xây dựng và hoạch định rõ ràng, chúng tôi cam kết sẽ không ngừng nỗ lực, sáng tạo, đổi mới trong hoạt động kinh doanh khẳng định giá trị thương hiệu SeABank, đặc biệt là quyết tâm chiến thắng mọi kế hoạch đã đề ra trong năm 2023 để tiếp tục thực hiện sứ mệnh kết nối những giá trị cuộc sống đích thực cho khách hàng, đối tác, cho nhà đầu tư, cho CBNV, tạo dựng sự phát triển bền vững của SeABank nói riêng và cộng đồng nói chung.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

**Trân trọng,**

**Ông Lê Văn Tân**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

**(Đã ký)**



## THÔNG DIỆP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Kính gửi: Quý cổ đông, đối tác và khách hàng,

Năm 2022, kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Trong bối cảnh đó, nhờ sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, NHNN và các bộ, ngành với nhiều giải pháp để kiểm soát lạm phát, giữ vững thanh khoản, duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ổn định, nền kinh tế Việt Nam vẫn có sự phục hồi mạnh, góp phần kiềm chế lạm phát.

Tại SeABank, dưới sự định hướng của HĐQT, sự chỉ đạo quyết liệt và linh hoạt của Ban Điều hành cũng như quyết tâm nỗ lực của các CBNV, SeABank đã chuyển hướng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa nguồn thu, tích cực phát triển mạnh công nghệ số, từ đó đạt được những thành tựu nổi trội, tiến nhanh hơn so với mục tiêu đã đề ra, với lợi nhuận trước thuế đạt gần 5.069 tỷ đồng, tăng trưởng 55% so với năm 2021, hoàn thành 104% kế hoạch năm 2022; Tổng tài sản đạt 231.423 tỷ đồng; Hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA) và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) lần lượt là 1,83% và 18,1%; Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm xuống 35,3%.

Bên cạnh đó, SeABank đã tăng vốn điều lệ lên gần 20.403 tỷ đồng. Đây là dấu mốc quan trọng trong chiến lược phát triển, tạo cơ sở để Ngân hàng nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng nhu cầu ngày một tăng của khách hàng.

Năm 2022, SeABank cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai tiêu chuẩn QTRR quốc tế Basel III, được Moody's xếp hạng Ba3 ở nhiều danh mục quan trọng và được các tổ chức quốc tế lớn như IFC, DFC cho vay vốn dài hạn với tổng số tiền gần 500 triệu USD. Đồng thời, SeABank cũng không ngừng mở rộng mạng lưới hoạt động, nâng cấp cơ sở vật chất các điểm giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch của Ngân hàng lên 181 điểm tại 31 tỉnh thành trên toàn quốc. Những nỗ lực, thành tựu của SeABank trong năm 2022 được ghi dấu bằng loạt giải thưởng danh giá: Thương hiệu Quốc gia Việt Nam 2022 (Bộ Công Thương), Top 1000 Ngân hàng thế giới 2022 (Top 1000 World Banks 2022) do The Banker bình chọn, Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2022 (Best Companies to Work for in Asia 2022) do HR Asia - Tạp chí uy tín hàng đầu về nhân sự tại Châu Á bình chọn, Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2022 (Best Bank in Vietnam 2022) do The Banker bình chọn... qua đó ghi nhận uy tín thương hiệu và sự bứt phá tăng trưởng mạnh mẽ của Ngân hàng trong năm vừa qua.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Ngân hàng, xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo các cơ quan có thẩm quyền và NHNN các cấp đã luôn quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện và hỗ trợ SeABank trong quá trình hoạt động. Đồng thời, tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các Quý vị khách hàng, cổ đông và đối tác đã đồng hành, ủng hộ và thấu hiểu SeABank trong năm vừa qua. Đặc biệt, xin chân thành cảm ơn những chỉ đạo sát sao của HĐQT và công hiến của Ban Điều hành, các cán bộ quản lý cùng toàn thể CBNV SeABank cho sự thành công của Ngân hàng năm vừa qua.

Bước sang năm 2023, dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Dù vậy, chúng tôi tin tưởng rằng với sự nhiệt huyết, tinh thần quyết tâm, hành động quyết liệt, chủ động, tiên phong cùng nền tảng vững chắc về công nghệ, nhân sự, sản phẩm dịch vụ và hệ sinh thái đối tác chiến lược đồng thời luôn gắn tăng

trường kinh doanh với tác động môi trường, cải thiện môi trường làm việc, nâng cao phúc lợi cho người lao động, nâng cao hiệu quả quản trị điều hành... SeABank sẽ vượt qua mọi thách thức, tận dụng cơ hội, đón thời cơ mới, để thực hiện sứ mệnh kết nối những giá trị cuộc sống đích thực cho khách hàng, đối tác, cho nhà đầu tư, cho CBNV, cho cộng đồng và cho Việt Nam.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng.

**Bà Lê Thu Thủy**

**Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tổng Giám đốc SeABank nhiệm kỳ 2018-2022  
(Đã ký)**

**Ông Loic Faussier**

**Phó Tổng Giám đốc phụ trách SeABank  
(Đã ký)**

## **TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

---

### **Sứ mệnh**

Phục vụ với sự tận tâm, nhiệt huyết để mang đến cuộc sống hạnh phúc hơn và một tương lai thịnh vượng cho cộng đồng.

### **Tâm nhìn**

Trở thành ngân hàng được yêu thích nhất tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ, đa dạng các sản phẩm và dịch vụ tài chính với trải nghiệm tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng. SeABank cam kết minh bạch thông tin và mang tới dịch vụ hoàn hảo cùng lợi ích cao nhất cho khách hàng, nhà đầu tư, đảm bảo sự phát triển bền vững của Ngân hàng

### **Chiến lược phát triển**

Xây dựng và phát triển SeABank trở thành ngân hàng bán lẻ tiêu biểu tại Việt Nam là chiến lược phát triển cốt lõi của SeABank trong thời gian tới. Trong chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ, SeABank sẽ tập trung đặc biệt vào KHCN, đồng thời phát triển mảng doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như doanh nghiệp lớn. Các sản phẩm, dịch vụ của SeABank được thiết kế đa dạng phù hợp với nhu cầu và năng lực tài chính của từng đối tượng và phân khúc khách hàng.

### **Giá trị cốt lõi**

- Vì cộng đồng
- Luôn minh bạch
- Đồng chí hướng
- Say khát vọng
- Mãi vững bền

## THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2022

---

### SeABank 2022 - năm của bút phá

Trở lại mạnh mẽ sau dịch Covid-19, năm 2022, SeABank đã đạt được nhiều kết quả vượt trội, khẳng định vị thế của mình trên thị trường Tài chính - Ngân hàng, góp phần phục hồi và phát triển nền kinh tế xã hội.

#### 1. Chính thức chuyển Hội sở mới về 198 Trần Quang Khải

Tháng 01/2022, SeABank chính thức chuyển Hội sở chính từ 25 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội sang trụ sở mới tại tòa nhà BRG Tower - 198 Trần Quang Khải, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. BRG Tower được thiết kế theo tiêu chuẩn văn phòng hạng S tiện nghi, hiện đại, sang trọng và đẳng cấp theo xu hướng không gian mở, thông thoáng và trải rộng, mang tới không gian làm việc tiện nghi, chuyên nghiệp.

#### 2. Triển khai dịch vụ cho thuê két an toàn dành cho khách hàng ưu tiên

Với mong muốn mang đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ đẳng cấp cùng với việc ra mắt Hội sở mới, SeABank chính thức triển khai dịch vụ cho thuê két an toàn dành cho khách hàng ưu tiên với hàng nghìn két an toàn của hãng Gunnebo được nhập khẩu từ Đức, có độ an toàn tuyệt đối với 4 lớp khóa bảo vệ thông minh.

#### 3. Ra mắt ứng dụng ngân hàng số dành cho doanh nghiệp SeAMobile Biz

Bắt kịp xu thế số hóa các sản phẩm ngân hàng cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng trải nghiệm liền mạch, chuyên biệt cho khách hàng, tháng 4/2022, SeABank đã cho ra mắt dịch vụ ngân hàng số dành cho doanh nghiệp bao gồm ứng dụng SeAMobile Biz (ứng dụng cho thiết bị di động iOS và Android) và SeANet doanh nghiệp (sử dụng trên nền tảng trình duyệt web) đáp ứng các nhu cầu tài chính một cách thuận tiện, tiết kiệm thời gian và chi phí cho KHDN.

#### 4. Triển khai các chuẩn mực Basel III

Tháng 5/2022, SeABank đã tổ chức tọa đàm công bố kết quả triển khai các chuẩn mực Basel III vào hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động QTRR của ngân hàng với sự tham dự của lãnh đạo các vụ, cục của NHNN, đại diện HĐQT và Ban Điều hành.

#### 5. SeABank trao tặng gần 183.000 nghìn cây xanh ủng hộ trồng rừng và phát triển kinh tế

Năm 2022, SeABank trao tặng gần 183.000 cây cho các hộ dân trồng rừng tại Hương Sơn - Hà Tĩnh, Khu Bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen nhằm giúp đỡ các hộ dân các hộ dân trồng rừng phát triển kinh tế, đồng thời chung tay cùng chính quyền địa phương đẩy mạnh gia tăng diện tích rừng, phủ xanh đồi núi trọc.

#### 6. Thay đổi trong Ban Lãnh đạo

Tháng 7/2022, HĐQT SeABank đã ban hành quyết định về việc bà Lê Thu Thủy thôi đảm nhiệm chức vụ TGD sau nhiệm kỳ 5 năm và tiếp tục tham gia quản trị ngân hàng với vai trò Phó Chủ tịch

HDQT, đồng thời cử ông Faussier Loic Michel Marc - Phó TGD cao cấp làm Phó TGD Phụ trách điều hành hoạt động của SeABank. Trước đó vào tháng 6/2022, ông Loic đã được bổ nhiệm chức vụ Phó TGD cao cấp. Đây là một trong những bước đi chiến lược của HDQT để chuẩn bị triển khai mạnh mẽ kế hoạch 5 năm của SeABank trong thời gian tới.

### **7. Tăng vốn điều lệ lên gần 20.403 tỷ đồng**

Năm 2022, SeABank hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 14.785 tỷ đồng lên gần 20.403 tỷ đồng (tăng hơn 5.618 tỷ đồng). Nguồn vốn chủ sở hữu tăng thêm giúp SeABank nâng cao hệ số an toàn vốn theo tiêu chuẩn Basel III, cho phép ngân hàng gia tăng sức chịu đựng trong trường hợp nền kinh tế có biến động xấu.

### **8. SeABank đồng loạt khai trương đưa vào hoạt động 8 điểm giao dịch**

Ngày 10/10/2022, với mục tiêu mở rộng mạng lưới hoạt động và mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, SeABank đồng loạt khai trương, chuyển trụ sở mới và đi vào hoạt động 8 điểm giao dịch mới tại các tỉnh Bắc Giang, Bình Phước, An Giang, Vĩnh Phúc, Tiền Giang, Khánh Hòa, Nghệ An và TP. Hồ Chí Minh, nâng tổng số điểm giao dịch của ngân hàng lên 181 điểm tại 31 tỉnh thành trên toàn quốc.

### **9. Các quỹ đầu tư quốc tế rót thêm tiền cho SeABank**

Với hiệu quả triển khai các dự án hỗ trợ nguồn vốn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp do nữ làm chủ và giải quyết vấn đề khí hậu, SeABank liên tục nhận được sự tin tưởng, đồng hành và đầu tư của nhiều tổ chức tài chính quốc tế hàng đầu thế giới với tổng số huy động gần 500 triệu USD.

Tháng 01/2022, Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và 5 quỹ đầu tư quốc tế uy tín đã mở rộng gói tín dụng cấp cho SeABank từ 150 triệu USD lên 220 triệu USD chỉ sau 6 tháng hợp tác. IFC sau đó đầu tư thêm 75 triệu USD cho SeABank dưới dạng khoản vay cao cấp có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông trong vòng 5 năm.

Tháng 6/2022, SeABank là tổ chức tài chính duy nhất ở Việt Nam được Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Mỹ (DFC) cấp khoản vay lên tới 200 triệu USD trong 7 năm. Khoản vay được giải ngân lần 1 với số tiền 100 triệu USD vào tháng 12/2022.

### **10. Moody's nâng đánh giá xếp hạng của SeABank lên mức Ba3**

Tháng 9/2022, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service (Moody's) - 1 trong 3 tổ chức đánh giá tín nhiệm hàng đầu thế giới công bố đánh giá xếp hạng cho một số ngân hàng Việt Nam. Theo đó, sau 4 năm duy trì ở mức B1, xếp hạng của SeABank đã tăng 1 bậc lên mức Ba3 cho các danh mục: Nhà phát hành và tiền gửi dài hạn nội - ngoại tệ (long-term local (LC) and foreign currency (FC) deposit and issuer ratings); Xếp hạng rủi ro đối tác nội - ngoại tệ (LC and FC Counterparty Risk Ratings) và Đánh giá rủi ro đối tác (Counterparty Risk Assessment).

## I. TỔNG QUAN VỀ SEABANK

### 1.1. Thông tin khái quát

<b>Tên giao dịch</b>	<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á</b>
Tên tiếng Anh	Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt	SeABank
Năm thành lập	1994
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Giấy chứng nhận số 0200253985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/01/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 14/01/2023.
Vốn điều lệ	20.402.982.680.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	26.232.220.000.000 đồng
Địa chỉ	198 Trần Quang Khải, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Hotline	1900 555 587
Số điện thoại	024.39448688
Số fax	024.39448689
Website	www.seabank.com.vn
Mã cổ phiếu	SSB

### Thành viên các Hiệp hội, ngành trong nước và quốc tế

<b>Tên Tổ chức, Hiệp hội</b>	<b>Vai trò tham gia</b>	<b>Thời gian tham gia</b>
Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	Ngân hàng thành viên	1994
Hiệp hội Thẻ Ngân hàng Việt Nam	Ngân hàng thành viên	10/2008
Tổ chức thẻ quốc tế MasterCard	Ngân hàng thành viên	02/2009
Tổ chức thẻ quốc tế Visa	Ngân hàng thành viên	01/2010
Tổ chức thẻ NAPAS (hay còn là Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam)	Ngân hàng thành viên	10/2012
Tổ chức thẻ quốc tế JCB	Ngân hàng thành viên	03/2022
Hiệp hội trái phiếu (VBMA)	Ngân hàng thành viên	2017
Hiệp hội Swift - Hiệp hội viễn thông liên ngân hàng và tài chính quốc tế	Ngân hàng thành viên	06/2005

## 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

STT	Thời gian	Sự kiện
1	3/1994	Ngân hàng TMCP Hải Phòng (tiền thân của SeABank) được thành lập tại Hải Phòng
2	9/2002	Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - SeABank.
3	3/2005	Chính thức chuyển Hội sở từ Hải Phòng về 16 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội, mở đầu cho việc phát triển mạnh mẽ về quy mô, mạng lưới giao dịch, tài sản, nguồn vốn, và các hoạt động ngân hàng khác.
4	12/2006	Ứng dụng thành công phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos hiện đại bậc nhất thế giới chỉ trong vòng 01 năm triển khai. Đây là cơ sở quan trọng để SeABank có thể ban hành các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đa dạng, hiện đại và chuyên nghiệp.
5	8/2007	MobiFone trở thành cổ đông chiến lược trong nước của SeABank.
6	3/2008	Chính thức phát hành thẻ ghi nợ nội địa S24+.
7	8/2008	Société Générale (Pháp) - Tập đoàn tài chính ngân hàng hàng đầu Châu Âu trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của SeABank.
8	6/2009	Chính thức triển khai theo mô hình ngân hàng bán lẻ.
9	12/2009	Chuyển Hội sở về 25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
10	1/2010	Công bố bộ nhận diện thương hiệu mới.
11	12/2010	Phát hành thẻ quốc tế SeABank MasterCard sử dụng công nghệ Chip EMV có độ an toàn và bảo mật cao nhất.
12	5/2011	Khai trương Văn phòng Đại diện TP. Hồ Chí Minh đánh dấu nỗ lực vươn lên không ngừng của SeABank theo chiến lược ngân hàng bán lẻ và phát triển mạng lưới hoạt động tại khu vực miền Nam.
13	7/2011	SeABank là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chấp nhận tất cả các loại thẻ quốc tế gồm Visa, MasterCard, CUP, American Express, JCB và Diners Club.

STT	Thời gian	Sự kiện
16	1/2012	Ra mắt Dịch vụ ngân hàng tự động (Autobank) đa dịch vụ nhất, được tích hợp đầy đủ các chức năng giao dịch ngân hàng cơ bản đạt tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên tại Việt Nam tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
17	2/2012	SeABank được NHNN xếp hạng thuộc nhóm 1 và lựa chọn vào danh sách các ngân hàng thương mại cổ phần đủ điều kiện tham gia phục vụ các dự án ODA tại Việt Nam.
18	4/2012	Trở thành đại lý chính thức tại Việt Nam của công ty hàng đầu thế giới về dịch vụ chuyển tiền - Western Union.
19	10/2012	Chủ tịch nước trao tặng SeABank Huân chương Lao động hạng Ba vì đã có thành tích xuất sắc trong việc đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội từ năm 2007 đến năm 2011.
20	8/2013	SeABank và MobiFone - đối tác chiến lược trong nước của SeABank, ký thỏa thuận hợp tác nhằm phát huy tối đa thế mạnh, tăng cường hiệu quả kinh doanh cũng như gia tăng lợi ích cho CBNV và khách hàng của cả hai bên.
21	10/2013	Chính phủ và NHNN trao tặng SeABank Cờ thi đua “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2012” và Cờ thi đua “Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua của ngành Ngân hàng năm 2012”.
22	1/2014	Ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Công ty Cổ phần PVI.
23	1/2015	Ký kết hợp tác chiến lược toàn diện với Mercedes – Benz Việt Nam.
24	3/2016	Ký kết hợp tác chiến lược với hệ thống 5 siêu thị Big C tại Hà Nội.
25	4/2016	Trở thành thành viên của cộng đồng Eurogiro - Liên minh giữa ngân hàng và tổ chức bưu điện tại các nước.
26	8/2017	Chuyển đổi mô hình hoạt động lấy khách hàng là trọng tâm với khát vọng trở thành Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất.
27	11/2017	Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Nhì vì “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2011 đến năm 2017”.
28	4/2018	Công bố các giá trị cốt lõi làm tôn chỉ cho hoạt động kinh doanh bao gồm: Kết nối cộng đồng, Trách nhiệm đồng lòng, Minh bạch thông tin, Mở rộng



STT	Thời gian	Sự kiện
		bền vững, Khát vọng thành công.
29	6/2018	Tổ chức chuỗi giải chạy cộng đồng “SeABank Run for The Future gây quỹ học bổng Ươm mầm Ước mơ (UMUM) tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.
30	6/2018	Chính thức tiếp nhận Công ty tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF) từ Tập đoàn Bưu chính viễn thông (VNPT).
31	6/2018	Ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược toàn diện với Tập đoàn VNPT.
32	12/2018	Tăng vốn điều lệ lên 7.688 tỷ đồng, trong đó phát hành hơn 23 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV.
33	7/2019	SeABank ký Thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực fintech, phát triển thành phố thông minh với Tập đoàn BRG, Tập đoàn VNPT và Tập đoàn Sumitomo.
34	9/2019	Tăng vốn điều lệ lên 9.369 tỷ đồng.
35	10/2019	Moody's - một trong ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất thế giới đã công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn mức B1 cho SeABank.
36	10/2019	NHNN công nhận SeABank đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế Basel II theo Quyết định 2263/QĐ-NHNN trước thời hạn.
37	12/2019	Hoàn thành việc mua lại trước thời hạn toàn bộ trái phiếu đặc biệt tại VAMC.
38	1/2020	Thiết lập quan hệ hợp tác dài hạn trong 20 năm triển khai mô hình bancassurance phân phối độc quyền các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của Prudential Việt Nam.
39	4/2020	Ra mắt ứng dụng ngân hàng số SeAMobile - Trợ lý tài chính cá nhân có tính năng chăm sóc sức khỏe tài chính đầu tiên tại Việt Nam.
40	7/2020	Hoàn thành tuân thủ trụ cột Basel II trước thời hạn, SeABank là ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II.
41	11/2020	Được Chính phủ và Bộ Công Thương vinh danh Thương hiệu Quốc gia

STT	Thời gian	Sự kiện
		2020.
42	12/2020	Tăng vốn điều lệ lên 12.087 tỷ đồng.
43	03/2021	Niêm yết 1,2 tỷ cổ phiếu SSB trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).
44	05/2021	Moody's nâng đánh giá triển vọng của SeABank từ Ổn định lên Tích cực, giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm mức B1.
45	07/2021	SeABank, Tập đoàn BRG và Vietnam Airlines ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược.
46	09/2021	Tăng vốn điều lệ lên 13.425 tỷ đồng.
47	10/2021	SeABank được HR Asia vinh danh Nơi làm việc tốt nhất châu Á.
48	11/2021	SeABank, Tập đoàn BRG và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ký kết Thỏa thuận hợp tác.
49	12/2021	Tăng vốn điều lệ lên 14.785 tỷ đồng.
50	12/2021	SeABank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được The Banker vinh danh “Ngân hàng của năm 2021”.
51	01/2022	Chuyển Hội sở chính sang tòa BRG Tower - 198 Trần Quang Khải, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
52	01/2022	Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và 5 quỹ đầu tư quốc tế mở rộng gói tín dụng cấp cho SeABank từ 150 triệu USD lên 220 triệu USD
53	05/2022	Triển khai các chuẩn mực Basel III trong hoạt động kinh doanh và QTRR
54	06/2022	Bổ nhiệm ông Faussier Loic Michel Marc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc (TGD) cao cấp.
55	07/2022	Bà Lê Thu Thủy thôi đảm nhiệm chức vụ TGD và tiếp tục tham gia quản trị ngân hàng với vai trò Phó Chủ tịch HĐQT.
56	07/2022	Bổ nhiệm ông Faussier Loic Michel Marc làm Phó TGD Phụ trách điều hành hoạt động của SeABank.

STT	Thời gian	Sự kiện
57	09/2022	Moody's đã tăng bậc xếp hạng của SeABank lên mức Ba3 cho nhiều danh mục.
58	10/2022	SeABank đồng loạt khai trương, chuyển trụ sở mới và đi vào hoạt động 8 điểm giao dịch mới, nâng tổng số điểm giao dịch của ngân hàng lên 181 điểm tại 31 tỉnh thành trên toàn quốc.
59	10/2022	IFC đầu tư thêm 75 triệu USD dưới dạng khoản vay có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của SeABank trong vòng 5 năm.
60	11/2022	SeABank là tổ chức tài chính duy nhất ở Việt Nam được Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Mỹ (DFC) cấp khoản vay lên tới 200 triệu USD trong 7 năm.
61	12/2022	SeABank tăng vốn điều lệ lên gần 20.403 tỷ đồng.

### 1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề Kinh doanh:

*Ngành nghề*

Dịch vụ trung gian tiền tệ, bao gồm:

Dịch vụ huy động vốn;

Dịch vụ cho vay;

Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng;

Dịch vụ bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế;

Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng;

Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ;

Dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;

Dịch vụ ngân hàng đại lý;

Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

+ Địa bàn kinh doanh:

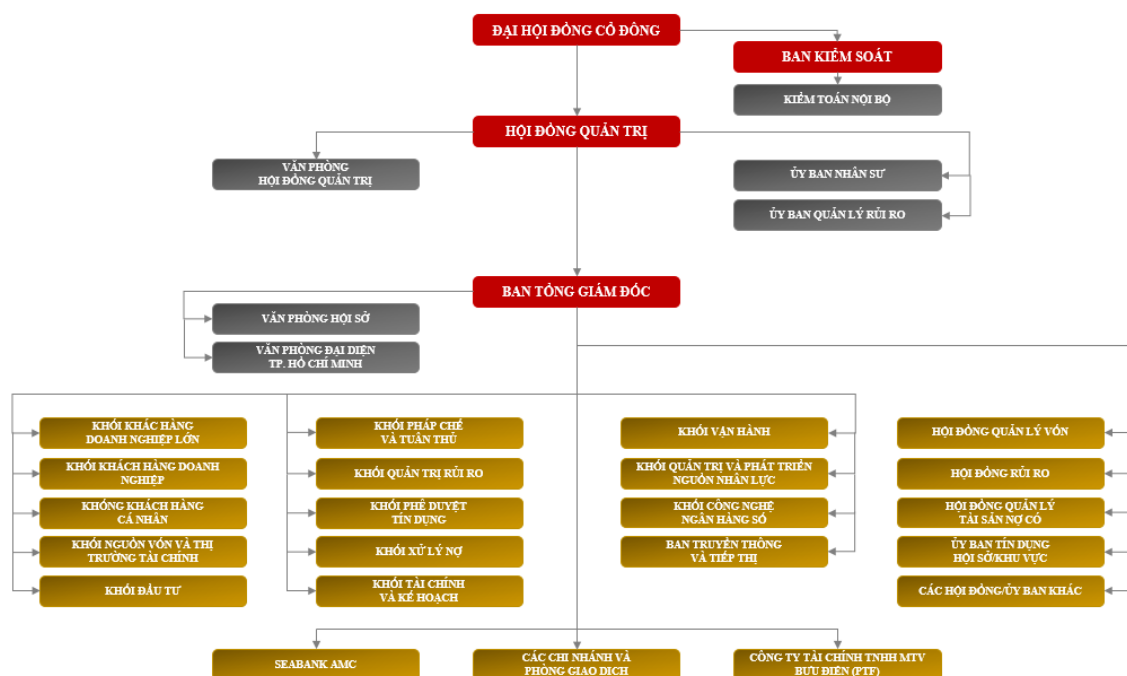


# 181

ĐIỂM GIAO DỊCH

## 1.4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT, Ban Kiểm soát và TGD/Giám đốc.



## 1.5. Chuỗi giá trị và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

SeABank đã đưa ra giải pháp tài chính toàn diện cho các doanh nghiệp lớn thông qua chuỗi giá trị của mình. Giải pháp này không chỉ cung cấp giải pháp tài chính mà còn giúp Ngân hàng củng cố danh mục khách hàng hiện có và mở rộng mạng lưới khách hàng. Chuỗi giá trị của SeABank bao gồm ba phần chính: nguồn lực đầu vào, sản phẩm và giá trị đầu ra, được thực hiện với các bên liên quan như Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn (KHDNL), Khối KHDN và Khối KHCN. Cụ thể:

- Năm 2022 SeABank kiện toàn quy trình khai thác và quản lý khách hàng chuỗi. Trong đó, Khối KHDNL đóng vai trò là khối đầu chuỗi, gồm: kết nối, dẫn dắt Khối KHDN, Khối KHCN hợp tác chuỗi giá trị, hệ sinh thái của KHDNL (Anchor); bán chéo chuỗi, hệ sinh thái của Anchor cho Khối KHDN, Khối KHCN và là đầu mối ghi nhận phản hồi của Anchor để phối hợp với Khối KHDN, Khối KHCN tăng chất lượng dịch vụ. Khối KHDN và khối KHCN đóng vai trò là khối triển khai, gồm: trực tiếp triển khai bán các sản phẩm, phục vụ các khách hàng trong chuỗi, hệ sinh thái theo phân khúc quản lý và phát triển các sản phẩm phù hợp.

- Cách tiếp cận mỗi chuỗi giá trị của doanh nghiệp lớn là không giống nhau, do đó ngoài các sản phẩm chuỗi theo ngành, lĩnh vực như: bất động sản (sản phẩm “Bao thanh toán dành cho nhà thầu, nhà cung cấp của chủ đầu tư chiến lược”), ô tô (sản phẩm “Tài trợ đại lý phân phối xe ô tô”), SeABank còn tiếp cận từng Anchor cụ thể để xây dựng sản phẩm phù hợp cho từng chuỗi cụ thể, như: sản phẩm “Tài trợ đại lý phân phối của Honda Việt Nam” áp dụng cho chuỗi ô tô Honda, sản phẩm “Tài trợ đại lý phân phối của Thaco” áp dụng cho chuỗi ô tô Thaco.

- Các liên kết dịch vụ, sản phẩm tài chính ngân hàng của SeABank cho hệ sinh thái phong phú, đa dạng và linh hoạt, ví dụ:

+ Đối với Anchor là chủ đầu tư dự án - các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng đang được liên kết triển khai là: cấp vốn cho chủ đầu tư, tài trợ nhà cung ứng (nhà thầu, nhà cung cấp vật liệu xây dựng), tài trợ Enduser (cá nhân, doanh nghiệp mua, sử dụng sản phẩm dịch vụ của dự án: cho vay mua nhà, phát hành thẻ và chương trình ưu đãi cho chủ thẻ để sử dụng các dịch vụ sân golf, khách sạn...), cung ứng các sản phẩm dịch vụ cho CBNV của đối tác (chi lương, thẻ, cho vay CBNV).

+ Đối với hãng ô tô (Thaco) - các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng đang được liên kết triển khai là: cấp hạn mức tín dụng cho nhóm công ty liên quan, tài trợ đại lý phân phối ô tô Thaco, tài trợ Enduser (cá nhân, doanh nghiệp vay mua xe Thaco).

- SeABank đang triển khai chuỗi giá trị với nhiều đối tác lớn, không giới hạn thị trường, mà lựa chọn đối tác phù hợp và đáp ứng khẩu vị rủi ro để hợp tác triển khai như: hàng không (Vietnam Airlines), đơn vị cung cấp dịch vụ (VNPT, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam - Vietnam Post), chủ đầu tư dự án, hãng ô tô, các công ty phân phối trong hệ sinh thái Tập đoàn (Central Group: BigC, Nguyễn Kim; BRG Group...: BRG mart, Hapro mart)...

#### ❖ **Yếu tố tạo động lực tăng trưởng, thuận lợi cho SeABank thực hiện chiến lược 2022 - 2026:**

Ngoài ra, SeABank đang triển khai chiến lược 2022 - 2026 với các yếu tố tạo động lực tăng trưởng và thuận lợi như tài chính, công nghệ số, quản trị, môi trường, xã hội... Các yếu tố này đã đóng góp đáng kể vào chuỗi giá trị và việc triển khai chiến lược của SeABank, giúp tăng tính hiệu quả vận hành và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

**Tài chính:** SeABank có nguồn vốn dồi dào và có khả năng huy động vốn từ các nguồn khác nhau để đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng và sinh lợi cao. Điều này giúp ngân hàng có khả năng tăng cường hoạt động tín dụng và mở rộng phạm vi hoạt động của mình, từ đó đưa đến tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

**Công nghệ số:** SeABank đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ số để cải thiện và tối ưu hoạt động của mình. Việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, blockchain, big data và điện toán đám mây giúp tăng cường hiệu quả hoạt động của ngân hàng, tăng cường sự đổi mới và phục vụ khách hàng tốt hơn. Điều này giúp tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

**Quản trị:** SeABank có chính sách quản trị chuyên nghiệp và tiên tiến, từ đó giúp đảm bảo hoạt động của Ngân hàng được tổ chức hiệu quả. Hệ thống QTRR được cập nhật liên tục và các quy trình hoạt động hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế, giúp giảm thiểu rủi ro và tăng cường sự tin tưởng của khách hàng. Điều này giúp Ngân hàng duy trì hoạt động hiệu quả, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

**Môi trường:** SeABank có những chính sách và hoạt động bảo vệ môi trường, hướng tới sử dụng nguồn năng lượng tái tạo và giảm thiểu tác động đến môi trường. Điều này giúp Ngân hàng tạo được hình ảnh tốt với khách hàng và xã hội, từ đó giúp tăng cường niềm tin của khách hàng và hỗ trợ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

**Xã hội:** SeABank có những chính sách và hoạt động xã hội hóa, hướng tới cộng đồng và xã hội. Các hoạt động như tài trợ các chương trình xã hội, giáo dục...

Nhằm tạo động lực và thuận lợi cho chiến lược này, SeABank đã triển khai một số hoạt động như kiện toàn quy trình khai thác và quản lý khách hàng chuỗi. Đồng thời, SeABank cũng tiếp cận từng Anchor cụ thể để xây dựng các sản phẩm phù hợp cho từng chuỗi cụ thể cũng như liên kết dịch vụ và sản phẩm tài chính của SeABank cho hệ sinh thái phong phú và đa dạng, đáp ứng nhu cầu khác nhau của các bên liên quan. Ngân hàng cũng đang triển khai chuỗi giá trị với nhiều đối tác lớn khác nhau, tùy thuộc vào khẩu vị rủi ro và mục tiêu hợp tác triển khai. Các đối tác này không bị giới hạn bởi thị trường.

## 1.6. Công ty con

---

Tại ngày 31/12/2022, SeABank có 2 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF).

❖ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank (SeABank AMC):

Tên doanh nghiệp	: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank
Giấy CNĐKKD số	: 0103099985 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/12/2008
Trụ sở chính	: Số 254C phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn Điều lệ đăng ký	: 500.000.000.000 VND
Vốn Điều lệ thực góp	: 500.000.000.000 VND
Chủ sở hữu	: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tỷ lệ sở hữu	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Quản lý nợ và khai thác tài sản

Vào ngày 03/12/2008, SeABank AMC đã được thành lập dưới sự chấp thuận của NHNN. Theo đó, SeABank AMC ra đời nhằm phục vụ nhu cầu quản lý nợ và khai thác tài sản của SeABank thông qua việc tiếp nhận, quản lý và thu hồi các khoản nợ phải thu, nợ khó đòi từ phía ngân hàng, đảm bảo kinh doanh an toàn và bền vững của ngân hàng. Bên cạnh đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ xấu của chính SeABank, SeABank AMC sẽ sử dụng các kỹ năng chuyên sâu của mình để phục vụ nhu cầu xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp khác, giúp nguồn vốn trong nền kinh tế lưu chuyển minh bạch và thông thoáng hơn.

❖ Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF):

(SeABank mua lại theo Quyết định số 1112/QĐ-NHNN ngày 22/5/2018 của NHNN)

Tên doanh nghiệp	:	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Giấy CNĐKKD số	:	0100796508 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010
Trụ sở chính	:	Tầng 1 & 2, Số 3 Đặng Thái Thân, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
VĐL đăng ký	:	1.050.000.000.000 VND
VĐL thực góp	:	1.050.000.000.000 VND
Chủ sở hữu	:	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tỷ lệ sở hữu	:	100%
NNKD chính	:	Tài chính tiêu dùng

Thành lập vào tháng 10/1998, PTF là một trong những tổ chức tín dụng phi ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam, với 100% thuộc sở hữu của VNPT.

Năm 2018, được sự chấp thuận của Thống đốc NHNN, VNPT đã chuyển giao toàn bộ vốn góp tại PTF cho SeABank.

Sau khi chuyển giao và tiến hành tái cơ cấu, trong năm 2020, PTF đã tập trung xây dựng và cung cấp nhiều loại hình cho vay với thủ tục nhanh gọn; đa dạng hóa sản phẩm với lãi suất cho vay hấp dẫn để đáp ứng nhu cầu thiết yếu, đa dạng từ khách hàng. Bên cạnh đó, PTF còn tập trung phát triển mạng lưới, mở rộng đối tác kinh doanh, đặc biệt ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản phẩm dịch vụ, số hóa quy trình nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Để đảm bảo cơ chế vận hành an toàn và lành mạnh, PTF cũng đã tiến hành kiện toàn chất lượng đội ngũ nhân sự, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị.

PTF đang nỗ lực từng ngày để trở thành công ty tài chính tiêu dùng dẫn đầu, hỗ trợ cải thiện chất lượng cuộc sống và ổn định an sinh cho người dân, đồng thời nâng cao trải nghiệm của khách hàng thuộc hệ sinh thái BRG - SeABank.

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con được trình bày trong chương II về kết quả hoạt động năm 2022 của toàn ngân hàng và trong chương VIII Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **1.7. Các đối tác chiến lược**

### **TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (VNPT)**

VNPT hiện nay là Tập đoàn bưu chính viễn thông hàng đầu tại Việt Nam hoạt động kinh doanh chủ yếu trong các lĩnh vực viễn thông đầu tư hạ tầng, các thiết bị viễn thông,... Với hạ tầng mạng lưới viễn thông - công nghệ thông tin (CNTT) hiện đại, tiên tiến, phủ sóng toàn bộ 63 tỉnh thành trên cả nước và kết nối trực tiếp với hơn 240 quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới, VNPT là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT được 30 triệu thuê bao di động, gần 10 triệu thuê bao điện thoại cố định và hàng chục triệu người sử dụng internet tại Việt Nam tin dùng.



## **BRG GROUP**

BRG Group là Tập đoàn kinh doanh đa ngành hoạt động trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, bất động sản, sân golf, khách sạn, du lịch giải trí, công thương và dịch vụ với các công ty thành viên và các đơn vị liên kết có uy tín tại Việt Nam và quốc tế, qua đó mang tới những dịch vụ tiện nghi giúp nâng tầm các tiêu chuẩn sống cho cộng đồng một cách nhất quán và minh bạch. Trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn, hiện Tập đoàn BRG có 24 khách sạn đang hoạt động cũng như đang trong quá trình đầu tư xây dựng trong đó có 10 khách sạn mang thương hiệu quốc tế, hợp tác với các thương hiệu hàng đầu thế giới như Hilton, Four Seasons, Marriott, InterContinental Hotel Group,... Đồng thời, BRG Group cũng là nhà phát triển sân golf lớn nhất Việt Nam hiện sở hữu 4 câu lạc bộ golf với 118 hố golf đẳng cấp quốc tế gồm BRG Kings Island Golf Resort, BRG Legend Hill Golf Resort (Hà Nội), BRG Ruby Tree Golf Resort (Hải Phòng) và BRG Danang Golf Resort (Đà Nẵng). BRG Group có tổng nhân sự gần 22.000 người trên toàn quốc.

## **PRUDENTIAL VIỆT NAM**

Prudential Việt Nam là một thành viên thuộc Tập đoàn Prudential - tập đoàn tài chính hàng đầu toàn cầu có trụ sở chính tại Vương quốc Anh. Prudential đã hoạt động tại Việt Nam trong hơn 20 năm và tập trung vào việc mở rộng thị trường bảo hiểm nhân thọ, thay đổi nhận thức của con người về bảo hiểm. Tại Việt Nam, Prudential là công ty bảo hiểm nhân thọ hàng đầu, mang đến các giải pháp bảo vệ tài chính và đầu tư gia tăng tài sản hiệu quả cho hơn 1,6 triệu khách hàng với đội ngũ hơn 200.000 tư vấn viên chuyên nghiệp, 350 văn phòng Tổng Đại lý, văn phòng giao dịch và trung tâm phục vụ khách hàng tại 63 tỉnh thành trên cả nước, cùng mạng lưới 8 ngân hàng đối tác uy tín và hệ thống bảo lãnh viện phí tại hơn 366 bệnh viện và phòng khám.

## **TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)**

Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), thành viên của nhóm Ngân hàng Thế giới, là một trong những tổ chức tài chính đang nỗ lực hoạt động vì sự phát triển bền vững ở các nền kinh tế đang phát triển. Tại Việt Nam, IFC từ lâu đã trở thành một trong những tổ chức phát triển quốc tế hoạt động tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững thông qua các dự án tài trợ, huy động nguồn vốn từ các tổ chức tài trợ quốc tế và cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp và Chính phủ.

## **TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ MỸ (DFC)**

Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Mỹ (DFC) - cơ quan độc lập của Chính phủ Mỹ chuyên cung cấp tài chính cho các dự án phát triển tư nhân có tiềm lực tài chính tại các nước đang phát triển. DFC ưu tiên sự lành mạnh về kinh tế và tài chính cũng như mục tiêu phát triển của các dự án của đối tác. Các dự án gần đây được tổ chức này phê duyệt nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của các nước đang phát triển, đặc biệt tập trung vào an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, bình đẳng giới và tăng khả năng tiếp cận tài chính.

## **TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM (VIETNAM POST)**

Vietnam Post là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thiết lập, quản lý, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng, cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích, kinh doanh các

dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, chuyên phát trong và ngoài nước,... Với mạng lưới các điểm phục vụ rộng khắp và kinh nghiệm cung cấp các dịch vụ, Vietnam Post đã khẳng định được ưu thế vượt trội của mình về năng lực phục vụ, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của khách hàng trên mọi miền của đất nước.

## **SOCIÉTÉ GÉNÉRALE**

Thành lập năm 1864, Tập đoàn Société Générale hiện là một trong những nhà cung cấp dịch vụ tư vấn và giải pháp tài chính chuyên biệt hàng đầu châu Âu với 3 mảng kinh doanh chính: ngân hàng bán lẻ tại Pháp; nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng bán lẻ, tài chính và bảo hiểm cho doanh nghiệp toàn thế giới; ngân hàng toàn cầu và cung cấp giải pháp cho nhà đầu tư. Với hơn 150 năm trong ngành tài chính, Tập đoàn đã xây dựng được mạng lưới rộng khắp tại 61 quốc gia và mang lại giá trị cho hàng triệu KHCN, doanh nghiệp và nhà đầu tư.

## **TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là tổ chức công đoàn cấp cao nhất ở Việt Nam. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện cho giới lao động Việt Nam tham gia với các cơ quan và tổ chức hữu quan khi giải quyết các vấn đề về lao động và xã hội trong phạm vi quốc gia; Đại diện cho giới lao động Việt Nam trong quan hệ với Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và các công đoàn quốc tế.

## **VIETNAM AIRLINES (VNA)**

Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) là thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không toàn cầu - SkyTeam. Trong hơn 20 năm hoạt động, với tốc độ tăng trưởng trung bình năm luôn đạt mức hai con số, VNA đã không ngừng lớn mạnh và trở thành một hãng hàng không có uy tín trong khu vực nhờ thế mạnh về đội bay hiện đại, đường bay rộng khắp và lịch nổi chuyên thuận lợi.

## **TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Là một trong số các doanh nghiệp viễn thông - CNTT - nội dung số lớn nhất, MobiFone là nhà cung cấp mạng thông tin di động đầu tiên, với hơn 30% thị phần. MobiFone hướng đến phát triển thành nhà cung cấp hạ tầng và dịch vụ số hàng đầu tại Việt Nam và quốc tế. MobiFone mang tới các nền tảng, công nghệ, giải pháp ưu việt giúp các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức nhanh chóng chuyển đổi, hòa nhập vào nền kinh tế số; góp phần sớm đưa Việt Nam trở thành quốc gia số.

## **TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM (PV GAS)**

Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), giữ vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí Việt Nam với vị trí là nhà cung cấp khí khô duy nhất tại Việt Nam, nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 1 tại Việt Nam.

## **SUMITOMO CORPORATION VIỆT NAM**

Sumitomo Corporation là một trong những tập đoàn hàng đầu Nhật Bản được biết đến rộng rãi trên thị trường gần 100 năm qua. Là một doanh nghiệp đa ngành, Sumitomo chuyên về kinh doanh các loại sản phẩm đa dạng dùng cho nhiều lĩnh vực như thực phẩm, kim loại, tài nguyên, CNTT, năng

lượng, điện tử và hóa chất... Sumitomo Corporation Việt Nam là một phần trong mạng lưới toàn cầu do Sumitomo Corporation lập ra với ba văn phòng đặt tại Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, hoạt động tập trung trong lĩnh vực bất động sản, xây dựng và quản lý các khu công nghiệp phục vụ các doanh nghiệp Nhật và Hàn Quốc tại Việt Nam và các sản phẩm công nghiệp nặng.

### **PVI HOLDINGS**

Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) là doanh nghiệp dẫn đầu trong các lĩnh vực trọng yếu của thị trường bảo hiểm như năng lượng, hàng hải, tài sản - kỹ thuật... PVI là một trong những doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và niêm yết trên sàn chứng khoán năm 2007 với mã chứng khoán PVI và sau đó tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

### **HONDA VIỆT NAM**

Được thành lập vào năm 1996, Honda Việt Nam đã không ngừng phát triển và trở thành một trong những công ty dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất xe gắn máy và nhà sản xuất ô tô uy tín tại thị trường Việt Nam. Honda Việt Nam đã xây dựng và phát triển thương hiệu mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam và tạo được vị thế vững chắc bằng các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ hậu mãi hoàn hảo.

### **CENTRAL GROUP VIỆT NAM**

Central Group Vietnam (CGV) là thành viên của Central Group (Thái Lan), được thành lập tại Việt Nam vào tháng 7/2011, hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau gồm: điện tử, thể thao, thời trang, trung tâm thương mại, khách sạn, thương mại điện tử cho đến siêu thị, đại siêu thị và hiện đang có hơn 17.000 nhân viên trên khắp cả nước. Big C là một thương hiệu của Central Group Việt Nam với hơn 9.000 cán bộ và nhân viên làm việc tại 36 trung tâm thương mại trên khắp các tỉnh thành trong cả nước.

### **TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM (EVN)**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là tập đoàn quốc doanh chuyên kinh doanh sản xuất, truyền tải, phân phối và mua bán điện năng. EVN đã phủ sóng tới hầu hết các tỉnh thành trên toàn quốc với tổng công suất hệ là 34.000 MW. Thực hiện nhiệm vụ cung cấp điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, EVN hiện có 3 tổng công ty phát điện thuộc lĩnh vực sản xuất điện năng, 5 tổng công ty điện lực kinh doanh điện năng đến khách hàng.

### **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI (HAPRO)**

Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Hapro) là doanh nghiệp hoạt động đa ngành, lấy xuất khẩu làm trọng tâm, qua gần 20 năm hình thành và phát triển, đặc biệt là sau khi hoàn tất quá trình cổ phần hóa và trở thành thành viên của Tập đoàn BRG, thương hiệu Hapro đã và đang khẳng định là thương hiệu xuất khẩu mạnh có thị trường tại gần 80 quốc gia và vùng lãnh thổ với kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt hàng trăm triệu USD, tập trung vào các mặt hàng nông sản, thực phẩm chế biến và thủ công mỹ nghệ...

### **TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA (EVNNPT)**

Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) - đơn vị thành viên của EVN, là doanh nghiệp nhà nước duy nhất có nhiệm vụ phát triển và vận hành hệ thống truyền tải điện trên toàn quốc liên tục, an toàn, ổn định cho các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và thị trường điện Việt Nam. EVNNPT là một trong các doanh nghiệp truyền tải điện chuyên nghiệp hàng đầu trong khu vực ASEAN và đang chuẩn bị những bước tiến mạnh mẽ trong công nghệ và quản lý để trở thành doanh nghiệp truyền tải điện tiên tiến trong khu vực châu Á và trên thế giới.

### **MICHINOKU BANK (NHẬT BẢN)**

Được thành lập từ năm 1921, Michinoku Bank là ngân hàng có bề dày kinh nghiệm của Nhật Bản. Ngân hàng có mạng lưới chi nhánh, công ty con phủ khắp Nhật Bản và mở rộng ra ngoài khu vực tại các tỉnh thành phố thuộc Trung Quốc, Hong Kong, Nga. Michinoku Bank cung cấp các dịch vụ đa dạng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như: kinh doanh tiền gửi, cho vay, kinh doanh trao đổi, đầu tư chứng khoán, thẻ tín dụng, bảo lãnh tín dụng và các hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính khác.

### **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG HẢI (TRUONG HAI GROUP)**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải (TRUONG HAI GROUP) tiền thân là Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (THACO) được thành lập vào ngày 29/04/1997, tại Đồng Nai. Trải qua 25 năm hình thành và phát triển, từ một công ty chuyên nhập khẩu xe cũ, cung cấp vật tư phụ tùng sửa chữa ô tô, THACO đã phát triển vượt bậc, đưa doanh nghiệp trở thành tập đoàn công nghiệp đa ngành gồm: THACO AUTO (Ô tô), THACO AGRI (Nông lâm nghiệp); THACO INDUSTRIES (Cơ khí và Công nghiệp hỗ trợ), THADICO (Đầu tư xây dựng), THILOGI (Logistics) và THISO (Thương mại dịch vụ), trong đó các ngành bổ trợ cho nhau và có tính tích hợp cao.

### **CÔNG TY TNHH POSCO VIỆT NAM**

Công ty TNHH Posco Việt Nam là thành viên của Tập đoàn POSCO (Hàn Quốc), có nhà máy cán nguội được xây dựng quy mô lớn nhất tại Đông Nam Á. Hiện tại, Posco Việt Nam cung cấp một cách ổn định nguyên liệu có chất lượng không chỉ cho thị trường Việt Nam, mà còn xuất khẩu ra các nước khác trong khu vực châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Malaysia,... và nắm giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử kinh doanh thép của gia đình Posco tại khu vực Đông Nam Á.

### **COCA-COLA VIỆT NAM**

Hoạt động tại Việt Nam từ năm 1994, Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam đóng vai trò điều hành hoạt động, bao gồm sản xuất và phân phối các dòng sản phẩm mang thương hiệu toàn cầu này trên thị trường Việt Nam. Coca-Cola đã có những đóng góp tích cực vào nền kinh tế và hỗ trợ phát triển xã hội bền vững thông qua các hoạt động đầu tư kinh doanh, chuỗi cung ứng, mạng lưới phân phối, nguồn nhân lực và các hoạt động cộng đồng.

### **CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ ASEAN (AJC)**

Công ty CP Vàng bạc đá quý Asean (AJC) hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, chế tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu vàng, bạc, đá quý, hàng trang sức, mỹ nghệ và các loại hàng hoá khác... theo mô hình Công ty mẹ có nhiều Công ty con nằm tại nhiều tỉnh thành trong cả nước gồm 5 chi nhánh, 22 trung tâm, cửa hàng kinh doanh, phòng giao dịch và 5 đại lý mua bán vàng miếng AAA, với đội

ngũ gần 400 cán bộ công nhân viên. AJC cũng là một trong những doanh nghiệp có hệ thống dây chuyền sản xuất vàng miếng hiện đại theo công nghệ của Italia, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng vàng 99,99% với nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ vàng nguyên liệu của Thụy Sĩ, công nghệ sản xuất vàng miếng AAA đã được cấp chứng chỉ ISO 2007.

### **TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP (PVOIL)**

Được thành lập từ năm 2008, Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL) là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu thị trường bán lẻ xăng dầu Việt Nam. Sau 15 năm hoạt động, PVOIL đã phát triển về cả chiều rộng lẫn chiều sâu, quy mô và phạm vi hoạt động trải rộng trên toàn lãnh thổ Việt Nam và phát triển ra nước ngoài tại các thị trường Singapore, Lào thông qua hoạt động M&A.

### **DIEBOLD (HOA KỲ)**

Tập đoàn Diebold là doanh nghiệp hàng đầu thế giới về cung cấp các sản phẩm, giải pháp và dịch vụ trong lĩnh vực tài chính toàn cầu, ngân hàng, máy ATM cũng như tư vấn và triển khai hệ thống phần mềm, các giải pháp an ninh tích hợp dành cho tòa nhà thông minh. Tại Việt Nam, Diebold là nhà cung cấp hệ thống ngân hàng tự phục vụ đầu tiên và duy nhất cho tới nay cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chính hãng.

### **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TOÁN QUỐC GIA VIỆT NAM (NAPAS)**

Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) thành lập vào năm 2004 với mục tiêu chính là xây dựng hệ thống chuyển mạch tài chính quốc gia nhằm kết nối các hệ thống thanh toán thẻ nói chung, hệ thống ATM/POS nói riêng của các ngân hàng Việt Nam. NAPAS hiện đang quản trị và vận hành hệ thống chuyển mạch kết nối liên thông hơn 19.200 máy ATM, hơn 300.000 máy POS phục vụ gần 120 triệu chủ thẻ.

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH (BMSC)**

Với mức vốn điều lệ hiện tại là 500 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (BMSC) được phép thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán. Thông qua tiềm lực tài chính dồi dào, hệ thống công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp được đào tạo trong và ngoài nước, BMSC đã trở thành đối tác tin cậy cho sự thành công của khách hàng đúng như phương châm của BMSC.

### **HILTON HOTELS & RESORTS**

Với 5.000 khách sạn trên toàn thế giới, hoạt động trên khắp 103 quốc gia, Hilton cung cấp trải nghiệm đẳng cấp, hiện đại và đồng nhất cho khách hàng. Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Hilton tự hào đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng trong việc cải thiện cuộc sống của những người trẻ tuổi, thông qua 1.500 dự án dành cho cộng đồng - một phần của chiến dịch Thách thức dịch vụ toàn cầu thường niên. Tại Việt Nam, Hilton đang quản lý vận hành 2 khách sạn cao cấp nằm ở trung tâm Thủ đô Hà Nội, gồm khách sạn 5 sao Hilton Hanoi Opera và khách sạn 4 sao Hilton Garden Inn.

### **JW MARRIOTT HOTEL HANOI**

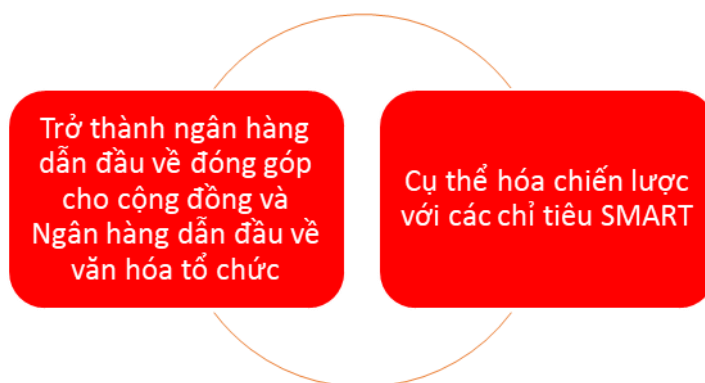
Khách sạn JW Marriott Hanoi - thuộc Tập đoàn Marriott International tự hào là một trong những khách sạn 5 sao có chất lượng dịch vụ cao cấp nhất khu vực Đông Nam Á. Khách sạn là địa điểm lý tưởng phục vụ cho các sự kiện và nghỉ dưỡng bậc nhất tại Việt Nam. Sự xuất hiện của hệ thống khách sạn Marriott International được kỳ vọng thổi một “ làn gió ” toàn cầu hoá vào thị trường bất động sản, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của sản phẩm nhà ở siêu sang mới, tăng sức nóng đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy kinh tế và tạo dựng vị thế khác biệt cho Việt Nam.

## INTERCONTINENTAL HANOI WESTLAKE

Tọa lạc tại một vị trí lý tưởng chỉ cách khu phố cổ Hà Nội vài phút, khách sạn InterContinental Hanoi Westlake cung cấp một thiên đường trải nghiệm tại trung tâm thành phố nhộn nhịp. Với sự kết hợp tiện nghi giữa lòng Hồ Tây thanh bình, chỗ ở rộng rãi, sang trọng và lòng hiếu khách chu đáo của người Việt Nam, khách sạn là nơi lưu trú hoàn hảo dù đi công tác hay nghỉ dưỡng.

### 1.8. Định hướng phát triển tới 2026

SeABank đã đặt ra chiến lược phát triển cốt lõi của mình là xây dựng và phát triển trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất trong thời gian tới. Để đạt được mục tiêu này, SeABank đã đề ra một số chỉ tiêu và tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của mình tới năm 2026, cụ thể như sau:



**Cụ thể hóa chiến lược với các chỉ tiêu SMART:** Đến năm 2026, SeABank hy vọng sẽ đạt được 10 triệu khách hàng, tỷ trọng NoII chiếm hơn 38% tổng thu nhập, tỷ lệ giao dịch trực tuyến 70%, tỷ lệ CIR 36% và tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.

**Trở thành ngân hàng dẫn đầu về đóng góp cho cộng đồng và văn hóa tổ chức:** Ngoài ra, SeABank cũng hướng đến trở thành ngân hàng dẫn đầu trong việc đóng góp cho cộng đồng và phát triển văn hóa tổ chức. Để thực hiện chiến lược của mình, SeABank đã bắt đầu triển khai Quản lý rủi ro môi trường và xã hội (ESMS) từ tháng 1/2022 và cập nhật một số phần chính trong năm. ESMS sẽ giúp SeABank kiểm tra khách hàng vay và sàng lọc các rủi ro đối với trẻ em và lao động cưỡng bức, theo dõi, giám sát và báo cáo phát thải khí nhà kính của SeABank và khách hàng vay của Ngân hàng, áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động của IFC (PS) vào Quy trình ESRM để rà soát rủi ro cho các giao dịch có rủi ro cao bao gồm các sản phẩm tài chính khác nhau như tài trợ hợp vốn và vốn chủ sở hữu.

ESMS được áp dụng cho hầu hết các giao dịch tại SeABank bao gồm KHCN, tài trợ thương mại (TTTM), bảo lãnh, tài chính vi mô, khách hàng SME, KHDNL, tài trợ khí hậu, tài trợ dự án và tài trợ vốn cổ phần. Đây là một bước tiến quan trọng giúp SeABank đảm bảo hoạt động kinh doanh của mình không chỉ mang lại lợi ích cho chính ngân hàng mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Trong năm 2023, dựa trên kết quả rà soát tác động môi trường - xã hội, SeABank sẽ tiếp tục nghiên cứu đánh giá tính khả thi, kế hoạch áp dụng các nguyên tắc của Ngân hàng có trách nhiệm và nghiên cứu lộ trình đăng ký tham gia thành viên UNEP FI.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỚI 2026

### 2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

---

Năm 2022, nền kinh tế toàn cầu chịu tác động từ việc thắt chặt tiền tệ của các ngân hàng trung ương trong bối cảnh CPI tăng cao cũng như một số vấn đề thanh khoản đặc thù tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, SeABank đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận, hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và tài chính do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2022 đề ra. Cụ thể như sau:

- Tổng tài sản đạt 231.423 tỷ đồng, tăng ròng 19.760 tỷ đồng tương ứng tăng trưởng 9,3% so với năm 2021 và hoàn thành gần 100% kế hoạch năm 2022;
- Huy động từ tiền gửi, giấy tờ có giá và các Tổ chức tài chính Quốc tế đạt 145.876 tỷ đồng, tăng 14.068 tỷ đồng, tương đương tăng 11% so với 31/12/2021 và hoàn thành 95% kế hoạch năm 2022;
- Cho vay khách hàng đạt 153.956 tỷ đồng, hoàn thành 103% kế hoạch năm 2022, đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 5.069 tỷ đồng, tăng thuần 1.800 tỷ đồng, tương ứng tăng 55% so với năm 2021 và hoàn thành 104% kế hoạch năm 2022;
- Tỷ lệ nợ xấu của SeABank tính đến 31/12/2022 là 1,60% và luôn được duy trì ở mức quanh 1,6%.

Những kết quả trên đạt được là do những nỗ lực, sáng kiến đổi mới trong các sản phẩm dịch vụ chính của ngân hàng sau, tập trung chính cho phân khúc KHCN như phân tích trong mục 3.5 Báo cáo đánh giá của Ban TGD về tình hình hoạt động và tài chính.

### 2.2. Tổ chức và nhân sự

---

**Báo cáo tổng số nhân viên:** Tổng số lượng nhân sự chính thức thời điểm 31/12/2022: 5.158 người

**Biến động nhân sự:** Tổng số lượng nhân sự chính thức thời điểm 31/12/2022: 5.158 người

Ban TGD SeABank hiện có 10 thành viên, trong đó có 3/10 thành viên nữ, bao gồm các thành viên có kinh nghiệm lâu năm, có chuyên môn cao và năng lực tốt (06 thành viên thuộc độ tuổi từ 50 - dưới 60 tuổi và 04 thành viên thuộc độ tuổi từ 40 - dưới 50 tuổi).

Danh sách Ban TGD tại thời điểm 31/12/2022:

STT	Họ và Tên	Giới tính	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
1	Bà Lê Thu Thủy	Nữ	TGD (*)	Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh – Đại học George Mason, Virginia, Hoa Kỳ	2,355%
2	Ông Faussier Loic Michel Marc	Nam	Phó TGD phụ trách điều hành (**)	- Cử nhân kinh tế - Đại học Panthéon - Assas University Paris II; - Thạc sĩ Luật kinh doanh – Viện Nghiên cứu Chính trị Paris; - Thạc sĩ Tài chính – Đại học Paris Dauphine University	0,0098%
3	Ông Lê Quốc Long	Nam	Phó TGD Thường trực	Cử nhân Tài chính kế toán - Đại học Tài chính kế toán Hà Nội	0,3355%
4	Ông Vũ Đình Khoán	Nam	Phó TGD	Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân	0,2233%
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	Phó TGD	Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân	0,3840%
6	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nam	Phó TGD	Cử nhân Kế toán - Học viện Ngân hàng	0,3042%
7	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Nam	Phó TGD	Kỹ sư CNTT - Đại học Bách Khoa Vienna – Cộng hòa Áo	0,1071%
8	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	Phó TGD	- Thạc sỹ Kinh tế, chuyên ngành Ngân hàng – Đại học Kinh tế Quốc dân. - Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Ngân hàng	0,0352%
9	Ông Hoàng Mạnh Phú	Nam	Phó TGD	Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng	0,2155%



STT	Họ và Tên	Giới tính	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
10	Bà Đặng Thu Trang	Nữ	Phó TGD	Cử nhân Luật Kinh tế - Đại học Luật Hà Nội	0,0196%
11	Ông Vo Long Nhi (Andrew Vo)	Nam	Phó TGD	Cử nhân ngành Tài chính – Đại học Simon Fraser University, British Columbia, Canada	0,0196%

(\*) Bà Lê Thu Thủy thôi đảm nhiệm chức vụ TGD SeABank kể từ ngày 11/7/2022 và tiếp tục tham gia công tác quản trị Ngân hàng với vai trò là Phó Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng.

(\*\*) Ông Faussier Loic Michel Marc thôi làm thành viên độc lập HĐQT từ ngày 26/05/2022 và được HĐQT SeABank giao đảm nhiệm vị trí Phó TGD phụ trách điều hành kể từ ngày 11/07/2022. Vào ngày 03/01/2023, Ông Faussier Loic Michel Marc được HĐQT bỏ nhiệm làm TGD SeABank theo QĐ số: 06/2023/QĐ-HĐQT.

Kế toán trưởng

STT	Họ và Tên	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
1	Bà Nguyễn Thị Hoài Phương	Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính	0,0053%

#### ❖ Thay đổi về chính sách người lao động

Với mong muốn nâng cao định vị giá trị CBNV EVP và tiếp tục phát triển nguồn lực chất lượng cao thông qua thu hút và giữ chân nhân tài, các chính sách đãi ngộ của SeABank được cấu trúc theo tư vấn của Mercer - Singapore và Công ty CP kết nối nhân tài Talentnet dựa trên các thông lệ tốt nhất và liên tục được cập nhật, điều chỉnh dựa trên tham chiếu dữ liệu thị trường hàng năm nhằm xây dựng hệ thống chính sách ghi nhận, đãi ngộ cạnh tranh, xứng đáng với đóng góp và cống hiến của mỗi cá nhân và tiếp tục phát huy, thúc đẩy văn hóa chú trọng hiệu quả trên toàn hệ thống. Trong năm 2022, SeABank đã triển khai các chính sách:

- Chính sách điều chỉnh lương hàng năm theo 3P được đánh giá, cập nhật tham chiếu dữ liệu thị trường mang lại cho CBNV đãi ngộ tương xứng với cống hiến và hiệu quả làm việc;
- Hệ thống các chính sách thúc đẩy hiệu quả: dựa trên kết quả, hiệu quả làm việc và những thành tích, đóng góp vượt trội của cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng:
  - ❖ Các chương trình thi đua, thúc đẩy kinh doanh và chính sách lương kinh doanh bổ sung đối với nhóm kinh doanh trực tiếp (Front) điều chỉnh, cập nhật hàng năm theo chiến lược phát triển của Ngân hàng và mục tiêu kinh doanh của từng phân khúc;
  - ❖ Chính sách hiệu quả công việc dựa trên hiệu quả làm việc của đơn vị, cá nhân ;

- ❖ Các chính sách thành tích cho các cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chương trình, dự án; thưởng ý tưởng và giải pháp sáng tạo...;
- Các chính sách phúc lợi được mở rộng và nâng cao hàng năm nhằm mang lại cho CBNV giá trị đãi ngộ tốt nhất đồng thời tạo sự khác biệt về chính sách theo thâm niên, kết quả làm việc nhằm thúc đẩy sự gắn kết:
  - ❖ Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVICare: tăng hạn mức bồi thường, tăng độ tuổi tham gia bảo hiểm cho người thân;
  - ❖ Chương trình khám sức khỏe định kỳ: danh mục khám chuyên sâu, mở rộng, tại các bệnh viện uy tín và có dịch vụ chất lượng cao;
  - ❖ Chính sách phát hành cổ phiếu lựa chọn SeAESop: mở rộng đối tượng, quyền mua theo thâm niên, hiệu quả làm việc mang đến cho CBNV những giá trị đãi ngộ gắn liền với giá trị phát triển bền vững của Ngân hàng.
  - ❖ Các chương trình/hoạt động kết nối và gắn kết đồng nghiệp theo trọng tâm văn hóa tổ chức của Ngân hàng.

Chính sách đãi ngộ tổng thể của SeABank (lương, phúc lợi, cơ hội phát triển,...) được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, bình đẳng, không phân biệt. Việc thực hiện các chính sách đãi ngộ được thực hiện công khai tới các Trưởng Đơn vị, CBNV dựa trên các yếu tố trọng tâm là hiệu quả công việc và cống hiến của CBNV. Thông qua các chính sách đãi ngộ tốt, chính sách lương thưởng rõ ràng và minh bạch, cùng lộ trình thăng tiến cụ thể, các CBNV SeABank luôn giữ động lực làm việc với tinh thần khát vọng vượt trội; thu hút và gắn kết, giữ chân nhân tài, phát triển một môi trường làm việc tích cực, có tính phát triển và thúc đẩy tại SeABank. Song song, SeABank bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng giới và thúc đẩy bình đẳng giới của Người lao động; cam kết trách nhiệm về chăm sóc sức khỏe, gia tăng phúc lợi hỗ trợ cho lao động nữ phát huy hiệu quả năng lực nghề nghiệp, cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình.

### 2.3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

<p><b>Dự án</b> <b>Basel III</b></p>	<p>Basel III là phiên bản mới của tiêu chuẩn hoạt động ngân hàng toàn cầu, được ban hành vào năm 2010, nhằm cải tiến phiên bản Basel II, ngay sau khi xảy ra sự kiện khủng hoảng tài chính những năm 2007 - 2009 và được quốc tế khuyến nghị nên áp dụng từ ngày 1-1-2023.</p> <p>Basel III không chỉ đơn thuần là một tiêu chuẩn trong QTRR, mà còn là sự khẳng định của một ngân hàng về chất lượng tài sản, khả năng chống chịu trước những rủi ro</p> <p>Lợi ích triển khai Basel III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nâng cao năng lực quản trị, lành mạnh hóa tình</li> </ul>	<p>Thời gian bắt đầu triển khai: tháng 11/2021</p> <p>Tổng mức đầu tư: SeABank tự triển khai bằng nguồn lực hiện có.</p>
--	---	--

	<p>hình tài chính, minh bạch trong quản lý rủi ro đối với các đối tác và nhà đầu tư quốc tế, thúc đẩy hoạt động phát triển hơn, an toàn hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tối ưu RWA và vốn trên cơ sở QTRR tốt hơn nhờ các phương pháp luận nâng cao, cho phép tính toán đo lường nhạy cảm với rủi ro và thị trường, ra quyết định cân đối được giữa rủi ro và cơ hội sinh lời của việc nắm giữ vốn.</li> <li>Cải thiện thanh khoản, giúp ngân hàng có thể vượt qua trong tình huống khủng hoảng kinh tế, thông qua áp dụng chỉ số LCR, NSFR...</li> </ul>	
<b>Dự án Swift Go</b>	SeABank đã tự triển khai thành công SWIFT GO, mở thêm kênh giao dịch cho Khách hàng giúp tăng khả năng cạnh tranh cho dịch vụ chuyển tiền quốc tế và đã phát triển các tính năng đảm bảo tuân thủ SLA của SWIFT, SeABank đã nhận được Credit Note với tổng giá trị 57,494.70 USD (tương ứng 1,3 tỷ đồng).	<p>Thời gian triển khai: Tháng 12/2021</p> <p>Nguồn lực: SeABank tự triển khai</p>
<b>Dự án hoàn thiện trung tâm dữ liệu dự phòng, phòng chống thảm họa của SeABank</b>	<p>Triển khai trung tâm dữ liệu dự phòng, phòng chống thảm họa nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục của Ngân hàng;</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đã hoàn thành thuê vị trí lắp đặt, triển khai hạ tầng Trung tâm dữ liệu dự phòng.</li> <li>Đã hoàn thành triển khai hạ tầng, đường truyền mạng cho Trung tâm dữ liệu dự phòng.</li> <li>Đang thực hiện nâng cấp, triển khai mở rộng các hệ thống, ứng dụng tương tự trung tâm dữ liệu chính (Data Center- 25 Trần Hưng Đạo).</li> </ol> <p>Đáp ứng tuân thủ các quy định, chính sách Nhà nước về hoạt động kinh doanh Ngân hàng.</p>	<p>- Thời gian triển khai: từ tháng 12/2019</p> <p>- Tổng đầu tư phần cứng: 133 tỷ đồng</p>
<b>Dự án Xây dựng hệ thống phần mềm SeAOps</b>	<p>Ứng dụng công nghệ AI để hỗ trợ kiểm soát chứng từ thay thế cho cách thức kiểm soát thủ công truyền thống nhằm hạn chế lỗi chứng từ của đơn vị kinh doanh.</p> <p>Tự động hóa luồng chứng từ end-to-end và khép kín luồng theo dõi chứng từ giúp giảm chi phí in ấn, giảm thiểu rủi ro trong quá trình kiểm soát.</p>	<p>Thời gian triển khai: tháng 5/2021</p> <p>Tổng đầu tư: 6,4 tỷ đồng</p> <p>Tháng 12/2022: đưa vào hoạt động chính thức.</p>

	Đẩy nhanh tiến độ giải ngân và giúp quản lý khách hàng sau cấp tín dụng chính xác, nhanh chóng thông qua tự động hóa tính toán và cập nhật dữ liệu khách hàng sau cấp tín dụng.	
<b>Dự án Hóa đơn điện tử kết nối với Tổng Cục Thuế</b>	SeABank hoàn thành phát triển các tính năng mới và kết nối hệ thống Hóa đơn điện tử với Tổng Cục Thuế từ cuối tháng 3/2022. Đồng thời cũng đã hoàn tất việc triển khai nâng cấp hệ thống Hóa đơn điện tử từ thông tư 32/2011/TT-BTC lên thông tư 78/2021/BTC theo quy định của Tổng cục Thuế.	Thời gian triển khai: Tháng 11/2021  Nguồn lực: SeABank tự triển khai

## 2.4. Tình hình tài chính

### 2.4.1. Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ

SeABank - Giá trị tạo ra

Các giải pháp và sự hiện diện của SeABank ở trong nước đã mang lại cho Ngân hàng lợi thế trong việc tiếp cận một mạng lưới khách hàng và đối tác chiến lược rộng lớn để tăng trưởng nhất quán và bền vững					
<b>5.069 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế</b> (hoàn thành 104% kế hoạch)	<b>231.423 tỷ đồng tổng tài sản</b> (tăng 9,3% so với năm 2021)	<b>2.641 tỷ đồng thu nhập ngoài lãi (NOII)</b>	<b>1,83%</b> ROA	<b>18,1%</b> ROE	<b>Gần 1 triệu</b> user ebank mở mới

### 2.4.2. Hoạt động kinh doanh của các Công ty con

#### **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank (AMC):**

Cũng như các năm trước, năm 2022 với chức năng và nhiệm vụ của mình, SeABank AMC tham gia mua đấu giá tài sản thi hành án (tài sản liên quan đến xử lý nợ của SeABank) từ các trung tâm bán đấu giá nhằm hạn chế thất thoát, giảm giá trị tài sản thế chấp đồng thời thực hiện các thủ tục hợp thức hóa quyền sở hữu tài sản đã mua cho Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau đó chủ động triển khai bán ra thị trường để thu hồi tối đa vốn cho SeABank.

Ngoài ra, Công ty còn triển khai vận hành hoạt động, quản lý và cung ứng dịch vụ văn phòng tại các tòa nhà cho thuê của Công ty và của SeABank ủy thác trên khắp cả nước.

Về kết quả kinh doanh năm 2022: lợi nhuận trước thuế đạt 26,533 tỷ đồng, hoàn thành 105% kế hoạch năm 2022.

#### **Công ty Tài chính TNHH MTV Bru điện (PTF):**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng
		(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%)
1	Tổng tài sản	3.084	6.342	106%
2	Tổng thu nhập hoạt động	139	681	390%
3	Dư nợ	2.688	4.729	76%
4	Nhân sự ( bao gồm hợp đồng DV)	2.827	5.248	86%

Dư nợ của PTF tính đến 31/12/2022 đạt 4.729 tỷ đồng, tăng 76% so với 2021, số lượng khách hàng hiện hữu đạt gần 180.000 khách, tăng 408% so với 2021. Cùng với sự chuyển đổi số mạnh mẽ, chiến lược kinh doanh chủ động và linh hoạt, nhanh nhạy trong nắm bắt thị trường, thị hiếu và nhu cầu khách hàng để đưa ra chính sách điều hành vốn và chính sách lãi suất vay phù hợp, lợi nhuận của hoạt động kinh doanh PTF năm 2022 ghi nhận kết quả vượt trội với tổng thu nhập hoạt động của PTF đạt hơn 681 tỷ đồng, tăng 490% và lợi nhuận trước thuế đạt 247 tỷ tăng 876% so với 2021.

## 2.5. Cơ cấu Cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 2.5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.040.298.268 cổ phần.
- Số cổ phần phổ thông: 2.040.298.268 cổ phiếu, trong đó:
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

### 2.5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổ chức	61	1.538.215.943	75,39%
	1. Trong nước	51	1.534.376.186	75,20%
	2. Nước ngoài	10	3.839.757	0,19%
2	Cá nhân	3.958	502.082.325	24,61%
	3. Trong nước	3.946	501.458.145	24,58%

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
	4. Nước ngoài	12	624.180	0,03%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.019</b>	<b>2.040.298.268</b>	<b>100%</b>
	Trong đó:			
	1. Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
	1. Cổ đông khác	4.019	2.040.298.268	100%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.732</b>	<b>2.040.298.268</b>	<b>100%</b>
	2. Cổ đông lớn	1	103.343.307	5,07%
	3. Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	3.731	1.936.954.961	94,93%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.019</b>	<b>2.040.298.268</b>	<b>100%</b>

Theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2022

2.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

**Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2022:**

Trong năm 2022, được sự chấp thuận của NHNN và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, SeABank đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 14.784.883.690.000 đồng lên 20.402.982.680.000 đồng (tăng thêm 5.618.098.990.000 đồng).

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
	Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập - Tháng 3/1994		3.000	3.000	Chào bán cho cổ đông sáng lập
1	Năm 2001	3.000	47.010	50.010	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank

<b>STT</b>	<b>Thời điểm tăng vốn</b>	<b>Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)</b>	<b>Vốn tăng thêm (triệu đồng)</b>	<b>Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)</b>	<b>Hình thức tăng vốn</b>
2	Năm 2002	50.010	19.990	70.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
3	Năm 2003	70.000	15.000	85.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
4	Năm 2004 - đợt 1	85.000	35.000	120.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
5	Năm 2004 - đợt 2	120.000	30.000	150.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
6	Năm 2005 - đợt 1	150.000	50.000	200.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
7	Năm 2005 - đợt 2	200.000	50.000	250.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
8	Năm 2006 - đợt 1	250.000	100.000	350.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
9	Năm 2006 - đợt 2	350.000	150.000	500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
10	Năm 2007 - đợt 1	500.000	500.000	1.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
11	Năm 2007 - đợt 2	1.000.000	500.000	1.500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
12	Năm 2007 - đợt 3	1.500.000	500.000	2.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
13	Năm 2007 - đợt 4	2.000.000	550.000	2.550.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
14	Năm 2007 - đợt 5	2.550.000	450.000	3.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
15	Năm 2008	3.000.000	1.068.545,45	4.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi, phát hành cho cổ đông chiến lược và chia cổ tức bằng cổ phiếu
16	Năm 2009	4.068.545,45	1.000.000	5.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi



STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
17	Năm 2010	5.068.545,45	266.110,55	5.334.656	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
18	Năm 2013	5.334.656	131.169,89	5.465.825,89	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
19	Năm 2018	5.465.825,89	2.222.174,11	7.688.000	<i>Chi tiết:</i>
			<i>Chi tiết:</i>		
			549.534,61		- Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
			230.000,00		- Phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBNV (thưởng cho người lao động và phát hành cho CBNV)
		1.442.639,50		- Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu	
20	Năm 2019	7.688.000	1.681.000	9.369.000	- Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu
21	Năm 2020	9.369.000	2.718.422,08	12.087.442,08	<i>Chi tiết:</i>
			<i>Chi tiết:</i>		
			1.311.660		- Trả cổ tức bằng cổ phiếu
			1.406.782,08		- Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu
22	Năm 2021	12.087.442,08	2.697.441,61	14.784.883,69	<i>Chi tiết:</i>
			<i>Chi tiết:</i>		
			1.102.441,61		- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
			235.000,00		- Phát hành cổ phiếu theo

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
					<i>chương trình lựa chọn cho CBNV</i>
			1.360.000,00		<i>- Chào bán chứng khoán RCC cho cổ đông hiện hữu</i>
23	Năm 2022	14.784.883,69	5.618.098,99	20.402.982,68	<i>Chi tiết:</i>
			<i>Chi tiết:</i>		
			1.813.116,31		<i>- Chào bán chứng khoán RCC cho cổ đông hiện hữu</i>
			3.210.982,68		<i>- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu</i>
			594.000		<i>- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV</i>

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 3.1. Định vị thương hiệu ngân hàng SeABank

SeABank xây dựng tầm nhìn để trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất bởi khách hàng và đối tác, thông qua việc cung cấp đầy đủ, đa dạng các sản phẩm và dịch vụ tài chính với trải nghiệm tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng. Đây cũng chính là định hướng phát triển thương hiệu mà SeABank đang hướng tới và thực hiện xuyên suốt giai đoạn 2021 - 2025.

Trên nền tảng kỹ thuật số tiên tiến cùng sự tận tâm chuyên nghiệp, thương hiệu dịch vụ ngân hàng SeABank được định vị là cố vấn tài chính trọn đời, giúp khách hàng đơn giản hóa việc quản lý và chi tiêu tài chính, gia tăng lợi ích. Các lợi ích lý tính mà SeABank mang lại có thể đánh giá ngay lập tức khi tham gia sử dụng các sản phẩm dịch vụ và giao dịch tại SeABank, từ đó mang tới cho khách hàng các trải nghiệm tốt và tích cực nhất khi sử dụng các sản phẩm dịch vụ tài chính, nâng cao tình cảm của khách hàng đối với thương hiệu SeABank.

Thương hiệu SeABank gắn liền với công nghệ - một trong những yếu tố then chốt để góp phần đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng tốc độ xử lý giao dịch và tạo khả năng cạnh tranh trên thị trường. SeABank tự hào là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam chú trọng đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất, đồng thời tích cực trong việc nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, công nghệ mới đột phá nhằm mang lại trải nghiệm cao nhất cho khách hàng theo hướng số hóa như: ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), điện toán đám mây (Cloud Computing), tự động hóa giao dịch tại quầy, xác thực khách hàng từ xa, ứng dụng trợ lý ảo chăm sóc khách hàng... Chiến lược “Hội tụ số” một lần nữa được khẳng định là chiến lược cốt lõi và quan trọng trong mục tiêu phát triển của SeABank giai đoạn 2021 - 2025.

Với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất, SeABank không ngừng mở rộng gia tăng chuỗi tiện ích riêng biệt dành riêng cho khách hàng thông qua hệ sinh thái hơn 30 triệu đối tác, khách hàng đa lĩnh vực như: Tập đoàn BRG, VNPT, Vietnam Post... Đây chính là nền tảng quan trọng để SeABank phủ rộng thương hiệu, mở rộng thị phần, tăng cường bán chéo sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng mới.

Lấy khách hàng là trọng tâm, SeABank hướng tới trở thành thương hiệu ngân hàng số 1 về chăm sóc sức khỏe tài chính được khách hàng yêu mến, tin tưởng và ưu tiên lựa chọn; đồng thời là ngân hàng tiên phong trong các hoạt động cộng đồng, văn hóa tổ chức, góp phần vào sự phát triển bền vững. SeABank chính là cầu nối mang tới cho khách hàng các giá trị không chỉ về kinh tế mà còn các giá trị về văn hóa, kết nối hoạt động cộng đồng, kết nối với các đối tác và thương hiệu khác để mang tới giá trị toàn diện cho khách hàng.

### **3.2. Thành tích về phát triển thương hiệu**

---

Năm 2022, SeABank đã tăng cường nhận diện thương hiệu trên thị trường và phủ rộng hình ảnh tới khách hàng, đối tác thông qua việc đẩy mạnh quảng cáo tại hệ thống biển bảng ngoài trời ở hầu khắp các tỉnh thành lớn trong cả nước như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Huế, Nghệ An... Khách hàng dễ dàng bắt gặp các hình ảnh quảng cáo SeABank có mặt tại hệ thống siêu thị (BRGMART, Haprofood), khách sạn hạng sang (Intercontinental Hà Nội, Hilton, Sheraton,...), các showroom bán hàng (Honda, Gôm Chu Đậu...) hay các công trình, dự án bất động sản (Four Seasons, BRG Grand Plaza, Le Grand Jardin, BRG Legend, BRG Residence...). Bên cạnh việc mở thêm các điểm giao dịch tại các tỉnh thành mới (Bình Phước, Bắc Giang, Nam Định), SeABank cũng đảm bảo việc duy trì hình ảnh tại tất cả các điểm giao dịch trên toàn quốc, giúp thương hiệu SeABank dễ dàng tiếp cận, được chấp nhận và yêu thích bởi các đối tượng khách hàng mục tiêu.

Năm 2022 là thời điểm phục hồi hậu Covid-19, cũng là lúc SeABank tiếp tục triển khai mạnh mẽ các hoạt động an sinh xã hội, phát triển bền vững. Tổng cộng, ngân hàng đã đóng góp hơn 14,4 tỷ đồng nhằm lan tỏa các giá trị bền vững cho cộng đồng trên nhiều phương diện như: hỗ trợ người nghèo, sức khỏe cộng đồng, môi trường, an ninh, y tế, giáo dục... Rất nhiều hoạt động đã được tổ chức thực hiện và nhận được sự ủng hộ, hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo khách hàng và cán bộ nhân viên: ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo”; hỗ trợ 100 căn nhà cho người nghèo tại tỉnh Tuyên Quang; ủng hộ Quỹ “Ngày mai tươi sáng” nhằm hỗ trợ các bệnh nhân ung thư; chuỗi hoạt động thuộc chương trình “Day of Love - Ngày của Yêu thương” - 7/9/2022; trao tặng cây xanh hỗ trợ trồng rừng thuộc Hà

Tỉnh, Long An; “Tuần lễ Công dân 2022”; giải chạy “SeABank Run for the Future 2022”... Các hoạt động này cũng góp phần khẳng định SeABank với vai trò là một doanh nghiệp vì cộng đồng, chú trọng tới các hoạt động an sinh xã hội.

Bên cạnh đó, với mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức, SeABank luôn chú trọng phát triển văn hóa doanh nghiệp, xác định văn hóa tổ chức là tài sản vô hình, góp phần tạo nên sức mạnh cho tổ chức. SeABank đã gắn kết gần 5.200 CBNV bằng nỗ lực xây dựng một văn hóa mang bản sắc riêng, chú trọng vào tình yêu thương và chia sẻ, sự gắn kết và đồng hành.

Năm 2022, với kết quả kinh doanh ấn tượng, tăng trưởng vượt trội trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, SeABank đã từng bước khẳng định được vị thế thương hiệu trong nhóm các ngân hàng TMCP tại Việt Nam. Ngân hàng vinh dự và tự hào được Chính phủ, NHNN, các cơ quan quản lý nhà nước, khách hàng, đối tác cũng như các tổ chức quốc tế ghi nhận bằng nhiều giải thưởng, danh hiệu danh giá về uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm dịch vụ, hệ thống công nghệ...

### 3.3. Vị thế của SeABank trên thị trường

	<b>TRONG NƯỚC</b>	<b>Tổ chức trao tặng</b>
1	Thương hiệu quốc gia 2022 dành cho dịch vụ tài chính ngân hàng SeABank	Bộ Công Thương Việt Nam
2	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2019 - VNR500	Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report
3	Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam	Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report
4	Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam 2021 - Profit500	Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report
5	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2021	Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report
6	Sao Vàng đất Việt 2021	Trung ương Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Trung ương Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam
7	Doanh nghiệp phát triển bền vững	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
8	Giải thưởng Tin & Dùm 2022	Tạp chí Kinh tế Việt Nam
9	Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn Dữ liệu quốc tế (IDG Việt Nam)
10	Ngân hàng có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu - gói sản phẩm dịch vụ dành cho phụ nữ Việt	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG Việt Nam)
11	Thương hiệu mạnh Việt Nam 2022	Tạp chí Kinh tế Việt Nam
12	Thương hiệu tiêu biểu châu Á - Thái Bình Dương	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
13	Chấp hành tốt chính sách pháp luật về thuế năm 2021	Cục trưởng Cục Thuế TP. Hà Nội
14	Thương hiệu mạnh ASEAN 2022	Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á
15	Huân chương lao động hạng nhất - Madame	Thủ tướng Chính phủ

	<b>TRONG NƯỚC</b>	<b>Tổ chức trao tặng</b>
	Nguyễn Thị Nga	
	<b>QUỐC TẾ</b>	
1	Ngân hàng của năm 2022	Tạp chí The Banker
2	Top 1000 ngân hàng thế giới	Tạp chí The Banker
3	Ngân hàng sáng tạo nhất dành cho phụ nữ Việt Nam 2022	Tạp chí Global Business
4	Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2022	Tạp chí HR Asia
5	Doanh nghiệp xuất sắc nhất 2022	Tổ chức Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới
6	Doanh nghiệp truyền cảm hứng 2022	Tổ chức Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới
7	Doanh nghiệp đi đầu trong việc vận hành một cách sáng tạo, hiệu biết và có hệ thống 2022	Tổ chức Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới
8	Lãnh đạo đi đầu trong việc vận hành một cách sáng tạo, hiệu biết và có hệ thống 2022 - Ms Lê Thu Thủy	Tổ chức Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới
9	Ngân hàng bán lẻ tốt nhất năm 2022	Tạp chí The European
10	Ngân hàng số tốt nhất Việt Nam 2022	Tạp chí Finance Derivative
11	ASEAN Business Awards	Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN (ASEAN BAC)
12	Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng doanh số giao dịch thẻ ghi nợ 2022	VISA

### **3.4. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**

#### **Doanh thu hoạt động:**

Thu nhập lãi thuần năm 2022 đạt gần 7.006 tỷ đồng. Việc gia tăng khoản thu nhập lãi chủ yếu đến từ việc tăng trưởng tín dụng của SeABank và tối ưu hóa nguồn vốn huy động.

Cơ cấu thu nhập trong những năm gần đây chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng truyền thống và nâng cao dần tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động dịch vụ ngân hàng hiện đại khác. Sự chuyển dịch cơ cấu này gia tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng, giảm đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực rủi ro cao, tăng thu từ hoạt động phi tín dụng, có tính bền vững cao và ít rủi ro hơn.

Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi của SeABank cũng ngày càng được cải thiện. Thu thuần ngoài lãi năm 2022 đạt gần 2.642 tỷ đồng, chiếm 27,4% tổng thu thuần từ hoạt động kinh doanh. Mức tăng trưởng này đạt được thông qua các hoạt động, thu phí dịch vụ, banca, kinh doanh ngoại hối và đặc biệt thông qua các sản phẩm, dịch vụ tài chính thực hiện trên nền tảng công nghệ số hiện đại, tiêu biểu là ứng dụng ngân hàng số SeAMobile.

#### **Lợi nhuận trước thuế:**

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 5.069 tỷ đồng, tăng 55% so với năm 2021 và hoàn thành 104% kế hoạch được giao. Chỉ số ROE năm 2022 đạt 18,1%, ROA là 1,83%.

Lợi nhuận của SeABank tăng nhờ: SeABank tập trung các sản phẩm cho vay biên độ sinh lời tốt; chú trọng đến các sản phẩm phi tín dụng, tăng trưởng mạnh ở hoạt động cung cấp dịch vụ, đặc biệt phát

triển các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng cùng các đối tác chiến lược; đồng thời tăng năng suất lao động và tiết giảm tối đa chi phí quản lý.

### **Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ an toàn vốn:**

Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2022 là 1,60%, tỷ lệ nợ xấu luôn được duy trì ở quanh 1,6%.

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022 là 14,66%. SeABank là một trong các Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được công nhận đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực Basel II, đảm bảo phát triển kinh doanh an toàn và bền vững.

## **3.5. Tình hình hoạt động và tài chính**

---

### *3.5.1. Tăng trưởng tổng tài sản và chất lượng tài sản*

#### **Tổng tài sản:**

Tổng tài sản của SeABank năm 2022 đạt 231.423 tỷ đồng, tăng trưởng 9,3% so với năm 2021 và hoàn gần 100% kế hoạch của cả năm 2022. Cơ cấu tổng tài sản của SeABank luôn được duy trì phù hợp với khả năng quản lý và sinh lời tối đa cho Ngân hàng.

Tài sản của Ngân hàng có mức tăng trưởng tốt, được phân bổ hợp lý, luôn đảm bảo an toàn hoạt động và lợi nhuận tốt cho Ngân hàng.

Năm 2022, hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA) của SeABank tăng lên mức 1,83% so với mức 1,33% của năm 2021.

#### **Vốn chủ sở hữu và Vốn điều lệ**

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2022 đạt 26.232 tỷ đồng, tăng gần 7.569 tỷ đồng so với 31/12/2021. Trong năm 2022, SeABank đã tiến hành trích lập các quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và SeABank hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 14.785 tỷ đồng lên gần 20.403 tỷ đồng (tăng hơn 5.618 tỷ đồng). Nguồn vốn chủ sở hữu tăng thêm giúp SeABank nâng cao hệ số an toàn vốn theo tiêu chuẩn Basel III, cho phép Ngân hàng gia tăng sức chịu đựng trong trường hợp nền kinh tế có biến động xấu, từ đó tạo tiền đề để SeABank đầu tư cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

#### **Tiền gửi của khách hàng/phát hành giấy tờ có giá:**

Tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và các Tổ chức tài chính Quốc tế đạt 145.876 tỷ đồng, tăng 14.068 tỷ đồng. Trong đó huy động từ tiền gửi khách hàng đạt hơn 115.547 tỷ đồng và phát hành giấy tờ có giá đạt gần 21.505 tỷ đồng, tăng ròng 8,214 tỷ đồng so với tổng tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá năm 2021, tăng trưởng 6,4% so với năm 2021.

Nguồn vốn huy động trong năm luôn được duy trì ở mức phù hợp, đảm bảo đáp ứng tốt nguồn vốn cho vay, khả năng thanh khoản của Ngân hàng, cơ cấu nguồn vốn tiếp tục được cải thiện theo hướng huy động bền vững cũng như đảm bảo giảm thiểu tối đa chi phí huy động cho Ngân hàng.

### **Dư nợ cấp tín dụng khách hàng:**

Dư nợ cho vay khách hàng đạt 153.955 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng ròng 26.367 tỷ đồng. Ngân hàng luôn đảm bảo tăng trưởng tín dụng theo đúng tỷ lệ cấp phép của NHNN.

SeABank tập trung phát triển các sản phẩm thế mạnh, đồng thời từng bước đa dạng hoạt động cho vay ở các lĩnh vực, ngành nghề. Xu hướng chuyên dịch rõ rệt từ các ngành kinh tế có hệ số rủi ro cao sang các ngành kinh tế hoạt động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, cho vay phát triển làng nghề, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, các dự án năng lượng xanh và cho vay KHCN để hỗ trợ ổn định an sinh xã hội.

Chất lượng tín dụng ngày càng được nâng cao nhờ chuẩn hóa hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường các chốt kiểm soát, tập trung hóa nhiều nghiệp vụ từ khâu thẩm định khách hàng, phê duyệt, giải ngân cho đến khi khách hàng trả nợ.

#### *3.5.2. Hành trình bứt phá từ những thách thức tạo nên sự tăng trưởng phân khúc khách hàng cá nhân*

Năm 2022 là năm đánh dấu sự tăng trưởng nhanh chóng của SeABank nói chung và phân khúc KHCN nói riêng. Sau 2 năm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi Covid-19 với nhiều lần các thành phố lớn trở thành tâm dịch khiến việc phát triển kinh tế - xã hội nhiều lần bị ngăn trở, nhưng với định hướng chiến lược trọng tâm và những sáng kiến linh hoạt trong quá trình triển khai, SeABank vẫn đảm bảo được hiệu quả kinh doanh cũng như nâng cao về chất lượng dịch vụ tới khách hàng.

#### **▪ Tăng trưởng huy động KHCN**

Năm 2022 là một năm đầy thách thức đối với ngành ngân hàng khi nền kinh tế Việt Nam và thế giới phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức khi bước vào giai đoạn phục hồi sau ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Đặc biệt, Quý IV/2022 là giai đoạn đặc biệt khó khăn với toàn hệ thống ngân hàng khi nhiều ngân hàng chạy đua tăng lãi suất để huy động vốn. Trong giai đoạn lãi suất huy động biến động mạnh, SeABank luôn nỗ lực đưa tới cho khách hàng các giải pháp huy động với lợi nhuận tốt, đồng thời hỗ trợ tối đa nguồn tín dụng cho các khách hàng với chi phí lãi hợp lý.

Ngoài ra, SeABank cũng cung cấp danh mục sản phẩm huy động vốn đa dạng, phù hợp với nhiều phân khúc khách hàng và liên tục triển khai các chính sách, chương trình ưu đãi hấp dẫn cho khách hàng. Đặc biệt, trong năm 2022, SeABank ra mắt sản phẩm tiết kiệm gửi góp Vun đáp tương lai trên kênh online với nhiều cải tiến, tính năng ưu việt nhất trên thị trường và đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ khách hàng. Bên cạnh đó, khách hàng gửi tiết kiệm online tại SeABank không những được trải nghiệm nhiều sản phẩm đa dạng, tiện ích vượt trội mà còn được hưởng mức lãi suất thưởng so với tiết kiệm tại quầy.

Bên cạnh đó, trong năm qua, SeABank tiếp tục đẩy mạnh chiến lược số hóa với nhiều cải tiến trong quy trình, mẫu biểu, tăng tỷ lệ giao dịch tự động hóa, góp phần rút ngắn thời gian giao dịch, nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng lực cạnh tranh và thu hút khách hàng gửi tiền hiệu quả.

Những chương trình triển khai hiệu quả của SeABank trong năm 2022 đã góp phần giữ nguồn huy động từ KHCN với lũy kế huy động đạt 74.197 tỷ đồng.

#### ▪ **Tăng trưởng tín dụng KHCN**

Với định hướng tập trung vào việc triển khai hoạt động cho vay hiệu quả, đồng thời bắt nhịp với đà phát triển của nền kinh tế sau đại dịch Covid -19, SeABank tập trung triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng tiếp cận vốn vay để phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh và phục vụ các nhu cầu cuộc sống. Nhờ đó, SeABank đã đạt kết quả rất khả quan với dư nợ KHCN tăng vượt bậc đạt 33.726 tỷ đồng, tăng 124% so với năm 2021. Trong đó, sản phẩm cho vay mua nhà chiếm 12.961 tỷ đồng, tăng 4.794 tỷ đồng so với năm 2021, mảng tín dụng tiêu dùng tín chấp đạt 4.926 tỷ đồng, tăng trưởng 251% so với năm 2021.

Bên cạnh định hướng cho vay mua nhà là sản phẩm trọng tâm, SeABank tiếp tục mở rộng tín dụng đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tập trung cho vay đối với các ngành nghề liên quan đến phát triển nông, lâm, ngư nghiệp (cho vay nuôi tôm, trồng lúa, đầu tư chăm sóc cà phê, hồ tiêu...), hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình.

Ngoài ra, để hỗ trợ các khách hàng đang vay vốn gặp khó khăn sau đại dịch Covid -19, SeABank thực hiện cơ cấu nợ, giảm lãi suất cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư 14/2021/TT-NHNN, thực hiện Nghị định [31/2022/NĐ-CP](#) về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Trong năm 2022, SeABank tiếp tục duy trì định hướng chú trọng tới các hoạt động an sinh xã hội, hướng tới cộng đồng và thực hiện chủ trương đẩy lùi tín dụng đen, đồng hành cùng Hội Phụ nữ các cấp để triển khai cho vay tới các hội viên Hội Phụ nữ (với sản phẩm SeAWomen) nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng và phát triển kinh tế gia đình. Thêm vào đó, SeABank cũng tiếp tục thực hiện chiến lược số hóa các sản phẩm cho vay để đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian thẩm định cho vay, giải ngân với một số sản phẩm được thực hiện hoàn toàn qua kênh online nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay và phù hợp với quy định của pháp luật. Trong thời gian tới, SeABank sẽ tiếp tục phát triển số hóa đa dạng các sản phẩm theo từng phân khúc khách hàng, đáp ứng theo nhu cầu và xu thế của thị trường với các sản phẩm như: Cho vay cầm cố tiền gửi online; Cho vay hạn mức thấu chi không tài sản bảo đảm online dành cho KHCN; Cho vay nhanh không tài sản bảo đảm qua ứng dụng của SeABank...

#### ▪ **Sản phẩm thẻ và tài khoản**

Năm 2022, SeABank phối hợp với Tập đoàn BRG và Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) cho ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng đồng thương hiệu SeATravel đón đầu xu hướng tăng trưởng ngành du lịch và dịch vụ nghỉ dưỡng trong giai đoạn phục hồi sau Covid-19 với nhiều tính năng, ưu đãi hấp dẫn nhằm mang tới những trải nghiệm trọn gói bao gồm hàng không, nghỉ dưỡng, chơi golf, mua sắm, qua đó tối ưu quyền lợi và cùng đồng hành, chăm sóc khách hàng trên mọi hành trình.



Với việc tiếp tục mở rộng các chính sách cấp hạn mức thẻ tín dụng mới dành riêng của từng nhóm đối tượng khách hàng, đồng thời sửa đổi, tinh chỉnh các chính sách, quy trình hiện hữu, SeABank tiếp tục đạt được những kết quả tăng trưởng ấn tượng về số lượng và chất lượng thẻ: số lượng thẻ mở mới năm 2022 tăng 120%, doanh số giao dịch thẻ tăng 135% so với năm 2021.

Trong năm 2022, SeABank đã phát hành 164.254 thẻ, nâng tổng số thẻ lũy kế lên 555.481 thẻ, nâng cấp và chuyển đổi toàn bộ ATM và POS để chấp nhận chuẩn chip mới của Việt Nam, nhờ đó hoàn thành chuyển đổi trước thời hạn quy định của NHNN theo Thông tư 41.

Là một trong những ngân hàng chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ nhằm số hóa sản phẩm, SeABank đã triển khai phát triển thành công nhiều dự án số hóa sản phẩm thẻ: chuyển đổi áp dụng 100% mã PIN điện tử, chuyển đổi 100% voucher giấy sang e-Voucher cho chủ thẻ SeAGolf; tiếp tục cải tiến Tổng đài tự động CallBot cho chương trình gia hạn thẻ tại SeABank và các dịch vụ chăm sóc khách hàng sau bán nhằm nâng cao trải nghiệm và giữ chân khách hàng cũng như tiết kiệm chi phí và nhân sự vận hành. Ngoài ra, SeABank tiếp tục đầu tư phát triển các hệ thống số hóa sản phẩm, quy trình phát hành thẻ bằng phương thức điện tử mang trải nghiệm mới cho khách hàng, dự kiến sẽ ra mắt vào năm 2023.

Các chương trình ưu đãi chăm sóc dành riêng cho chủ thẻ của SeABank tiếp tục được mở rộng. SeABank liên kết với 480 đối tác lớn với gần 12.000 điểm ưu đãi và hơn 50 đối tác trả góp tên tuổi trên thị trường. Nhờ đó, các ưu đãi được cập nhật liên tục hàng tháng, chính sách trả góp 0% được mở rộng trên phạm vi toàn quốc mang lại nhiều ưu đãi hấp dẫn nhất và lợi ích cho các khách hàng.

Dịch vụ tài khoản trong năm 2022 cũng có nhiều bước tiến mới. SeABank tập trung đẩy mạnh sản phẩm tài khoản thanh toán số đẹp trên kênh online, cho phép khách hàng có thể mở tài khoản số đẹp mọi lúc, mọi nơi, thao tác nhanh chóng, tiện lợi. Cùng với việc đẩy mạnh triển khai các chương trình truyền thông, livestream, khuyến mại, tài khoản thanh toán số đẹp đã mang lại doanh thu phí không nhỏ trong năm 2022.

#### ▪ Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

Với mục tiêu đưa bancassurance trở thành sản phẩm mũi nhọn, giúp Ngân hàng đẩy mạnh doanh thu phí, SeABank đã phục vụ gần 70.000 khách hàng tham gia sản phẩm bảo hiểm thông qua hệ thống SeABank, doanh thu phí bảo hiểm chiếm tỷ trọng 30% tổng nguồn thu từ phí của toàn hệ thống. Tính đến tháng 12/2022, SeABank đã phát hành được 728 tỷ đồng giá trị hợp đồng bảo hiểm, tăng trưởng 184% so với cùng kỳ năm 2021.

Luôn hướng tới việc tối ưu hóa hành trình trải nghiệm khách hàng, trong năm 2022, SeABank vẫn duy trì là một trong hai đối tác của Prudential có chỉ số hài lòng của khách hàng đạt cao nhất. Nhằm đáp ứng công nghệ 4.0, SeABank đang nghiên cứu và phát triển các sản phẩm bảo hiểm đa dạng và tiên phong trên nền tảng kỹ thuật số, các thao tác thực hiện hoàn toàn trên online. SeABank đồng thời hướng tới việc trở thành trợ lý khảo sát thị trường và báo cáo tổng hợp giao dịch liên quan đến bảo hiểm cho khách hàng.

Với phương châm hoạt động lấy khách hàng làm trọng tâm, SeABank tập trung cung cấp cho khách hàng các giải pháp tài chính tối ưu và bancassurance là một trong những công cụ để bảo vệ khách

hàng cùng gia đình của họ, cũng như để đầu tư an toàn nhưng vẫn hiệu quả cho tương lai. Nhằm chăm sóc và giải quyết tức thời những vướng mắc mà khách hàng gặp phải, SeABank là ngân hàng đầu tiên và duy nhất hiện nay có kênh chăm sóc khách hàng 24/7 riêng biệt khi tham gia sản phẩm bancassurance. Bên cạnh đó, SeABank cũng có các chính sách ưu đãi hấp dẫn đối với các khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ như: trả góp 0% đối với các khách hàng thanh toán phí bảo hiểm nhân thọ bằng thẻ tín dụng SeABank; ưu đãi giảm lãi suất cho khách hàng vay vốn và khách hàng tiết kiệm tại SeABank khi tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng mua bảo hiểm nhân thọ qua hệ thống SeABank; tặng voucher cho khách hàng đang làm việc tại các doanh nghiệp khi tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ... cùng các chương trình khuyến mãi các quà tặng chăm sóc sức khỏe cho khách hàng và những đặc quyền riêng biệt chỉ dành riêng cho khách hàng của SeABank.

#### ▪ Sản phẩm ngân hàng điện tử

Năm 2022, với mục tiêu thúc đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, SeABank không ngừng nâng cấp và cải tiến ứng dụng ngân hàng số SeAMobile/SeANet với hơn 110 tính năng, tiện ích ưu việt, tiện lợi, độ an toàn cao nhờ các hoạt động:

- Phát triển thành công một số tính năng, sản phẩm mới như:
  - Một số sản phẩm nổi bật trong năm 2022 như: mở tài khoản số đẹp online, mở thẻ ghi nợ vật lý online, tiết kiệm gửi góp online... Chỉ cần vài thao tác đơn giản, khách hàng đã có thể mở tài khoản thanh toán số đẹp, kích hoạt thẻ ghi nợ vật lý, mua vàng miếng gửi giữ hộ, gửi tiết kiệm,... trên SeANet/ SeAMobile của SeABank mà không cần đến quầy giao dịch.
  - Một số tính năng nổi bật để tăng tương tác của khách hàng như: khuyến mại điện tử e-Voucher, game Hũ tiền, game Dự đoán World Cup 2022... Với các tính năng đa dạng, SeAMobile/SeANet đã thực sự thu hút sự quan tâm của các khách hàng trong quá trình giao dịch tài chính thông thường.
- Phát triển và hoàn thiện các tính năng hiện hữu để tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như tăng cường bảo mật, đảm bảo rủi ro cho SeABank:
  - Hoàn thiện tính năng “Sức khỏe tài chính” bằng công nghệ AI hỗ trợ khách hàng theo dõi, quản lý chi tiêu theo mô hình 6 lọ tài chính quốc tế hoàn toàn tự động, bên cạnh việc đưa ra các báo cáo tổng hợp; nhắc nhở, tư vấn sử dụng tài chính hiệu quả cho khách hàng; tự tạo và theo dõi mục tiêu nhằm đạt được những mục tiêu ngắn hạn, dài hạn trong cuộc sống.
  - Liên tục nâng cấp tính năng mở tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử 100% online bằng phương thức định danh điện tử (eKYC) thông qua việc ứng dụng công nghệ AI để nhận diện và so sánh sinh trắc học.
  - Tối ưu hóa giải pháp xác thực giao dịch với tính năng Soft OTP: Giải pháp xác thực giao dịch bằng Soft OTP trên eBank SeABank được xem như một “bức tường chắn” vững chãi giúp khách hàng ngăn chặn các hình thức lừa đảo, gian lận khi giao dịch trên ứng dụng.

- Kết nối thành công với các đối tác để mang đến nhiều tiện ích hơn cho khách hàng sử dụng dịch vụ của SeABank nổi bật như: đối tác Conek giúp khách hàng có thể nạp topup data 3G/4G (Viettel, Vinaphone, Mobifone) ngay trên SeAMobile, đối tác Opes triển khai gói bảo hiểm tai nạn kèm giao dịch trên SeAMobile/SeANet... Với các đối tác hiện hữu, SeABank cũng không ngừng đẩy mạnh và bổ sung các tính năng mới để tăng tiện ích sử dụng cho khách hàng như tính năng thanh toán tiền nước, học phí qua Payoo vô cùng tiện lợi.
- Triển khai liên tiếp các chương trình khuyến mại, thúc đẩy kinh doanh xuyên suốt trong năm 2022.

Với những hoạt động kể trên, SeABank đã gặt hái được những kết quả ấn tượng trong việc phát triển về số lượng và chất lượng dịch vụ ngân hàng số, cụ thể: tổng số lượng user mở mới trong năm 2022 đạt 945.000 users, nâng tổng số user Ebank lên gần 1.600.000. Số lượng giao dịch thực hiện trên Ebank tăng hơn 158% và chiếm 60% giao dịch toàn hàng. Đây là kết quả rất khả quan, đánh dấu sự tăng trưởng nhanh chóng về dịch vụ ngân hàng số của SeABank trên con đường hướng tới ngân hàng số đích thực.

#### ▪ **Chuyển tiền quốc tế/kiều hối**

Nhằm hướng tới mục tiêu vươn tầm thế giới, SeABank triển khai mạnh mẽ hoạt động dịch vụ kết nối người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài thông qua dịch vụ kiều hối và chuyển tiền quốc tế. Đây là một bước đi quan trọng trong chiến lược kinh doanh của SeABank.

Năm 2022, SeABank đã số hóa dịch vụ kiều hối, chú trọng phát triển kênh tự động để tiết kiệm chi phí cũng như bắt kịp xu hướng hiện đại hóa ngân hàng. Với những thay đổi quan trọng này, kiều hối chi trả qua SeABank đạt doanh số gần 3.000 tỷ đồng, hệ thống báo có được triển khai đến tất cả các tài khoản ngân hàng/thẻ ATM ... trong cả nước.

Song song với dịch vụ kiều hối, chuyển tiền quốc tế cá nhân có bước chuyển biến nhảy vọt với lượng giao dịch năm 2022 gần 2.000 tỷ đồng. Dịch vụ chuyển tiền quốc tế được triển khai tại tất cả các điểm giao dịch trong hệ thống SeABank, tiếp cận với mọi đối tượng khách hàng có nhu cầu đặc biệt là nhu cầu du học, chữa bệnh... ở nước ngoài..

#### ▪ **Tăng cường khai thác và phát triển khách hàng trong hệ sinh thái**

Với chiến lược tập trung phát triển và mở rộng các kênh bán thông qua đối tác chiến lược và hệ sinh thái, SeABank tiếp tục đẩy mạnh việc hợp tác cùng các đối tác trong Tập đoàn BRG với chiến dịch mở tài khoản tại các chuỗi siêu thị BRG Mart.

Cùng với đó, SeABank tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động mới với đối tác VietnamPost, ghi nhận doanh số giải ngân đạt 490 tỷ đồng, tăng 450% so với năm 2020, đồng thời mở rộng địa bàn triển khai từ 29 lên 36 tỉnh/thành phố bao gồm cả tỉnh/thành phố liền kề. Đặc biệt việc kết nối thành công hệ thống SeAPartner - hệ thống thu thập hồ sơ tài chính, thu hộ, chi hộ giữa SeABank và VietnamPost tạo cơ sở để VietnamPost trở thành cánh tay nối dài, cung cấp dịch vụ tài chính đến vùng sâu vùng xa và những nơi không có điểm giao dịch của Ngân hàng.

Việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cũng được SeABank đẩy mạnh triển khai qua kênh POS và QRCode với kết quả doanh số giao dịch tăng trưởng mạnh mẽ, giúp gia tăng trải nghiệm khách hàng trong việc đa dạng kênh thanh toán. Trên tập khách hàng khai thác theo hệ sinh thái, doanh số thanh toán trên POS của các đối tác chiến lược PNJ, Prudentail, Tập đoàn BRG... cũng có bước tăng trưởng nhảy vọt đưa SeABank trở thành một trong 2 ngân hàng có mạng lưới POS hoạt động tốt nhất tại thị trường Việt Nam.

Cũng trong năm 2022, mảng ngân hàng giao dịch luôn đồng hành và hỗ trợ cùng mảng phát triển kênh đối tác để triển khai các dịch vụ hợp tác, trong đó tập trung cung cấp dịch vụ ngân hàng với cả những khách hàng ở địa bàn không có SeABank như: dịch vụ chuyển tiền, chuyển tiền nhanh IBFT, dịch vụ mở tài khoản, dịch vụ thu chi hộ, dịch vụ kiểm soát dòng tiền dành cho CBNV tại đối tác và đặc biệt là giải pháp thấu chi giúp cho CBNV của các đối tác có thể thu chi hộ các dịch vụ dễ dàng, chủ động.

Nhờ sự tăng cường khai thác và phối hợp tiên khai hiệu quả, SeABank là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc chú trọng mở rộng hợp tác toàn diện với các đối tác lớn và có tầm ảnh hưởng trong xã hội.

#### ▪ **Chuỗi hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ**

Nhận thức sâu sắc việc lấy yếu tố trải nghiệm là tiêu chí thu hút và giữ chân khách hàng, SeABank đã triển khai chiến lược Trải nghiệm khách hàng với mục tiêu cung cấp các giải pháp tài chính tối ưu và thuận tiện nhất tới khách hàng, đem lại trải nghiệm có chủ đích mong muốn mang tới cho khách hàng “Hài lòng – Tin cậy – Thuận tiện”, các hoạt động nâng cao trải nghiệm khách hàng vẫn tiếp tục được triển khai mạnh mẽ tại SeABank.

Theo đó, 8 hành trình trải nghiệm khách hàng đã được nghiên cứu xây dựng cùng với 32 sáng kiến nâng cao trải nghiệm khách hàng đã và đang được triển khai. Không chỉ cải tiến các hành trình đối với khách hàng bên ngoài, khách hàng nội bộ cũng là đối tượng được ưu tiên triển khai trong năm 2022 với các hành trình như: hành trình cho vay của cán bộ tín dụng, hành trình mua sắm và thanh quyết toán đối với hoạt động mua sắm của Ngân hàng. Một số sáng kiến đã hoàn thành và đo lường với kết quả tích cực: tính năng cho vay thấu chi online giúp giảm thời gian vay thấu chi của khách hàng từ 3 ngày xuống còn 5 phút, giảm 99% thời gian chờ đợi của khách hàng; chỉ số hài lòng của khách hàng (CSAT) đạt gần 98%; cải tiến ở khâu xử lý tín dụng giúp giảm đến 67% giúp giải ngân khách hàng nhanh hơn, điểm hài lòng của khách hàng của SeABank (CSAT) hiện tại đạt 89% (trên điểm tối đa 100%), mức độ sẵn sàng giới thiệu SeABank của khách hàng (NPS) đạt 77 (trên mức tối thiểu -100 và tối đa 100).

Bên cạnh đó, với mục đích xây dựng văn hóa lấy khách hàng làm trọng tâm và lan tỏa tư duy trải nghiệm khách hàng toàn hệ thống, nhiều hoạt động xây dựng văn hóa đã được triển khai với gần 130 lớp đào tạo chủ đề trải nghiệm khách hàng đã được triển khai trong năm 2022 phủ sóng trên toàn bộ hơn 5000 CBNV. Song song với việc triển khai Nâng cao trải nghiệm khách hàng, các hoạt động nâng

cao chất lượng dịch vụ tại các chi nhánh, phòng giao dịch của SeABank vẫn được triển khai mạnh mẽ như: mở rộng thêm các kênh để lắng nghe ý kiến khách hàng và triển khai xử lý các trải nghiệm chưa tốt, giám sát chất lượng dịch vụ nhằm theo dõi và phát hiện sớm các vấn đề có thể mang đến trải nghiệm chưa tốt cho khách hàng để cải tiến kịp thời.

#### ▪ **Phát triển khách hàng theo phân khúc**

Năm 2022 đánh dấu nhiều biến động trên thị trường tài chính ngân hàng, với sự thay đổi trong điều hành chính sách tiền tệ của NHNN. Dù vậy, hoạt động kinh doanh phân khúc khách hàng ưu tiên đã đánh dấu nhiều kết quả vượt trội với tăng trưởng 20% số lượng khách hàng ưu tiên so với trung bình chung thị trường (ở mức 7,8%); số dư huy động phân khúc khách hàng ưu tiên năm 2022 tăng tương 24% so với năm 2021, thương hiệu SeAPremium được định vị rõ nét trong nhận thức khách hàng và trên thị trường.

Để đạt được điều này, SeABank đã triển khai hàng loạt dự án, chính sách và sản phẩm dịch vụ chuyên biệt dành riêng cho phân khúc khách hàng ưu tiên, trong đó nổi bật là dự án Không gian giao dịch chuyên biệt SeAPremium lounge. Nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng về sự riêng tư, tiện lợi khi giao dịch, SeAPremium lounge được thiết kế mới với đội ngũ đối tác và chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực thiết kế nội thất tại Việt Nam và trên thế giới. Kết quả của dự án là bộ thiết kế VIP lounge sang trọng, chuyên biệt và được thi công thực tế đầu tiên tại chi nhánh Nam Định. SeAPremium lounge sau khi đi vào hoạt động đã và đang gia tăng sức cạnh tranh, thu hút khách hàng ưu tiên của SeABank tại khu vực.

Năm 2022, SeABank triển khai dự án Hành trình khách hàng ưu tiên làm cơ sở triển khai bước đầu trải nghiệm khách hàng theo phân khúc thông qua hoàn thiện dịch vụ tại các điểm chạm như cơ sở vật chất, quy trình, đội ngũ bán hàng, thương hiệu và truyền thông... Đồng thời, SeABank đã triển khai mới nhiều sản phẩm dịch vụ như sản phẩm vay khách hàng ưu tiên với cam kết cấp tín dụng trước lên tới 15 tỷ đồng và giảm thời gian xử lý khoản vay giảm tới 20% so với khách hàng thông thường; với sự tư vấn từ tổ chức VISA, hoàn thiện sản phẩm thẻ Visa Signature với hệ thống đặc quyền khác biệt “Tâm - Thân - Trí”; bước đầu triển khai đội ngũ giao dịch viên chuyên biệt phục vụ khách hàng ưu tiên.

Bên cạnh tăng trưởng khách hàng mới, công tác chăm sóc và gia tăng lòng trung thành của khách hàng hiện hữu được chú trọng với các chương trình đặc quyền được cung cấp bởi hệ thống đối tác thương hiệu quốc tế như chương trình quà tặng Tết, quà tặng Trung thu được cung cấp bởi Khách sạn Intercontinental Hà Nội West Lake, chương trình quà tặng sinh nhật cung cấp bởi Urbox, chương trình “Đặc quyền khác biệt - trải nghiệm dẫn đầu” cung cấp bởi Aspire lifestyle...

#### *3.5.3. Hệ thống giải pháp, sản phẩm dịch vụ đồng bộ, chuyên biệt, chuyên nghiệp*

Bước vào giai đoạn chuyên mình và tăng tốc, mảng KHDN SeABank định hướng phát triển nhanh mà chắc theo ba trụ cột chính, bao gồm khách hàng, sản phẩm và kinh doanh. Theo đó, tất cả các

hành động trong năm 2022 đều được thực hiện để củng cố và nâng cao ba trụ cột này, với mục tiêu cuối cùng là đem đến những trải nghiệm tối ưu và giá trị vượt bậc cho khách hàng.

Nổi bật trong năm 2022 của mảng KHDN có thể kể đến hoạt động chiến lược ưu tiên trải nghiệm số khách hàng, sự ra mắt của sản phẩm, dịch vụ mang tính đột phá trên thị trường, phát triển trọng tâm hoạt động xuất nhập khẩu và những hoạt động truyền thông tạo tiếng vang lớn. Việc thực hiện xuất sắc các hoạt động kể trên đã đóng góp vào kết quả vượt bậc của Ngân hàng, bao gồm: TOI sau dự phòng chung đạt 100%, dư nợ ngắn hạn tăng ròng đạt và vượt 157%; bên cạnh đó, số lượng khách hàng mở mới active tăng 147% và thu thuần phí dịch vụ (chưa bao gồm bảo hiểm nhân thọ) đạt và vượt 116%.

### **Phát triển khách hàng thông qua tối ưu hóa trải nghiệm số**

Số hóa dịch vụ và trải nghiệm khách hàng là một trong những định hướng phát triển trọng tâm của Ngân hàng đến năm 2026. Hiện thực hóa chiến lược này, trong năm 2022, mảng KHDN của SeABank đã phát triển dịch vụ ngân hàng số SeANet/SeAMobile Biz dành riêng cho KHDN với nhiều tiện ích tối ưu cho hoạt động và vận hành của doanh nghiệp, bao gồm: tính năng đồng nhất môi trường giao dịch trên mọi thiết bị; riêng biệt luồng tạo và duyệt lệnh giao dịch theo cấu trúc doanh nghiệp; phê duyệt nhiều giao dịch một lúc và không giới hạn lệnh giao dịch; tích hợp phương thức xác thực giao dịch Soft Token trên cùng một ứng dụng SeAMobile Biz.

Dịch vụ ngân hàng số với những tính năng ưu việt tiếp tục được cải tiến các tính năng: chuyển tiền nhanh 24/7, mở và tắt toán tiền gửi đa dạng sản phẩm và kỳ hạn với lãi suất hấp dẫn; thanh toán lô lên tới 5.000 giao dịch một lúc... Nội bật nhất có thể kể đến việc ra mắt dịch vụ mở tài khoản trực tuyến cho KHDN, cho phép khách hàng mở tài khoản thanh toán hoàn toàn bằng phương thức eKYC thông qua việc xác thực chữ ký số và thực hiện các giao dịch online lên tới 300 triệu đồng.

Với những cải tiến vượt bậc của SeANet/SeAMobile trong năm 2022, SeABank ghi nhận giá trị giao dịch qua ngân hàng điện tử của SeABank lên đến 50.000 tỷ đồng, tăng 250% so với giá trị năm 2021. Khách hàng sử dụng đều đánh giá cao tiện ích toàn diện và thực tiễn của dịch vụ cho các hoạt động giao dịch của doanh nghiệp. Điều này tạo đà để SeABank tiếp tục phát triển những tính năng, sản phẩm mới trong năm 2023, bao gồm: giải ngân online, thanh toán quốc tế, bảo lãnh online... với mục tiêu đáp ứng được toàn diện nhất nhu cầu của KHDN.

### **Tiên phong trong các sản phẩm mới**

Năm 2022 cũng chứng kiến sự mở rộng trong tiếp cận và kết hợp với các đối tác lớn, có thể kể đến như Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam (VWEC), Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines)... Việc hợp tác với những đối tác lớn chính là tiền đề phát triển những sản phẩm mới, mang tính đột phá trên thị trường.

Điểm nhấn trong hoạt động hợp tác năm 2022 là sự ra mắt thẻ tín dụng đồng thương hiệu SeABank - Vietnam Airlines: SeAMileage vào cuối tháng 12/2022. Đây là sản phẩm thẻ tín dụng chi tiêu cộng dậm đầu tiên dành cho khách hàng tổ chức với tiềm năng phát triển trên thị trường được đánh giá là vô cùng lớn. Các chính sách và ưu đãi của thẻ mang đến lợi ích kép cho doanh nghiệp với nhiều đặc quyền như: tích lũy 1 dặm vào tài khoản Bông Sen Vàng cho mỗi 30.000 đồng giao dịch bằng VND

và 15.000 đồng giao dịch ngoại tệ; tích lũy 3.000 dặm khi mở mới thẻ; nâng hạng thẻ Bông Sen Vàng cho 1 cá nhân thuộc tổ chức khi tích lũy đủ giá trị chi tiêu yêu cầu; ưu đãi 10% giá vé khi thanh toán qua app/website và các ưu đãi khác từ Tập đoàn BRG và SeABank.

### **Chú trọng các hoạt động xuất nhập khẩu**

Năm 2022 cũng được coi là năm có sự đột phá trong việc mở rộng quy mô kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ TTTM. Nghiên cứu và xác định được nhu cầu sử dụng sản phẩm tài chính - ngân hàng tăng trở lại của doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, SeABank đã thành lập bộ phận TB Sales - ngân hàng giao dịch để hỗ trợ đơn vị bán phát triển khách hàng trong lĩnh vực xuất nhập qua việc đồng hành bán trực tiếp, sâu sát toàn bộ quá trình bán. Bằng cách này, đơn vị bán nắm được cũng như nâng cao nghiệp vụ TTTM và chuyển tiền quốc tế (CTQT), từ đó đưa ra những tư vấn hiệu quả và những giải pháp chuyên biệt, tối ưu cho khách hàng.

Nhờ giải pháp này, trong năm 2022, 100% các đơn vị kinh doanh phát sinh giao dịch TTTM, CTQT; doanh số TTTM, CTQT tăng 167% và doanh số phát hành L/C tăng 168% so với năm 2021.

### **SeABank là điểm đến tin cậy của doanh nghiệp nữ chủ**

Bên cạnh việc phát triển sản phẩm, dịch vụ và quy mô kinh doanh, SeABank tiếp tục tập trung hỗ trợ nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ, hướng tới việc trở thành "điểm đến tin cậy của doanh nghiệp nữ chủ" và nâng cao vai trò của nhóm doanh nghiệp này trên thương trường Việt. Một loạt hoạt động cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã được triển khai: chuỗi sự kiện tôn vinh ngày phụ nữ Việt Nam tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; phát triển hội nhóm kết nối doanh nghiệp nữ; các sự kiện, hội thảo đào tạo và tập huấn nâng cao năng lực doanh nghiệp nữ chủ... Chiến dịch này giúp định vị SeABank là ngân hàng dành cho nữ chủ, ngày càng tiến gần hơn với việc trở thành điểm đến tin cậy và được lựa chọn bởi doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam.

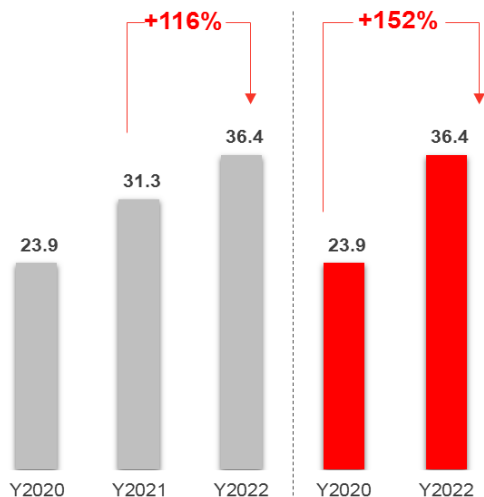
#### *3.5.4. Hoạt động nổi bật mảng khách hàng doanh nghiệp lớn*

Với bề dày kinh nghiệm về lĩnh vực tài chính ngân hàng tại Việt Nam, SeABank đã thiết lập quan hệ và nhận diện đầy đủ, đa dạng danh mục KHDNL trên thị trường, nhờ đó liên tục cập nhật thông tin về ngành, chuỗi giá trị (value chain), chuỗi cung ứng (supply chain) và thấu hiểu hoạt động kinh doanh đối với từng KHDNL. Với mục tiêu lấy khách hàng là trọng tâm và mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, SeABank đã không ngừng nâng cao chất lượng và năng lực cung cấp dịch vụ, phát triển giải pháp chuyên biệt, hệ thống công nghệ... nhằm mang đến cho khách hàng một giải pháp đồng bộ chất lượng cao.

Kết thúc năm tài chính năm 2022, với đội ngũ nhân sự tinh giản, tận tâm và nhiệt huyết, SeABank đã hoàn thành xuất sắc nhiều chỉ tiêu trọng yếu và nâng cao hiệu quả của mảng KHDNL so với cùng kỳ, đặc biệt là TOI năm 2022 hoàn thành 102% kế hoạch.

Nhờ đa dạng hóa dịch vụ và cung cấp gói tài chính phù hợp với từng khách hàng, hoạt động huy động của phân khúc KHDNL liên tục gia tăng theo từng năm. Kết thúc năm 2022, huy động bình quân mảng KHDNL đạt 152% so với năm 2020, tăng trưởng 116% so với năm 2021.

### Huy động BQ (Nghìn tỷ VND)



Hoạt động kinh doanh ngoại hối mảng KHDNL cũng đã hoàn thành xuất sắc với tổng doanh số mua bán ngoại tệ đạt 1,2 tỷ USD, tổng thu thuần ngoại hối đạt 103,2 tỷ đồng hoàn thành 115% kế hoạch.

Đồng hành cùng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, SeABank thực hiện cho vay bổ sung vốn lưu động để thanh toán các chi phí hàng hóa, nguyên vật liệu, vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp. Đáng chú ý trong năm 2022, mảng KHDNL đã đạt con số ấn tượng với kết quả 13.099 tỷ đồng doanh số L/C phát hành.

### ***Tín dụng xanh***

Phù hợp với chiến lược xanh, phát triển bền vững toàn cầu và bám sát định hướng của Ngân hàng Nhà nước, Ban lãnh đạo SeABank, năm 2022 với sự tư vấn từ Tổ chức tài chính quốc tế IFC, Khối KHDNL đã triển khai Chương trình ưu đãi thúc đẩy tăng trưởng dành cho tín dụng xanh, với mục đích hỗ trợ, thúc đẩy ĐVKD tập trung tiếp cận và thu hút các khách hàng có hoạt động kinh doanh thuộc các ngành, lĩnh vực thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Năm 2022 tổng giải ngân theo gói tín dụng xanh của SeABank hơn 11,5 triệu USD, chủ yếu cho các dự án về năng lượng hiệu quả.

### ***Chiến lược hội tụ số***

Theo xu thế chiến lược hội tụ số của toàn hàng, Khối KHDNL đã không ngừng triển khai các giải pháp công nghệ chuyên biệt phục vụ nhu cầu chuyên sâu của Khách hàng doanh nghiệp lớn.

Năm 2022, SeABank triển khai thực hiện xây dựng, phát triển quy trình chuyển tiền thanh toán online của Vietnam Airlines, thiết lập đường truyền dữ liệu riêng giữa SeABank và Vietnam Airlines. Nhờ đó, Vietnam Airlines có thể rút ngắn thời gian trong xử lý giao dịch hàng ngày cũng như trong việc nhận và quản lý dữ liệu giao dịch từ SeABank. Việc kết nối hệ thống cũng sẽ giúp gia tăng số lượng giao dịch và tăng dòng tiền không kỳ hạn qua tài khoản của Vietnam Airlines tại SeABank.



Những yêu cầu cải tiến riêng tính năng trên hệ thống SeANet/SeAMobile Biz từ một số khách hàng lớn như: VNPT, Tập đoàn dầu khí Việt Nam,... cũng đã được thực hiện và dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2023. Trong tương lai, SeABank sẽ tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm đưa đến những sản phẩm dịch vụ số phù hợp nhất với từng đối tượng khách hàng.

### **Chuỗi và hệ sinh thái**

Tiếp tục chiến lược phát triển hệ sinh thái, chuỗi giá trị của Khách hàng doanh nghiệp lớn, trong năm 2022, bám sát diễn biến của thị trường với nhiều cơ hội phát triển kinh doanh cho KHDNL, Khối KHDNL phát huy vai trò dẫn dắt và tạo chuỗi khai thác khách hàng, đem đến giải pháp tài chính toàn diện cho doanh nghiệp lớn, cũng như góp phần khai thác và phát triển mạng lưới khách hàng ngày càng đa dạng hơn.

Một số khách hàng chuỗi tiêu biểu:

#### ***Chuỗi chủ đầu tư chiến lược***

Năm 2022, lần đầu tiên SeABank ký kết hợp tác với 12 chủ đầu tư chiến lược để triển khai chương trình bao thanh toán với hạn mức hơn 2.900 tỷ đồng dành cho nhà thầu, nhà cung cấp của chủ đầu tư chiến lược. Trong đó, hơn 880 tỷ đồng đã phân bổ về cho các đơn vị kinh doanh để triển khai trên khắp cả nước.

Với mục tiêu hợp tác cùng phát triển, các doanh nghiệp nhà thầu, nhà cung cấp trong chuỗi bao thanh toán có thể thuận tiện tiếp cận được nguồn vốn vay của SeABank mà không cần có tài sản bảo đảm. Trong khi đó, SeABank cũng cố được danh mục khách hàng hiện có, tăng doanh số giao dịch, đa dạng dòng thu thông qua bán chéo, gia tăng lợi ích cho tất cả các bên tham gia.

#### ***Chuỗi Vietnam Airlines***

Nhằm tiếp tục phát huy thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa Vietnam Airlines, Tập đoàn BRG và SeABank cũng như đưa mức độ hợp tác lên tầm cao mới, SeABank đã tham gia sâu rộng hơn mọi mặt xích trong chuỗi giá trị của Vietnam Airlines. Cụ thể, SeABank đã cung cấp nhiều sản phẩm cho Vietnam Airlines như: tín dụng, tiền gửi, quản lý dòng tiền, thẻ đồng thương hiệu SeATravel, thẻ SeAMileage, bán vé máy bay trên SeAMobile, sản phẩm thấu chi cho hội viên Bông Sen Vàng, kết nối hệ thống thanh toán để gia tăng số lượng giao dịch về SeABank. Tính đến năm 2022 đã phát hành khoảng 1.000 thẻ đồng thương hiệu SeATravel.

#### ***3.5.5. Tập trung vào các danh mục đầu tư then chốt***

Đánh giá được tình hình thị trường sẽ có nhiều bất lợi trong năm 2022, SeABank đã chủ động giảm bớt và cơ cấu lại danh mục đầu tư. Đồng thời, SeABank tiếp tục triển khai các sản phẩm đầu tư, qua đó đa dạng hóa các kênh sản phẩm, góp phần tăng trưởng quy mô cho SeABank.

Năm 2023, SeABank tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư, thoái vốn các khoản đầu tư không trọng yếu nhằm sử dụng vốn hiệu quả hơn, tập trung đầu tư vào các ngành nghề sản xuất kinh doanh,

thương mại dịch vụ, khu công nghiệp, hạn chế đầu tư vào bất động sản, phát triển đa dạng hơn sản phẩm đầu tư và phát triển thêm sản phẩm mới phù hợp với khẩu vị của từng phân khúc khách hàng.

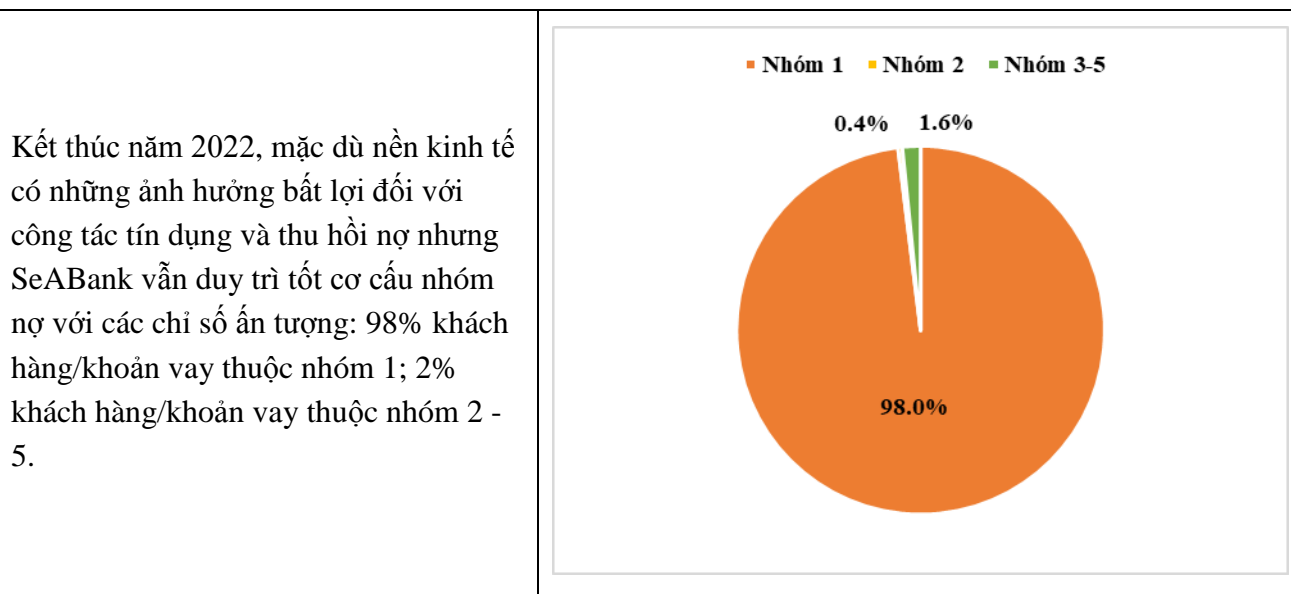
### 3.5.6. Duy trì cơ chế quản lý thu nợ, quản trị nợ chủ động

Năm 2022, SeABank tiếp tục cải tiến chính sách quản lý, giám sát, kiểm soát tuân thủ khoản vay sau khi giải ngân; chính sách thu hồi nợ, xử lý nợ nhằm tăng cường quản trị nợ chủ động và đảm bảo thực hiện xuyên suốt công tác quản lý nợ, thu hồi nợ từ trong hạn đến quá hạn và khi phát sinh thành nợ xấu, nợ có vấn đề.

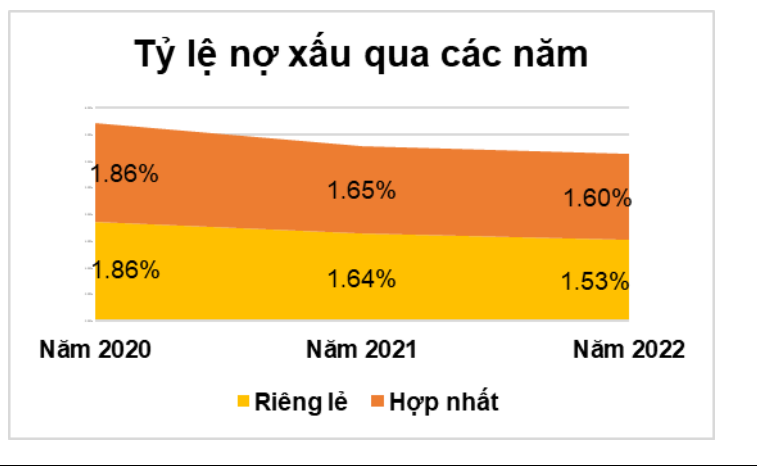
Theo đó, hệ thống nhắc nợ tự động qua tin nhắn (SMS) và Callbot vẫn được duy trì kết hợp với cùng với công tác thu hồi nợ, xử lý nợ trực tiếp bởi đội ngũ cán bộ thu hồi nợ, xử lý nợ chuyên trách tại Khối Xử lý nợ Hội sở. Hệ thống cảnh báo nợ sớm (EWS) tiếp tục được áp dụng và cải tiến thường xuyên giúp nhận dạng và phân loại sớm khách hàng vay để có biện pháp quản lý, thu hồi nợ, xử lý nợ phù hợp với từng nhóm khách hàng. Công tác giám sát tín dụng, kiểm soát tuân thủ công tác tín dụng được thực hiện thường xuyên và khuyến nghị kịp thời việc thu hồi nợ nhằm giảm thiểu/khắc phục rủi ro tín dụng. Chỉ tiêu thu hồi nợ được giao cụ thể đối với cả danh mục nợ cũ và danh mục nợ mới phát sinh trong năm và được đo lường, đánh giá, thúc đẩy từng tháng bởi Ủy ban Ngân sách và Quản trị Xử lý nợ nhằm hoàn thành tốt nhất kế hoạch được giao.

Việc phân công quản lý thu hồi khoản nợ tiếp tục được quy định rõ đối với đơn vị kinh doanh, Collection và xử lý nợ khu vực theo từng phân khúc khách hàng, từng loại sản phẩm. Đồng thời, SeABank cũng đã triển khai thí điểm việc đơn vị kinh doanh trực tiếp đôn đốc khách hàng trả nợ quá hạn từ 1-10 ngày nhằm tối ưu hiệu quả thu nợ, gia tăng trải nghiệm khách hàng.

Với cơ chế quản trị nợ chủ động, đa diện và xuyên suốt này, SeABank đã thu hồi hiệu quả nợ quá hạn, xử lý dứt điểm nhiều khoản nợ tồn đọng, kiểm soát tốt tỷ lệ chuyển nhóm nợ, tỷ lệ nợ xấu và góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng tín dụng.



Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục được kiểm soát giảm dần qua các năm:



### 3.5.7. *Đổi mới công tác vận hành, linh hoạt phòng chống dịch*

Năm 2022, nền kinh tế bước vào giai đoạn hồi phục sau dịch bệnh Covid-19, đây là thời kỳ của cơ hội nhưng cũng đi kèm không ít thách thức đối với SeABank nói chung và Khối Vận hành nói riêng. Trong năm qua, Khối Vận hành SeABank đã ghi nhận nhiều thành tựu trong việc đẩy mạnh số hóa quy trình vận hành, luôn chủ động và quyết tâm thay đổi thái độ làm việc, tất cả cùng hướng tới mục tiêu vận hành an toàn, thông suốt, hiệu quả, nâng cao trải nghiệm khách hàng.

#### **Các dự án nổi bật**

Kế thừa những thành tựu của năm 2021, SeABank không ngừng nghiên cứu, phát triển các dự án số hóa nhằm nâng cao hiệu quả vận hành nội bộ, trải nghiệm của khách hàng nội bộ và khách hàng của SeABank. Ước tính, trong năm 2022 các dự án của Khối Vận hành chiếm 55% trên tổng số dự án công nghệ được Khối Công nghệ ngân hàng số triển khai và đã mang về những kết quả ban đầu tích cực. Cụ thể:

- **Dự án Tự động hóa giao dịch tại quầy dịch vụ khách hàng (SeATeller)**

SeATeller chính thức go-live Giai đoạn 1 từ ngày 23/03/2022 đưa vào vận hành các nghiệp vụ phi tài chính tại quầy trên toàn hệ thống. Với việc số hóa các quy trình tác nghiệp tại quầy, ngay từ khi triển khai, dự án đã mang về rất nhiều tín hiệu tích cực với hơn 6.000 giao dịch được thực hiện và góp phần rút ngắn đến 60% thời gian thao tác của giao dịch viên.

- **Dự án quản trị tập trung luồng vận hành (SeATicket)**

SeATicket chính thức go-live từ ngày 28/04/2022 tại Vận hành Dịch vụ đa kênh và đơn vị kinh doanh. SeATicket là hệ thống quản trị tập trung luồng vận hành xử lý yêu cầu hỗ trợ tiếp nhận từ khách hàng bên ngoài và khách hàng nội bộ. Hiện tại, khối lượng giao dịch ghi nhận trên SeATicket trung bình đạt 70.000 yêu cầu hỗ trợ/tháng.

Trong năm 2022, Khối Vận hành cũng mở rộng ứng dụng SeATicket đối với các mảng nghiệp vụ tra soát giao dịch thẻ tại Vận hành Thẻ và Điều chuyển quỹ tại các Cụm Kho quỹ tập trung.

- **Dự án Tự động hóa vận hành tín dụng (SeAOps)**

SeABank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có áp dụng Hệ thống tự động soạn thảo và giải ngân tích hợp đối với toàn bộ các sản phẩm và toàn bộ các phân khúc khách hàng. Hệ thống SeAOps ra đời nhằm cung cấp giải pháp tối ưu cho các hoạt động vận hành tín dụng. Từ thời điểm go-live, SeAOps đã xử lý 15.640 giao dịch soạn thảo và giải ngân của xử lý tín dụng; 1.711 giao dịch phát hành bảo hiểm Bảo an tín dụng, hỗ trợ kiểm soát xấp xỉ 240.000 bút toán giao dịch. SeAOps đã giúp giảm đáng kể thời gian xử lý giao dịch của các đơn vị xử lý nghiệp vụ, so với năm 2021: xử lý tín dụng KHCN giảm 75%, xử lý tín dụng KHDN giảm 15%, dịch vụ bảo hiểm giảm 28%.

#### - **Dự án Swift Go**

Năm 2022, SeABank là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai thành công dịch vụ SWIFT GO tại thị trường Việt Nam. Đây là một giải pháp của tổ chức SWIFT cung cấp trải nghiệm thanh toán nhanh cho các giao dịch thanh toán quốc tế giá trị thấp (dưới 10.000 USD/GBP/EUR).

Dự án đã mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng, đặc biệt là đối tượng khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và KHCN. Khi thực hiện giao dịch SWIFT GO, giao dịch chuyển tiền quốc tế được thực hiện nhanh chóng, người thụ hưởng sẽ nhận toàn bộ số tiền chuyển, không phải chịu bất kỳ khoản phí nào từ các đại lý trung gian.

Với việc triển khai SWIFTGO, SeABank đã đạt được ưu đãi theo Chương trình khuyến khích tham gia SWIFT GO là 57.494,7 USD (tương đương 1,3 tỷ đồng), đồng thời khẳng định một bước tiến quan trọng về năng lực và uy tín của SeABank trong hoạt động thanh toán quốc tế, mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng.

#### - **Một số dự án nổi bật khác:**

Ngoài ra, trong năm qua Khối Vận hành còn triển khai một số dự án khác như: dự án Hỗ trợ hạch toán Thanh toán lương và Chuyển tiền theo lô (SeAPay Pro), dự án ứng dụng Chat bot trong Hỗ trợ nghiệp vụ Quầy dịch vụ khách hàng, dự án Phần mềm mua sắm và Quản lý tài sản (SeAPurchase) hay dự án Nâng cao 10 hành trình trải nghiệm khách hàng... Các dự án bước đầu đều mang về những kết quả khả quan, là minh chứng rõ nét cho sự sáng tạo, đổi mới của Khối Vận hành. Các kết quả đo lường mức độ hài lòng của khách hàng trong năm qua đã cho thấy rõ sự cải tiến trong chất lượng dịch vụ của Khối Vận hành SeABank và thể hiện tác động, ảnh hưởng rõ ràng của việc cải tiến, số hóa các quy trình vận hành.

#### **Nâng cao trải nghiệm khách hàng**

Bên cạnh kênh giao dịch trực tiếp tại quầy giao dịch truyền thống, thì kênh chăm sóc khách hàng qua điện thoại 24/7 hiện là kênh tương tác được khách hàng quan tâm sử dụng, với tốc độ tăng trưởng số lượng yêu cầu hỗ trợ trung bình hàng năm đạt gần 25%. Trong năm 2022, SeABank tiếp tục mở rộng kênh chăm sóc khách hàng thông qua các hỗ trợ Social media bao gồm: kênh Email, Facebook, Webchat, App notification và Video call nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển dịch giao dịch số của khách hàng. Trong đó, khối lượng yêu cầu hỗ trợ của khách hàng qua kênh Video call năm 2022 tăng gấp 3 lần so với năm 2021. Điều này cho thấy xu hướng chuyển dịch chăm sóc khách hàng qua các kênh qua điện thoại và nền tảng số sẽ tiếp tục được mở rộng trong tương lai.

Phạm vi hỗ trợ và chăm sóc khách hàng tại SeABank đang được mở rộng theo hướng chuyên dịch dần các nhóm nghiệp vụ hiện đang được xử lý tại quầy giao dịch truyền thống sang xử lý tức thời qua kênh Contact Center 24/7 nhằm gia tăng sự thuận tiện, tiết kiệm thời gian chi phí đi lại giao dịch của khách hàng cũng như rút ngắn thời gian chờ xử lý giao dịch từ khách hàng. Trước đây khách hàng sẽ cần phải tới trực tiếp các chi nhánh của Ngân hàng để yêu cầu phát hành lại thẻ, thay đổi hạn mức giao dịch hay chuyển đổi trả góp giao dịch, thì ngày nay khách hàng có thể sử dụng số điện thoại đã được đăng ký với SeABank để yêu cầu xử lý giao dịch trực tiếp 24/24. Các khoản phí giao dịch phát sinh sẽ được Hỗ trợ kênh 24/7 thực hiện trích thu trực tiếp từ tài khoản thanh toán của khách hàng nhanh chóng và thuận tiện.

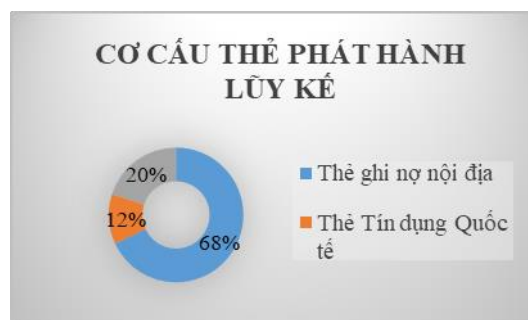
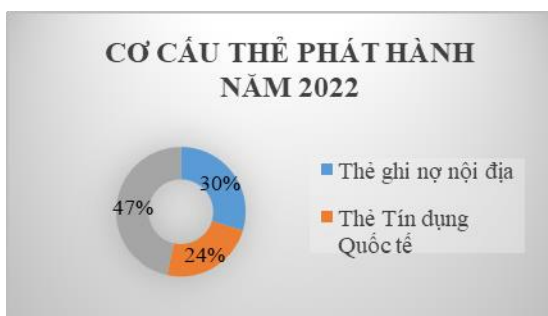
Theo số liệu thống kê từ các nhóm dịch vụ hỗ trợ có thu phí triển khai qua kênh Contact Center 24/7, trong 03 tháng cuối năm 2022, số phí dịch vụ SeABank thu được từ kênh 24/7 đang đạt mức 475 triệu đồng/tháng và có thể gia tăng nếu phạm vi hỗ trợ các nghiệp vụ được tiếp tục mở rộng và chuyển dịch tốt. Trong phạm vi dự án Trải nghiệm khách hàng SeABank do Khối KHCN và đối tác CEM PARTNERS chủ trì, Khối Vận hành đã chủ động và trực tiếp tham gia làm chủ (Factors) của 4 hành trình trải nghiệm khách hàng vượt trội bao gồm: hành trình trải nghiệm thẻ tín dụng SeABank; hành trình tiết kiệm tại quầy; hành trình trải nghiệm SeAHome và hành trình mua sắm thanh quyết toán. Nhiều giải pháp và sáng kiến đã được triển khai nhanh chóng, hiệu quả mang lại trải nghiệm tốt cho khách hàng bên ngoài và khách hàng nội bộ.

Trong năm 2022, Khối Vận hành đã tổ chức thành công các chương trình thi đua nội bộ dành cho các CBNV trong đơn vị, bao gồm: cuộc thi “Câu chuyện truyền cảm hứng trải nghiệm khách hàng”, “Hành trình trải nghiệm khách hàng xuất sắc”... thu hút đông đảo CBNV trong Khối Vận hành tham gia với gần 100 bài dự thi là những câu chuyện mang nhiều trải nghiệm khách hàng tích cực, tốt đẹp đến từ chính công tác vận hành thường ngày của các CBNV. Với kinh nghiệm triển khai các dự án và chương trình thi đua Hành trình Trải nghiệm khách hàng, Khối Vận hành đã phân công 6 cán bộ làm giảng viên nội bộ, trực tiếp đào tạo nghiệp vụ trải nghiệm khách hàng cho các khối phòng ban nghiệp vụ tại Hội sở SeABank, góp phần lan tỏa rộng rãi tư duy trải nghiệm khách hàng xuất sắc.

## **Vận hành Thẻ**

### **- Phát hành thẻ:**

Trong năm 2022, SeABank đã phát hành 155.841 thẻ, bao gồm 36.876 thẻ tín dụng quốc tế, 72.929 thẻ ghi nợ quốc tế và 16.036 thẻ ghi nợ nội địa. SeABank đã nâng tổng số thẻ lũy kế lên 1.407.120 thẻ, trong đó 211.831 thẻ tín dụng quốc tế, 356.713 thẻ ghi nợ quốc tế và 838.576 thẻ ghi nợ nội địa.



### - Mạng lưới ATM, POS

Mạng lưới ATM: Tính đến 31/12/2022, toàn hệ thống có 334 ATM đang hoạt động, trong đó triển khai mở mới trong năm 2022 là 26 ATM. Doanh thu phí ATM trong năm 2022 đạt 18,86 tỷ đồng, tăng 33,75% so với năm 2021.

Mạng lưới POS: Tính đến 31/12/2022, số lượng POS lũy kế toàn hàng là 1.171 máy, trong đó triển khai mở mới là 86 POS. Doanh thu phí POS đạt được trong năm 2022 là 49,2 tỷ đồng, tăng 72% so với năm 2022.

### - Chuyển đổi số hóa hoạt động thẻ

Với định hướng là một ngân hàng bán lẻ hiện đại và lấy khách hàng làm trọng tâm, trong năm 2022, SeABank đã triển khai thành công dự án mã PIN điện tử (ePIN) cho tất cả các sản phẩm thẻ KHCN.

SeABank cũng là một trong các ngân hàng tiên phong tại thị trường Việt Nam áp dụng công nghệ mới nhất về xác thực và bảo vệ giao dịch trực tuyến cho giao dịch của chủ thẻ. Theo đó, SeABank đã hoàn thành và triển khai phương thức bảo mật phiên bản v2.0 cho toàn bộ thẻ quốc tế SeAVisa và SeAMasterCard. Các chủ thẻ quốc tế của SeABank khi thanh toán trực tuyến sẽ được bảo vệ ở mức độ cao nhất và có lợi thế cao hơn các đơn vị chấp nhận thẻ chưa có 3DS hoặc phiên bản 3DS thấp hơn, trong trường hợp phát sinh tra soát, đòi bồi hoàn cho các giao dịch gian lận giả mạo.

### Vận hành thanh toán

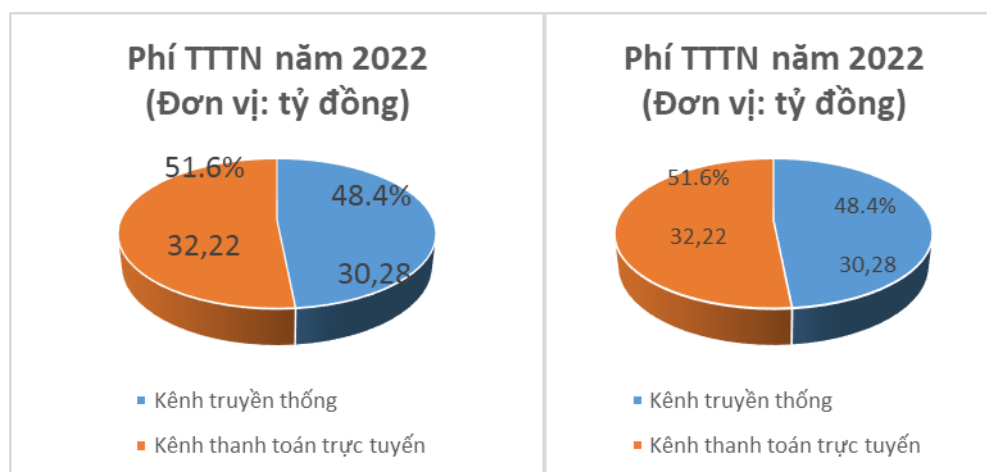
#### - Thanh toán trong nước

Trong năm 2022, SeABank tiếp tục chú trọng phát triển mạnh hệ sinh thái số với các sản phẩm, dịch vụ, phương thức thanh toán kết nối tiện lợi, đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng. Ngoài các dịch vụ kết nối với VietnamPost, VNPT Media, PTF, Momo, Thunes Tiktok-B2B-C2C, Supermarket, Inpay..., SeABank đã kết nối thêm với các đối tác bảo hiểm Opes, Conek... và nâng cấp API kiểu hồi nâng cao năng lực xử lý của hệ thống, tạo thành một mạng lưới thanh toán rộng khắp. Bên cạnh đó, SeABank cũng tiếp tục mở rộng dịch vụ thu ngân sách Nhà nước với nhiều điểm kinh doanh của SeABank, mở rộng kết nối với nhiều Kho bạc Nhà nước để phục vụ khách hàng được hiệu quả hơn, đa dạng hơn dịch vụ hỗ trợ nộp ngân sách Nhà nước.

Với các nỗ lực trên, năm 2022 SeABank đã đạt được kết quả tốt trong các dịch vụ thanh toán trong nước với xu hướng phát triển giao dịch bán lẻ qua kênh chuyển tiền điện tử. Vì vậy, số lượng giao

dịch và doanh thu phí thu được có xu hướng dịch chuyển dần từ kênh truyền thống sang kênh điện tử. Cụ thể:

- ❖ Số lượng giao dịch thanh toán qua kênh thanh toán trực tuyến đạt hơn 37,4 triệu giao dịch tăng 58,7% so với năm 2021, chiếm tỷ trọng 96,1% tổng số lượng giao dịch.
- ❖ Về doanh thu phí thanh toán trong nước: trong năm 2022, SeABank vẫn tiếp tục thực hiện chính sách miễn phí dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7, nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sau đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, do số lượng giao dịch thanh toán trong nước tăng mạnh mẽ, nên doanh thu phí đạt kết quả khá ấn tượng với 62,5 tỷ đồng, tăng 50,7% so với năm 2021. Trong đó, doanh thu phí qua kênh thanh toán trực tuyến đạt 32,22 tỷ đồng, chiếm trên 51% tổng doanh thu phí thanh toán trong nước.



#### - Thanh toán quốc tế

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đầy khó khăn và thách thức đó, hoạt động thanh toán quốc tế (TTQT) tại SeABank năm 2022 vẫn đạt được mức tăng trưởng ấn tượng cả về số lượng và doanh số giao dịch cũng như doanh thu phí. Cụ thể:

- ❖ Số lượng giao dịch TTQT năm 2022 đạt 35.385 giao dịch, tăng hơn 57,78% so với năm 2021.
- ❖ Doanh số đạt tương ứng 65,665 tỷ đồng và tăng 54,62% so với năm 2021.
- ❖ Doanh thu phí 132,98 tỷ đồng và tăng 176,98% so với năm 2021.

Con số tăng trưởng vượt bậc nêu trên nhờ vào định hướng của Ngân hàng xây dựng chính sách thúc đẩy bán với nhiều chính sách ưu đãi dành cho KHDN xuất nhập khẩu, KHCCN, cũng như các chương trình hỗ trợ thúc đẩy bán, thi đua nội bộ đã thu hút thêm rất nhiều khách hàng mới giao dịch tại SeABank.

Đối với hoạt động TTTM, SeABank tiếp tục được IFC và nhiều quỹ đầu tư quốc tế cấp gói tín dụng tổng trị giá 220 triệu USD nhằm hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; cung cấp tín dụng cho các doanh nghiệp SME trong hoạt động xuất nhập khẩu; nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực

cạnh tranh trên thị trường cho các doanh nghiệp, đặc biệt là tài trợ cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

### **Vận hành phát triển mạng lưới**

#### **- Công tác mở rộng mạng lưới:**

Năm 2022, SeABank đã khai trương thành lập mới 5 Chi nhánh và 3 Phòng giao dịch. Theo đó, mạng lưới được mở rộng tới 3 tỉnh/thành phố chưa có hiện diện của SeABank như tỉnh Bắc Giang, tỉnh Nam Định và tỉnh Bình Phước, nâng tổng số tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có điểm giao dịch của SeABank từ 29 tỉnh/thành phố lên 31 tỉnh/thành phố.

Tính đến hết 31/12/2022, SeABank có 181 điểm giao dịch.

### **3.6. Đánh giá của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề người lao động**

---

#### *3.6.1. Hoạt động đào tạo*

Với chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự, đảm bảo nguồn nhân sự chất lượng cao để sẵn sàng cho các mục tiêu phát triển dài hạn, SeABank đã đầu tư mạnh mẽ cho công tác đào tạo tập trung vào các trụ cột chính như sau:

- ✓ Phát triển năng lực lãnh đạo quản lý và phát triển đội ngũ quản lý kế cận theo SeAMove 6;
- ✓ Nhân rộng và lan tỏa văn hóa Coaching & Mentoring tại SeABank;
- ✓ Triển khai mạnh mẽ nền tảng học tập số (Digital Learning);
- ✓ Song hành cùng công tác quản lý nhân tài, tìm kiếm, bồi dưỡng và phát triển nhân sự tài năng, tiềm năng.

Trong năm 2022, các chương trình, khóa đào tạo tại SeABank không chỉ tăng về lượng mà còn về nội dung, chất lượng, bám sát năng lực chức danh công việc với những kết quả đáng ghi nhận:

- ✓ Hầu hết các chỉ số đào tạo đều tăng so với cùng kỳ năm trước: 59.553 lượt CBNV tham gia đào tạo (phân bổ ở cả 3 hình thức học tập: tập trung, online & e-learning); 6.514 người tham gia đào tạo với 936 khóa đào tạo, tỷ lệ tham gia đào tạo đạt 84%.
- ✓ Các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp cho từng cấp độ từ chuyên viên đến quản lý sơ cấp, cấp trung, cấp cao: đảm bảo 100% nhóm năng lực, 100% nhóm đối tượng, 100% nhóm chức danh, 100% nhân viên mới được đào tạo.
- ✓ Sự xuất hiện của nhiều chương trình đào tạo mới được “may đo” chuyên sâu. Các chương trình nổi bật dành cho LLB như: kỹ năng thẩm định khoản vay trung & dài hạn; chiến lược chinh phục KHDN; kỹ năng bán hàng tư vấn tài chính cá nhân; workshop liên khối về rủi ro tín dụng bán lẻ... Các khóa đào tạo cho CBNV Hội sở như: Kỹ năng xây dựng quy trình; Kỹ năng quản lý dự án.

Nội dung đào tạo cho các cấp quản lý: ngoài các chương trình đào tạo theo năng lực dành cho cán bộ quản lý định kỳ, từ trường nhóm tới quản lý cấp trung, cấp cao như: SeAHipo, SeACaptains, SeAFactors, SeACoach..., SeABank đã phát triển thêm chương trình mới **SeAChallengers** - chương trình phát triển kỹ năng lãnh đạo đội nhóm dành cho các quản lý tại ĐVKD. Năm 2022 cũng đánh giá dấu sự quay trở lại của **SeACaptains** - chương trình đào



tạo dành cho các quản lý cấp trung Hội sở, với phiên bản cập nhật cải tiến cả về nội dung và hình thức đào tạo. Chương trình đào tạo quản lý cấp trung **SeAManagers** mùa thứ 6 cũng được chuẩn hóa, phát triển và triển khai trong 6 tháng cuối năm 2022, đây cũng là chương trình đào tạo thường niên đánh dấu thương hiệu nhân sự của SeABank trên thị trường ngân hàng.

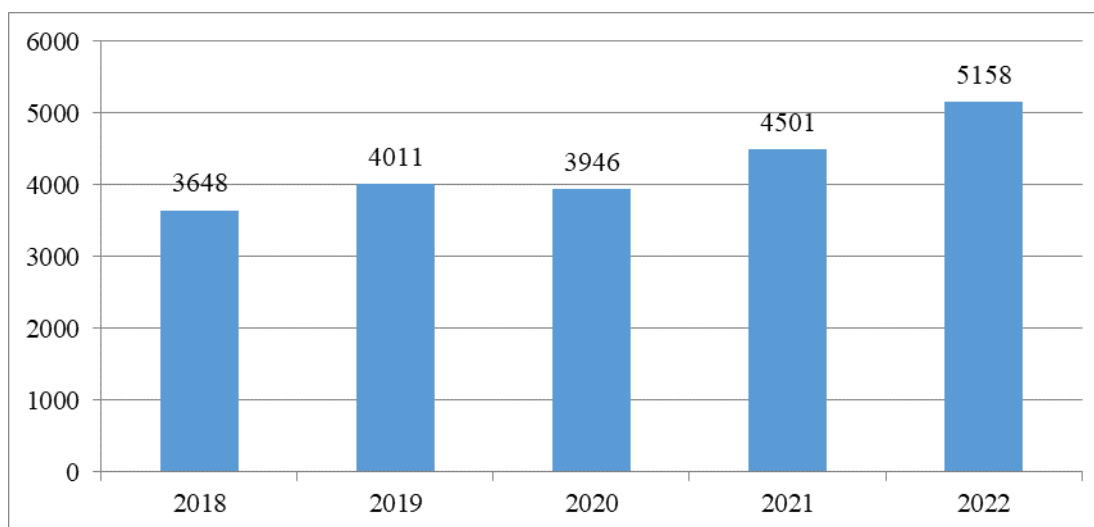
- ✓ Chương trình đào tạo dành cho các nhân tố SeABank - **SeAFactors** và chương trình đào tạo kỹ năng huấn luyện - **SeACoach** tiếp tục được triển khai. Tính đến thời điểm tháng 10.2022 số lượng SeACoach là 18 người, tổng Coachee là 46 người; tổng giờ Coach là 276 giờ. Đặc biệt, sau gần 2 năm cố gắng và trải qua nhiều giờ đào tạo, thực hành huấn luyện, 12 SeACoach năm 2022 (năm 2020: 5 SeACoach, năm 2021: 07 SeACoach) đã nhận được chứng chỉ **SeACoach** cấp bởi SeABank và đối tác chiến lược về đào tạo – **iChange Center**. Đây là lần đầu tiên cấp chứng chỉ Coach tại SeABank - Certified SeACoach.

### 3.6.2. Hoạt động phát triển nguồn nhân lực

#### **Phát triển nguồn lực sẵn sàng cho chiến lược kinh doanh**

Trong năm 2022, SeABank ưu tiên phát triển đội ngũ nhân sự linh hoạt, hiệu quả sẵn sàng phục vụ cho chiến lược kinh doanh chung của ngân hàng thông qua việc kết hợp giữa chiến lược tuyển dụng, thu hút nhân tài - đào tạo, phát triển nhân sự - quy hoạch đội ngũ nhân tài kế cận - chính sách đãi ngộ thúc đẩy hiệu quả và giữ chân nhân tài.

SeABank tiếp tục đẩy mạnh truyền thông, phát triển thương hiệu của ngân hàng trên thị trường nhân sự thông qua đa dạng các kênh tuyển dụng như: giải pháp Talent Solution; dịch vụ tuyển dụng của các đối tác chuyên nghiệp (BRG Talent); các kênh đăng tuyển Social Recruiting; các chương trình tạo nguồn, chương trình Thực tập sinh tiềm năng, các chương trình giới thiệu ứng viên... với mục tiêu thu hút các ứng viên có năng lực, trình độ phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh và văn hóa cốt lõi của SeABank. Trong năm 2022, tổng số nhân sự của ngân hàng đã nâng lên 5.158 CBNV, tỷ lệ tăng nhân sự đạt 14,5%. Số lượng nhân sự chi tiết qua 5 năm gần nhất như sau:



Với cơ cấu lao động trẻ, năng động và có trình độ chuyên môn, SeABank đang phát triển được đội ngũ nhân sự đáp ứng định hướng số hóa và phát triển công nghệ nhằm nâng cao quy mô và hiệu quả

của ngân hàng. Nguồn lực được tuyển dụng được đa dạng hóa thông qua cấu trúc về giới tính và dân tộc nhằm xây dựng được nguồn lực đa dạng kiến thức và văn hóa, am hiểu địa bàn và phát triển thị trường vi mô theo từng khu vực.

Bên cạnh việc tăng cường đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc tại các đơn vị trên toàn hệ thống, SeABank cũng tích cực triển khai chuỗi các chương trình: SeATour, Thực tập sinh tiềm năng, Khởi nghiệp cùng SeABank, Talkshow định hướng nghề nghiệp trực tiếp và trực tuyến, phát triển kênh “Tuyển dụng SeABank” trên các kênh mạng xã hội... nhằm thu hút nhân tài, phát hiện bồi dưỡng đội ngũ nhân sự trẻ, tiềm năng, phù hợp với lộ trình phát triển của ngân hàng, đồng thời xây dựng thương hiệu tuyển dụng SeABank.

SeABank tăng cường đầu tư cho công tác quy hoạch nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) và khung quy hoạch nhân tài (Talent pool) dựa trên đánh giá năng lực (Competency) nhằm quy hoạch đội ngũ kế cận đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh mẽ của ngân hàng, đồng thời xây dựng môi trường làm việc tạo cơ hội tối đa cho sự phát triển năng lực và lộ trình phát triển cá nhân (PDP) của CBNV:

- Hệ thống các chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp định kỳ;
- Hệ thống chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch giám đốc tiềm năng, trưởng nhóm tiềm năng...

Hệ thống KPIs định hướng chiến lược và quản lý hiệu quả của SeABank được nâng cao qua việc tiếp tục triển khai Dự án KPIs đối với các khối Hội sở với sự tư vấn của Mercer Singapore kết hợp kế hoạch tái cấu trúc mô hình tổ chức nhằm nâng cao hiệu suất và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh (improve performance management) theo định hướng chiến lược của ngân hàng.

### 3.6.3. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Song song với việc đảm bảo các phúc lợi, đãi ngộ theo đúng quy định của Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội, chính sách đãi ngộ tổng thể (Total Rewards) của SeABank được xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh và chiến lược nhân sự với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ dẫn đầu và được yêu thích nhất, nhằm mang đến cho CBNV những đãi ngộ cạnh tranh, xứng đáng với đóng góp và cống hiến của mỗi cá nhân đối với sự phát triển của SeABank. Trong năm 2022, SeABank đã triển khai các chính sách:

- Điều chỉnh lương định kỳ: với các tiêu chí điều chỉnh, xem xét tập trung vào vị trí đảm nhiệm, hiệu quả làm việc thực tế, mức độ đóng góp và thâm niên, cống hiến của từng cá nhân dựa trên cấu trúc lương 3P với sự tham gia tư vấn của Talentnet - Mercer.
- Hệ thống chính sách thúc đẩy hiệu quả: dựa trên năng lực làm việc, kết quả làm việc, thành tích và đóng góp, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng nhằm khích lệ, ghi nhận sự đóng góp của mỗi thành viên, tập thể trong tổ chức:
  - Các chương trình thi đua, thúc đẩy theo định hướng kinh doanh và mục tiêu phát triển của Ngân hàng;
  - Chính sách lương kinh doanh bổ sung đối với nhóm kinh doanh trực tiếp (Front) với sự tư vấn của đối tác Talentnet - Mercer thúc đẩy kết quả, hiệu quả kinh doanh của lực lượng bán theo mục tiêu từng phân khúc kinh doanh;
  - Chính sách hiệu quả công việc dựa trên hiệu quả làm việc của từng đơn vị, cá nhân và mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng;
  - Các chính sách thành tích cho các cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chương trình, dự án; thưởng ý tưởng và giải pháp sáng tạo...;

- Các chính sách phúc lợi ngày càng được mở rộng và nâng cao nhằm mang lại giá trị đãi ngộ tốt nhất cho CBNV, đồng thời tạo được sự khác biệt về chính sách theo thâm niên, kết quả làm việc:
  - Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVICare cho CBNV và người thân với quyền lợi bảo hiểm được mở rộng, nâng cao hàng năm (tăng hạn mức bồi thường; tăng độ tuổi được tham gia bảo hiểm cho người thân CBNV);
  - Chương trình khám sức khỏe định kỳ với danh mục khám chuyên sâu, mở rộng tại các bệnh viện uy tín và có chất lượng dịch vụ tốt;
  - Chính sách phát hành cổ phiếu lựa chọn dành cho người lao động (SeAESOP): mang đến cho CBNV những giá trị đãi ngộ gắn liền với giá trị phát triển bền vững của Ngân hàng và thúc đẩy tạo giá trị gia tăng;
  - Chính sách vay vốn ưu đãi SeAStaff Privilege với hạn mức và lãi suất ưu đãi hấp dẫn, cạnh tranh;
  - Chính sách về chế độ nghỉ phép năm: số ngày nghỉ phép năm mở rộng theo thâm niên, cấp bậc.

Những kết quả đạt được của hoạt động nhân sự trong năm 2022 đã đóng góp một phần quan trọng trong việc tạo dựng nền tảng vững vàng về nguồn lực để triển khai thành công kế hoạch kinh doanh. Năm 2022 cũng là năm thứ 2 liên tiếp SeABank được công nhận là “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2022” (Best Companies to Work for in Asia 2022) bởi HR Asia - tạp chí uy tín hàng đầu về nhân sự tại Châu Á.

### **3.7. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Với nỗ lực không ngừng để đáp ứng nhu cầu và mang lại dịch vụ tối ưu cho khách hàng, SeABank liên tục cải tiến về chính sách và cơ chế thúc đẩy hiệu quả. Mục tiêu cải tiến tập trung vào tối ưu hóa các quy trình, giảm thời gian vận hành (TAT), tăng cường chất lượng dịch vụ thông qua công nghệ và đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản về tư duy chú trọng chất lượng dịch vụ, nâng cao kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn và ổn định cho Ngân hàng.

Các cải tiến trong chính sách thúc đẩy hiệu quả trong năm vừa qua đã góp phần trong việc mang lại những kết quả kinh doanh ấn tượng của SeABank, góp phần nâng cao hiệu quả và giá trị nhân viên, gia tăng năng lực cạnh tranh và đồng thời tăng cường niềm tin của nhân viên, khách hàng, đối tác với Ngân hàng. Văn hóa cải tiến và chú trọng hiệu quả sẽ tiếp tục là mục tiêu được phát huy tối đa trong lộ trình phát triển bền vững của SeABank để trở thành Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất.

#### Quy trình đánh giá hiệu quả công việc

SeABank đã triển khai một quy trình đánh giá hiệu quả công việc định kỳ và có hệ thống KPIs được tư vấn bởi các chuyên gia từ Mercer (Singapore). Quy trình này có mục đích định hướng, thúc đẩy, ghi nhận và không ngừng phát triển hoạt động của SeABank. Quy trình được thiết lập theo chu trình tuần hoàn và bao gồm các bước như thiết lập và giao mục tiêu, theo dõi kết quả thông qua các hệ thống dữ liệu độc lập, đánh giá và phản hồi, và đưa ra các giải pháp cải tiến để nâng cao hiệu suất và đào tạo, phát triển.

Với mục tiêu về định vị giá trị nhân viên (EVP) của Ngân hàng, bảo vệ quyền lợi người lao động là yếu tố cơ bản trong toàn bộ hệ thống chính sách của Ngân hàng, được quy định tại Nội quy lao động và được đảm bảo trong toàn bộ quá trình vận hành, chính sách, văn hóa tổ chức của SeABank.

### Xây dựng Chiến lược Nhân sự 2020 – 2025

SeABank cũng đã xây dựng một chiến lược nhân sự dài hạn giai đoạn 2020 - 2025 với mục tiêu trở thành ngân hàng được yêu thích nhất tại Việt Nam. Chiến lược này được chúng tôi phát triển cùng đối tác tư vấn nhân sự hàng đầu Talentnet và bao gồm các giải pháp tổng thể để nâng cao hiệu quả hệ thống đãi ngộ tổng thể, quản lý hiệu suất làm việc, phát triển năng lực nhân sự và nâng cao trải nghiệm của nhân viên.

Dựa trên Chiến lược chuyển đổi toàn diện tới năm 2025, với vai trò là một trong 5 trụ cột chiến lược, chiến lược nhân sự của SeABank được hoạch định nhất quán theo chiến lược phát triển của Ngân hàng, tập trung vào các mục tiêu trọng tâm:

- Thúc đẩy Hiệu suất làm việc: tái cấu trúc cơ cấu tổ chức theo chức năng Front, Middle, Back, triển khai đồng thời Dự án KPIs cho các đơn vị để thúc đẩy hợp tác trong công việc theo định hướng chiến lược về ngân hàng số và dịch vụ khách hàng; chuyên môn hóa nguồn nhân lực và KPI theo phân khúc khách hàng, kết hợp chính sách Lương kinh doanh dựa trên hiệu quả công việc nhằm thúc đẩy hiệu quả kinh doanh.
- Hệ thống đãi ngộ Total Rewards theo hiệu quả: hệ thống các chính sách chi trả cạnh tranh dựa trên hiệu quả và phúc lợi, đãi ngộ hấp dẫn định hướng hành vi của CBNV theo chiến lược kinh doanh và khuyến khích hiệu suất cao.
- Phát triển năng lực đội ngũ: Xây dựng **khung Năng lực** (Competency Framework) kết hợp với chuẩn hóa **Lộ trình nghề nghiệp** (Career Roadmap) nhằm phát triển đội ngũ nhân sự có kỹ năng (skill set) đáp ứng yêu cầu của chiến lược chuyển đổi, đồng thời trao cho CBNV cơ hội, động lực phát triển cá nhân (personal development), gắn kết với SeABank.
- Thúc đẩy văn hóa học tập, phát triển cá nhân: triển khai **hệ thống các chương trình đào tạo** đối với toàn bộ đội ngũ nhân sự từ chuyên viên với cán bộ quản lý, đào tạo đa dạng kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, từ đào tạo (training) đến huấn luyện (coaching) để xây dựng một đội ngũ nhân sự có năng lực và phát triển đội ngũ kế cận của Ngân hàng.
- Xây dựng Văn hóa tổ chức: **Văn hóa tổ chức** hình thành trên nền tảng hợp tác trao đổi, đam mê công việc, hướng tới hiệu quả và khát vọng thành công.

### **3.8. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Trong thời gian tới, SeABank sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết giảm chi phí, đồng thời triển khai các dự án với đối tác tư vấn nước ngoài nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh, tăng cường năng lực quản trị nội bộ trong các lĩnh vực như QTRR, CNTT, quản trị nguồn nhân lực. Mục tiêu kinh doanh của SeABank năm 2023 như sau:

- Tập trung và đẩy mạnh thu nhập từ phí và thu nhập ngoài lãi;
- Nâng cao tỷ suất lợi nhuận của các mảng/sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm/sản phẩm đặc thù mới, hiệu quả, có khả năng sinh lời cao phù hợp với nhu cầu khách hàng;

- Tối ưu hóa chi phí vận hành, tập trung đầu tư cho các dự án công nghệ trọng điểm, tiện ích tích hợp trên nền tảng công nghệ, hướng tới nền tảng ngân hàng số và chiến lược Hội tụ số; đa dạng hóa sản phẩm cho vay;
- Nâng cao chất lượng tài sản và quản lý chặt chẽ nợ xấu, xử lý triệt để nợ xấu;
- Tăng trưởng tín dụng phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của SeABank và quy định của NHNN, đồng thời tập trung phát triển các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao và các sản phẩm mới có dư nợ tín dụng đầu vào khoa học và công nghệ;
- Bám sát tốc độ tăng trưởng tín dụng để điều chỉnh kế hoạch huy động vốn cho phù hợp. Thực hiện chính sách huy động theo nhu cầu vốn, đảm bảo cân đối nhu cầu giải ngân, đảm bảo thanh khoản và thu hẹp dần chênh lệch kỳ hạn giữa cho vay và huy động.

### **Định hướng hoạt động năm 2023:**

- Tăng trưởng mạnh mẽ huy động không kỳ hạn (CASA), tăng tỷ trọng CASA trong tổng nguồn huy động.
- Tăng tỷ trọng dư nợ cá nhân trong tổng dư nợ; tăng trưởng dư nợ sinh lời cao để nâng cao hiệu quả hoạt động toàn hệ thống.
- Đẩy mạnh doanh số TTTM, CTQT, giao dịch online; tăng trưởng tỷ trọng tiền gửi tiết kiệm online và tăng cường hoạt động bán chuỗi/bán chéo giữa các phân khúc.
- Tiếp tục triển khai xu thế số hóa: tăng số lượng users/tài khoản e-bank, sản phẩm, khách hàng mới sử dụng công nghệ số; chú trọng mạnh vào đầu tư công nghệ đối với mảng cá nhân và SME, số hóa các hoạt động vận hành trong hệ thống để đơn giản hóa, tự động hóa và tiến tới áp dụng sâu trí tuệ nhân tạo trong công tác vận hành.
- Yêu cầu đơn vị kinh doanh tăng quy mô và lợi nhuận: Nâng quy mô bắt buộc đối với các đơn vị kinh doanh chưa đạt sàn; tiếp tục cải thiện quy mô và hiệu quả theo từng đơn vị kinh doanh.

Chú trọng quản trị và thu hồi nợ quá hạn, nợ NPL; tăng tỷ trọng KPIs để nâng cao trách nhiệm của các khối kinh doanh/khu vực/đơn vị kinh doanh trong việc QTRR và nợ; nâng cao năng lực quản lý và thu hồi nợ của Xử lý nợ, quy hoạch trách nhiệm xử lý nợ quá hạn và hỗ trợ đơn vị kinh doanh cải thiện kết quả kinh doanh.

### **Các giải pháp đạt mục tiêu, chiến lược/dự án cần triển khai trong năm 2023 (ngoại trừ hoạt động đầu tư)**

#### **Khách hàng cá nhân**

Với phương châm khách hàng là trọng tâm, SeABank tiếp tục đẩy mạnh phát triển nền tảng khách hàng không chỉ về số lượng mà còn gia tăng về trải nghiệm khách hàng đối với các dịch vụ của Ngân hàng.

Kết hợp các phương tiện truyền thông số và đối tác kỹ thuật số theo xu hướng công nghệ mới nhất, SeABank đã thành công phát triển gần 1.000.000 KHCN trong 2022. Đây là dấu mốc quan trọng trên hành trình phát triển ngân hàng bán lẻ sau 28 năm thành lập SeABank.

Nhận thấy chiến lược liên kết đối tác là một chiến lược Win - Win, đem lại lợi ích lâu dài cho các bên, SeABank tiếp tục duy trì và mở rộng hệ thống đối tác là các tổng công ty, tập đoàn và thông qua

các hiệp hội doanh nghiệp. Bên cạnh đó, SeABank sẽ tiếp tục đầu tư và phát triển hệ sinh thái số - gắn với nền tảng công nghệ để ngày một gia tăng giá trị, tiện ích và trải nghiệm ngân hàng số cho khách hàng.

Theo xu hướng nhu cầu ngày càng phát triển xuyên quốc gia của khách hàng và khả năng nhân được thêm nhiều nguồn tài trợ từ các đối tác quốc tế như: ADB, IFC... Năm 2023, SeABank cũng sẽ tập trung đẩy mạnh nhóm khách hàng đại lý phân phối xe ô tô, vật liệu xây dựng, thi công xây lắp, khách hàng xuất nhập khẩu, FMCG, thương mại điện tử, lĩnh vực khai thác năng lượng xanh, tín dụng xanh, doanh nghiệp nữ chủ, nhóm khách hàng sử dụng các dịch vụ đa dạng liên quan đến thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, dịch vụ phi tín dụng, mua bán ngoại tệ, sử dụng thẻ quốc tế và các sản phẩm cấu trúc giao dịch ở thị trường sơ cấp mang lại lợi ích cho khách hàng và đẩy mạnh thu phí cho ngân hàng.

### **Khách hàng doanh nghiệp**

- Mở rộng và đi vào chiều sâu khai thác phát triển khách hàng trong hệ sinh thái của các đối tác tiềm năng thông qua việc phát triển các sản phẩm mới, toàn diện cho khách hàng cũng như tăng cường mở rộng mạng lưới khách hàng để mang lại hiệu quả hợp tác cao: Tập đoàn BRG, Honda Việt Nam, Thaco Auto, VNPT, Vietnam Airlines...

- Tiếp tục tăng cường các mối quan hệ phối hợp, hợp tác với các cơ quan chính phủ, các tổ chức trong và ngoài nước về sự phát triển phụ nữ như Bộ công thương, Bộ kế hoạch đầu tư, Hiệp hội nữ doanh nhân Việt Nam (VAWE), Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam (VWEC), VCCI, tổ chức ITC, chương trình Shemeanbusiness, Shetrades... để mở rộng mạng lưới khách hàng là các doanh nghiệp do nữ làm chủ, tiếp tục khẳng định mục tiêu SeABank là điểm đến tin cậy của các doanh nghiệp do nữ làm chủ.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác tiềm năng theo các ngành nghề định hướng để việc phát triển khách hàng thông qua việc tạo dựng hệ sinh thái đối tác sẽ là kênh phát triển khách hàng trọng tâm: đại lý phân phối xe ô tô, vật liệu xây dựng, thi công xây lắp, FMCG, xuất nhập khẩu...

- Phát triển hệ thống công nghệ ngân hàng số đồng thời phát triển hợp tác với các đối tác thương mại điện tử, các đối tác cung cấp giải pháp chuyển đổi số, các đối tác fintech... để tăng cường phát triển khách hàng trong thời đại mới: ứng dụng ngân hàng giao dịch tiện lợi cho khách hàng doanh nghiệp: SeAMobile Biz - phong cách số của doanh nghiệp hiện đại; là ứng dụng giúp chủ doanh nghiệp tối ưu thời gian quản lý dòng tiền, dành tối đa thời gian sáng tạo và phát triển doanh nghiệp; triển khai dịch vụ EKYC, mở tài khoản online, giải ngân online, chuyển tiền online... và các tiện ích số khác dành cho khách hàng doanh nghiệp.

### **Khách hàng doanh nghiệp lớn**

Nhận thấy chiến lược liên kết đối tác là 1 chiến lược Win - Win, đem lại lợi ích lâu dài cho các bên, SeABank tiếp tục duy trì và mở rộng hệ thống khách hàng hiện hữu là các Tổng Công ty, Tập đoàn. Bên cạnh đó, đánh giá và nhận diện xu hướng thị trường, năm 2023 SeABank tập trung phát triển khách hàng mới theo đúng phân khúc và tập trung vào các ngành, lĩnh vực xuất nhập khẩu, đầu tư công và năng lượng tái tạo. Trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tập trung khai thác hiệu quả khách hàng

hiện hữu và khách hàng mới từ các ngành, lĩnh vực xăng dầu, dệt may, dược và thiết bị y tế, vật liệu xây dựng, hàng không như Tratimex, BSR, Hapharco, May Nhà Bè, Thaco, Vietnam Airlines... Trong lĩnh vực đầu tư công tập trung khai thác khách hàng thuộc top đầu như Coteccons, Licogi, Viettel...

Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo khai thác hiệu quả khách hàng hiện hữu và khách hàng mới như EVN, PV GAS, Vina Capital Đà Nẵng,... Mở rộng khách hàng mới từ đối tác phải thu, phải trả, hệ sinh thái khách hàng, ban quản lý dự án, chủ đầu tư, tổng thầu. Tận dụng kết quả của làn sóng khởi nghiệp vừa qua, SeABank liên kết, hợp tác chiến lược với các kỳ lân đã thành công, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường để khai thác tập khách hàng của họ, phối hợp đưa ra các sản phẩm, dịch vụ mới.

Năm 2023 SeABank cũng sẽ tập trung đẩy mạnh nhóm khách hàng sử dụng các dịch vụ đa dạng liên quan đến thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, dịch vụ phi tín dụng, mua bán ngoại tệ mang lại lợi ích cho khách hàng và đẩy mạnh thu phí cho Ngân hàng.

Với phương châm khách hàng là trọng tâm, SeABank tiếp tục đẩy mạnh phát triển nền tảng khách hàng không chỉ về số lượng mà còn gia tăng về trải nghiệm khách hàng đối với các dịch vụ của ngân hàng.

Trong năm 2023, SeABank chú trọng vào đối tượng khách hàng sử dụng đa dịch vụ bao gồm thanh toán quốc tế, tài chính thương mại, dịch vụ phi tín dụng, ngoại hối với mục đích đem lại tiện ích cho khách hàng và thúc đẩy phí dịch vụ ngân hàng tại SeABank.

Với chính sách lấy khách hàng làm trung tâm, SeABank liên tục cải tiến giao diện sử dụng cho khách hàng nhằm phát triển trải nghiệm khách hàng với dịch vụ ngân hàng.

### **Công nghệ thông tin**

Trong thời gian tới, SeABank sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết giảm chi phí, đồng thời triển khai các dự án với đối tác tư vấn nước ngoài nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh, tăng cường năng lực quản trị nội bộ trong các lĩnh vực như QTRR, CNTT, quản trị nguồn nhân lực. Mục tiêu kinh doanh của SeABank năm 2023 như sau:

- Tập trung và đẩy mạnh thu nhập từ phí và thu nhập ngoài lãi;
- Nâng cao tỷ suất lợi nhuận của các mảng/sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm/sản phẩm đặc thù mới, hiệu quả, có khả năng sinh lời cao phù hợp với nhu cầu khách hàng;
- Tối ưu hóa chi phí vận hành, tập trung đầu tư cho các dự án công nghệ trọng điểm, tiện ích tích hợp trên nền tảng công nghệ, hướng tới nền tảng ngân hàng số và chiến lược hội tụ số;
- Đa dạng hóa sản phẩm cho vay;
- Nâng cao chất lượng tài sản và quản lý chặt chẽ nợ xấu, xử lý triệt để nợ xấu;

- Tăng trưởng tín dụng phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của SeABank và quy định của NHNN, đồng thời tập trung phát triển các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao và các sản phẩm mới có dư nợ tín dụng đầu vào khoa học và công nghệ;
- Bám sát tốc độ tăng trưởng tín dụng để điều chỉnh kế hoạch huy động vốn cho phù hợp. Thực hiện chính sách huy động theo nhu cầu vốn, đảm bảo cân đối nhu cầu giải ngân, đảm bảo thanh khoản và thu hẹp dần chênh lệch kỳ hạn giữa cho vay và huy động.

#### **IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động ngân hàng**

- SeABank đã chuyển hướng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh để phù hợp sự chuyển biến của tình hình dịch bệnh và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đa dạng hóa nguồn thu, tích cực phát triển mạnh công nghệ số. Theo đó, SeABank đạt được những thành tựu nổi trội với lợi nhuận trước thuế Ngân hàng đạt gần 5.069 tỷ đồng và hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA) và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) lần lượt là 1,83% và 18,1%.
- Tập trung triển khai các tiêu chuẩn QTRR quốc tế Basel III, được Moody's xếp hạng Ba3 ở nhiều danh mục quan trọng và được các tổ chức quốc tế lớn như IFC, DFC cho vay vốn dài hạn với tổng số tiền gần 500 triệu USD. SeABank cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai các tiêu chuẩn QTRR quốc tế này tại Việt Nam.
- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 14.785 tỷ đồng lên gần 20.403 tỷ đồng (tăng hơn 5.618 tỷ đồng). Nguồn vốn chủ sở hữu tăng thêm giúp SeABank nâng cao hệ số an toàn vốn theo tiêu chuẩn Basel III, cho phép ngân hàng gia tăng sức chịu đựng trong trường hợp nền kinh tế có biến động xấu.
- Tập trung và đẩy mạnh thu phí dịch vụ và các khoản thu thuần ngoài lãi: Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi của SeABank cũng ngày càng được cải thiện. Thu thuần ngoài lãi năm 2022 đạt gần 2.642 tỷ đồng (tăng gần 800 tỷ đồng so với năm 2021), chiếm 27,4% so với tổng thu thuần từ hoạt động kinh doanh, thông qua các hoạt động hoa hồng bán bảo hiểm, thu phí dịch vụ, kinh doanh ngoại hối và đặc biệt thông qua các sản phẩm, dịch vụ tài chính thực hiện trên nền tảng công nghệ số hiện đại, tiêu biểu là ứng dụng ngân hàng số SeAMobile.
- Tối ưu hóa chi phí hoạt động: Trong năm 2022, Ngân hàng tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động và giữ chỉ số CIR (chi phí trên tổng thu nhập thuần) của toàn hệ thống tiếp tục được duy trì ở mức xấp xỉ 35,28%.
- Các dự án công nghệ trọng điểm hướng tới chiến lược “Hội tụ số” tiếp tục được đầu tư và phát triển trong năm 2022: Hệ thống SeAOps (Hệ thống tự động soạn thảo và giải ngân tích hợp đối với toàn bộ các sản phẩm và toàn bộ các phân khúc khách hàng), Dự án áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS), Dự án Swift Go - cung cấp trải nghiệm thanh toán nhanh cho các giao dịch thanh toán quốc tế giá trị thấp)....



- Tập trung xây dựng các hành trình trải nghiệm khách hàng và xây dựng văn hóa lấy khách hàng làm trọng tâm: Trong năm 2022, bằng việc lan tỏa mạnh mẽ tinh thần nâng cao trải nghiệm khách hàng tới tất cả mảng hoạt động của Ngân hàng, cùng với việc tập trung vào nghiên cứu, khảo sát, đo lường trải nghiệm khách hàng, 8 hành trình trải nghiệm khách hàng đã được nghiên cứu xây dựng. Đây sẽ là nền tảng để các CBNV Ngân hàng có thể triển khai và thực thi chiến lược và văn hóa lấy khách hàng làm trọng tâm.

Chú trọng tập trung nguồn lực và triển khai có hiệu quả các giải pháp xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu phát sinh mới trong năm, đảm bảo tín dụng an toàn, hiệu quả và nâng cao tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của Ngân hàng: Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2022 là 1,60%, tỷ lệ nợ xấu luôn được duy trì ở mức dưới 3% trong cả năm 2022. Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022 là 14,66%. SeABank là một trong các Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được công nhận đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực Basel II, đảm bảo phát triển kinh doanh an toàn và bền vững.

### **Đánh giá một số mảng hoạt động khác trong năm 2022.**

- **QTRR và Kiểm soát tuân thủ:** Trong năm 2022, SeABank đã tập trung các nguồn lực của Ngân hàng triển khai và áp dụng các chuẩn mực quốc tế về QTRR và kiểm soát tuân thủ, đảm bảo sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro cho Ngân hàng như công bố kết quả triển khai và áp dụng các chuẩn mực Basel III, hệ thống ESMS trong hoạt động tín dụng, các chuẩn mực về Môi trường (E), Xã hội (S) và Quản trị (G), áp dụng phương pháp IMA (Internal Models Approach) để đo lường, tính vốn về rủi ro thị trường và triển khai đo lường chỉ số chịu đựng về thanh khoản (LCR, NFSR) theo Basel III, số hóa trong công tác kiểm tra và kỹ năng phân tích số liệu, áp dụng các thông lệ chuẩn mực quốc tế COSO thông qua rà soát, đánh giá và triển khai các hành động liên quan 05 cấu phần của khung COSO (Môi trường kiểm soát; đánh giá rủi ro; hoạt động kiểm soát; thông tin và truyền thông; hoạt động giám sát).
- **Vận hành hiệu quả:** Năm 2022, SeABank nỗ lực cải tiến và số hóa quy trình vận hành, nhằm đem lại trải nghiệm xuất sắc cho các khách hàng bên ngoài và nội bộ bằng các dự án nổi bật như Dự án Tự động hóa giao dịch tại quầy dịch vụ khách hàng (SeATeller), Dự án quản trị tập trung luồng vận hành (SeATicket), Dự án Tự động hóa vận hành tín dụng (SeAOps), Dự án Phần mềm mua sắm và Quản lý tài sản (SeAPurchase) hay Dự án nâng cao 10 Hành trình trải nghiệm khách hàng...
- **Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp:** Trong năm 2022, SeABank đã chú trọng phát triển nguồn lực sẵn sàng cho chiến lược kinh doanh thông qua nhiều chính sách lương, thưởng và đào tạo 100% đội ngũ, đồng thời nâng cao và mở rộng chính sách phúc lợi cho toàn bộ CBNV trên toàn hệ thống. Vì vậy, năm 2022, SeABank năm thứ 2 liên tiếp được vinh danh “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”.

## **4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

---

HĐQT đánh giá cao những kết quả hoạt động của SeABank trong năm 2022, những nỗ lực hoạt động của TGD và các Phó TGD trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của TGD, các Phó TGD theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng, đặc biệt là những nỗ lực trong việc điều hành linh hoạt hoạt động Ngân hàng phù hợp với diễn biến phức tạp của thị trường tài chính - ngân hàng, cụ thể:

- TGD đã điều hành hoạt động của SeABank, hoạt động của các thành viên Ban TGD bám sát các mục tiêu, định hướng chiến lược đã được ĐHCĐ đề ra và các chỉ đạo/định hướng/ngợi quyết và quyết định của HĐQT trong năm 2022, cụ thể: SeABank đã đạt được những thành tựu nổi trội trong tăng trưởng tổng tài sản và lợi nhuận bên cạnh việc đảm bảo tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn của Basel II. Năm 2022, lợi nhuận trước thuế Ngân hàng đạt gần 5.069 tỷ đồng, tăng trưởng 55% so với năm 2021, hoàn thành 104% kế hoạch năm 2022.
- Đầu năm 2022, trong bối cảnh bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp với thời gian giãn cách xã hội kéo dài, liên tục và sự cạnh tranh ngày càng cao, TGD đã quyết liệt chỉ đạo và liên tục đổi mới, sáng tạo trong hoạt động của Ngân hàng để đảm bảo an toàn nhưng vẫn duy trì, phát triển hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, ngay sau khi Chính phủ thay đổi chiến lược đối phó dịch bệnh, TGD đã có những chỉ đạo, điều hành để kịp thời chuyển hướng linh hoạt hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thông qua rất nhiều chính sách và chương trình thúc đẩy kinh doanh, chương trình đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ trên toàn hệ thống.
- TGD đã duy trì và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả, đảm bảo đầy đủ các tuyến phòng thủ thông qua việc tập trung triển khai các tiêu chuẩn QTRR quốc tế Basel III, được Moody's xếp hạng Ba3 ở nhiều danh mục quan trọng; triển khai các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động ngân hàng về Môi trường (E) - Xã hội (S) - Quản trị (G), tiêu chuẩn quốc tế về kiểm soát tuân thủ COSO, các chuẩn mực quốc tế về Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS)...; điều chỉnh phân công, phân cấp thẩm quyền cho các Phó TGD trong hệ thống đảm bảo rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ và hiệu quả; tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho việc phối hợp giữa các thành viên Ban TGD trong việc điều hành hoạt động của Ngân hàng và phối hợp nhịp nhàng giữa Ban TGD với các khối, đơn vị trong toàn hệ thống...
- Trong năm 2022, nhân sự của Ban TGD tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và nâng cao chất lượng với việc bổ nhiệm mới 01 Phó TGD phụ trách điều hành Ngân hàng và đã được bổ nhiệm làm TGD vào đầu năm 2023, là người nước ngoài, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là kinh nghiệm trong việc QTRR hoạt động Ngân hàng.
- Triển khai quyết liệt chiến lược hội tụ số thông qua các dự án số hóa các quy trình nghiệp vụ như dự án SeAOps, SeATeller...; cải tiến liên tục các ứng dụng số của ngân hàng để phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng theo hướng hiện đại, bảo mật và an toàn như SeAMobile, SeANet.

### **4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị trong năm 2023**

---

#### **a. Định hướng chung của Hội đồng Quản trị trong năm 2023**

- Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 bầu HĐQT nhiệm kỳ mới 2023-2028 theo hướng bổ sung 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trên thị trường quốc tế và quản trị rủi ro.
- Sau khi HĐQT được ĐHĐCĐ thường niên 2023 bầu, các thành viên HĐQT sẽ (1) tiến hành bầu cơ cấu các chức danh HĐQT, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thành viên chuyên trách ...; (2) thực hiện phân công công việc và bổ nhiệm các vai trò của các thành viên HĐQT trong các Ủy ban/ Hội đồng trực thuộc, phù hợp với cơ cấu nhân sự HĐQT nhiệm kỳ mới; (3) triển khai đào tạo định hướng thành viên HĐQT và đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ khác nâng cao năng lực theo quy định và hướng tới các chuẩn mực/ thông lệ quốc tế; (4) thực hiện triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT, các Ủy ban trực thuộc và hiệu quả hoạt động của từng thành viên HĐQT theo quy định..
- Tái cấu trúc cơ cấu, hoạt động của các ủy ban trực thuộc HĐQT phù hợp với HĐQT nhiệm kỳ mới và các thông lệ/ chuẩn mực của quốc tế, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban cũng như hoạt động giám sát cấp cao của HĐQT theo các quy định của pháp luật và SeABank;
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, tập trung chỉ đạo phát triển SeABank thành một ngân hàng lành mạnh, chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch và đáp ứng các chuẩn mực về an toàn hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và các thông lệ/ chuẩn mực quốc tế theo khuyến nghị của các tổ chức quốc tế (IFC, DFC...), trong đó ưu tiên việc triển khai các chuẩn mực về Môi trường (E) - Xã hội (S) - Quản trị (G) ở cấp độ quản trị; nhằm mang lại những lợi ích lâu dài cho cổ đông cũng như tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tiếp cận và có thể đầu tư vào Ngân hàng trong tương lai.
- Chỉ đạo TGD tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ áp dụng thành công chuẩn mực kiểm soát tuân thủ quốc tế COSO, đảm bảo công khai, minh bạch và sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/ hệ thống quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật và các chuẩn mực quốc tế.
- Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2023 bám sát các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của Chính phủ, NHNN;
- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt triển khai Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”; và chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện công tác xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh nhằm bảo đảm tỷ lệ nợ xấu nội bảng ở mức dưới 3%;
- Chỉ đạo việc kiểm soát tăng trưởng tín dụng hợp lý, bám sát mục tiêu tăng trưởng tín dụng phù hợp với chỉ tiêu được NHNN giao và định hướng nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng vào các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng theo

chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro,

- Tiếp tục chỉ đạo để đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại không dùng tiền mặt trong hoạt động ngân hàng gắn với đảm bảo an ninh, an toàn, trong đó ưu tiên chỉ đạo triển khai các dự án công nghệ số và vận hành tập trung để hỗ trợ hoạt động kinh doanh theo chiến lược Ngân hàng.
- Tăng cường giám sát và đưa ra các hỗ trợ kịp thời, hiệu quả đối với Ban TGD nhằm khai thác, tận dụng tối đa các thời cơ, lợi thế kinh doanh của SeABank;
- Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động vì cộng đồng - xã hội, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và phát triển văn hóa doanh nghiệp, đề cao tính sáng tạo và đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp với chiến lược kinh doanh mới.

**b. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2023**

- Tăng trưởng tổng tài sản: dự kiến tăng trưởng 10%, đạt 256.389 tỷ đồng vào cuối năm 2023.
- Tăng trưởng nguồn huy động: tăng trưởng ròng 18.000 tỷ đồng tương ứng tăng trưởng 12,34% so với năm 2022 gồm nguồn từ tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, tổ chức/định chế tài chính.
- Tăng trưởng dư nợ tín dụng: tăng trưởng ròng 16.200 tỷ đồng tương ứng tăng 10,52% so với năm 2022. Tăng trưởng dư nợ tín dụng đảm bảo phù hợp với quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng: dự kiến đạt 5.633 tỷ đồng, tăng trưởng 11,13% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng, kế hoạch đạt 4.507 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát theo quy định nhỏ hơn 3%.

*Đơn vị: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Tăng trưởng so với 2022	
		2022	2023	Tăng ròng	%
1	Tổng tài sản	231.432	256.389	24.957	10%
2	Nguồn huy động từ tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, tổ chức/định chế tài chính	145.876	163.876	18.000	12,34%
3	Dư nợ cho vay khách hàng	153.956	170.156	16.200	10,52%

TT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Tăng trưởng so với 2022	
		2022	2023	Tăng ròng	%
4	Lợi nhuận trước thuế	5.069	5.633	564	11,13%
5	Lợi nhuận sau thuế	4.053	4.507	454	11,20%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,60%	<3%		

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 5.1. Tổng quan về hoạt động quản trị tại SeABank

SeABank hiểu rằng một cơ cấu quản trị tuân thủ pháp luật và các thông lệ tốt nhất là kim chỉ nam cho việc định hướng và giám sát hiệu quả hoạt động của ngân hàng một cách bền vững. Trong những năm qua, SeABank đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty theo định hướng các thông lệ quản trị tốt trong nước và hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế, chẳng hạn như Thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam - Bộ quy tắc quản trị công ty Việt Nam và Bộ nguyên tắc quản trị công ty của OECD...

#### Mô hình quản trị công ty mang tính bền vững

Khung pháp lý về quản trị công ty được hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán...</li> <li>• Điều lệ của SeABank, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức hoạt động của BKS của Ngân hàng thường xuyên được rà soát, cập nhật theo các quy định pháp luật mới hiện hành.</li> <li>• Các văn bản, tài liệu khác liên quan đến quản trị Ngân hàng như Chính sách giao dịch với bên liên quan, Quy định về hệ thống ESMS tại SeABank...</li> </ul>
Nâng cao hiệu quả trong hoạt động của HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cơ cấu Thành viên HĐQT hướng tới tính đa dạng về giới, chuyên môn, nghiệp vụ: HĐQT của SeABank bao gồm 08 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập và tất cả các thành viên HĐQT đều là thành viên không điều hành. HĐQT SeABank đa dạng và cân bằng về giới tính với 04 thành viên nam và 04 thành viên nữ. Các thành viên HĐQT đều là những thành viên có trình độ chuyên môn từ Đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng và kinh tế trở lên và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng tiêu biểu như bà Nguyễn Thị Nga với 26 năm kinh nghiệm, bà Lê Thu Thủy tốt nghiệp Đại học Geogre Mason - Hoa kỳ với 16 năm</li> </ul>

	<p>kinh nghiệm làm quản lý của Ngân hàng, ông Faussier Loic Michel Marc với 26 năm kinh nghiệm, ông Mathew Nevil Welch với gần 40 năm kinh nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cập nhật chức năng nhiệm vụ và hỗ trợ hoạt động của các ủy ban chuyên trách nhằm trợ giúp, nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT, bao gồm Ủy ban Nhân sự (UBNS) và Ủy ban Quản lý Rủi ro (UBQLRR).</li> <li>• Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động hiệu quả giữa thành viên HĐQT và giữa HĐQT với Ban TGD như cơ chế họp, báo cáo định kỳ, tham dự họp trực tiếp, có ý kiến tham vấn từ HĐQT tới Ban TGD.</li> <li>• Thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên HĐQT dựa trên các tiêu chí minh bạch, bao gồm nhưng không hạn chế: kết quả công việc được phân công phụ trách; kết quả hoạt động của các dự án/đơn vị được phân công phụ trách và kết quả hoạt động chung của Ngân hàng và các tiêu chí định tính khác.</li> </ul>
Thực thi hiệu quả công tác giám sát chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Định hướng chiến lược, tầm nhìn và sứ mệnh gắn với yếu tố phát triển bền vững thông qua việc phê duyệt xây dựng hệ thống, quy định, hướng dẫn về ESMS, ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng, Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động... nhằm thể chế hóa các yếu tố phát triển bền vững trong các hoạt động ngân hàng.</li> <li>• Giám sát hiệu quả hoạt động của Ban TGD thông qua cơ chế báo cáo, họp giao ban định kỳ và đánh giá hiệu quả công việc của Ban TGD định kỳ 06 tháng và cuối năm theo quy định của SeABank để làm cơ sở tăng lương, thưởng cho Ban TGD.</li> </ul>
Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong công bố thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xây dựng khung báo cáo nội bộ và báo cáo công khai ngày một hoàn thiện</li> <li>• HĐQT thực hiện giám sát hiệu quả việc công bố thông tin; đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các phương thức thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư</li> </ul>
Nâng cao vai trò giám sát của HĐQT đối với vấn đề môi trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đã xây dựng, tiếp tục rà soát, cập nhật Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng.</li> <li>• Vận hành hiệu quả chính sách báo cáo sai phạm</li> <li>• Giám sát thực thi trách nhiệm xã hội của Ngân hàng.</li> <li>• Cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư/cho vay có trách nhiệm</li> </ul>

## 5.2. Cơ cấu tổ chức Hội đồng Quản trị

### 5.2.1. Hội đồng Quản trị

#### Các thành viên Hội đồng Quản trị

HĐQT của SeABank bao gồm 08 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập và tất cả các thành viên HĐQT đều là thành viên không điều hành. HĐQT SeABank đa dạng và cân bằng về giới tính với 04 thành viên nam và 04 thành viên nữ. Các thành viên HĐQT đều là những thành viên có trình độ chuyên môn từ Đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng và kinh tế trở lên và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng tiêu biểu như bà Nguyễn Thị Nga với 26 năm kinh nghiệm, bà Lê Thu Thủy

- tốt nghiệp Đại học Geogre Mason - Hoa kỳ với 16 năm kinh nghiệm là quản lý trong lĩnh vực ngân hàng, ông Faussier Loic Michel Marc với 26 năm kinh nghiệm, ông Mathew Nevil Welch với gần 40 năm kinh nghiệm.

Thành phần chi tiết của HĐQT SeABank tại thời điểm 31/12/2022 cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Kinh nghiệm/Chuyên môn</b>	<b>Số lượng cổ phiếu sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu</b>
1	Lê Văn Tần	Nam	Chủ tịch HĐQT	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng	4.465.113	0,2188%
2	Nguyễn Thị Nga	Nữ	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân, 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng	72.116.968	3,5346%
3	Lê Thu Thủy	Nữ	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD (*)	Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh - Đại học George Mason, Virginia, Hoa Kỳ, 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng	48.053.047	2,3307%
4	Khúc Thị Quỳnh Lâm	Nữ	Phó Chủ tịch HĐQT	Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ, 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng	5.537.693	0,2714%
5	Hoàng Minh Tân	Nam	Thành viên HĐQT	Cử nhân Kế toán, 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng	4.885.717	0,2395%
6	Bùi Trung Kiên	Nam	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế, 15 năm trong lĩnh vực ngân hàng	4.305.764	0.2110%
7	Ngô Thị Nhài	Nữ	Thành viên độc lập HĐQT	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân, 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, 08 năm trong lĩnh vực kiểm toán - tài chính	2.813.020	0,1379%

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh	Kinh nghiệm/Chuyên môn	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu
8	Faussier Loic Michel Marc	Nam	Thành viên độc lập HĐQT (**)	Cử nhân kinh tế - Đại học Panthéon - Assas University Paris II; Thạc sĩ Luật kinh doanh - Viện Nghiên cứu Chính trị Paris và Thạc sĩ Tài chính - Đại học Paris Dauphine University, Cộng hòa Pháp, 26 năm trong lĩnh vực ngân hàng		
9	Mathew Nevil Welch	Nam	Thành viên độc lập HĐQT (***)	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Kinh doanh Harvard (Hoa Kỳ), gần 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính quốc tế, đặc biệt có 10 năm kinh nghiệm quản trị ngân hàng.	-	-

(\*) Bà Lê Thu Thủy thôi đảm nhiệm chức vụ TGD SeABank kể từ ngày 11/7/2022 và tiếp tục tham gia công tác quản trị Ngân hàng với vai trò là Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên chuyên trách của Ngân hàng.

(\*\*) Ông Faussier Loic Michel Marc thôi làm thành viên độc lập HĐQT từ ngày 26/05/2022 và được HĐQT SeABank giao đảm nhiệm vị trí Phó TGD phụ trách điều hành kể từ ngày 11/07/2022. Vào ngày 03/01/2023, Ông Faussier Loic Michel Marc được HĐQT bổ nhiệm làm TGD SeABank theo QĐ số: 06/2023/QĐ-HĐQT.

(\*\*\*) Ông Mathew Nevil Welch được bầu bổ sung làm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 tại ĐHĐCĐ thường niên của SeABank ngày 21/04/2022.

Theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2022

STT	Họ và tên	Chức danh	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Lê Văn Tần	Chủ tịch HĐQT	Không có
2	Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	- Chủ tịch HĐQTV- Công ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ - Chủ tịch HĐQT - Tập đoàn BRG - Công ty CP



STT	Họ và tên	Chức danh	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội</li> <li>- Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP</li> <li>- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD - Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội</li> </ul>
3	Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.
4	Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu</li> <li>- Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Thăng Long GTC</li> <li>- Thành viên HĐQT - Công ty CP Dược-Vật tư y tế Nghệ An</li> <li>- Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Nông thủy sản Nghệ An</li> <li>- Chủ tịch HĐQT, Giám đốc - Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Tổng hợp SGCC</li> </ul>
5	Hoàng Minh Tân	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Thủy sản Đồ Sơn</li> <li>- Chủ tịch HĐQT - Công ty CP xi măng Mỹ Đức</li> </ul>
6	Bùi Trung Kiên	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch HĐQT - CTCP Ô tô công nghiệp Trường Sơn</li> <li>- Phó TGD phụ trách - Công ty CP Thăng Long GTC</li> </ul>
7	Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT	Không có
8	Mathew Nevil Welch	Thành viên độc lập HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch HĐQT - Asia Dorset Management Pte Ltd</li> <li>- Giám đốc điều hành - Global Sage Executive Search</li> <li>- Thành viên độc lập HĐQT - Boustead Wavefront Pte. Ltd</li> <li>- Thành viên độc lập HĐQT - Boustead Wavefront Inc</li> </ul>

**Ma trận kỹ năng các thành viên Hội đồng Quản trị và các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Lĩnh vực						
		Quản lý - Tài chính ngân hàng	Kế toán/kiểm toán	Bán lẻ	QTRR	Đầu tur	Nhân sự	Pháp chế
Lê Văn Tàn	Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch UBQLRR	x		x	x		x	
Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT/Chủ tịch UBNS/Phó Chủ tịch UBQLRR	x		x	x	x	x	
Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch chuyên trách HĐQT/Phó Chủ tịch UBNS	x		x	x	x	x	
Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	x				x		x
Hoàng Minh Tân	Thành viên HĐQT/Thành viên UBNS	x	x				x	
Bùi Trung Kiên	Thành viên HĐQT	x	x					
Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT/Thành viên UBQLRR	x	x		x			
Mathew Nevil Welch	Thành viên độc lập HĐQT	x				x		
Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng BKS	x	x					
Vũ Quốc Việt	Thành viên BKS	x	x					
Nguyễn Thị Phượng	Thành viên BKS	x	x					
Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó TGD - Thành viên UBNS	x	x			x		
Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên UB QLRR	x	x		x			
Bùi Thị Hải Yến	Thành viên UBNS	x					x	

### 5.2.2. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Trong năm 2022, UBQLRR và UBNS trực thuộc HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank; tham mưu và giúp việc cho HĐQT trong các lĩnh vực trọng yếu của Ngân hàng, giúp HĐQT đưa ra các quyết định phù hợp, cụ thể:

#### Ủy ban Quản lý rủi ro

TT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/ Chuyên môn
1	Lê Văn Tần	Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch UB	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
2	Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT - Phó Chủ tịch UB	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân, 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
3	Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD - Thành viên	Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh - Đại học George Mason, Virginia, Hoa Kỳ, 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
4	Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT - Thành viên	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân, 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, 08 năm trong lĩnh vực kiểm toán - tài chính
5.	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc Khối QTRR - Thành viên	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Hawaii ở Manoa, thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng (ACCA) và là Kiểm toán viên Nội bộ được Chứng nhận (CIA) của Viện Kiểm toán viên Nội bộ và Kế toán Công chứng (cả Hoa Kỳ và Việt Nam); 18 năm kinh nghiệm làm kiểm toán, 4 năm kinh nghiệm về QTRR của ngân hàng.

#### Ủy ban Nhân sự

TT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/ Chuyên môn
1	Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT - Phó Chủ tịch UB	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân, 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
2	Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD - Thành viên	Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh - Đại học George Mason, Virginia, Hoa Kỳ, 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng

TT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/ Chuyên môn
3	Ông Hoàng Minh Tân	Thành viên HĐQT - Thành viên	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân, 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, 08 năm trong lĩnh vực kiểm toán – tài chính
4	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Chủ tịch Công đoàn, Phó TGD - Thành viên	Cử nhân Tài chính tín dụng Học viện Ngân hàng, có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng
5	Bùi Thị Hải Yến	Giám đốc Khối Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực - Thành viên	Cử nhân Tài chính kế toán tại Đại học Thương mại và Cử nhân Tiếng Nga tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nhân sự, trong đó 11 năm trong lĩnh vực ngân hàng

### 5.2.3. Đề cử và lựa chọn quản lý cấp cao

Quy trình đề cử và lựa chọn quản lý cấp cao của SeABank bắt đầu từ việc HĐQT ban hành các nghị quyết/quyết định có liên quan và ý kiến tham mưu của UBNS (nếu cần).

HĐQT SeABank đã thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược cho hoạt động của Ngân hàng cũng như bộ máy tổ chức, quản lý và điều hành của Ngân hàng.

Đồng thời, HĐQT cũng thực hiện phân công công việc và phân cấp thẩm quyền đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phân công công việc, phân cấp thẩm quyền đối với TGD của Ngân hàng nhằm phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Ngân hàng và quy định có liên quan.

Việc đề cử và lựa chọn các cá nhân dự kiến bầu thành viên HĐQT, BKS đều được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Theo đó, các cổ đông sẽ đề cử ứng viên đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên HĐQT, BKS theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Điều lệ Ngân hàng, đảm bảo mức độ đa dạng, năng lực liên quan tới các hoạt động của Ngân hàng và phù hợp với chiến lược quốc tế hóa của Ngân hàng.

**Tính đa dạng:** Để đáp ứng tiêu chí đa dạng, SeABank đã xác định rõ các đối tượng có thể đề cử như: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc, vị trí và chức vụ trong các lĩnh vực khác nhau. Việc có thành viên đến từ các lĩnh vực khác nhau, có nhiều kinh nghiệm và quan điểm khác nhau sẽ giúp cho quá trình đưa ra quyết định trở nên chính xác và bao quát hơn. Chúng tôi tâm niệm rằng đa dạng hóa giới tính trong HĐQT giúp đảm bảo sự đa dạng và khách quan trong quá trình ra quyết định. Sự hiện diện của nữ giới trong HĐQT cũng giúp đưa ra góc nhìn khác nhau và phong phú hơn trong quá trình quản lý và điều hành tổ chức. Đồng thời, SeABank cũng tạo điều kiện cho các ứng viên trẻ tuổi, những người có tiềm năng và có đam mê với ngành ngân hàng cũng như có thể đem lại giá trị gia tăng cho Ngân hàng.

**Tính độc lập:** Là yếu tố quan trọng trong việc đưa ra quyết định chính xác và minh bạch. Các thành viên HĐQT độc lập sẽ không bị ảnh hưởng bởi những lợi ích cá nhân hoặc tập thể, và sẽ có thể tập trung đưa ra quyết định vì lợi ích chung của Ngân hàng và các bên liên quan.

**Năng lực phù hợp:** Các thành viên HĐQT cần có năng lực phù hợp với các tác động của Ngân hàng đến cộng đồng, môi trường, kinh tế và xã hội. Đồng thời, các thành viên HĐQT có kiến thức và kinh nghiệm về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Sau khi danh sách ứng viên dự kiến được chấp thuận bởi NHNN, các ứng viên sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên của Ngân hàng để tiến hành bầu đôn phiếu. Quá trình bầu cử sẽ tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và đúng quy trình.

Các thành viên được bầu vào HĐQT sẽ được đào tạo và giám sát chặt chẽ trong quá trình hoạt động của Ngân hàng. Họ sẽ thực hiện các nhiệm vụ quản trị và đưa ra các quyết định chiến lược quan trọng cho sự phát triển bền vững của Ngân hàng. Điều này đặt ra yêu cầu về tính đa dạng và độc lập của các thành viên HĐQT.

Trong năm 2022, ĐHĐCĐ thường niên của SeABank đã bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT là Ông Mathew Nevil Welch, người có bề dày kinh nghiệm 40 năm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng quốc tế. Ông được đề cử đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và được NHNN chấp thuận trước khi tiến hành bầu đôn phiếu. Việc bổ sung Ông Mathew Nevil Welch vào HĐQT được thực hiện nhằm nâng cao năng lực cho HĐQT trong các chiến lược, dự án hợp tác quốc tế của Ngân hàng và đồng thời, nâng cao tính đa dạng, năng lực chuyên môn và năng lực quản trị ngân hàng quốc tế của HĐQT Ngân hàng.

#### 5.2.4. Quản lý Xung đột lợi ích

SeABank đã quy định cụ thể các hoạt động, nghĩa vụ có liên quan để quản lý và ngăn ngừa việc xung đột lợi ích trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Ngân hàng và Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT, BKS Ngân hàng. Theo đó, người quản lý, người điều hành của SeABank có nghĩa vụ (i) thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SeABank về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của SEABANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận; (ii) công khai lợi ích có liên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Thành viên HĐQT và BKS không được tham gia biểu quyết đối với các vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Khi SeABank tiến hành giao dịch với những người có liên quan, HĐQT, TGD phải đảm bảo hợp đồng được ký bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng rõ ràng, cụ thể và phù hợp với quy định của pháp luật. HĐQT, TGD phải tiến hành công bố thông tin nội dung hợp đồng theo các quy định của pháp luật và SeABank (nếu có). SeABank tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến SeABank bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ SeABank, nhà cung cấp, cộng đồng và những người có quyền lợi liên quan đến SeABank.

### 5.3. Cam kết của Hội đồng Quản trị về Phát triển bền vững

Nhận thức được ý nghĩa cũng như vai trò của phát triển bền vững đối với Ngân hàng nói chung và từng cán bộ nhân viên Ngân hàng nói riêng, SeABank đã công bố bộ giá trị cốt lõi với những giá trị hướng tới sự phát triển bền vững cho cộng đồng, xã hội và cho chính Ngân hàng, tiêu biểu như sau:

<b>Vì cộng đồng</b>	Kết nối và mang giá trị cốt lõi cho khách hàng và cho cộng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia tích cực hoạt động an sinh xã hội</li> <li>- Tiên phong và làm gương thực hiện các hành vi tốt đẹp</li> <li>- Gắn trách nhiệm của cá nhân, tổ chức với khách hàng,</li> </ul>
---------------------	--	---

	đồng	cộng đồng và xã hội
<b>Luôn minh bạch</b>	Luôn minh bạch để xứng đáng với nghề nghiệp trong mắt khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo thông tin luôn chính xác, rõ ràng, đáp ứng nhanh, hiệu quả nhu cầu của khách hàng.</li> <li>- Tuân thủ quy định, nguyên tắc và chuẩn mực khi tương tác.</li> <li>- Không tham ô, tư lợi cá nhân.</li> </ul>
<b>Say khát vọng</b>	Khát vọng cống hiến và khẳng định giá trị, chinh phục thành công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khát vọng cống hiến vì tổ chức và cộng đồng</li> </ul>
<b>Mãi vững bền</b>	Mở rộng phát triển bền vững phục vụ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng trưởng bền vững về quy mô, sản phẩm, dịch vụ.</li> <li>- Không ngừng đổi mới, đóng góp ý tưởng hiệu quả phục vụ cộng đồng.</li> </ul>

Những giá trị cốt lõi trên đã được HĐQT và Ban Điều hành thể chế trong các quy định cụ thể của Ngân hàng để tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền con người và thực hiện các trách nhiệm về quan hệ lao động. Chi tiết về các hoạt động thực tế được chúng tôi triển khai trong năm, vui lòng xem tại Chương VI - Phát triển bền vững .

SeABank cam kết sẽ khắc phục/phối hợp khắc phục các tác động tiêu cực được xác định là do SeABank gây ra hoặc góp phần gây ra. Các tác động này có thể bao gồm ảnh hưởng đến môi trường, xã hội - khách hàng, các bên liên quan khác, kinh tế - sự cố liên ngân hàng... (nếu có).

#### **5.4. Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

##### *5.4.1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị*

HĐQT SeABank đã tiến hành tổ chức hơn 50 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền, tuân thủ theo quy định của pháp luật và SeABank. Các phiên họp, lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT được tổ chức theo đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo thành phần dự họp/biểu quyết theo đúng quy định. SeABank đã công bố thông tin về các nghị quyết/quyết định của HĐQT tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022, cụ thể bao gồm nhưng không hạn chế các Nghị quyết/Quyết định sau:

<b>TT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung họp và thông qua</b>	<b>Tỷ lệ thông qua</b>
1	45/2022/NQ-HĐQT	11/01/2022	Hồ sơ nhân sự dự kiến bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 của SeABank	100%
2	206/2022/NQ-HĐQT	23/2/2022	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
3	242/2022/NQ-HĐQT	02/3/2022	Đầu tư Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện	100%
4	286/2022/NQ-	15/3/2022	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa	100%

<b>TT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung họp và thông qua</b>	<b>Tỷ lệ thông qua</b>
	HĐQT		phân phối hết theo đợt chào bán 181.311.631 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của SeABank	
5	288/2022/NQ-HĐQT	15/3/2022	Đầu tư Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện	100%
6	319/2022/NQ-HĐQT	25/3/2022	Một số nội dung liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
7	328/2022/NQ-HĐQT	29/3/2022	Việc phát hành bảo lãnh cho Tập đoàn BRG - Công ty CP	100%
8	336/2022/NQ-HĐQT	31/3/2022	Phương án phát hành trái phiếu SeABank năm 2022	100%
9	340/2022/NQ-HĐQT	31/3/2022	Một số nội dung liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
10	342/2022/NQ-HĐQT	01/4/2022	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Quảng Nam	100%
11	353/2022/NQ-HĐQT	08/4/2022	Thông qua Báo cáo thường niên năm 2021 của SeABank	100%
12	355/2022/NQ-HĐQT	08/4/2022	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Cầu Giấy và Giám đốc Chi nhánh Hải Dương	100%
13	361/2022/NQ-HĐQT	14/4/2022	Phê duyệt khoản vay từ Ngân hàng TNHH Ngoại Thương Việt Nam tại Lào	100%
14	373/2022/NQ-HĐQT	20/4/2022	Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua việc góp vốn, mua cổ phần của Công ty Chứng khoán Asean	100%
15	376/2022/NQ-HĐQT	20/4/2022	Sửa đổi Giấy phép hoạt động về mức vốn Điều lệ của SeABank	100%
16	409/2022/NQ-HĐQT	28/4/2022	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Đắk Lắk	100%
17	425/2022/NQ-HĐQT	16/5/2022	Một số nội dung liên quan đến kế hoạch triển khai Phương án tăng vốn điều lệ của SeABank năm 2022	100%
18	453/2022/NQ-HĐQT	26/5/2022	Thông qua việc ông Faussier Loic Michel Marc không còn là Thành viên HĐQT của SeABank	100%
19	454/2022/NQ-HĐQT	27/5/2022	Việc tiếp nhận và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Nam Định	100%
20	478/2022/NQ-HĐQT	03/6/2022	Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó TGD cao cấp của SeABank	100%

<b>TT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung họp và thông qua</b>	<b>Tỷ lệ thông qua</b>
21	488/2022/NQ- HĐQT	07/6/2022	Phân công công việc và phân cấp thẩm quyền đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 của SeABank	100%
22	510/2022/NQ- HĐQT	17/6/2022	Việc ban hành Quy chế phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng tại SeABank	100%
23	514/2022/NQ- HĐQT	21/6/2022	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Bình Phước	100%
24	533/2022/NQ- HĐQT	27/6/2022	Việc điều chỉnh Phương án phát hành ESOP năm 2022	100%
25	545/2022/NQ- HĐQT	30/6/2022	Giao dịch vay một khoản vay có thể chuyển đổi từ Bên cho vay là Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)	100%
26	562/2022/QĐ- HĐQT	08/07/2022	Bà Lê Thu Thủy thôi đảm nhiệm chức vụ TGD SeABank và tiếp tục tham gia công tác quản trị Ngân hàng với vai trò là Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng.	100%
27	563/2022/QĐ- HĐQT	08/07/2022	Cử Ông Faussier Loic Michel Marc - Phó TGD cao cấp làm Phó TGD Phụ trách điều hành hoạt động của SeABank.	100%
28	598/2022/NQ- HĐQT	19/07/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Bà Trần Thị Thu Bình - Giám đốc Khu vực Miền Bắc 2 kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Bắc Giang	100%
29	602/2022/NQ- HĐQT	19/07/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Ông Lê Quốc Long - Phó TGD Thường trực SeABank kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty SeABank AMC	100%
30	631/2022/NQ- HĐQT	08/08/2022	Thông qua việc cấp hạn mức bảo lãnh đối với Công ty CP dịch vụ và kinh doanh Bất động sản Hà Nội	100%
31	636/2022/NQ- HĐQT	09/08/2022	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	100%
32	667/2022/NQ- HĐQT	19/08/2022	Tiếp nhận và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức	100%
33	678/2022/NQ- HĐQT	23/08/2022	Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua: - Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Các nội dung liên quan đến khoản vay có thể chuyển đổi từ IFC	100%



<b>TT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung họp và thông qua</b>	<b>Tỷ lệ thông qua</b>
34	681/2022/NQ- HĐQT	23/08/2022	Bổ nhiệm Bà Trần Thị Thanh Xuân - Giám đốc Khối KHDNL, thôi kiêm nhiệm Giám đốc Khu vực Hà Nội 3	100%
35	682/2022/NQ- HĐQT	23/08/2022	Bổ nhiệm Ông Hoàng Huy Chương Phó Giám đốc Khối KHCN kiêm đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khu vực Hà Nội 3	100%
36	683/2022/NQ- HĐQT	23/08/2022	Tiếp nhận Ông Nguyễn Tiến Việt giữ chức vụ Giám đốc Khu vực Hà Nội 3	100%
37	721/2022/NQ- HĐQT	14/09/2022	Thông qua việc lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để thông qua khoản vay với IFC	100%
38	722/2022/NQ- HĐQT	14/09/2022	Thông qua việc SeABank tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm	100%
39	734/2022/NQ- HĐQT	20/09/2022	Thông qua việc cấp hạn mức bao thanh toán cho người mua trong dịch vụ bao thanh toán bên bán hàng nội địa cho Công ty CP Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội tại SeABank Sở giao dịch	100%
40	752.B/2022/NQ- HĐQT	29/09/2022	Thông qua việc trình NHNN thành lập Chi nhánh, Phòng Giao dịch của SeABank năm 2023	100%
41	793/2022/NQ- HĐQT	19/10/2022	Thông qua qua kết quả phân phối cổ phiếu đợt 1 và phương án phân phối cổ phiếu đợt 2 theo Chương trình ESOP năm 2022	100%
42	795/2022/NQ- HĐQT	19/10/2022	Thông qua việc trình NHNN thành lập Chi nhánh Dĩ An tại tỉnh Bình Dương theo kế hoạch thành lập Chi nhánh, Phòng giao dịch của SeABank năm 2023	100%
43	803/2022/NQ- HĐQT	24/10/2022	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028	100%
44	807/2022/NQ- HĐQT	25/10/2022	Đầu tư chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện	100%
45	822/2022/NQ- HĐQT	01/11/2022	Thông qua khoản vay với DFC	100%
46	838/2022/NQ- HĐQT	09/11/2022	Tiếp nhận và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Bình Chánh - Khu vực HCM	100%
47	839/2022/NQ- HĐQT	09/11/2022	Tiếp nhận và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Bắc Giang - Khu vực Miền Bắc 2	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung họp và thông qua	Tỷ lệ thông qua
48	886/2022/NQ- HĐQT	28/11/2022	Về cấp tín dụng cho Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.	100%
49	905/2022/NQ- HĐQT	12/12/2022	Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của PTF	100%
50	918/2022/NQ- HĐQT	19/12/2022	Thông qua việc thay đổi người đại diện phần vốn góp của SeABank tại PTF	100%
51	939/2022/NQ- HĐQT	26/12/2022	Thông qua Kế hoạch Ngân sách năm 2023	100%
52	946/2022/NQ- HĐQT	28/12/2022	Thông qua việc phát hành chứng chỉ tiền gửi của SeABank	100%

Như vậy, thông qua việc ban hành các nghị quyết/quyết định có liên quan, HĐQT SeABank đã thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược cho hoạt động của Ngân hàng cũng như bộ máy tổ chức, quản lý và điều hành của Ngân hàng. Đồng thời, HĐQT cũng thực hiện phân công công việc và phân cấp thẩm quyền đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và phân công công việc, phân cấp thẩm quyền đối với TGD của Ngân hàng nhằm phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Ngân hàng và quy định có liên quan.

Việc đề cử và lựa chọn các cá nhân dự kiến bầu bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Theo đó, các cổ đông sẽ đề cử ứng viên đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Điều lệ Ngân hàng, đảm bảo mức độ đa dạng, năng lực liên quan tới các tác động của Ngân hàng và phù hợp với chiến lược quốc tế hóa của Ngân hàng. Danh sách ứng viên dự kiến bầu thành viên HĐQT sẽ được trình NHNN chấp thuận trước khi tiến hành bầu dồn phiếu tại ĐHĐCĐ thường niên của Ngân hàng.

Trong năm 2022, ĐHĐCĐ thường niên của SeABank đã bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT là Ông Mathew Nevil Welch với bề dày kinh nghiệm 40 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng quốc tế để nâng cao năng lực cho HĐQT trong các chiến lược, dự án hợp tác quốc tế của Ngân hàng, đồng thời, nâng cao tính đa dạng, năng lực chuyên môn và năng lực quản trị ngân hàng quốc tế của HĐQT Ngân hàng.

#### 5.4.2. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị năm 2022

##### 5.4.2.1. Cơ cấu thành viên độc lập Hội đồng Quản trị:

Hiện nay, HĐQT SeABank có 02 thành viên độc lập bao gồm: Bà Ngô Thị Nhài đồng thời là thành viên Ủy Ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT và Ông Mathew Nevil Welch được bầu bổ sung trong năm 2022.

##### 5.4.2.2. Hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị năm 2022

Các thành viên độc lập HĐQT đã đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, chức năng của mình, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến tích cực, chủ động và kịp thời trong các phiên họp/lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT. Theo đó, các thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện một số công tác sau:

- Giám sát thông qua cơ chế thông tin báo cáo đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Ngân hàng.
- Tham gia đánh giá và biểu quyết thông qua một số giao dịch giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, TGD (Giám đốc), người điều hành khác của Ngân hàng và những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
- Tham gia đánh giá thông qua cơ chế thông tin báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Ngân hàng;
- Giám sát đối với HĐQT, TGD và người điều hành khác của Ngân hàng;
- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát (BKS) với HĐQT, TGD và các cổ đông.

#### 5.4.2.3. *Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng trong năm 2022 và các thành viên Hội đồng Quản trị:*

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT Ngân hàng trong năm 2022, các thành viên HĐQT độc lập nhận định chung như sau:

- HĐQT Ngân hàng đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng cũng như quy định áp dụng đối với công ty niêm yết.
- HĐQT SeABank đã tiến hành tổ chức hơn 50 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền, tuân thủ theo quy định của pháp luật và SeABank. Các phiên họp, lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT được tổ chức theo đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo thành phần dự họp/biểu quyết theo đúng quy định và các thành viên đã thảo luận, đánh giá cẩn trọng để đưa ra những định hướng, quyết sách phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng cũng như đem lại lợi ích cho Ngân hàng, cho cổ đông.
- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách, mở rộng mạng lưới, bổ nhiệm nhân sự cấp cao của Ngân hàng, việc triển khai các kế hoạch tăng vốn nhằm nâng cao năng lực tài chính cho Ngân hàng và triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã được HĐQT chú trọng xem xét, đánh giá thường xuyên trong các phiên lấy ý kiến HĐQT hoặc họp trực tiếp.
- Về cơ cấu của HĐQT: HĐQT có tất cả 08 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập, 02 thành viên là người có liên quan và tất cả thành viên đều là thành viên không điều hành; đảm bảo cơ cấu theo quy định của pháp luật ngân hàng và quy định về quản trị công ty niêm yết.
- Về công tác quản trị và giám sát:
  - HĐQT đã thực hiện tốt và đúng vai trò trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp và tổ chức lấy ý kiến nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình của Ngân hàng, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động và trong chu kỳ suy thoái, đồng thời hài hòa lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông.

- Các thành viên HĐQT luôn chủ động thực hiện vai trò, trách nhiệm và nhiệm vụ với Ngân hàng, với HĐQT và sát sao hỗ trợ đối với Ban TGD nhanh chóng, kịp thời trong hoạt động Ngân hàng.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Ngân hàng liên tục được cập nhật, tinh chỉnh và phát triển đảm bảo phù hợp với thực tế và tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế như áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như Basel III, COSO...
- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông cũng luôn được triển khai và củng cố, cụ thể: BKS tham gia các cuộc họp của HĐQT, TGD để kịp thời nắm bắt các thông tin, định hướng phát triển của Ngân hàng; hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền luôn được gửi đồng thời cho Trưởng BKS để giám sát trong từng trường hợp cụ thể; các báo cáo của Ban TGD được gửi đồng thời tới BKS để xem xét...
- Chỉ đạo các thành viên chuyên trách/UBQLRR xem xét, tham mưu các chính sách quản lý tác động tới môi trường và xã hội, và phê duyệt việc ban hành các chính sách quản lý tác động tới môi trường và xã hội, các hoạt động/giải pháp khắc phục/mang lại tác động tích cực cho môi trường và xã hội theo đề xuất của TGD.

## **5.5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị**

---

### *5.5.1. Ủy ban Quản lý rủi ro*

Trong năm 2022, UBQLRR ưu tiên tập trung vào các nội dung sau trong quản lý rủi ro:

- Tuân thủ quy định pháp luật;
- Rủi ro tín dụng;
- Quản lý kinh doanh liên tục;
- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro thanh khoản.

Theo đó, ngoài 02 cuộc họp định kỳ hàng năm và một số phiên họp để xem xét và thông qua các nội dung sau:

- UBQLRR đã tham mưu cho HĐQT SeABank ban hành các quy định như: quyết định Khẩu vị rủi ro tại SeABank giai đoạn 2022-2025 theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT- NHNN; quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Hội đồng xử lý rủi ro SeABank;
- Tập trung quản lý rủi ro đối với công tác thu hồi nợ, đặc biệt lưu ý tới khả năng nợ xấu có thể bị gia tăng do khách hàng bắt đầu phải trả nợ sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; thị trường bất động sản có dấu hiệu chững lại, số lượng giao dịch giảm và giá trị bất động sản có xu hướng giảm dần;
- Đề ra các kế hoạch, triển khai ứng phó hiệu quả đảm bảo toàn bộ hệ thống hoạt động an toàn và ổn định với tình hình mới hậu Covid-19;

- Hoàn thành triển khai tính vốn theo phương pháp mô hình nội bộ dựa theo tiêu chuẩn của Basel III;
- Hoàn thiện chi tiết và thực hiện kế hoạch dự phòng thanh khoản để đảm bảo tuân thủ theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Đồng thời, SeABank nghiên cứu xây dựng các hạn mức rủi ro thanh khoản nội bộ/dấu hiệu cảnh báo sớm nhằm đáp ứng cao hơn các yêu cầu về quản trị cũng như phù hợp với quy định mới tiên tiến theo Basel III.
- Hoàn thành xây dựng phương pháp đo lường chỉ số thanh khoản theo Basel III bao gồm hai chỉ số LCR và NFSR nhằm hướng tới đáp ứng đầy đủ theo quy định quốc tế.

#### 5.5.2. Ủy ban Nhân sự

Trong năm 2022, ngoài 02 cuộc họp định kỳ hàng năm và một số phiên họp, UBNS sự đã xem xét và thông qua các nội dung sau:

- Tham mưu hồ sơ trình NHNN chấp thuận và bổ nhiệm TGD đối với Ông Faussier Loic Michel Marc của Ngân hàng, chế độ lương, thưởng và phúc lợi của TGD mới; thay đổi người đại diện phần vốn góp tại các công ty con bao gồm thay đổi Chủ tịch Công ty SeABank AMC, thay đổi thành viên Hội đồng Thành viên của PTF; thông báo hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028 của Ngân hàng...
- Tham vấn cho HĐQT các định hướng, chính sách và chương trình về các chủ đề chính, bao gồm: chương trình lương kinh doanh bổ sung phân khúc KHDN trên toàn hệ thống SeABank; chính sách KPIs và lương kinh doanh bổ sung dành cho lực lượng bán và nhóm cán bộ quản lý mảng thuộc Khối KHCN; chương trình chi trả lương kinh doanh bổ sung phân khúc KHDNL trên toàn hệ thống SeABank; chương trình điều chỉnh lương và phụ cấp hiệu quả công việc bình quân năm 2022; xây dựng hệ thống KPIs cho các khối Hội sở; chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho CBNV SeAESOP 2022; chương trình PVI cho CBNV và người thân...
- Tham gia tham vấn cho HĐQT về các trường hợp bổ nhiệm, miễn nhiệm các trường hợp người điều hành, cán bộ quản lý của Ngân hàng để tham mưu cho HĐQT như tuyển dụng, bổ nhiệm Giám đốc Khối Quản trị và Phát triển Nguồn Nhân lực, Phó Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng số, Phó Giám đốc Khối KHDN, Phó Giám đốc Khối QTRR, các giám đốc khu vực, giám đốc một số chi nhánh như Quảng Nam, Bình Phước, Thủ Đức, Bình Chánh...

#### 5.6. Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Chuyên môn/ kinh nghiệm	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu
1	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng BKS	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học California Miramar Hoa Kỳ	2.937.980	0,1440%

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Chuyên môn/ kinh nghiệm	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu
2	Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên BKS	Quản trị Kinh doanh du lịch và khách sạn - Trường Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội	2.737.980	0,1342%
3	Ông Vũ Quốc Việt	Thành viên BKS	Cử nhân kinh tế - Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh	-	0,000%

Theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2022

### Hoạt động của BKS năm 2022

BKS đã triển khai họp hàng tháng nhằm rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình HĐQT; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động trong tháng tiếp theo.

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1.	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	12	100%	100%	
2.	Bà Nguyễn Thị Phụng	12	100%	100%	
3.	Ông Vũ Quốc Việt	12	100%	100%	

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban TGD được thực hiện thường xuyên và theo các chuyên đề với hệ thống ngân hàng và công ty con, trên cơ sở định hướng chỉ đạo điều hành của Chính phủ và NHNN đối với các hoạt động của tổ chức tín dụng liên quan đến việc thực hiện chính sách tiền tệ, tín dụng và ngoại hối, hoạt động đầu tư góp vốn, mua cổ phần, nâng cao năng lực quản trị, điều hành, QTRR, nâng cao năng lực tài chính, cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ.
- BKS giám sát việc HĐQT đã triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách, chỉ thị của NHNN và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị về định hướng mục tiêu, chỉ tiêu kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm; giám sát việc các ủy Ban trực thuộc HĐQT được thành lập đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và phát huy vai trò của mình trong hoạt động quản trị của Ngân hàng.
- BKS đảm bảo Ban TGD điều hành đã tổ chức triển khai nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh theo đúng định hướng/chỉ đạo/nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; đảm bảo Ban TGD điều hành đã có phân công công việc, phân cấp thẩm quyền rõ ràng đến từng các đơn vị

nghiệp vụ liên tục rà soát các quy định nội bộ nhằm chuẩn hóa hệ thống văn bản nội bộ và đảm bảo cập nhật kịp thời các quy định của NHNN, quy định của pháp luật và đảm bảo hoạt động của Ngân hàng được thông suốt, an toàn và hiệu quả.

- Giám sát các giao dịch của người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ SeABank, quy định nội bộ về quản trị công ty của SeABank và chính sách về giao dịch với người có liên quan của Ngân hàng.
- Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2022 của Ngân hàng.

### **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- BKS đã tham gia các phiên họp thường kỳ của HĐQT và/hoặc dự các cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc điều hành. HĐQT và Ban Giám đốc điều hành đảm bảo việc cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, phục vụ cho việc kiểm soát của BKS.
- BKS và Kiểm toán nội bộ tổ chức các phiên họp để kịp thời thông báo, làm việc với HĐQT, TGD và các thành viên Ban Điều hành để có các quyết định, chỉ đạo quyết liệt nhằm ngăn ngừa và xử lý các tồn tại trong hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, cải tiến quy trình, sản phẩm, QTRR trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.
- HĐQT, Ban Điều hành đã nỗ lực khắc phục các tồn tại theo khuyến nghị của BKS và Kiểm toán nội bộ, tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ.

### **Hoạt động khác của BKS:**

Trong kỳ, BKS cũng thực hiện một số chức năng nhiệm vụ khác như sau:

- Thực hiện đánh giá và lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của SeABank theo nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Theo dõi, lập danh sách người có liên quan và rà soát các giao dịch đối với người có liên quan của Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng;
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Ngân hàng;
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống rửa tiền theo yêu cầu của NHNN;
- Báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của NHNN, cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.

## **5.7. Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích đối với Hội đồng quản trị, BKS, CQKTNB**

### *5.7.1. Cơ chế xác định mức tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích*

#### **a. Đối với các thành viên HĐQT:**

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT được hưởng thù lao và được chi trả các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng ngân sách hoạt động của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT căn cứ vào tổng ngân sách đã ĐHĐCĐ phê duyệt

quyết định mức thù lao áp dụng đối với các thành viên HĐQT và các chi phí cụ thể phù hợp với tình hình hoạt động của HĐQT. Thù lao của các thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của SeABank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan.

- Thành viên HĐQT nắm chức vụ điều hành hoặc thực hiện các công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT có thể được trả thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các ủy ban của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và SeABank trong từng thời kỳ.

b. Đối với các thành viên BKS:

- Kinh phí hoạt động (bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý và các lợi ích khác trong quá trình thực hiện công việc) của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của SeABank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SeABank.
- ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS dựa trên kết quả kinh doanh của SeABank và thành tích công tác của BKS, phù hợp với quy định của pháp luật và của SeABank trong từng thời kỳ.
- Tổng mức thù lao và kinh phí hoạt động của BKS không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

c. Đối với Kiểm toán nội bộ:

Kiểm toán viên nội bộ được hưởng lương, thưởng và lợi ích khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

*5.7.2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS*

Các giao dịch của HĐQT, Ban TGD và BKS soát đã được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty trên website chính thức của SeABank.

Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS:

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2022 (Triệu đồng)</b>	<b>Năm 2021 (Triệu đồng)</b>
<b>I</b>	<b>Thù lao HĐQT</b>	<b>17.323</b>	<b>12.522</b>
1	Chủ tịch HĐQT	4.390	3.240
2	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	3.510	2.160
3	Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	2.620	1.000
4	Phó Chủ tịch HĐQT	1.080	1.080



<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2022 (Triệu đồng)</b>	<b>Năm 2021 (Triệu đồng)</b>
5	02 Thành viên HĐQT	1.080	1.080
6	02 Thành viên HĐQT độc lập	2.483	1.790
<b>II</b>	<b>Thù lao và chi phí hoạt động của BKS</b>	<b>2.160</b>	<b>2.172</b>
<b>III</b>	<b>Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác của TGD và người quản lý khác</b>	<b>29.083</b>	<b>24.198</b>

5.7.3. Các giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:

<b>TT</b>	<b>Người thực hiện giao dịch</b>	<b>Quan hệ với người nội bộ</b>	<b>Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021)</b>		<b>Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)</b>		<b>Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)</b>
			<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	
1	Lê Văn Tản	Chủ tịch HĐQT	54.560	0,004%	4.465.113	0,219%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.
2	Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	26.206.773	1,773%	72.116.968	3,535%	- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022. - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu trên sàn. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.
3	Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT	39.844.827	2,695%	48.053.047	2,355%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.
4	Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	31.584	0,002%	5.537.693	0,271%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
5	Hoàng Minh Tân	Thành viên HĐQT	71.824	0,005%	4.885.717	0,239%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.
6	Bùi Trung Kiên	Thành viên HĐQT	33.039	0,002%	4.305.764	0,211%	- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022. - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.
7	Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT	10.910	0,001%	2.813.020	0,138%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.
8	Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng BKS	31.824	0,002%	2.937.980	0,144%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.
9	Nguyễn Thị Phụng	Thành viên BKS	31.824	0,002%	2.737.980	0,134%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.
10	Faussier Loic Michel Marc	Phó TGD Cao cấp Phụ trách điều hành (bổ nhiệm là TGD từ ngày 03/01/2023)	-	0,000%	200.000	0,010%	Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
11	Lê Quốc Long	Phó TGD Thường trực	6.383.276	0,432%	6.846.083	0,336%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022. - Bán cổ phiếu trên sàn.
12	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó TGD	6.050.858	0,409%	7.835.729	0,384%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022. - Bán cổ phiếu trên sàn
13	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó TGD	5.826.657	0,394%	6.205.962	0,304%	- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022. - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022. - Bán cổ phiếu trên sàn.
14	Vũ Đình Khoán	Phó TGD	5.676.647	0,384%	4.556.300	0,223%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022. - Bán cổ phiếu trên sàn.

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
15	Trần Thị Thanh Thủy	Phó TGD	586.200	0,040%	717.315	0,035%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022.</li> <li>- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022.</li> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.</li> <li>- Bán cổ phiếu trên sàn.</li> </ul>
16	Nguyễn Tuấn Cường	Phó TGD	1.170.326	0,079%	2.185.634	0,107%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022.</li> <li>- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022.</li> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.</li> <li>- Bán cổ phiếu trên sàn.</li> </ul>
17	Đặng Thu Trang	Phó TGD	340.434	0,023%	400.442	0,020%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022.</li> <li>- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022.</li> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.</li> <li>- Bán cổ phiếu trên sàn.</li> </ul>

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
18	Vo Long Nhi	Phó TGD	137.663	0,009%	399.442	0,020%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022.</li> <li>- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022.</li> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.</li> </ul>
19	Nguyễn Thị Hoài Phương	Kế toán trưởng	70.185	0,005%	106.762	0,005%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022.</li> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.</li> <li>- Bán cổ phiếu trên sàn.</li> </ul>
20	Vũ Quốc Tuấn	Người phụ trách Quản trị công ty	46.254	0,003%	87.300	0,004%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022.</li> <li>- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022.</li> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.</li> <li>- Bán cổ phiếu trên sàn</li> </ul>
21	Đào Minh Nguyệt	Người phụ trách Quản trị công ty	200	0,0000 1%	40.238	0,002%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022.</li> <li>- Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.</li> </ul>

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
22	Hoàng Tuyết Mai	Người phụ trách Quản trị công ty	25.669	0,002%	69.390	0,003%	- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022. - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Mua cổ phiếu theo đợt phát hành ESOP năm 2022.
23	Lê Hữu Báu	Người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Nga - Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT và Bà Lê Thu Thủy - Phó Chủ tịch HĐQT.	54.889.550	3,713%	69.088.630	3,386%	- Mua cổ phiếu trên sàn. - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022.
24	Lê Tuấn Anh	Người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Nga - Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT và Bà Lê Thu Thủy - Phó Chủ tịch HĐQT.	38.321.433	2,592%	44.784.162	2,195%	- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022. - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Bán cổ phiếu trên sàn.
25	Nguyễn Tường Huy	Người có liên quan của Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm - Phó Chủ tịch HĐQT	203.199	0,014%	200.069	0,010%	- Mua cổ phiếu theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022. - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022. - Bán cổ phiếu trên sàn.

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
26	Công đoàn SeABank Hội sở	Người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Phó TGD	289.909	0,020%	1.070.603	0,052%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua cổ phiếu lẻ và cổ phiếu phân phối lần 2 theo đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022.</li> <li>- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng năm 2022.</li> <li>- Nhận chuyển nhượng cổ phiếu của người lao động nghỉ việc theo quy định của các Chương trình ESOP.</li> </ul>

(\*) Trên đây là tổng hợp các giao dịch trọng yếu của người nội bộ của Ngân hàng. Các thông tin chi tiết đã được đăng tải tại Báo cáo Quản trị Công ty tại website: [seabank.com.vn](http://seabank.com.vn) - mục Nhà Đầu tư).

#### 5.7.4. Các giao dịch với bên liên quan:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Nội dung giao dịch
1	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ	Cổ đông lớn, Người liên quan của thành viên HĐQT.	Nhận tiền gửi của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ
2	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF)	Công ty con của SeABank	Đầu tư chứng chỉ tiền gửi của PTF Nhận tiền gửi của PTF
3	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản SeABank	Công ty con của SeABank	Nhận tiền gửi của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản SeABank.
4	Tập đoàn BRG - Công ty CP và các công ty con	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Cấp hạn mức bảo lãnh cho Tập đoàn BRG - Công ty CP và các công ty con Cấp hạn mức bao thanh toán cho người mua trong dịch vụ bao thanh toán bên bán hàng nội địa cho Tập đoàn BRG - Công ty CP và các công ty con

<b>STT</b>	<b>Tên tổ chức/cá nhân</b>	<b>Mối quan hệ liên quan với SeABank</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>
			Nhận tiền gửi của Tập đoàn BRG - Công ty CP và các công ty con
5	Công ty CP Du lịch Dịch vụ Hà Nội	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Nhận tiền gửi của Công ty CP Du lịch Dịch vụ Hà Nội Cấp hạn mức bảo lãnh cho Công ty CP Du lịch Dịch vụ Hà Nội
6	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Nhận tiền gửi của Công ty CP Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội
7	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM) và các công ty con	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Cấp tín dụng cho Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM) và các công ty con Nhận tiền gửi của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM) và các công ty con Cấp hạn mức bảo lãnh cho Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM) và các công ty con
8	Công ty cổ phần Thăng Long GTC	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Nhận tiền gửi của Công ty cổ phần Thăng Long GTC
9	CTCP Vận tải và Thuê tàu (VIETFRACHT) và các công ty con	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Nhận tiền gửi của CTCP Vận tải và Thuê tàu (VIETFRACHT) và các công ty con
10	Công ty CP Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Người có liên quan của thành viên HĐQT	- Nhận tiền gửi của Công ty CP Dược - Vật tư y tế Nghệ An. - Cấp hạn mức bảo lãnh cho Công ty CP Dược - Vật tư y tế Nghệ An.
11	Công ty CP Nông thủy sản Nghệ An	Người có liên quan của thành viên HĐQT	- Cấp tín dụng cho Công ty CP Nông thủy sản Nghệ An - Nhận tiền gửi của Công ty CP Nông thủy sản Nghệ An.
12	Công ty CP đầu tư và kinh doanh BĐS Smart key	Từng là Người có liên quan của thành viên HĐQT	Nhận tiền gửi của Công ty CP đầu tư và kinh doanh Bất động sản Smart key.



<b>STT</b>	<b>Tên tổ chức/cá nhân</b>	<b>Mối quan hệ liên quan với SeABank</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>
13	Công ty cổ phần du lịch dịch vụ Thủy sản Đồ Sơn	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Nhận tiền gửi của Công ty cổ phần du lịch dịch vụ Thủy sản Đồ Sơn.
14	Công ty CP xi măng Mỹ Đức	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Nhận tiền gửi của Công ty CP xi măng Mỹ Đức.
15	Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh	Từng là Người có liên quan của thành viên HĐQT	Nhận tiền gửi của Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh.
16	Công ty CP ô tô công nghiệp Trường Sơn	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Công ty CP ô tô công nghiệp Trường Sơn.
17	Công ty cổ phần ORG	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Nhận tiền gửi của Công ty cổ phần ORG.
18	Tổng Công ty Công nghiệp Ô Tô Việt Nam - CTCP	Người có liên quan của thành viên BKS	Nhận tiền gửi của Tổng Công ty Công nghiệp Ô Tô Việt Nam – CTCP.
19	Công ty TNHH Xuất khẩu lao động Vinamotor	Người có liên quan của thành viên BKS	Nhận tiền gửi của Công ty TNHH Xuất khẩu lao động Vinamotor.
20	Nguyễn Minh Thắng	Người có liên quan của thành viên Ban TGD	- Nhận tiền gửi của Nguyễn Minh Thắng. - Cấp tín dụng cho Nguyễn Minh Thắng.
21	Trần Thị Thu Hương	Người có liên quan của thành viên Ban TGD	- Nhận tiền gửi của Trần Thị Thu Hương. - Cấp tín dụng cho Trần Thị Thu Hương.
22	Nguyễn Quỳnh Lâm	Người có liên quan của thành viên Phó TGD	- Nhận tiền gửi của Nguyễn Quỳnh Lâm. - Cấp tín dụng cho Nguyễn Quỳnh Lâm.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Nội dung giao dịch
23	Hoàng Tuyết Mai	Người phụ trách Quản trị công ty	- Nhận tiền gửi của Hoàng Tuyết Mai. - Cấp tín dụng cho Hoàng Tuyết Mai.
24	Công ty CP Vàng bạc đá quý ASEAN	SeABank từng là cổ đông lớn	- Nhận tiền gửi của Công ty CP Vàng bạc đá quý ASEAN. - Cấp tín dụng cho Công ty CP Vàng bạc đá quý ASEAN.

(\* ) Chi tiết các giao dịch với các Bên liên quan đã được đăng tải tại Báo cáo Quản trị Công ty tại website: [seabank.com.vn](http://seabank.com.vn) - Mục Nhà Đầu tư.

## 5.8. Bảo đảm lợi ích và đối xử công bằng với cổ đông

### 5.8.1. Nguyên tắc trong bảo đảm lợi ích và đối xử công bằng với cổ đông

SeABank cam kết và nỗ lực ổn định cơ cấu cổ đông và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông (bao gồm cổ đông nhỏ lẻ), gắn bó và hợp tác chặt chẽ vì sự phát triển ổn định và bền vững; đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo công khai, minh bạch; đồng thời tiếp tục triển khai các giải pháp duy trì năng lực tài chính dài hạn, nỗ lực không ngừng tạo ra giá trị, đảm bảo lợi ích trước mắt cũng như lâu dài cho đối tác, cổ đông và khách hàng.

Tại SeABank, chúng tôi rất quan tâm đến việc bảo vệ lợi ích và đối xử công bằng với các cổ đông của mình. SeABank luôn coi trọng mối quan hệ và sự hợp tác chặt chẽ với các cổ đông của mình, do đó chúng tôi cam kết sẽ nỗ lực để ổn định cơ cấu cổ đông và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông, đặc biệt bao gồm cả cổ đông nhỏ lẻ.

Không chỉ cam kết đối xử công bằng giữa các cổ đông, SeABank cũng đảm bảo công khai và minh bạch trong mọi hoạt động của mình. SeABank luôn trân trọng sự tin tưởng và niềm tin của cổ đông, và vì vậy, chúng tôi sẽ luôn cung cấp cho cổ đông thông tin đầy đủ và chính xác về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, SeABank cũng đang tiếp tục triển khai các giải pháp duy trì năng lực tài chính dài hạn. Chúng tôi đang nỗ lực không ngừng để tạo ra giá trị, đảm bảo lợi ích trước mắt cũng như lâu dài cho đối tác, cổ đông và khách hàng. SeABank luôn tự hào về sự cam kết này và cam kết sẽ liên tục cải thiện, phát triển để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cổ đông và khách hàng. SeABank cho rằng việc hợp tác chặt chẽ với các cổ đông là nhiệm vụ thiết yếu để đem lại sự phát triển ổn định và bền vững cho cả Ngân hàng và các bên hữu quan.

### 5.8.2. Chính sách chi trả cổ tức

Chính sách chi trả cổ tức của SeABank là một trong những phương tiện quan trọng nhằm đảm bảo và nhắm đến mục tiêu tối đa hóa lợi ích của cổ đông. SeABank đã thiết lập phương án chi trả cổ tức đầy đủ và minh bạch để đảm bảo tính công khai và minh bạch trong mọi hoạt động.

Kể từ khi niêm yết cổ phiếu (mã SSB) tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) vào tháng 03/2021, SeABank luôn thực hiện việc chi trả cổ tức và/hoặc cổ phiếu thưởng cho cổ đông hàng năm, đảm bảo hoàn thành chi trả đầy đủ thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. Trong giai đoạn từ 2020 - 2022, mức cổ tức và/hoặc cổ phiếu thưởng trung bình của SeABank là hơn 14%/năm. SeABank cam kết sẽ chi trả cổ tức và/hoặc cổ phiếu thưởng hàng năm với mức tối thiểu 10%/năm, điều chỉnh phù hợp với thực tế hoạt động của ngân hàng và định hướng, chỉ đạo của NHNN trong từng thời kỳ để đảm bảo lợi ích cho các cổ đông của mình. Hơn nữa, chúng tôi sẽ cung cấp cho cổ đông các chương trình và hoạt động gặp mặt/trao đổi để tăng cường tính công khai và tương tác với nhà đầu tư.

Chúng tôi hiểu rằng mối quan hệ với cổ đông là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển ổn định và bền vững của SeABank. Vì vậy, chúng tôi luôn chú trọng tới việc đảm bảo mối quan hệ tốt đẹp với cổ đông. SeABank đã thiết lập đa dạng các kênh và cách thức thông tin giao tiếp với cổ đông của SeABank như tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường, xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, phản hồi các thắc mắc của cổ đông qua website, email, hotline, hệ thống tin nhắn (SMS)... giúp cổ đông của chúng tôi tiếp cận thông tin về hoạt động của Ngân hàng và việc thực hiện quyền của cổ đông một cách dễ dàng và thuận tiện.

Trong tương lai, SeABank cam kết sẽ đảm bảo chính sách chi trả cổ tức luôn được cập nhật để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cổ đông của chúng tôi và duy trì mức cổ tức ổn định và tăng trưởng. Đồng thời, chúng tôi sẽ không ngừng nâng cao tính công khai và minh bạch trong việc giao tiếp với cổ đông và tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông tiếp cận thông tin của ngân hàng.

### *5.8.3. Xây dựng và thực hiện quy trình chuẩn trong thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông*

Tại SeABank, chúng tôi luôn cam kết đảm bảo công khai và minh bạch trong mọi hoạt động quản trị công ty. Điều này đặc biệt quan trọng đối với việc tiếp cận thông tin và tham gia vào quyết định của ĐHĐCĐ. Chúng tôi đã đưa ra các biện pháp cụ thể để tăng cường tính công khai và tương tác với các nhà đầu tư.

Để đảm bảo sự thuận tiện và dễ dàng trong việc truy cập thông tin cho cổ đông, SeABank công bố đầy đủ tài liệu họp trên website của mình và hệ thống công bố thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

Chúng tôi cũng tôn trọng quyền của cổ đông trong việc đóng góp ý kiến trước, trong các kỳ họp ĐHĐCĐ. Để đáp ứng nhu cầu này, chúng tôi khuyến khích các cổ đông gửi ý kiến của mình thông qua phiếu đóng góp ý kiến. Điều này giúp cho các cổ đông của chúng tôi đều có cơ hội được nghe và đưa ra ý kiến của mình, đảm bảo quyết định được đưa ra bằng cách công bằng và minh bạch.

Ngoài ra, chúng tôi cũng công bố điều lệ và quy chế liên quan đến quản trị công ty để đảm bảo sự minh bạch và công khai. Chúng tôi hiểu rằng sự minh bạch và công khai là yếu tố quan trọng để cổ đông có thể tin tưởng và đầu tư vào SeABank. Chúng tôi cam kết tiếp tục nỗ lực để đáp ứng các yêu cầu và mong muốn của cổ đông.

#### 5.8.4. Xây dựng các kênh thông tin đa dạng và dễ tiếp cận nhất đến nhà đầu tư

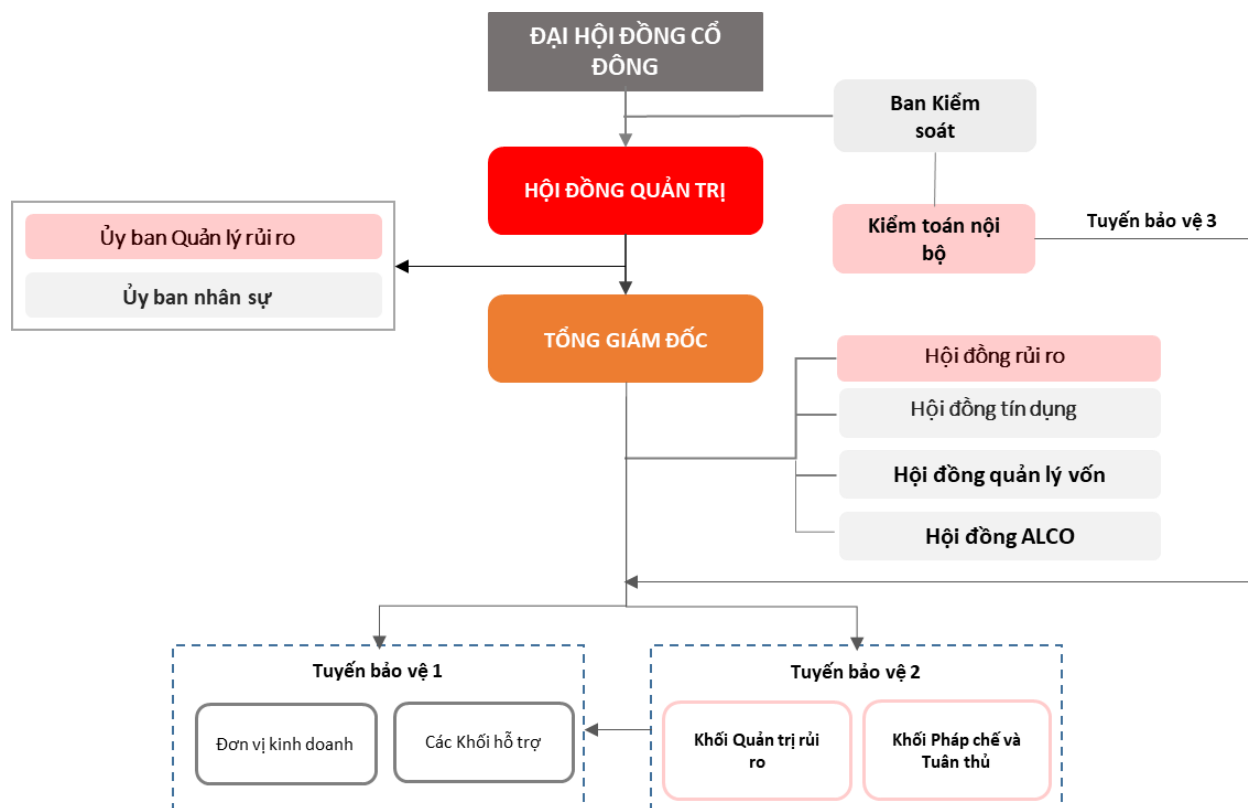
Website của SeABank là kênh thông tin chính thức, quan trọng cho phép chúng tôi cập nhật thông tin mới nhất về sản phẩm và dịch vụ, thông tin tài chính, thông tin về cổ đông, ĐHĐCĐ và những thông tin khác liên quan đến hoạt động của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, SeABank cam kết công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời đến nhà đầu tư trên các hệ thống chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi cũng sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền hình và mạng xã hội để truyền đạt thông tin cho nhà đầu tư. Ngoài ra, chúng tôi tổ chức các buổi roadshow, hội nghị để chia sẻ, cập nhật với các nhà đầu tư các thông tin hoạt động của Ngân hàng.

Tại các kỳ họp ĐHĐCĐ được tổ chức thường niên hoặc ký lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, SeABank sẽ cung cấp thông tin đầy đủ và chi tiết nhất để các cổ đông có thể tham gia vào các quyết định quan trọng của ngân hàng. SeABank luôn nỗ lực để cung cấp những kênh thông tin tốt nhất để giúp nhà đầu tư đưa ra những quyết định đúng đắn và hiệu quả.

## VI. QUẢN TRỊ RỦI RO

### 6.1. Nâng cao năng lực kiểm soát nội bộ và tuân thủ với mô hình 3 tuyến



SeABank đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ đáp ứng quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN: Tuyển thứ nhất chịu trách nhiệm quản lý, kiểm soát rủi ro trong mọi hoạt động tác nghiệp hàng ngày tại đơn vị; Tuyển thứ hai có vai trò tư vấn, thúc đẩy, hỗ trợ và giám sát liên tục việc quản lý rủi ro của tuyển thứ nhất, ngoài ra còn thực hiện đề xuất xử lý, khắc phục các rủi ro được phát hiện, đồng thời giúp việc TGD trong việc tự kiểm tra và đánh giá về Hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng; Tuyển thứ ba có vai trò giám sát, đánh giá độc lập hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Đồng thời, chính sách, quy trình, quy định nội bộ đều được rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện đảm bảo nguyên tắc tối thiểu là “Double check”/”kiểm tra 2 lần” tại từng bước nghiệp vụ, đơn vị thực hiện và không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường phát huy vai trò của 3 tuyển trong hoạt động kiểm soát tuân thủ.

Vai trò của 3 tuyển được phát huy tối đa bằng các hoạt động tự kiểm tra, giám sát và các hoạt động kiểm tra chéo giữa các tuyển dưới nhiều hình thức để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh việc nỗ lực phát hiện ngăn chặn các hành vi giả mạo, lừa đảo, tổ giặc tội phạm, SeABank luôn kịp thời thực hiện cảnh báo đa kênh tới CBNV và khách hàng về nguy cơ rủi ro, thủ đoạn mới của tội phạm công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng nhằm giúp CBNV, khách hàng nhận diện, cảnh giác, phòng tránh được nguy cơ thất thoát tài sản.

## **6.2. Quản trị rủi ro**

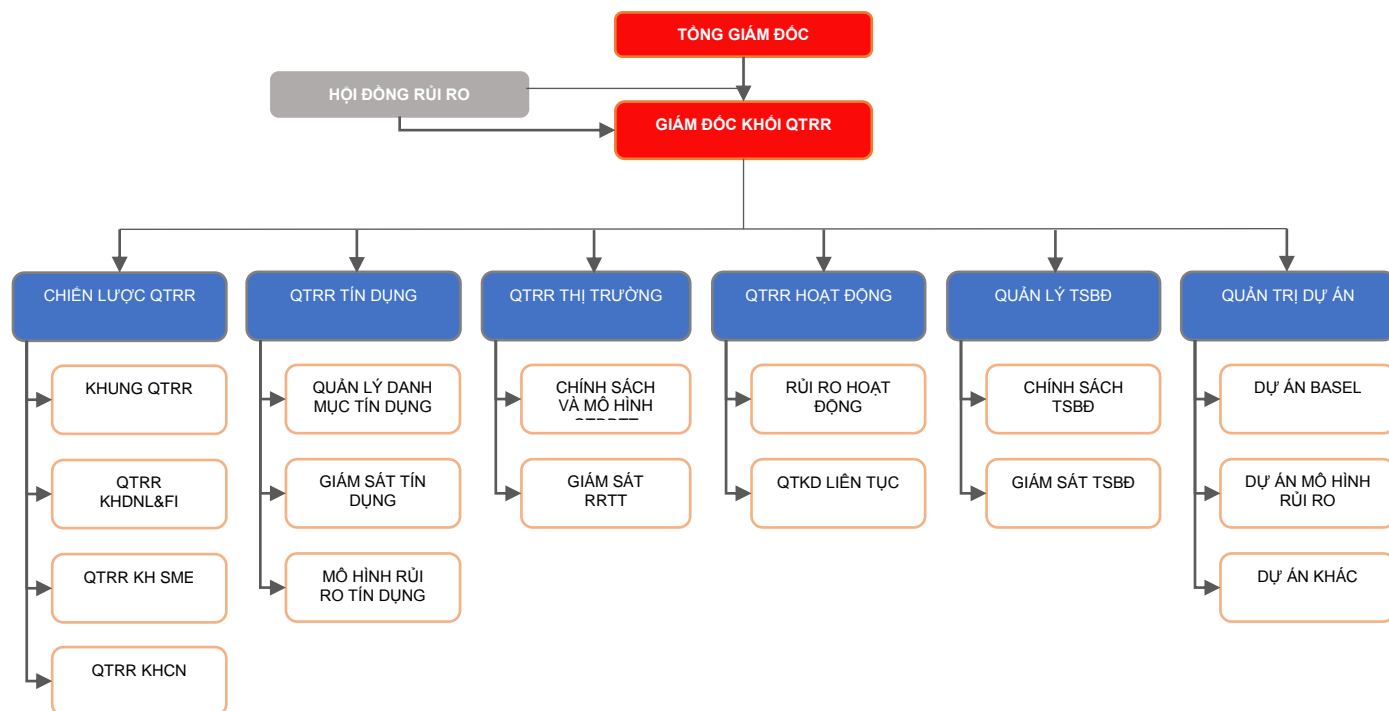
---

### *6.2.1. Thực thi và kiểm soát quản lý rủi ro toàn diện*

QTRR là một trong năm trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển của SeABank, là điểm tựa giúp Ngân hàng thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh bền vững.

Chúng tôi sử dụng cách tiếp cận ba tuyến bảo vệ để QTRR theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN, trong đó Khối QTRR ở tuyến bảo vệ số 2, phối hợp với các khối và đơn vị khác ở cả 3 tuyến để triển khai công tác quản lý rủi ro cho Ngân hàng. Ủy ban Quản lý rủi ro đóng vai trò giám sát cấp cao cho Hội đồng Quản trị, Hội đồng rủi ro đóng vai trò tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác tổ chức thực hiện các chính sách quản lý rủi ro. Hệ thống QTRR SeABank được xây dựng và hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ đầy đủ các quy định của cơ quan nhà nước và áp dụng các chuẩn mực quốc tế tiên tiến (Basel II, III) để quản lý rủi ro hiệu quả, phân bổ vốn hợp lý, tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng.

## Cơ cấu tổ chức của Khối Quản trị rủi ro



### 6.2.2. Danh mục các rủi ro được nhận diện và quản lý

#### a. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là một trong các rủi ro trọng yếu đối với NHTM Việt Nam nói chung và SeABank nói riêng do tín dụng là hoạt động chính của ngân hàng. SeABank áp dụng mô hình quản lý rủi ro tín dụng tập trung, xuyên suốt từ xây dựng sản phẩm tín dụng, triển khai bán, thẩm định, định giá, phê duyệt, giải ngân, quản lý sau cho vay đến thu hồi nợ. SeABank thiết lập các tiêu chuẩn rủi ro tín dụng trên cơ sở Khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro tín dụng được xác định trước. Chúng tôi QTRR tín dụng trong tất cả phân khúc khách hàng và sản phẩm tín dụng, đặc biệt các sản phẩm mới luôn được đánh giá kỹ lưỡng, cân nhắc biện pháp kiểm soát thích hợp trước khi chính thức triển khai. Rủi ro tín dụng được đo lường bởi các mô hình rủi ro tín dụng theo chuẩn quốc tế. Đồng thời, SeABank đã số hóa toàn diện quy trình tín dụng, từ đó có hệ thống dữ liệu đầy đủ phục vụ cho công tác nhận diện rủi ro tín dụng chủ động, thực hiện cảnh báo sớm, quản lý diễn biến chất lượng nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro.

#### b. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Mục tiêu chính trong việc quản lý rủi ro thị trường là kiểm soát mức rủi ro trong các thông số có thể chấp nhận đồng thời tối ưu hóa lợi nhuận của rủi ro.

SeABank quản lý rủi ro thị trường theo giao dịch hàng ngày và trên tổng thể danh mục, đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro thị trường đã được xác định trước.

Các hạn mức rủi ro thị trường trên luôn tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thị trường, được xây dựng đầy đủ và được rà soát, đánh giá lại (điều

chính nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank.

#### *c. Rủi ro thanh khoản*

SeABank thực hiện QTRR thanh khoản trên nguyên tắc thiết lập một mức tối thiểu tài sản thanh khoản cần được duy trì để đảm bảo các khoản nợ phải trả khi đến ngày đáo hạn dự kiến và các nghĩa vụ giải ngân khác.

SeABank thực hiện chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản bao gồm: nguyên tắc quản lý thanh khoản; chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn vốn huy động để tăng sự ổn định nợ phải trả, hỗ trợ thanh khoản hàng ngày; nguyên tắc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản. Các hạn mức rủi ro thanh khoản được giám sát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thanh khoản.

SeABank dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. Chúng tôi thiết lập hạn mức rủi ro thanh khoản dựa trên kết quả dự báo thanh khoản trong điều kiện thị trường bình thường và rủi ro. SeABank có cơ chế quản lý tài sản hiệu quả, cơ chế điều hành công khai, minh bạch và ổn định, tránh tạo ra những cú sốc rút tiền ào ạt.

Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có (Hội đồng ALCO) theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản, xây dựng và vận hành các chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ và các kế hoạch dự phòng để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn như đánh giá các dòng tiền dự kiến và các tài sản thế chấp có thể được sử dụng để bù đắp thiếu hụt thanh khoản.

#### *d. Rủi ro lãi suất*

SeABank triển khai chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng với các biện pháp như: quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tối thiểu theo các chỉ số về trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile); sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống; xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng bao gồm: hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất; hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất và/hoặc hạn mức về thay đổi của giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu do thay đổi của lãi suất theo chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

Ngoài ra, SeABank còn áp dụng nhiều biện pháp như: chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có của SeABank (ALCO) đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất, cập nhật về thị trường trong nước và quốc tế để đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường trong các cuộc họp hàng tháng của Hội đồng ALCO. SeABank trên cơ sở phân tích diễn biến của thị trường sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay.

#### *e. Rủi ro hoạt động*

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài gây tổn thất về tài chính hoặc tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro hoạt động, SeABank đã triển khai đầy đủ các chính sách quản lý rủi ro hoạt động như: nhận diện rủi ro hoạt động trong các sản phẩm, dịch vụ, hệ thống, quy trình, hoạt động hiện tại hoặc mới, dự kiến sẽ triển khai; thu thập và tạo kho dữ liệu rủi ro hoạt động hoàn thiện làm xương sống cho công tác quản lý rủi ro hoạt động; xây dựng và theo dõi KRIs (các chỉ số rủi ro hoạt động chính); sử dụng các phát hiện của Kiểm toán nội bộ và Kiểm soát tuân thủ để đề xuất các giải pháp hạn chế rủi ro; xây dựng các công cụ nhận diện, ngăn chặn rủi ro gian lận; giám sát hạn mức rủi ro hoạt động; quản lý rủi ro hoạt động thuê ngoài; duy trì bảo hiểm rủi ro hoạt động toàn diện; xây dựng và thiết lập hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động để làm cơ sở theo dõi, đánh giá và đề xuất cải tiến hệ thống QTRR hoạt động tại Ngân hàng.

#### *f. Rủi ro tập trung*

Rủi ro tập trung là rủi ro khi ngân hàng tập trung vốn tài trợ hoặc giao dịch quá nhiều đối với một ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ, nhóm khách hàng hoặc trong cùng một vùng địa lý nhất định, cùng một loại hình giao dịch có rủi ro cao.

SeABank thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và hoạt động giao dịch tự doanh theo quy định của NHNN.

Đối với hoạt động cấp tín dụng, SeABank thiết lập các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, ngành, khách hàng và người có liên quan của khách hàng để đảm bảo duy trì một danh mục cấp tín dụng đa dạng, không tập trung cao vào một nhóm sản phẩm, ngành hoặc khách hàng.

Đối với hoạt động tự doanh, SeABank xác định hạn mức giao dịch theo đối tác giao dịch, sản phẩm và loại tiền tệ để đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác phù hợp.

#### *g. Rủi ro đặc thù khác*

##### ❖ Rủi ro chuyển đổi số

Chuyển đổi số đi kèm với những rủi ro về an toàn công nghệ, tội phạm tài chính và bảo mật thông tin khách hàng. Nhận thức được các rủi ro phải đối mặt, SeABank đã đầu tư nghiêm túc cho nguồn lực quản lý rủi ro nói chung và quản lý rủi ro trong lĩnh vực CNTT nói riêng. SeABank đã có lực lượng chuyên trách cho công tác bảo đảm an toàn thông tin toàn hệ thống cũng như của khách hàng ngay từ những ngày đầu đi vào hoạt động. Hàng loạt giải pháp, hệ thống công nghệ bảo mật uy tín đã được triển khai, áp dụng một cách đồng bộ, tạo dựng hệ thống bảo đảm an toàn thông tin tổng thể, có chiều sâu. Năm 2020, SeABank đã được cấp chứng chỉ PCI DSS 3.2 về an toàn, bảo mật cho hệ thống thể thanh toán lần đầu tiên tại Việt Nam.

Đối với rủi ro tội phạm tài chính (tài khoản giả mạo, trộm cắp thông tin OTP, lừa chuyển tiền,...), SeABank liên tục cập nhật các xu hướng tội phạm mới để xây dựng giải pháp ngăn chặn chủ động trên hệ thống CNTT của ngân hàng đồng thời thường xuyên truyền thông, cảnh báo tới khách hàng



qua các kênh tư vấn trực tiếp, tin nhắn, email, mobile app, website, fanpage,... để khách hàng nâng cao cảnh giác khi sử dụng hệ thống giao dịch ngân hàng số.

❖ **Rủi ro môi trường, thiên tai, dịch bệnh**

Thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro đến từ bên ngoài, nằm ngoài tầm kiểm soát của ngân hàng. Tuy nhiên, SeABank đã xây dựng Kế hoạch quản trị kinh doanh liên tục để ứng phó với những rủi ro này, trong đó bao gồm những kịch bản và phương án ứng phó cụ thể với những tình huống xảy ra bão lũ, khủng bố, dịch bệnh,... Trong giai đoạn Covid-19, SeABank vẫn duy trì được hoạt động kinh doanh liên tục nhờ vận dụng tốt các kịch bản phòng ngừa và ứng phó với rủi ro dịch bệnh đã xây dựng trước.

Đối với rủi ro môi trường, SeABank tự hào là một ngân hàng rất tích cực trong việc triển khai các chương trình thiết thực để giảm thiểu tác động đến môi trường như sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hoạt động hàng ngày, phân loại rác và hạn chế rác thải, không sử dụng chai nhựa, tiết kiệm giấy in, triển khai 5S,... SeABank cũng là ngân hàng chủ động triển khai ESMS trong hoạt động cấp tín dụng trước khi có Thông tư 17/2022/TT-NHNN của NHNN. Theo đó, SeABank từ chối cấp tín dụng với những dự án có tác động xấu với môi trường và xã hội mà không có biện pháp khắc phục/giảm thiểu.

*6.2.3. Các hoạt động quản trị rủi ro nổi bật trong năm 2022*

SeABank đã triển khai thành công cả 3 trụ cột Basel II theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Bên cạnh việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của Ngân hàng cao hơn mức yêu cầu tối thiểu của NHNN quy định tại Thông tư 41, SeABank luôn chú trọng đến các biện pháp để cải thiện tỷ lệ CAR, nhằm nâng cao khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng. Tại thời điểm 31/12/2022, tỷ lệ CAR hợp nhất của SeABank là 14,66%.

Tiếp nối các kết quả đã đạt được, trong năm 2022, SeABank đã tổ chức thành công buổi tọa đàm và công bố kết quả triển khai và áp dụng các chuẩn mực Basel III vào hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động QTRR của Ngân hàng, với sự tham dự của các lãnh đạo và chuyên gia của Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng - NHNN. Việc trở thành một trong những ngân hàng tiên phong triển khai và áp dụng Basel III giúp SeABank nâng cao năng lực quản trị, lành mạnh tài chính và minh bạch trong quản lý rủi ro.

**Rủi ro tín dụng**

Trong năm 2022, SeABank đã sửa đổi các chính sách tín dụng và sản phẩm tín dụng theo hướng thận trọng hơn để phù hợp với tình hình kinh tế và điều kiện thị trường. Bên cạnh đó, SeABank đã tăng cường các biện pháp để kiểm soát và nâng cao chất lượng tín dụng, bao gồm: giám sát danh mục tín dụng chặt chẽ và gửi báo cáo cảnh báo tín dụng hàng ngày/hàng tuần tới các khu vực kinh doanh; tổ chức cuộc họp Tiểu ban Quản lý rủi ro tín dụng hàng tháng để đánh giá các rủi ro trọng yếu trong kỳ và thảo luận giải pháp ngăn chặn, giảm thiểu; triển khai hệ thống Datamart để khai thác, quản trị tập trung các thông tin/số liệu phục vụ công tác QTRR tín dụng; xây dựng và triển khai thử nghiệm hệ thống cảnh báo sớm EWS, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ mới cho KHDN; thực hiện các chương trình kiểm tra chất lượng định giá tài sản bảo đảm; điều chỉnh giảm LTV đối với tài sản bảo đảm là

bất động sản; rà soát và điều chỉnh thường xuyên phân quyền phê duyệt tín dụng để đảm bảo theo sát chất lượng phê duyệt tín dụng; nâng cao năng lực thu hồi nợ đối với nhóm nợ mới quá hạn để hạn chế chuyển nhóm cao hơn. Nhờ các biện pháp giám sát và xử lý hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,65% cuối năm 2021 xuống còn 1,60% vào cuối năm 2022 (số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất). Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng dư nợ xấu (Tỷ lệ bao phủ nợ xấu) tại thời điểm cuối năm 2022 là 98,90%.

### **Rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**

Năm 2022, SeABank tiếp tục duy trì tốt văn hóa QTRR đối với đơn vị kinh doanh cũng như đơn vị vận hành. Ngân hàng đã tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện phương pháp luận nhằm đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn về QTRR thị trường, QTRR thanh khoản và rủi ro lãi suất sổ ngân hàng thông qua hoàn thành dự án Basel III. Trong đó, đối với QTRR thị trường, Ngân hàng xây dựng phương pháp đo lường vốn theo phương pháp mô hình nội bộ (IMA) theo tiêu chuẩn quốc tế; đối với QTRR thanh khoản, Ngân hàng triển khai đo lường chỉ số chịu đựng về thanh khoản LCR và NFSR theo Basel III. Đây đều là những phương pháp và chỉ số được cập nhật mới nhất trên thị trường nhằm đảm bảo rủi ro của Ngân hàng được quản trị tốt và an toàn trong các tình huống căng thẳng có thể xảy ra.

### **Rủi ro hoạt động**

SeABank đã mua bảo hiểm rủi ro toàn diện bao gồm: mọi rủi ro hoạt động (rủi ro về lòng trung thành của nhân viên, rủi ro cơ sở vật chất, vận chuyển tiền, gian lận giả mạo, chi phí pháp lý...), rủi ro tội phạm máy tính và điện tử, rủi ro an ninh mạng và rủi ro trách nhiệm nghề nghiệp. Bảo hiểm này giúp SeABank giảm thiểu tổn thất trong điều kiện rủi ro an ninh mạng và gian lận, giả mạo đang ngày càng gia tăng.

Bên cạnh đó, công tác giám sát rủi ro hoạt động được tăng cường thông qua việc theo dõi các chỉ số KRI (chỉ số rủi ro hoạt động chính) và phân tích các dữ liệu từ Risk Datamart. SeABank đang nâng cấp các công cụ để nhận diện, phòng ngừa rủi ro hoạt động như nhận diện giao dịch thẻ tín dụng không, tài khoản giả mạo...

### **Rủi ro phát triển bền vững**

Từ năm 2022, bên cạnh các rủi ro thông thường trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, SeABank nhận diện thêm các rủi ro về phát triển bền vững để có biện pháp quản lý hữu hiệu hơn.

Đối với rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động tín dụng/đầu tư, nắm bắt được tầm quan trọng của cam kết Net zero của Chính phủ tại Hội nghị COP26, SeABank đã chủ động triển khai hệ thống ESMS trong hoạt động tín dụng từ đầu năm 2022. Theo đó, SeABank sàng lọc, đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội đối với 100% các giao dịch đầu tư/tín dụng phát sinh và từ chối tài trợ cho những giao dịch có tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội mà khách hàng không có biện pháp kiểm soát, khắc phục. Toàn bộ các cán bộ quản lý khách hàng và cán bộ thẩm định của SeABank đã được đào tạo về đánh giá rủi ro môi trường và xã hội khi xem xét tài trợ cho khách hàng.

Hệ thống ESMS do SeABank xây dựng hoàn toàn đáp ứng các quy định của Thông tư 17/2022/TT-NHNN do NHNN mới ban hành vào cuối năm 2022 và đồng thời đáp ứng các chuẩn mực quốc tế tiên tiến về môi trường và xã hội.

Trong thời gian tới, SeABank tiếp tục nghiên cứu triển khai quản lý rủi ro do biến đổi khí hậu trong hoạt động cấp tín dụng (thiên tai, khí hậu cực đoan, suy thoái đất và hoang mạc hóa, suy thoái tài nguyên nước ngọt...) nhằm hạn chế rủi ro cho Ngân hàng và khách hàng.

### **Rủi ro xã hội liên quan đến bảo vệ người lao động, thu nhập người lao động, chế độ bảo hiểm và chế độ làm việc cho người lao động**

Dựa trên chiến lược phát triển theo mục tiêu bền vững, SeABank đặc biệt chú trọng tuân thủ, đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn của pháp luật; song song tập trung phát triển kinh doanh, đa dạng hóa các chính sách, sản phẩm để hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận; qua đó đảm bảo việc làm và thu nhập và gia tăng các giá trị phúc lợi cho CBNV. Theo giá trị cốt lõi “Vì cộng đồng” của Ngân hàng, SeABank triển khai 3 quỹ từ thiện là One day One smile (từ thiện, y tế, an sinh xã hội) SeALove (bảo an tương lai), UMUM (giáo dục) nhằm hỗ trợ cán bộ nhân viên, gia đình cán bộ nhân viên, khách hàng của SeABank cũng như bệnh nhân, bệnh nhi, người có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo hiếu học và bảo vệ môi trường.

## **6.3. Tuân thủ**

### *6.3.1. Cam kết về tuân thủ các nghĩa vụ tuân thủ*

SeABank luôn coi trọng văn hóa tuân thủ và không ngừng nỗ lực nâng cao văn hóa tuân thủ trong tổ chức nhằm đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động, ngăn ngừa rủi ro đạo đức nghề nghiệp và phòng chống gian lận. Chúng tôi cam kết với hoạt động tuân thủ cùng các nghĩa vụ tuân thủ, được thể hiện qua sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp của HĐQT và của Ban TGD về việc vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ đáp ứng quy định pháp luật, các chuẩn mực quốc tế theo mô hình COSO nhằm đảm bảo giúp SeABank đạt được hiệu quả hoạt động và tuân thủ, có cơ chế thông tin báo cáo minh bạch và đặc biệt giúp đáp ứng yêu cầu từ các đối tác nước ngoài, nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

Phương pháp quản lý tuân thủ tại Ngân hàng

(1) Hoạt động quản lý tuân thủ tại SeABank hướng tới mục tiêu đảm bảo SeABank tuân thủ các quy định và chính sách pháp luật, tiêu chuẩn và quy tắc về đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động ngân hàng; giúp ngăn ngừa rủi ro và tác động tiêu cực của việc không tuân thủ về cả vật chất và hình ảnh, uy tín của SeABank. Dưới sự giám sát của HĐQT và Ban TGD, quản lý tuân thủ tại SeABank bao gồm 3 nhóm hoạt động chính là:

- Xây dựng và phát triển các chính sách, quy định và thủ tục nội bộ về tuân thủ trên cơ sở chính sách, quy định pháp luật và đảm bảo kịp thời, chính xác, phù hợp với thực tế, định hướng hoạt động của SeABank.
- Truyền thông, đào tạo kiến thức tuân thủ, những chính sách, quy định và thủ tục trên tới toàn bộ CBNV.

- Trên cơ sở rủi ro, thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ đối với hoạt động kinh doanh thuộc tất cả các nghiệp vụ và đưa ra những cảnh báo, kiến nghị nhằm khắc phục, ngăn ngừa rủi ro.

## (2) Chuyển đổi số trong hoạt động kiểm soát tuân thủ

SeABank luôn cam kết phát triển và quản trị hệ thống kiểm soát tuân thủ toàn diện và thông suốt trên toàn Ngân hàng, với năng lực thực hiện liên tục công tác đánh giá và giám sát tuân thủ, nâng cao hiệu quả các chốt kiểm soát, cải tiến quy trình và nghiệp vụ. Đây là mục tiêu trọng yếu của SeABank nhằm duy trì một môi trường kiểm soát, văn hóa tuân thủ lành mạnh, góp phần đảm bảo tăng trưởng bền vững, lâu dài và không ngừng của hoạt động kinh doanh để trở thành một ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất, vươn tầm ra khu vực châu Á cũng như toàn cầu.

### 6.3.2. Các chính sách, quy chế bảo đảm ngân hàng tuân thủ các nghĩa vụ tuân thủ

Các quy định, quy trình tại SeABank khi xây dựng đều được lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị nghiệp vụ liên quan và đều được bộ phận Pháp chế của Ngân hàng thẩm định đảm bảo về mặt pháp lý và tuân thủ quy định pháp luật trước khi trình ban hành.

Đồng thời, bộ phận Pháp chế của Ngân hàng sẽ thực hiện định kỳ việc rà soát, đánh giá tác động, ảnh hưởng khi có thay đổi cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật, qua đó điều chỉnh, đề xuất sửa đổi hoặc ban hành mới nhằm đảm bảo hệ thống văn bản nội bộ của SeABank luôn cập nhật kịp thời theo quy định pháp luật.

### 6.3.3. Các hệ thống, phần mềm hỗ trợ tuân thủ

Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, các hình thức lừa đảo, giả mạo ngày càng tinh vi và gia tăng. Do đó, SeABank luôn đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kiểm soát tuân thủ chủ động trên nền tảng công nghệ số như ứng dụng công nghệ Big Data, AI vào hệ thống giám sát, cảnh báo, phát hiện sớm sai phạm và ngăn ngừa rủi ro cho Ngân hàng.

- SeABank đã xây dựng các phần mềm báo cáo dữ liệu có thể sàng lọc theo các tiêu chí giám sát các dấu hiệu nhận diện sớm rủi ro; các phần mềm hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ tại các khâu như phần mềm mua sắm, phần mềm SeATeller, phần mềm giám sát sau vay, phần mềm luân chuyển chứng từ...

- Xây dựng và triển khai Hệ thống quản lý kế hoạch hành động khắc phục vấn đề tuân thủ (iCAPS); Triển khai thí điểm công cụ Đánh giá chốt kiểm soát của cấp quản lý (MCA) tại một số Đơn vị.

- Ngoài ra, SeABank đã đầu tư hệ thống Phòng, Chống rửa tiền/tài trợ khủng bố và tuân thủ đạo luật FATCA, theo đó các giao dịch nếu có liên quan hoặc có dấu hiệu rửa tiền/giao dịch đáng ngờ đều được cảnh báo tự động trước khi thực hiện giao dịch (trước khi giao dịch được duyệt bởi cấp có thẩm quyền). Hệ thống dự kiến sẽ go-live trong năm 2023.

- Trong giai đoạn tiếp theo, Khối PC&TT và Khối QTRR phối hợp xây dựng và triển khai hệ thống quản trị, rủi ro và tuân thủ (GRC), mục tiêu nhằm kết nối hiệu quả thông tin giữa Hội sở với các đơn vị ở tuyến phòng thủ thứ nhất và giữa các Khối Hội sở có chức năng kiểm tra, kiểm toán, QTRR với nhau, từ đó đánh giá được tổng quan bức tranh rủi ro, tuân thủ của Ngân hàng, dự báo được xu hướng

rủi ro và các vấn đề tuân thủ để tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực kiểm tra giám sát, kiểm toán và đề xuất các biện pháp thích hợp giúp ngăn chặn, giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng.

#### *6.3.4. Biện pháp quản lý, kiểm soát tuân thủ trong toàn ngân hàng*

- Đối với các hoạt động nghiệp vụ, khi xây dựng quy trình thực hiện đều có thiết lập, quy định các bước, các chốt kiểm soát để đảm bảo các hoạt động/giao dịch đều có được kiểm soát khi thực hiện, đảm bảo nguyên tắc khách quan và tuân thủ. Hơn nữa, mỗi nghiệp vụ tại ngân hàng đều có đơn vị có chức năng kiểm tra, giám sát lại kịp thời đảm bảo phát hiện và khắc phục sớm nhất các lỗi tuân thủ (nếu có).

- Định kỳ hàng năm, Khối PC&TT xây dựng kế hoạch, chương trình hành động tuân thủ, bao gồm kế hoạch kiểm tra giám sát định kỳ/đột xuất tại đơn vị, kiểm tra chuyên đề chuyên sâu, phương pháp thực hiện, tiêu chí chọn mẫu... và có lộ trình cụ thể đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- SeABank đã hoàn thiện khung tuân thủ phù hợp với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và áp dụng KPI tuân thủ đối với các khối Hội sở, đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống nhằm đánh giá chính xác mức độ tuân thủ và định hướng hành động tuân thủ toàn hàng.

- SeABank luôn cam kết phát triển và quản trị hệ thống kiểm soát tuân thủ toàn diện và thông suốt trong toàn ngân hàng, với năng lực thực hiện liên tục công tác đánh giá và giám sát tuân thủ, nâng cao hiệu quả các chốt kiểm soát, cải tiến quy trình và nghiệp vụ. Bên cạnh đó, SeABank đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kiểm soát tuân thủ chủ động trên nền tảng công nghệ số như ứng dụng công nghệ Big Data, AI vào hệ thống giám sát, cảnh báo, phát hiện sớm sai phạm và ngăn ngừa rủi ro cho Ngân hàng.

- Các hoạt động nâng cao năng lực tuân thủ chủ động cho CBNV trên toàn hệ thống được đẩy mạnh thông qua các hoạt động đào tạo tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp (các khóa học trực tiếp/E-Learning tại Học viện SeABank, Khối PC&TT đào tạo trực tiếp tại các đơn vị được kiểm tra, các buổi hội thảo bàn luận, tháo gỡ vướng mắc; cuộc thi tìm hiểu Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tăng cường các bản tin cảnh báo trên hệ thống email nội bộ; các báo cáo danh mục tuân thủ; xây dựng các cẩm nang, sổ tay hướng dẫn tuân thủ...)

#### *6.3.5. Cơ chế xử lý, khen thưởng đối với những vi phạm hoặc đóng góp cho hệ thống tuân thủ của ngân hàng*

- SeABank ban hành quy định về báo cáo và xử lý sai phạm nội bộ quy định rõ trách nhiệm của CBNV khi phát hiện các hành vi, vụ việc vi phạm hoặc có dấu hiệu sai phạm, trách nhiệm báo cáo sai phạm kịp thời theo quy định, cũng như cơ chế xử lý vi phạm, khen thưởng báo cáo sai phạm và cơ chế bảo vệ người báo cáo, bảo mật thông tin báo cáo sai phạm.

- SeABank triển khai áp dụng KPI tuân thủ đối với các khối Hội sở và đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống, theo đó xây dựng các tiêu chí điểm trừ, điểm cộng phù hợp tương ứng với cơ chế xử lý, khen thưởng, nhằm đánh giá chính xác mức độ tuân thủ và định hướng hành động tuân thủ toàn hàng (ví

dụ: khen thưởng trong trường hợp báo cáo sai phạm trung thực, tích cực phối hợp trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm, ngăn ngừa rủi ro, thiệt hại cho SeABank...)

- Đối với các hành vi vi phạm, SeABank nghiêm túc xử lý và có cơ chế xác minh, đánh giá, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân/đơn vị và xem xét áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật/chế tài tuân thủ theo quy định. Việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm giúp tăng tính răn đe, nâng cao văn hóa tuân thủ toàn hàng.

- Định kỳ hàng năm, SeABank có tổ chức trao giải thưởng, tuyên dương các đơn vị có hoạt động tuân thủ tốt hoặc có đóng góp cho hệ thống tuân thủ của Ngân hàng.

### 6.3.6. Kết quả của Ngân hàng về tuân thủ

Trong năm 2022, hoạt động tuân thủ của SeABank được đẩy mạnh trên nhiều phương diện.

- Thông qua hoạt động kiểm tra giám sát đã phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, các hành vi lừa đảo mới... để có biện pháp, chế tài nhằm ngăn chặn tổn thất kịp thời cũng như cảnh báo sớm tới các CBNV và khách hàng.

+ Năm 2022, Khối PC&TT thực hiện kiểm tra toàn diện hơn 140 đơn vị kinh doanh với 47.007 mẫu chọn, tương đương giá trị 75,196 tỷ đồng; kiểm tra 05 đơn vị Hội sở/công ty con, tương đương tổng số 1.234 mẫu chọn, tương đương giá trị 6,019 tỷ đồng; và thực hiện 04 chuyên đề kiểm tra trên toàn hệ thống. Qua đó, phát hiện sớm và thu hồi, ngăn ngừa tổn thất hơn 8,4 tỷ đồng. Các sai phạm phát hiện đã được xử lý nghiêm theo quy định của SeABank và pháp luật.

+ Về hoạt động giám sát từ xa thông qua hệ thống, năm 2022 đã thực hiện giám sát 2.585.196 giao dịch phí, qua đó giúp Ngân hàng thu phí bổ sung hơn 4,86 tỷ đồng; hoạt động giám sát hạch toán lãi suất giúp ngăn chặn tổn thất 1,3 tỷ đồng; thực hiện 1.707 tra soát cầm vận. Đặc biệt, giám sát tuân thủ đã đồng hành cùng dự án eKYC để cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng danh mục khách hàng với 233.897 tài khoản mở qua eKYC được giám sát, giúp ngăn chặn các trường hợp gian lận, ngăn ngừa rủi ro cho SeABank.

- SeABank tiếp tục phát triển, xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả các quy trình & hệ thống kiểm soát đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ đáp ứng hoạt động kinh doanh ngân hàng. Năm 2022, SeABank bước đầu nghiên cứu xây dựng Dự án rà soát về hệ thống kiểm soát nội bộ, hướng tới SeABank tiệm cận với những chuẩn mực quốc tế (COSO). Bên cạnh đó, hoạt động triển khai thí điểm công cụ MCA (Đánh giá chốt kiểm soát của cấp quản lý) cũng đã được thực hiện tại một số đơn vị, quy trình vận hành.

- Đầu tư xây dựng hệ thống Phòng, Chống Rửa tiền, theo đó các giao dịch nếu có liên quan hoặc có dấu hiệu liên quan đến rửa tiền/giao dịch đáng ngờ đều được cảnh báo tự động trước khi thực hiện giao dịch.

- SeABank được NHNN đánh giá và duy trì xếp hạng cao - loại A (công tác khắc phục các kiến nghị sau thanh tra, thông tin và báo cáo NHNN...)

- Hoạt động đào tạo nâng cao ý thức tuân thủ được đẩy mạnh. Trong năm 2022, khóa học đào tạo nâng cao tính tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp tiếp tục được triển khai trên toàn hàng, với 2.191

CBNV tham gia đào tạo, tăng thêm 25% so với năm 2021, cùng với đó là nội dung đào tạo thường xuyên được cập nhật (quy định, chính sách nội bộ và của pháp luật; các phương thức, thủ đoạn, vi phạm mới trên thị trường...). Đây là khóa học nòng cốt về tuân thủ được tổ chức hàng tháng hoặc theo phát sinh, 100% cán bộ mới gia nhập SeABank bắt buộc tham gia và được đưa vào các học phần đào tạo chuyên sâu khác như đào tạo cán bộ cấp quản lý (SeAManager, SeAHIPO), đào tạo toàn diện các đơn vị kinh doanh mới mở (SeAGo). Bên cạnh đó, Khối PC&TT cũng đã đầu tư nghiên cứu và xây dựng, cập nhật thêm các khóa học, bài giảng mới như khóa học về phòng, chống tham nhũng; khóa học phòng chống rửa tiền, phòng chống khủng bố; tổ chức thi tìm hiểu về Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp SeABank trên phạm vi toàn hàng ... Trong năm 2022, Khối PC&TT tiếp tục tăng cường đồng hành cùng các đơn vị kinh doanh trong hoạt động nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững thông qua tư vấn, định hướng và truyền thông cảnh báo kịp thời; thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo đào tạo trực tiếp tại các đơn vị được kiểm tra, tạo diễn đàn trao đổi sôi nổi giúp đơn vị kinh doanh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Qua đó, chất lượng tuân thủ của các đơn vị, ý thức tuân thủ của CBNV cũng như văn hóa tuân thủ đều được nâng cao.

### *6.3.7. Phát huy vai trò văn hóa tuân thủ trong doanh nghiệp*

Nhận định văn hóa tuân thủ là một cấu phần của văn hóa tổ chức vững mạnh, góp phần xây dựng thương hiệu trong tâm trí khách hàng và cũng là yếu tố tích cực thúc đẩy thương hiệu phát triển bền vững. Văn hóa tổ chức vững mạnh không chỉ thể hiện qua chất lượng các sản phẩm và dịch vụ, mà còn qua quá trình tiếp xúc, giao dịch, hợp tác, thái độ phục vụ khách hàng. Chính tinh thần trách nhiệm, ý thức tuân thủ, tôn trọng sẽ đem lại sự hài lòng, tin tưởng hợp tác lâu dài, gắn bó của khách hàng, đối tác.

SeABank không ngừng nỗ lực nâng cao văn hóa tuân thủ nhằm đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động, ngăn ngừa rủi ro đạo đức nghề nghiệp và phòng chống gian lận thông qua việc thiết lập các chương trình hành động tuân thủ và ban hành bộ Chuẩn mực tuân thủ “5T” với tinh thần “nói KHÔNG với vi phạm và gian lận” theo 05 tiêu chí Tự giác – Trung thực – Tinh táo – Tổ giác – Truyền thông, kiện toàn bộ quy tắc Đạo đức nghề nghiệp theo chuẩn mực mới để tạo ra môi trường làm việc tốt, khơi gợi cảm hứng cho các cá nhân cố gắng phấn đấu vì mục tiêu chung, tạo nên nguyên tắc làm việc tích cực, tự giác, chủ động, khách quan giúp nâng cao hiệu quả công việc.

Đồng thời, SeABank đã hoàn thiện khung tuân thủ phù hợp với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và triển khai áp dụng KPI tuân thủ đối với từng vị trí, với các khối Hội sở, đơn vị trên toàn hệ thống nhằm đánh giá chính xác mức độ tuân thủ và định hướng hành động tuân thủ toàn hàng. Các hoạt động nâng cao năng lực tuân thủ chủ động cho CBNV trên toàn hệ thống được đẩy mạnh thông qua các buổi đào tạo tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp, các bản tin cảnh báo sớm, các báo cáo danh mục tuân thủ, xây dựng các cẩm nang hướng dẫn tự kiểm tra, kiểm soát, các cuộc thi tìm hiểu về tuân thủ và Bộ quy tắc Đạo đức nghề nghiệp. Sự lan tỏa văn hóa tuân thủ trên toàn hệ thống được kỳ vọng sẽ chấp cánh cho SeABank trở thành ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức.

SeABank luôn cam kết phát triển và quản trị hệ thống kiểm soát tuân thủ toàn diện và thông suốt trên toàn Ngân hàng, với năng lực thực hiện liên tục công tác đánh giá và giám sát tuân thủ, nâng cao hiệu quả các chốt kiểm soát, cải tiến quy trình và nghiệp vụ. Đây là mục tiêu trọng yếu của SeABank

nhằm duy trì một môi trường kiểm soát, văn hóa tuân thủ lành mạnh, góp phần đảm bảo tăng trưởng bền vững, lâu dài và không ngừng của hoạt động kinh doanh để trở thành một ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất, vươn tầm ra khu vực châu Á cũng như toàn cầu.

## **6.4. Kiểm toán nội bộ**

---

### *6.4.1. Cơ cấu chức năng nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ*

Kiểm toán nội bộ (KTNB) của SeABank thuộc tuyến phòng thủ số 3 thực hiện chức năng rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập tại SeABank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SeABank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. KTNB của SeABank được tổ chức thống nhất tại Hội sở chính và hoạt động dưới sự chỉ đạo điều hành trực tiếp từ BKS SeABank.

### *6.4.2. Hoạt động kiểm toán nội bộ trong năm 2022*

Hàng năm, Bộ phận KTNB thực hiện kiểm toán nội bộ đối với hệ thống ngân hàng và công ty con theo kế hoạch KTNB đã được phê duyệt hoặc đột xuất theo yêu cầu của BKS dựa trên tiêu chí và cơ sở đánh giá rủi ro.

Năm 2022, Phòng KTNB đã thực hiện nhiều cuộc kiểm toán đối với các đơn vị kinh doanh, Khối/Phòng/Ban Hội sở và các cuộc kiểm toán theo chuyên đề và quy định của NHNN (Phòng chống rửa tiền, An toàn thông tin, Hệ thống tính tỷ lệ an toàn vốn, mua bán ngoại tệ, Thanh khoản...). Kết quả các cuộc kiểm toán đã đưa ra các kiến nghị đóng góp từ việc tăng cường tính tuân thủ của các đơn vị kinh doanh, hỗ trợ tại tuyến bảo vệ thứ nhất đến việc bổ sung các quy định, quy trình sản phẩm, QTRR và nâng cao tính hiệu quả của tuyến bảo vệ thứ hai, góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng.

Ngoài hoạt động kiểm toán nội bộ, công tác đào tạo chất lượng nhân sự KTNB cũng được đẩy mạnh thông qua Khóa đào tạo nội bộ và thuê ngoài, trong đó tăng cường đào tạo nghiệp vụ đa dạng và chuyên sâu, đào tạo phương pháp đánh giá rủi ro trong các quy trình nghiệp vụ. KTNB cũng thực hiện các nghiệp vụ giám sát và rà soát khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo phân công.



## VII. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 7.1. Giới thiệu chung về báo cáo phát triển bền vững của SeABank

#### Kỳ báo cáo, tần suất, và nội dung báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững (PTBV) được SeABank thực hiện định kỳ hàng năm, là một công cụ quan trọng giúp Ngân hàng đánh giá hiệu quả của các hoạt động kinh doanh, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội. Bằng cách cung cấp thông tin chi tiết về các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững, chúng tôi hi vọng Báo cáo này sẽ giúp người đọc hiểu rõ hơn về cam kết của SeABank với mục tiêu phát triển bền vững và các hoạt động của Ngân hàng liên quan đến bảo vệ môi trường, quản lý rủi ro và xây dựng mối quan hệ với cộng đồng. Báo cáo này đã được tích hợp vào Báo cáo thường niên 2022 của SeABank.

Nội dung báo cáo được lập dựa trên kết quả đánh giá các lĩnh vực trọng yếu SeABank đã thực hiện (xem chi tiết tại Mục 6.3), định hướng của SeABank về phát triển bền vững lồng ghép với những giá trị hiện hữu của Ngân hàng, cùng với các hoạt động phát triển bền vững trong nghiệp vụ ngân hàng đã được triển khai trong năm 2022.

#### Nguyên tắc lập báo cáo PTBV

Báo cáo PTBV này được lập dựa trên các nguyên tắc của GRI 1: Yêu cầu cơ sở 2021, cụ thể bao gồm:

<ul style="list-style-type: none"><li>• Tính chính xác;</li><li>• Tính cân bằng;</li><li>• Tính rõ ràng;</li><li>• Khả năng so sánh;</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tính đầy đủ;</li><li>• Bối cảnh bền vững;</li><li>• Tính kịp thời;</li><li>• Khả năng kiểm chứng</li></ul>
--	--

#### Tiêu chuẩn áp dụng

Báo cáo đã được lập trên cơ sở tuân thủ các hướng dẫn về Báo cáo thường niên được quy định trong Thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin. Việc tuân thủ theo các quy định được nêu trong Thông tư 96/2020/TT-BTC đảm bảo rằng báo cáo được chuẩn bị và trình bày theo các quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam.

Ngoài ra, trong quá trình lập báo cáo, SeABank cũng tham chiếu đến các tiêu chuẩn và nguyên tắc được xác định bởi các tổ chức quốc tế uy tín trong lĩnh vực phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Cụ thể, báo cáo của chúng tôi đã tham khảo và tham chiếu đến các cơ sở sau:

Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI)

Nguyên tắc đầu tư trách nhiệm của Nhóm Ngân hàng có trách nhiệm (UN PRI)

#### Phạm vi báo cáo

Báo cáo PTBV năm 2022 của SeABank được lập hàng năm, phạm vi bao gồm:

- SeABank và các công ty con, đơn vị phụ thuộc, cụ thể là SeABank AMC và PTF.
- Giai đoạn báo cáo: từ ngày 01/01/2022 – 31/12/2022.

Trừ khi được nêu cụ thể, báo cáo này gồm các chỉ số hoạt động về kinh tế, môi trường, và xã hội của SeABank, SeABank AMC và PTF.

### **Phương pháp hợp nhất thông tin**

- Tài chính: SeABank đã hoàn thành việc hợp nhất thông tin tài chính theo các tiêu chuẩn kế toán, kiểm toán. Vui lòng xem thêm chi tiết tại Chương VIII - Báo cáo tài chính.
- Phi tài chính: trừ khi được nêu cụ thể, thông tin và số liệu tổng hợp trực tiếp từ các đơn vị thuộc Hội sở SeABank và các công ty con, cụ thể là SeABank AMC và PTF.

### **Thông tin trình bày lại**

Trong Báo cáo PTBV của SeABank trong năm 2022, không có bất kỳ thông tin nào đã được trình bày lại hoặc số liệu nào đã được thay đổi.

### **Bảo đảm độc lập của bên thứ ba**

- Tài chính: SeABank sử dụng dịch vụ kiểm toán từ Công ty TNHH KPMG Việt Nam để đảm bảo tính chính xác của báo cáo tài chính.
- Phi tài chính: SeABank có một bộ phận chuyên trách kiểm tra và giám sát việc soát xét các chỉ số liên quan đến tác động môi trường và xã hội. Bộ phận này sẽ kiểm tra và xác thực các số liệu và thông tin được cung cấp trong Báo cáo PTBV của Ngân hàng, để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của các thông tin này.

Kết quả báo cáo tài chính kiểm toán của SeABank được trình bày chi tiết tại Chương VIII - Báo cáo tài chính.

### **Thông tin liên hệ**

Mọi ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi liên quan đến Báo cáo Phát triển bền vững của Ngân hàng SeABank xin vui lòng liên hệ:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

Địa chỉ: Tòa nhà BRG, 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: 024.39448688 Fax: 024.39448689

Email: [contact@seabank.com.vn](mailto:contact@seabank.com.vn)

Website: [seabank.com.vn](http://seabank.com.vn)

## **7.2. Các nguyên tắc triển khai hoạt động phát triển bền vững của SeABank**

---

### *7.2.1. Sứ mệnh, Tâm nhìn, Giá trị cốt lõi*

## Sứ mệnh

Phục vụ với sự tận tâm, nhiệt huyết để mang đến cuộc sống hạnh phúc hơn và một tương lai thịnh vượng cho cộng đồng.

## Tầm nhìn

Trở thành ngân hàng được yêu thích nhất tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ, đa dạng các sản phẩm và dịch vụ tài chính với trải nghiệm tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng. SeABank cam kết minh bạch thông tin và mang tới dịch vụ hoàn hảo cùng lợi ích cao nhất cho khách hàng, nhà đầu tư, đảm bảo sự phát triển bền vững.

## Giá trị cốt lõi

1	<b>Vì cộng đồng</b>	Kết nối, mang lại giá trị và lợi ích cho khách hàng và cộng đồng
2	Luôn minh bạch	Luôn minh bạch để xứng đáng với nghề nghiệp trong mắt khách hàng
3	Đồng chí hướng	Tinh thần làm việc trách nhiệm, đồng lòng, vì niềm tin của khách hàng
4	Say khát vọng	Khát vọng cống hiến và khẳng định giá trị, chinh phục thành công
5	<b>Mãi vững bền</b>	Mở rộng phát triển bền vững, phục vụ cộng đồng

*7.2.2. Cam kết của doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm trong Phát triển bền vững (Xây dựng văn hóa Phát triển bền vững)*

### **Cam kết hành vi kinh doanh có trách nhiệm:**

SeABank cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật để đảm bảo quyền con người, bảo vệ môi trường, thực hiện các trách nhiệm về quan hệ lao động cũng như trách nhiệm giải trình về mặt kinh tế, tài chính với nhà nước như thuế, báo cáo tài chính... đồng thời hướng tới tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn quốc tế.

Đối với khách hàng, chúng tôi cam kết sẽ làm việc một cách có trách nhiệm với khách hàng của mình để khuyến khích các tập quán mang tính bền vững và cho phép thực hiện các hoạt động kinh tế tạo ra sự thịnh vượng chung cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

### **SeABank cam kết tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:**

SeABank cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và luôn hưởng ứng các chương trình phát động bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững. SeABank chưa từng vi phạm pháp luật và/hoặc quy định về môi trường.

Trong hoạt động cấp tín dụng, SeABank cam kết góp phần kiểm soát, giảm thiểu tác động đến môi trường thông qua việc đánh giá và giám sát rủi ro môi trường của các dự án mà SeABank tài trợ. SeABank cũng đưa các yêu cầu về quản lý rủi ro môi trường vào hợp đồng tín dụng với khách hàng

để nâng cao ý thức của khách hàng về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

### **Cam kết tuân thủ các quy định của nhà đầu tư chiến lược thông qua việc tích hợp các yếu tố ESG trong các tiêu chí đánh giá khách hàng**

Theo cam kết với các nhà đầu tư chiến lược, SeABank đã tích hợp các thủ tục ESMS vào quy trình quản lý rủi ro tín dụng thông thường của SeABank. Theo đó, SeABank sẽ sàng lọc và/hoặc đánh giá rủi ro môi trường và xã hội với toàn bộ các giao dịch tín dụng và đầu tư, chỉ trừ giao dịch vay tiêu dùng của KHCN và thẻ tín dụng. Các giao dịch thuộc danh sách loại trừ hoặc giao dịch có rủi ro môi trường và xã hội cao nhưng không có biện pháp khắc phục, giảm thiểu phù hợp sẽ bị SeABank từ chối tài trợ.

SeABank cam kết áp dụng các tiêu chuẩn hoạt động của IFC vào việc sàng lọc, đánh giá rủi ro môi trường và xã hội của các giao dịch có rủi ro Cao, đồng thời sẽ công khai toàn bộ các giao dịch có rủi ro môi trường và xã hội cao mà SeABank đầu tư/cấp tín dụng.

Để thể hiện tính cam kết và tinh thần trách nhiệm với các bên hữu quan, SeABank đã xây dựng cơ chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại về môi trường và xã hội liên quan đến các dự án/khách hàng mà SeABank tài trợ và công khai cơ chế này trên website của SeABank.

### **Cam kết và chính sách bảo vệ quyền lợi khách hàng, bảo mật thông tin**

Toàn thể Ban Lãnh đạo và nhân viên SeABank luôn luôn ý thức và tôn trọng tính bảo mật thông tin cá nhân của khách hàng, đối tác. Vì vậy, một trong những ưu tiên hàng đầu của SeABank là áp dụng các biện pháp đặc biệt trong quá trình thu thập, sử dụng và lưu trữ để bảo đảm an toàn và giữ bí mật các thông tin mà khách hàng cung cấp cho Ngân hàng.

### **Cam kết về tôn trọng nhân quyền**

SeABank cam kết tôn trọng nhân quyền trong mọi hoạt động của ngân hàng. Chúng tôi tin rằng tất cả mọi người đều cần được đối xử bình đẳng và bằng sự tôn trọng. SeABank nỗ lực đảm bảo các hoạt động và phương thức kinh doanh phù hợp với các hướng dẫn của Liên hợp quốc về quyền kinh doanh và nhân quyền.

### **Cam kết đối với người lao động**

SeABank cam kết xây dựng môi trường làm việc công bằng, minh bạch, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển nghề nghiệp của CBNV đồng hành cùng sự phát triển của Ngân hàng, SeABank nghiêm cấm và tích cực triển khai các biện pháp ngăn chặn các hành vi nhằm đảm bảo quyền con người được quốc tế công nhận: Phân biệt đối xử trong lao động; Ngược đãi, bóc lột Người lao động, cưỡng bức lao động; Quấy rối tình dục tại nơi làm việc; Sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.

## **7.3. Nhận diện và quản trị các chủ đề trọng yếu**

---

### *7.3.1. Phương pháp luận*

Việc nhận diện các chủ đề trọng yếu là một trong những yếu tố quan trọng giúp các ngân hàng nói chung và SeABank nói riêng đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai. Việc đánh giá và phân

tích các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế liên quan đến hoạt động kinh doanh giúp SeABank tìm ra các cách tiếp cận và giải pháp phù hợp để giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn và tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng và cộng đồng.

Tại SeABank, chúng tôi luôn coi trọng việc nhận diện các chủ đề trọng yếu theo các nguyên tắc phát triển bền vững, bởi đó là một yếu tố quan trọng giúp chúng tôi xác định các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh và đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai. Chúng tôi cam kết tạo ra các sản phẩm và dịch vụ tài chính bền vững, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong các khu vực mà chúng tôi hoạt động. Bằng cách tập trung vào việc nhận diện các chủ đề trọng yếu, chúng tôi hy vọng sẽ đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của đất nước và cộng đồng.

Các nguyên tắc ngân hàng có trách nhiệm của UNEP FI là cơ sở tham chiếu SeABank sử dụng xây dựng phương pháp nhận diện các chủ đề trọng yếu, giúp ngân hàng đánh giá hoạt động theo các tiêu chuẩn quốc tế, nhằm liên tục hướng đến tạo ra giá trị doanh nghiệp lâu dài và có tác động tích cực đến nền kinh tế và cộng đồng.

<p>Các bước khuyến nghị bởi bộ nguyên tắc Ngân hàng có trách nhiệm</p> <p>Cách thức SeABank xác định chủ đề trọng yếu dựa theo khuyến nghị tương ứng</p>	
<p><b>Phân tích tác động</b></p>	<p>Thực hiện phân tích các lĩnh vực hoặc nghiệp vụ mà SeABank có tác động tích cực hoặc tiêu cực đáng kể đến xã hội và môi trường. Tiếp theo, xác định các lĩnh vực hoặc nghiệp vụ mà SeABank có thể tạo ra những tác động tích cực lớn nhất và giảm thiểu những tác động tiêu cực đáng kể</p>
<p><b>Đặt mục tiêu và triển khai</b></p>	<p>Thiết lập các mục tiêu theo nguyên tắc SMART để giải quyết những tác động đáng kể mà SeABank đã xác định và xây dựng các kế hoạch thực hiện hướng đến việc đạt được các mục tiêu trên</p>
<p><b>Công bố thông tin</b></p>	<p>Trong báo cáo hiện có của SeABank, mô tả cách thức SeABank đang thực hiện hướng đến các chủ đề trọng yếu và công bố về tiến độ SeABank đang thực hiện.</p>

### 7.3.2. Các chủ đề trọng yếu

Dựa trên phân tích và đánh giá kết quả hoạt động của SeABank trong những năm gần đây theo 6 nguyên tắc cho Ngân hàng có trách nhiệm của UNEP FI, cùng với định hướng dài hạn của Ngân hàng trong chặng đường phát triển bền vững, chúng tôi đã nhận diện được các chủ đề trọng yếu tới hoạt động của ngân hàng, cụ thể như sau:

<p><b>6 nguyên tắc ngân hàng có trách nhiệm của UNEP FI</b></p>	<p><b>Các chủ đề trọng yếu</b></p>
---	------------------------------------

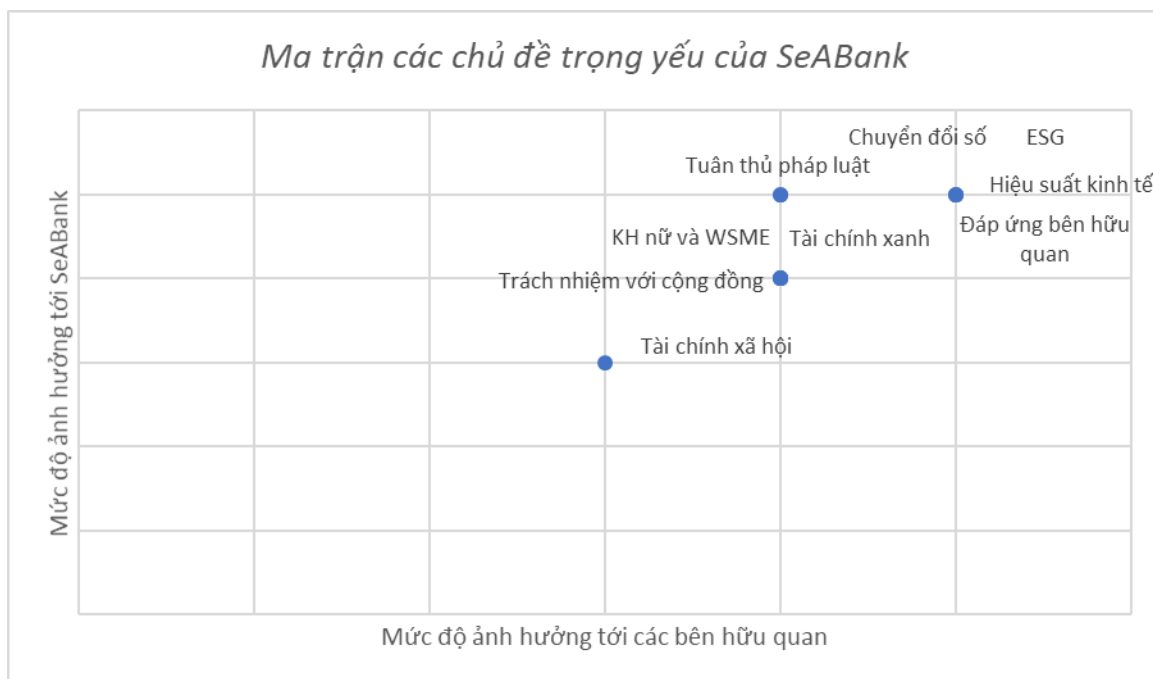
<b>1. Tính phù hợp</b> <b>2. Tác động</b>	Quản lý rủi ro môi trường, xã hội và quản trị Tăng cường giám sát và đánh giá tác động môi trường của ngân hàng Chuyển đổi số
<b>3. Khách hàng</b> <b>4. Các bên hữu quan</b>	Tập trung vào nhu cầu và mong muốn của các bên hữu quan Tài chính xanh và có trách nhiệm Các sản phẩm cho khách hàng nữ và doanh nghiệp nữ chủ Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của nhiều tập khách hàng đa dạng Các hoạt động nâng cao trách nhiệm với cộng đồng
<b>5. Quản trị và thiết lập mục tiêu</b> <b>6. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình</b>	Tìm hiểu và nghiên cứu các xu hướng pháp lý mới nhất Hiệu suất kinh tế Hiện diện trên thị trường

Xếp hạng các chủ đề trọng yếu (thang điểm 1-5, 5 là điểm cao nhất):

	Mức độ ảnh hưởng tới các bên hữu quan	Mức độ ảnh hưởng tới SeABank
Tìm hiểu và nghiên cứu các xu hướng pháp lý mới nhất	4	5
Hiện diện trên thị trường	4	4
Hiệu suất kinh tế	5	5
Chuyển đổi số	4	5
Quản lý rủi ro môi trường, xã hội và quản trị	5	5
Tăng cường giám sát và đánh giá tác động môi trường của ngân hàng	4	4
Tài chính xanh và có trách nhiệm	4	4
Tập trung vào nhu cầu và mong muốn của các bên hữu quan	5	5
Các hoạt động nâng cao trách nhiệm với cộng đồng	4	4
Các sản phẩm cho khách hàng nữ và doanh nghiệp nữ chủ	4	4

Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của nhiều tập khách hàng đa dạng	3	3
---	---	---

*Ma trận các chủ đề trọng yếu (dựa trên bảng Xếp hạng các chủ đề trọng yếu)*



**7.3.3. Bảng nhận diện rủi ro và cơ hội tương ứng với từng chủ đề trọng yếu theo 6 nguyên tắc ngân hàng có trách nhiệm của UNEP FI**

Chủ đề trọng yếu	Rủi ro tương ứng	Cơ hội trong từng chủ đề
<b>Tìm hiểu và nghiên cứu các xu hướng pháp lý mới nhất</b>	Bị động trong việc xử lý các khoản vay cho một số ngành bị hạn chế theo xu hướng chống biến đổi khí hậu (nếu có)	Chủ động thiết kế các sản phẩm mới, đón đầu thị trường
<b>Hiện diện trên thị trường</b>	Chi phí cao, không cạnh tranh được với các đối thủ đã hiện diện sẵn trên thị trường	Tăng nhận diện về thương hiệu, mở rộng được cơ sở khách hàng
<b>Hiệu suất kinh tế</b>		Nâng cao hiệu suất kinh tế
<b>Chuyển đổi số</b>	Tội phạm tài chính, an ninh công nghệ, bảo mật thông tin khách hàng	Việc tương tác và thực hiện giao dịch giữa khách hàng và ngân hàng dễ dàng hơn, tiết kiệm thời gian và chi phí, giảm tiêu thụ nhiên

Chủ đề trọng yếu	Rủi ro tương ứng	Cơ hội trong từng chủ đề
		liệu đi lại và giảm sử dụng mực in, giấy in
<b>Quản lý rủi ro môi trường, xã hội và quản trị</b>	Rủi ro mất/phải từ chối một số khách hàng không đáp ứng về môi trường và xã hội	Danh mục tín dụng an toàn hơn, dần dần định hướng khách hàng hoạt động thân thiện với môi trường & xã hội hơn
<b>Tăng cường giám sát và đánh giá tác động môi trường của ngân hàng</b>	Tốn chi phí đầu tư ban đầu: trang bị thiết bị điện hiện đại giúp tiết kiệm điện năng, phương tiện vận tải đời mới để tiết kiệm nhiên liệu,...	Tiết kiệm được chi phí nhiên liệu, năng lượng trong dài hạn; Góp phần tích cực vào việc giảm tác động tiêu cực đến môi trường
<b>Tài chính xanh và có trách nhiệm</b>	Dự án xanh thường có thời hạn vay dài, khó đánh giá hiệu quả, chưa có tiêu chí rõ ràng về dự án xanh	Tài trợ cho những dự án có tác động tích cực tới môi trường và xã hội, nâng cao hình ảnh và uy tín của Ngân hàng
<b>Tập trung vào nhu cầu và mong muốn của các bên hữu quan</b>	Phải giải quyết mâu thuẫn nếu nhu cầu và mong muốn của các bên trái ngược nhau	Tăng độ tin cậy với các bên hữu quan
<b>Các hoạt động nâng cao trách nhiệm với cộng đồng</b>	Cần thu xếp được ngân sách	Lan tỏa được văn hóa vì cộng đồng, xây dựng được hình ảnh đẹp về Ngân hàng
<b>Trao quyền cho phụ nữ và chủ doanh nghiệp là nữ</b>	Không rủi ro hơn các khách hàng thông thường	Góp phần hỗ trợ khách hàng nữ có cơ hội phát triển đời sống/hoạt động kinh doanh; xây dựng được hình ảnh đẹp về Ngân hàng
<b>Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của nhiều tập khách hàng đa dạng</b>	Rủi ro tín dụng cao hơn, khách hàng thường không có tài sản bảo đảm	Mở rộng danh mục khách hàng, giúp khách hàng dễ tiếp cận vốn hơn

*Thực tế các hoạt động đã triển khai tại SeABank trên cơ sở tham chiếu các Nguyên tắc Ngân hàng có trách nhiệm*



Các nguyên tắc Ngân hàng có trách nhiệm	Hoạt động thực tế tại SeABank
<b>Nguyên tắc I: Tính phù hợp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tích hợp mục tiêu môi trường xã hội vào chiến lược kinh doanh và các quyết định kinh doanh trọng tâm.</li> <li>• Xác định các lĩnh vực có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực nhất đến xã hội, môi trường và kinh tế.</li> <li>• Thiết lập và công bố các mục tiêu PTBV phù hợp với doanh nghiệp và đảm bảo đóng góp đáng kể của ngân hàng vào các mục tiêu PTBV</li> </ul>
<b>Nguyên tắc II: Tác động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác định, đánh giá và công bố minh bạch về các dự án có rủi ro môi trường xã hội cao mà SeABank tài trợ; công bố cơ chế tiếp nhận và xử lý khiếu nại về môi trường và xã hội trên website của SeABank</li> <li>• Cam kết các đánh giá rủi ro và cơ hội liên quan tới bền vững hướng tới tương lai ở cấp độ chiến lược, danh mục và giao dịch</li> </ul>
<b>Nguyên tắc III: Khách hàng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đồng thời xây dựng chương trình ưu đãi và điều kiện hợp đồng liên quan tới bền vững</li> <li>• Khuyến khích khách hàng và đối tác lựa chọn các hoạt động, mô hình kinh doanh bền vững</li> </ul>
<b>Nguyên tắc IV: Các bên hữu quan</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác định các bên hữu quan chủ chốt, đặc biệt chú trọng tới các bên chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các thông lệ kinh doanh và quyết định của ngân hàng.</li> <li>• Tham gia, lắng nghe và tư vấn các vấn đề quan trọng trong chiến lược và thông lệ kinh doanh của ngân hàng. Tạo quan hệ đối tác cho phép ngân hàng có thể đạt được nhiều hơn.</li> <li>• Gắn kết sự tham gia với các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách với mục tiêu của bộ Nguyên tắc này và ủng hộ các chính sách bền vững</li> </ul>
<b>Nguyên tắc V: Quản trị và thiết lập mục tiêu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phân công vai trò và trách nhiệm trong các lĩnh vực của Ngân hàng.</li> <li>• Thiết lập các hệ thống quản lý và chính sách hữu hiệu để tích hợp các mục tiêu bền vững vào quá trình đưa ra quyết định của ngân hàng.</li> <li>• Chủ động truyền thông có sự tham gia của các cấp cao nhất và tích hợp hiệu quả hoạt động liên quan đến các mục tiêu bền vững của ngân hàng và lãnh đạo ngân hàng có trách nhiệm vào các đánh giá hiệu quả hoạt động, chế độ đãi ngộ và quyết định thăng tiến</li> </ul>
<b>Nguyên tắc VI: Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Công bố thông tin và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam</li> </ul>

#### 7.3.4. Các chính sách, cơ chế quản lý, giám sát các chủ đề trọng yếu được thiết lập tại SeABank

SeABank đã công bố rộng rãi trên website và các phương tiện thông tin đại chúng về các giá trị cốt lõi của Ngân hàng trong đó có 2 giá trị quan trọng, thể hiện mục tiêu và cam kết phát triển bền vững đó là “Vì cộng đồng” và “Mãi vững bền”.

SeABank ban hành Quy định về hệ thống ESMS từ đầu năm 2022 bao gồm chính sách, quy trình, các công cụ sàng lọc/đánh giá rủi ro và kèm theo hướng dẫn chi tiết việc thu thập hồ sơ, thông tin để đánh giá rủi ro môi trường và xã hội đối với các dự án/phương án vay khác nhau.

SeABank có các quy chế, quy định, sổ tay về bảo mật thông tin của khách hàng và cơ chế kiểm soát bảo mật thông tin chặt chẽ thông qua việc phân loại thông tin được tiếp cận/tiết lộ, phân quyền truy cập, truy vết user tiếp cận thông tin. Trong các mẫu điều khoản dịch vụ ký giữa SeABank và khách hàng cũng có những điều khoản về trách nhiệm bảo mật thông tin.

Các cơ chế quản lý, giám sát các vấn đề trọng yếu và quản trị phát triển bền vững được đề cập chi tiết trong Chương VI - Quản trị rủi ro.

### 7.4. Gắn kết các bên liên quan

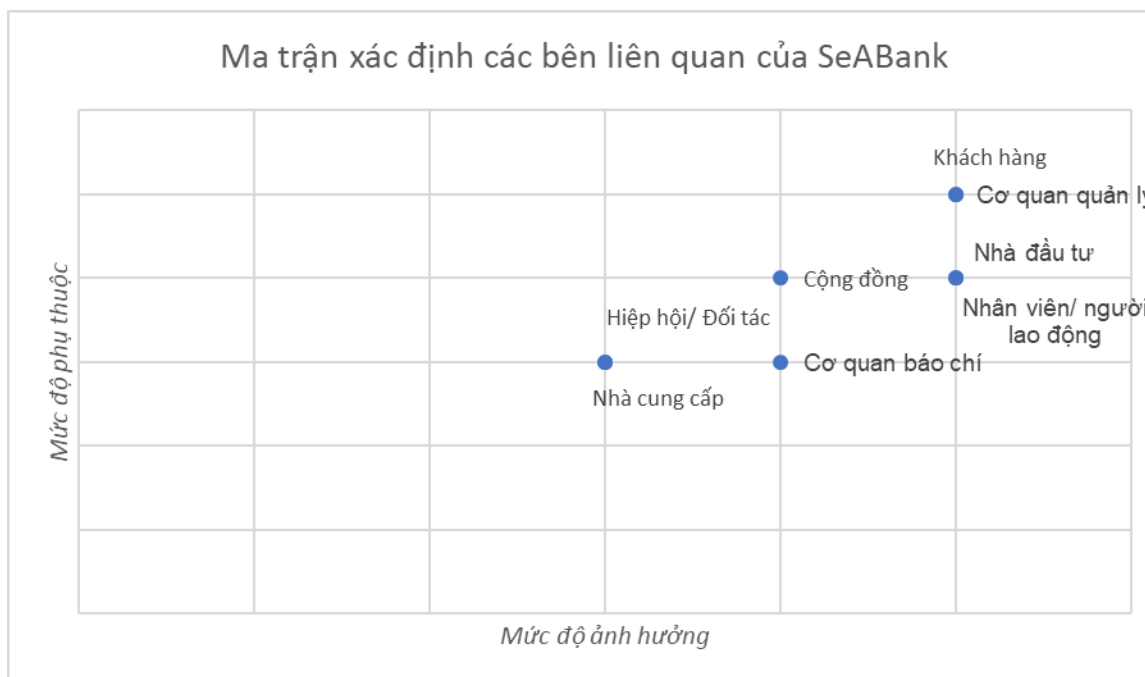
#### 7.4.1. Phương pháp tiếp cận và thực tế trao đổi trong năm 2022

	Mối quan tâm chính	Cách tiếp cận	Thực tế thực hiện thông tin và trao đổi
NHÀ CUNG CẤP/ ĐỐI TÁC	<ul style="list-style-type: none"><li>- Duy trì nguồn cung cấp hàng hóa, dịch vụ phù hợp, ổn định cho các hoạt động của SeABank</li><li>- Lựa chọn đối tác/nhà cung cấp tuân thủ quy định về sử dụng lao động</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Họp trực tiếp, trao đổi qua email, điện thoại</li><li>- Đánh giá nhà cung cấp/đối tác thuê ngoài theo các quy định, tiêu chí tài chính và phi tài chính của SeABank, trong đó có tiêu chí đánh giá về sử dụng lao động của nhà cung cấp/đối tác thuê ngoài</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Họp tối thiểu 1 lần/năm khi bắt đầu/rà soát lại hợp đồng và trao đổi đột xuất khi có vấn đề phát sinh.</li><li>- Định kỳ hàng năm đánh giá chất lượng sản phẩm/dịch vụ sau sử dụng</li></ul>
CỘNG ĐỒNG	Đóng góp, hỗ trợ cho cộng đồng, xã hội	Các sự kiện, chương trình từ thiện, đóng góp cho cộng đồng (học bổng, tài trợ vắc xin, cây xanh trồng rừng,...)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trao đổi qua các kênh truyền thông chính thống</li><li>- Tự tìm kiếm những trường hợp cần hỗ trợ</li></ul>

	<b>Mối quan tâm chính</b>	<b>Cách tiếp cận</b>	<b>Thực tế thực hiện thông tin và trao đổi</b>
<b>CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank</li> <li>- Kết quả thực hiện các cam kết với nhà đầu tư</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</li> <li>- Các kênh trao đổi qua gặp gỡ trực tiếp và trực tuyến</li> <li>- Sự kiện, hội thảo</li> <li>- Họp đại hội cổ đông và các cuộc họp khác theo yêu cầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin về hoạt động kinh doanh và tuân thủ</li> <li>- Thông tin về thực hiện mục tiêu/cam kết phát triển bền vững</li> </ul>
<b>NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự gắn kết và văn hóa doanh nghiệp</li> <li>- Môi trường làm việc an toàn, tích cực, đầy cảm hứng</li> <li>- Hiểu và đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm của người lao động</li> <li>- Người lao động nắm được định hướng chiến lược của Ngân hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động team-building</li> <li>- Các chương trình đãi ngộ</li> <li>- Các kênh trực tiếp, gián tiếp để tiếp nhận ý kiến phản hồi, tố cáo, góp ý của người lao động</li> <li>- Tổ chức các hoạt động, sự kiện nội bộ vào các dịp lễ, Tết, ngày sinh nhật Ngân hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng</li> <li>- Truyền thông trên các kênh nội bộ về các chương trình, hoạt động của Ngân hàng</li> </ul>
<b>CHÍNH PHỦ VÀ CÁC HIỆP HỘI NGÀNH</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý</li> <li>- Tích cực tham gia các hoạt động của NHNN, Hiệp hội Ngân hàng tổ chức và góp phần xây dựng hệ thống ngân hàng Việt Nam vững mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia các hội nghị, hội thảo do Chính phủ, NHNN tổ chức, tham gia các diễn đàn trao đổi của Hiệp hội Ngân hàng</li> <li>- Gửi báo cáo, trả lời Công văn, công bố/cung cấp thông tin theo đúng quy định/yêu cầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo và thông tin được công bố/cung cấp đầy đủ, đúng hạn.</li> <li>- Ý kiến/góp ý đối với các dự thảo văn bản pháp luật, hội thảo, diễn đàn trao đổi</li> </ul>
<b>KHÁCH HÀNG/ NGƯỜI TIÊU DÙNG</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự hài lòng/chưa hài lòng đối với sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng</li> <li>- Hiểu nhu cầu của khách hàng để tư vấn giải pháp phù hợp</li> <li>- Đảm bảo chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội nghị khách hàng</li> <li>- Các kênh trực tiếp, gián tiếp để tiếp nhận ý kiến phản hồi, tố cáo, góp ý của khách hàng: email, hotline, điện thoại, hòm thư góp ý tại quầy, gặp mặt trực tiếp khách hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm về mức độ hài lòng của khách hàng</li> <li>- Các góp ý cụ thể</li> </ul>

**7.4.2. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan (thang điểm 1-5, 5 là điểm cao nhất)**

Nhóm hữu quan	Mức độ ảnh hưởng	Mức độ phụ thuộc
Cơ quan quản lý	5	5
Hiệp hội/ Đối tác	3	3
Khách hàng	5	5
Nhà cung cấp	3	3
Nhân viên/ người lao động	5	4
Cộng đồng	4	4
Nhà đầu tư	5	4
Cơ quan báo chí	4	3



**7.5. Định hướng phát triển bền vững**

**7.5.1. Trọng tâm phát triển bền vững năm 2023**

<p><b>1. Tính phù hợp</b></p> <p><b>2. Tác động</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tích hợp việc quản lý rủi ro môi trường, xã hội vào hoạt động kinh doanh và các quy trình kinh doanh của SeABank</li> <li>ESMS khi đầu tư/cấp tín dụng cho khách hàng để đảm bảo SeABank không</li> </ul>
---	--

	<p>tài trợ cho các dự án tác động tiêu cực đến môi trường, cộng đồng, tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, di sản văn hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đẩy mạnh các giải pháp số hóa giúp cải thiện hiệu quả tác nghiệp của Ngân hàng, tạo điều kiện cho khách hàng thực hiện các giao dịch online, tiết kiệm chi phí nhiên liệu, giấy, mực,...</li> <li>• Quản lý chất thải và sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng trong hoạt động hàng ngày.</li> </ul>
<p><b>3. Khách hàng</b> <b>4. Các bên hữu quan</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiếp tục cải tiến các sản phẩm, quy trình để nâng cao trải nghiệm của khách hàng</li> <li>• Thực hiện các cam kết về phát triển bền vững và công bố thông tin theo yêu cầu của các bên hữu quan</li> <li>• Tăng cường tín dụng xanh, sạch, hướng đến sự phát triển bền vững cho Ngân hàng và cộng đồng: Phát triển các giải pháp tài chính xanh để thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp và tiến đến zero carbon vào năm 2050 như cam kết của Chính phủ Việt Nam tại diễn đàn COP26</li> <li>• Các giải pháp tài chính cho khách hàng “phái yếu” như: sản phẩm tài chính dành cho doanh nghiệp nữ chủ, sản phẩm cho vay khách hàng nữ thông qua Hội liên hiệp phụ nữ các địa bàn.</li> <li>• Phát triển sản phẩm cho vay mua nhà cho khách hàng có thu nhập thấp</li> <li>• Xây dựng giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng để có thể cấp tín dụng dựa trên khoản phải thu cho các nhà cung cấp của các người mua lớn</li> <li>• Các hoạt động nâng cao trách nhiệm với cộng đồng: tổ chức giải chạy quyên góp học bổng cho học sinh nghèo, các chương trình từ thiện cho đồng bào có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp cây xanh trồng rừng,...</li> <li>• Xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, công bằng và đầy đủ phúc lợi cho cán bộ nhân viên để khuyến khích sự gắn bó lâu dài.</li> </ul>
<p><b>5. Quản trị và Thiết lập mục tiêu</b> <b>6. Tính Minh bạch và Trách nhiệm giải trình</b></p>	<p>Tìm hiểu và tổ chức triển khai các quy định pháp lý mới nhất; tuân thủ đầy đủ các quy định về báo cáo, công khai thông tin</p> <p>Triển khai các hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược 2020-2025 đồng thời tiếp tục thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng thông qua các hoạt động hướng tới phát triển bền vững toàn diện của Ngân hàng.</p>

### 7.5.2. Kế hoạch triển khai trong thời gian tới

#### Quản lý rủi ro môi trường và xã hội

SeABank sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động để nâng cao hiệu quả đánh giá rủi ro môi trường và xã hội, hướng đến trở thành một ngân hàng tiên phong, tích cực trong hoạt động ESMS để lan tỏa tinh

thần bảo vệ môi trường xã hội đến các khách hàng, đối tác, góp phần cho sự phát triển bền vững của môi trường và cộng đồng.

- Với các khách hàng/dự án có rủi ro môi trường xã hội Cao, nhóm chuyên gia QTRR môi trường và xã hội sẽ tham gia cùng với đơn vị kinh doanh trong việc sàng lọc, đánh giá rủi ro môi trường xã hội. Việc này không chỉ giúp đánh giá sát hơn rủi ro môi trường xã hội mà còn là cách đào tạo hữu hiệu cho đội ngũ kinh doanh về việc nhận diện các rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động của khách hàng.
- SeABank sẽ thiết lập mạng lưới các đối tác có chuyên môn đánh giá về môi trường xã hội để thuê chuyên gia độc lập bên ngoài đánh giá rủi ro môi trường xã hội đối với các doanh nghiệp lớn/dự án có xếp loại rủi ro môi trường xã hội Cao theo kết quả sàng lọc của nhóm chuyên gia QTRR môi trường và xã hội.
- SeABank sẽ công khai các dự án xếp loại rủi ro môi trường xã hội Cao mà SeABank tài trợ trên website của SeABank cũng như báo cáo cho các đối tác nước ngoài theo cam kết.
- Khối QTRR SeABank sẽ chủ động quản lý danh mục cấp tín dụng cho các khách hàng xếp loại rủi ro môi trường xã hội Cao và Trung bình để theo dõi việc tuân thủ kế hoạch khắc phục và có biện pháp kịp thời trong trường hợp gia tăng rủi ro (trực tiếp kiểm tra thực địa, dừng giải ngân, thu hồi nợ sớm...).
- SeABank sẽ tiếp tục áp dụng các yêu cầu tuân thủ môi trường xã hội về sử dụng lao động với nhà cung cấp trong các hoạt động thuê ngoài để loại trừ tác động tiêu cực về sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức trong chuỗi cung ứng.
- SeABank sẽ tăng cường vai trò giám sát cấp cao của Hội đồng Quản trị/Ủy ban Quản lý rủi ro đối với việc ESMS thông qua cơ chế họp định kỳ với nội dung trao đổi chuyên đề về ESMS.
- Nghiên cứu để bổ sung nội dung đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu vào quy trình quản lý rủi ro tín dụng thông thường.

### **Tín dụng xanh**

Trong thời gian tới, SeABank tiếp tục giải ngân trong hạn mức cho các khách hàng hiện hữu đồng thời tập trung tìm kiếm các khách hàng mới tiềm năng, tập trung vào lĩnh vực năng lượng hiệu quả, giảm thiểu thất thoát năng lượng, nâng cao hiệu quả khai thác năng lượng. Nhằm đáp ứng mục tiêu trong giai đoạn 2023 - 2024, SeABank sẽ giải ngân hết phần còn lại của nguồn vốn tín dụng xanh đã được IFC cấp, mở rộng thêm tập khách hàng vay vốn tín dụng xanh và từng bước xây dựng SeABank thành một thương hiệu tài trợ bền vững trên thị trường

### **Phát triển các sản phẩm tài chính đa dạng và bao trùm, hướng tới nhu cầu của khách hàng nữ**

Tính đến 31/12/2022, tại SeABank đã có hơn 1000 khách hàng là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, tỷ trọng dư nợ của phân khúc khách hàng này gần 25% dư nợ khách hàng SME của SeABank. Trong thời gian tới, SeABank tiếp tục triển khai các chương trình ưu đãi lãi suất cho vay dành cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Với sự tư vấn của IFC, SeABank đang nghiên cứu và tiến tới triển khai gói sản phẩm cấp tín dụng dành riêng cho Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trên cơ sở dòng tiền của

Doanh nghiệp nhằm gia tăng tính chủ động, linh hoạt cho doanh nghiệp khi tiếp cận vốn vay ngân hàng.

Đồng thời, các sản phẩm dành riêng cho khách hàng cũng đã và đang được triển khai mạnh mẽ. Tính đến hết năm 2022, sản phẩm SeAWomen với thủ tục hồ sơ vay tinh giản và các ưu đãi lãi/phí hấp dẫn, đã cho vay được 15.425 khách hàng chiếm 35% tổng số lượng khách hàng vay tín chấp, dư nợ 487 tỷ đồng, chiếm 10% tổng dư nợ tín chấp tại SeABank. SeABank hiện đang xây dựng đề án liên kết với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cấp Trung ương để tăng cường quan hệ hợp tác giữa SeABank và Hội Liên hiệp Phụ nữ, phát huy thế mạnh của mỗi bên, mở rộng cơ hội tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính với chính sách ưu đãi của SeABank cho hội viên, phụ nữ trong quá trình phục hồi phát triển kinh tế sau dịch, tạo điều kiện phát triển kinh tế cho hội viên, phụ nữ. Bên cạnh đó, sản phẩm SeALady mới cùng các ưu đãi dành cho phái nữ khi tham gia mở thẻ trong thời gian diễn ra chương trình cũng sẽ được chú trọng triển khai truyền thông trong thời gian tới.

### **Tăng cường số hóa quy trình và nghiệp vụ ngân hàng**

Chuyển đổi số được SeABank xác định là một trong những định hướng trọng yếu gắn liền với sự phát triển của Ngân hàng. Với những bước tiến đã đạt được trên hành trình số hóa các sản phẩm/dịch vụ tài chính, tới những lợi ích giúp vận hành tối ưu, chuyển đổi số đã và đang giúp tăng cường sự tiện lợi và linh hoạt cho khách hàng, đồng thời nâng cao hiệu suất làm việc. Trong những năm tiếp theo, SeABank sẽ liên tục ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng, cải tiến các sản phẩm và dịch vụ hiện có nhằm cung cấp các sản phẩm mới bên cạnh những sản phẩm cốt lõi của Ngân hàng:

- Với chiến lược hỗ trợ kinh doanh tối đa, SeABank đã đẩy mạnh việc xây dựng, phát triển các ứng dụng CNTT giúp thay đổi phương thức kinh doanh. SeABank đang phát triển các ứng dụng di động trợ giúp đặc lực dành cho nhân viên kinh doanh như: mở mới tài khoản, hỗ trợ nhắc nợ, thẩm định khách hàng, hỗ trợ tín dụng... Ngoài ra, SeABank cũng sẽ đưa công nghệ AI vào các công cụ bán hàng, giúp đưa ra đề xuất sản phẩm dịch vụ thích hợp “robo-advisor” cho từng khách hàng, giúp cá nhân hóa sản phẩm phù hợp với từng khách hàng.
- Không chỉ chú trọng vào việc mở rộng kinh doanh, Ngân hàng còn ưu tiên tăng cường áp dụng công nghệ Machine Learning, Stream Analytics & BI để thu thập, phân tích dữ liệu chuyên sâu, tăng cường khả năng am hiểu khách hàng, thúc đẩy sáng tạo sản phẩm và dịch vụ mới, tăng trải nghiệm trực tuyến.
- SeABank cũng đang tiếp tục phát triển, nâng cấp các sản phẩm số hóa giúp tối ưu hoạt động vận hành, nâng cao năng suất lao động cho các đơn vị nghiệp vụ trong Ngân hàng như hệ thống LOS, SeAOps, Ticketing, Tự động hóa giao dịch quỳ giai đoạn 2.
- Để có nền tảng hạ tầng vững chắc cung cấp các dịch vụ điện tử của Ngân hàng, SeABank cũng tiếp tục tập trung đầu tư mở rộng và hoàn thiện hạ tầng CNTT như xây dựng nền tảng đám mây (Cloud Native) hiện đại; triển khai mở rộng các công nghệ mới trên thế giới như Multisite, Microservices, K8s đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục. Đồng thời, tăng cường chuyển đổi các hệ thống ứng dụng, API lên Cloud để tối ưu hóa chi phí và có khả năng mở rộng năng lực linh hoạt đáp ứng nhu cầu kinh doanh, phát triển của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, để triển khai hiệu quả chiến lược “Hội tụ số” đã được Ban Lãnh đạo ngân hàng đề ra, SeABank sẽ tiếp tục chú trọng công tác chuyển đổi số toàn diện cho các quy trình vận hành trong hoạt động tín dụng, thanh toán, dịch vụ khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ... với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và giao dịch, gia tăng trải nghiệm làm việc, và từ đó đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của mọi khách hàng.

## **7.6. Quản lý tác động từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá trình phát triển bền vững**

---

### *7.6.1. Tác động từ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng tới môi trường và xã hội*

SeABank có thể phải chịu rủi ro danh tiếng và rủi ro tín dụng nếu tài trợ cho các khách hàng/dự án có tác động bất lợi đến môi trường và xã hội. Rủi ro danh tiếng phát sinh khi hoạt động của khách hàng bị vướng phải truyền thông tiêu cực dẫn tới làm xấu hình ảnh của ngân hàng tài trợ. Rủi ro tín dụng xảy ra trong trường hợp hoạt động của khách hàng bị đình trệ để khắc phục các vấn đề về môi trường và xã hội và/hoặc khách hàng bị đối tác, người mua tẩy chay hoặc phải chịu các khoản phạt môi trường và xã hội lớn... dẫn đến không có khả năng trả nợ cho SeABank.

Với sự tư vấn của IFC, từ tháng 1/2022 SeABank đã ban hành và đưa vào áp dụng Quy định về hệ thống ESMS trong hoạt động cấp tín dụng. Theo đó, tất cả các khoản cấp tín dụng của SeABank (trừ vay cá nhân tiêu dùng và thẻ tín dụng) đều được sàng lọc theo danh sách loại trừ để đảm bảo SeABank không tài trợ cho các hoạt động có tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội.

Một số ngành tiêu biểu thuộc danh sách loại trừ:

- Sản xuất/buôn bán thuốc lá
- Sản xuất/kinh doanh đồ uống có cồn (trừ bia, rượu vang)
- Hoạt động cờ bạc/sòng bạc
- Sản xuất/kinh doanh vật liệu phóng xạ
- Hoạt động khai thác gỗ từ rừng nguyên sinh, sản xuất/kinh doanh gỗ có nguồn gốc không phải từ rừng được quản lý bền vững.
- Hoạt động ngành than
- Hoạt động sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bóc lột lao động trẻ em...

Những dự án/phương án thuộc Danh sách loại trừ sẽ bị SeABank từ chối cấp tín dụng.

Sau khi sàng lọc, bên cạnh việc đánh giá, thẩm định khách hàng như quy trình tín dụng thông thường, đơn vị kinh doanh SeABank thực hiện đánh giá và xếp loại rủi ro môi trường và xã hội của khách hàng/dự án. Việc đánh giá rủi ro môi trường và xã hội của khách hàng được thực hiện trên cơ sở tham chiếu các quy định pháp luật về môi trường và xã hội, các tiêu chuẩn hoạt động của IFC và hướng dẫn nội bộ do chuyên gia môi trường và xã hội thuộc Khối QTRR SeABank xây dựng. Với những ngành có rủi ro môi trường và xã hội Cao, Chuyên gia môi trường và xã hội có thể hỗ trợ đơn vị kinh doanh trong quá trình thẩm định, đánh giá khách hàng. Với những khách hàng/dự án có rủi ro môi trường và xã hội ở mức Trung bình hoặc Cao, SeABank cùng khách hàng xây dựng kế hoạch khắc phục để đưa rủi ro về mức Thấp và kế hoạch này được quy định trong hợp đồng tín dụng, được



SeABank giám sát việc thực hiện trong suốt thời gian cấp tín dụng. Việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội của khách hàng/dự án sau cấp tín dụng cũng được thực hiện cùng với quy trình giám sát sau cấp tín dụng thông thường của SeABank. SeABank đã từng bước giúp khách hàng làm quen với quy trình đánh giá mới của ngân hàng và nâng cao nhận thức về tác động môi trường và xã hội mà họ có, để có định hướng hoạt động lâu dài vì môi trường và cộng đồng hơn.

Từ khi triển khai hệ thống ESMS trong hoạt động cấp tín dụng, hơn 3.000 đề xuất cấp tín dụng đã được sàng lọc, đánh giá về rủi ro môi trường và xã hội (chiếm tỷ lệ 100% các khoản cấp tín dụng của SeABank, trừ các khoản vay cá nhân tiêu dùng và thẻ tín dụng). SeABank đã từ chối cấp tín dụng cho một số khách hàng có lĩnh vực hoạt động thuộc danh sách loại trừ hoặc có rủi ro môi trường và xã hội cao nhưng chưa có biện pháp khắc phục.

SeABank cũng đã bổ sung các mã hạch toán, theo dõi trên phần mềm để có thể truy xuất thông tin về khách hàng/dự án, xếp loại rủi ro môi trường và xã hội, các hồ sơ môi trường và xã hội đã cung cấp, dư nợ... và các thông tin liên quan đến khoản tín dụng để phục vụ mục đích quản lý, báo cáo. Hàng năm, SeABank gửi báo cáo về thực hiện ESMS theo yêu cầu của NHNN, báo cáo về triển khai hệ thống quản lý môi trường và xã hội theo yêu cầu của các đối tác nước ngoài và có trách nhiệm công khai thông tin về khách hàng và dự án có rủi ro môi trường và xã hội Cao mà SeABank tài trợ trên website.

Để minh bạch thông tin, SeABank đã công bố chính sách ESMS trên trang web: <https://www.seabank.com.vn/> kèm theo cam kết về ESMS. SeABank cũng đã thiết lập cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại liên quan đến chính sách môi trường và xã hội của SeABank và/hoặc các dự án/phương án sản xuất, kinh doanh do SeABank tài trợ thông qua email: [contact@seabank.com.vn](mailto:contact@seabank.com.vn) hoặc hotline: 1900 555 587 và công khai thông tin này trên website.

Trường hợp khách hàng gọi qua hotline và thắc mắc của khách hàng liên quan đến dự án/khách hàng do SeABank tài trợ, hotline SeABank đề nghị khách hàng cung cấp thắc mắc/khiếu nại bằng văn bản qua email. QTRR môi trường và xã hội sẽ đánh giá nội dung khiếu nại hoặc truy vấn nhận được. Trường hợp là yêu cầu làm rõ/đề nghị cung cấp thông tin, QTRR môi trường và xã hội sẽ cung cấp thông tin cho bộ phận quản lý hotline để trả lời khách hàng. Trường hợp là khiếu nại và có liên quan đến việc vi phạm nghiêm trọng chính sách của SeABank, QTRR môi trường và xã hội sẽ chuyển ý kiến khiếu nại đến đơn vị kinh doanh phụ trách khách hàng. Đơn vị kinh doanh có trách nhiệm xác minh ý kiến khiếu nại thông qua (các) cuộc thảo luận với khách hàng và thực địa khách hàng, yêu cầu khách hàng lập và thực hiện Kế hoạch hành động khắc phục bổ sung nếu cần thiết. Đồng thời, đơn vị kinh doanh cũng yêu cầu và giám sát việc khách hàng gửi văn bản trả lời thỏa đáng cho bên khiếu nại. Trường hợp người gửi khiếu nại yêu cầu ẩn danh, SeABank sẽ tiếp nhận ý kiến phản hồi của khách hàng để chuyển đến người gửi. QTRR môi trường và xã hội chịu trách nhiệm mở sổ theo dõi và duy trì nhật ký đầy đủ các khiếu nại đã nhận được cùng với ngày nhận, tính chất và mức độ nghiêm trọng của khiếu nại, bản tóm tắt và phản hồi được cung cấp.

Trong năm 2022, SeABank không nhận được bất cứ phản ánh tiêu cực nào của các bên liên quan (cộng đồng, khách hàng, người lao động...) đối với các hoạt động của SeABank cũng như các dự án/hoạt động của khách hàng mà SeABank tài trợ.

SeABank đã thành lập nhóm nhân sự QTRR môi trường và xã hội với các nhân sự có chuyên môn trong lĩnh vực môi trường và xã hội, giúp hỗ trợ việc triển khai các chính sách ESMS trong hoạt động của các đơn vị kinh doanh. Nhóm này đã thực hiện các chương trình đào tạo cho các đơn vị kinh doanh và nhân sự thẩm định, phê duyệt của SeABank về đánh giá rủi ro môi trường và xã hội.

### 7.6.2. Chiến lược số hóa

Năm 2022 là một năm ghi nhận sự ra đời của hàng loạt các ứng dụng công nghệ mới phục vụ khách hàng và hoạt động nội bộ của SeABank.

Với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích, SeABank đã phát triển, cải tiến ứng dụng ngân hàng điện tử trên nền tảng di động dành cho các đối tượng là KHCN cũng như KHDN, các đối tác và chính nhân sự nội bộ trong SeABank, Tập đoàn BRG nhằm mở rộng phạm vi truy cập các ứng dụng mọi lúc, mọi nơi. Những chức năng nổi bật, áp dụng các công nghệ hiện đại nhất đã giúp ngân hàng điện tử SeABank không chỉ là một ứng dụng ngân hàng điện tử đơn thuần mà còn đóng vai trò như một “trợ lý tài chính” cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tài chính tối ưu, tiện lợi, nhanh chóng. Với việc liên tục ứng dụng các công nghệ mới như ML, AI, OCR, chắc chắn đây là sản phẩm sẽ làm hài lòng ngay cả những khách hàng khó tính nhất.

Sản phẩm dịch vụ khách hàng tại quầy: từ ngày 23/3/2022, SeABank đã cung cấp dịch vụ nhận diện khách hàng tại quầy giao dịch, các thao tác nghiệp vụ của giao dịch viên được hệ thống hỗ trợ thay vì nhập liệu thông tin thì thông tin được bóc tách điền tự động vào biểu mẫu hỗ trợ tăng độ chính xác và giảm thời gian xử lý giao dịch tại quầy. Toàn bộ giao dịch được cấu trúc thực hiện trên duy nhất một màn hình tác nghiệp, giao dịch viên không phải đăng nhập nhiều hệ thống riêng lẻ.

Đề đa dạng hóa các kênh thanh toán, SeABank đã hợp tác với các đối tác Fintech để tích hợp API thanh toán của Ngân hàng và các ứng dụng khách hàng của đối tác. Đồng thời, SeABank cũng cung cấp hệ sinh thái Open API để cung cấp dịch vụ ngân hàng cho các bên thứ 3 như các đối tác lớn Vietnam Post, VNPT. SeAPartner là một sản phẩm độc quyền của SeABank dành tặng cho các đối tác nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ kinh doanh và kết nối với đối tác Vietnam Post. Thông qua sản phẩm này, SeABank cũng cung cấp dịch vụ mở tài khoản, sản phẩm tín dụng và các dịch vụ ngân hàng khác thông qua mạng lưới của Vietnam Post trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Sản phẩm cũng hỗ trợ nhiều tính năng thuận tiện cho đối tác cũng như khách hàng của SeABank như: rút tiền mặt tại Vietnam Post, thấu chi bưu tá cũng như tính năng miễn phí nộp tiền tài khoản Vietnam Post.

Bên cạnh việc ưu tiên phát triển những sản phẩm mới dành cho khách hàng, SeABank cũng chú trọng đến các sản phẩm giúp tối ưu hoạt động vận hành, nâng cao năng suất lao động, giảm thời gian xử lý nghiệp vụ (TAT) cho các đơn vị nghiệp vụ trong Ngân hàng. Nhiều hệ thống, ứng dụng CNTT phục vụ nội bộ đều được áp dụng công nghệ (AI, OCR và Robotic) giúp Ngân hàng đẩy mạnh tự động hóa, cải thiện chất lượng, tăng hiệu quả công việc.

Bên cạnh đó, không thể không nhắc đến những dự án trọng điểm của Ngân hàng trong năm 2022 như:

- **Dự án Swift Go:** với việc đồng ý tham gia chương trình SWIFT Go Adoption Incentive Programme và chủ động triển khai, phát triển các tính năng mới theo chuẩn SWIFT, SeABank đã nhận được Credit Note với tổng giá trị 57.494 USD (tương ứng với tổng số phí và lệ phí rỗng mà

SWIFT đã xuất hóa đơn năm 2021). Hiện tại, dự án đang tiếp tục làm việc với các ngân hàng đại lý đang nắm giữ Nostro của SeABank để trao đổi và thỏa thuận phí giao dịch và thực hiện điều chỉnh/bổ sung biểu phí áp dụng cho khách hàng đối với dịch vụ SWIFT Go.

- **Dự án Hóa đơn điện tử kết nối với Tổng cục Thuế:** Bên cạnh việc mở rộng dự án thu hộ ngân sách Nhà nước, phát triển các tính năng mới và kết nối hệ thống hóa đơn điện tử với Tổng cục Thuế từ cuối tháng 3/2022 và hoàn tất việc triển khai nâng cấp hệ thống hóa đơn điện tử từ Thông tư 32/2011/TT-BTC lên Thông tư 78/2021/TT-BTC theo quy định của Tổng cục Thuế.
- **Dự án áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS):** Việc áp dụng IFRS 9 giúp SeABank có những thay đổi tích cực về mô hình rủi ro tín dụng, tăng cường quản trị và kiểm soát quy trình kế toán, cũng như phối hợp chặt chẽ hơn giữa chức năng rủi ro và tài chính.

Ngoài ưu tiên tập trung các sản phẩm, dịch vụ dành cho khách hàng, SeABank cũng tập trung vào các dịch vụ hỗ trợ hàng ngày nhằm nâng cao hiệu quả lao động: cung cấp các kênh hỗ trợ sử dụng công nghệ AI, giúp cho người sử dụng nội bộ nhanh chóng tìm kiếm được các kết quả cần trợ giúp liên quan tới lĩnh vực công nghệ thông qua tương tác với một “người máy”. Tất cả các ứng dụng này đều đã được triển khai trên toàn hệ thống, mang lại sự chủ động và thuận tiện cho các khách hàng nội bộ, nâng cao trải nghiệm của khách hàng nội bộ từ đó góp phần vào hành trình nâng cao trải nghiệm của khách hàng SeABank.

### 7.6.3. Các sản phẩm, dịch vụ được lồng ghép yếu tố phát triển bền vững

#### Tín dụng xanh

Từ năm 2021, SeABank đã nỗ lực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ từ nước ngoài để hỗ trợ các chương trình tín dụng xanh. SeABank mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh cũng như hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh thuộc các ngành, lĩnh vực thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, mang lại lợi ích về môi trường như nông nghiệp xanh, công trình xanh, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn và các lĩnh vực xanh khác.

Phù hợp với định hướng của Ban lãnh đạo SeABank và Chiến lược hợp tác với IFC, năm 2022, SeABank đã triển khai Chương trình ưu đãi thúc đẩy tăng trưởng dành cho tín dụng xanh, với mục đích hỗ trợ, thúc đẩy đơn vị kinh doanh tập trung tiếp cận và thu hút các khách hàng có hoạt động kinh doanh thuộc các ngành, lĩnh vực thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Năm 2022, SeABank đã giải ngân được gần 40% tổng ngân sách tài trợ tín dụng xanh từ IFC cho các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực năng lượng và dự kiến sẽ giải ngân phần còn lại của hạn mức tín dụng xanh trong năm 2023 và 2024.

#### Trao quyền cho phụ nữ và chủ doanh nghiệp là nữ

##### *Thẻ tín dụng quốc tế SeALady*

Từ tháng 8/2017, SeABank đã cho ra mắt dòng thẻ tín dụng quốc tế SeALady để phục vụ phái nữ nổi bật với tính năng hoàn tiền lên đến 2% giá trị giao dịch vào tất cả các ngày, đặc biệt cao vào những ngày đặc biệt dành cho phái nữ như ngày sinh nhật, ngày 8/3, 20/10 hoặc tại các đối tác bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe và làm đẹp.

Không chỉ là một tấm thẻ phục vụ nhu cầu thanh toán, SeABank còn là ngân hàng tiên phong đưa ra một sản phẩm có yếu tố gắn kết cộng đồng, mang ý nghĩa nhân văn lớn; thông qua việc chia sẻ với những bệnh nhân nữ mắc ung thư, với mức đóng góp 2.000 đồng cho Quỹ hỗ trợ bệnh nhân ung thư với các giao dịch thanh toán từ 1 triệu đồng của khách hàng bằng thẻ SeALady Cashback.

Kể từ khi ra mắt cho đến nay, thẻ SeALady Cashback vẫn là dòng sản phẩm thu hút và được khách hàng ưa chuộng nhất nhờ tính năng ưu việt, ưu đãi hấp dẫn và tính kết nối vì cộng đồng và đã đạt giải thưởng “Thẻ tín dụng của năm 2019” do The Asian Banker trao tặng. Tính tới hết 2022, SeABank đã phát hành hơn 48.000 thẻ SeALady với tổng hạn mức cấp lên tới hơn 1.000 tỷ đồng.

#### *Sản phẩm cho vay dành cho hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ - SeAWomen*

Từ tháng 06/2016, SeABank đã triển khai sản phẩm cho vay hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ - SeAWomen. Sản phẩm có hạn mức cho vay lên tới 100 triệu đồng và kỳ hạn vay tối đa 48 tháng. Khi vay vốn sản phẩm SeAWomen, khách hàng sẽ được miễn phí trả nợ trước hạn nếu có lịch sử quan hệ tín dụng với SeABank.

Không chỉ là một sản phẩm cho vay thông thường, đây là một sản phẩm có ý nghĩa xã hội rất lớn mà SeABank triển khai để đồng hành giúp nâng cao vai trò của phụ nữ trong xã hội hiện đại, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Sản phẩm giúp phụ nữ được hỗ trợ về cách thức tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng thương mại, tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng an toàn, minh bạch, góp phần giảm thiểu tình trạng sử dụng tín dụng đen và các hệ lụy từ tín dụng đen trong xã hội.

Kể từ khi triển khai sản phẩm SeAWomen cho đến nay, sản phẩm này vẫn luôn là dòng sản phẩm cho vay tiêu dùng không tài sản bảo đảm tiếp cận rộng rãi được với nhiều khách hàng nhờ các đặc tính hấp dẫn cũng như ý nghĩa của sản phẩm. Tính từ năm 2019 đến nay, tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân năm đạt 21%/năm, sản phẩm SeAWomen đã cho vay được 15,425 khách hàng, đạt dư nợ 487 tỷ đồng, chiếm 10% tổng dư nợ tín chấp tại SeABank.

Đối với Doanh nghiệp do nữ làm chủ hiện nay chiếm tỷ lệ không nhỏ, tuy nhiên việc tiếp cận nguồn vốn đối với doanh nghiệp do nữ làm chủ vẫn luôn là vấn đề khó khăn vướng mắc. SeABank với mục tiêu định vị là điểm đến tin cậy của doanh nghiệp do nữ làm chủ đã kịp thời cung cấp gói giải pháp tài chính với nhiều tiện ích dành cho doanh nghiệp nữ chủ.

SeABank đã và đang tiếp tục xây dựng gói chính sách thiết kế riêng dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) do phụ nữ làm chủ với mục tiêu DNVVN do phụ nữ làm chủ khi đến với SeABank sẽ được hỗ trợ toàn diện về các dịch vụ tài chính và phi tài chính với mức giá ưu đãi nhất và các hình thức cấp tín dụng đa dạng (cho vay, bảo lãnh, tài trợ thương mại, thẻ, dịch vụ tài khoản, huy động...).

SeABank xây dựng gói tín dụng dành riêng cho DNVVN do phụ nữ làm chủ với nhiều ưu đãi: Thấu chi tài khoản không yêu cầu tài sản bảo đảm với hạn mức lên tới 5 tỷ đồng, miễn phí thường niên năm đầu thẻ tín dụng Visa Corporate cho hạn mức lên tới 200 triệu đồng, miễn phí năm đầu khi đăng ký gói tài khoản Combo.

- Chương trình ưu đãi lãi suất cho vay dành riêng cho khách hàng là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, mức lãi suất cho vay ngắn hạn VND chỉ từ 10,2%/năm.

- SeABank cũng hợp tác với Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam (VWEC) và Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam (VAWE) để mang tới các chương trình hỗ trợ tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp do nữ làm chủ với nhiều chính sách hỗ trợ, lãi suất ưu đãi.

Bằng việc triển khai hiệu quả các dự án hỗ trợ nữ doanh nhân, SeABank đã thu hút sự quan tâm, đồng hành và cung cấp các gói tín dụng có tổng trị giá gần 600 triệu USD từ các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới như: DFC, IFC và các quỹ đầu tư quốc tế để hỗ trợ DNVVN, tín dụng xanh và đặc biệt là hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Với nguồn vốn huy động giá rẻ và ổn định này, SeABank đã triển khai hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp do nữ làm chủ với lãi suất ưu đãi hơn. Để được cấp khoản vay hay nâng hạn mức bảo lãnh từ các tổ chức tài chính quốc tế, SeABank luôn đảm bảo các yếu tố uy tín, minh bạch, lành mạnh, hiệu quả, QTRR tốt, định hướng phát triển rõ ràng, đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược và một nhân tố quan trọng là bản thân SeABank cũng là một tổ chức có sự đóng góp rất lớn của phái nữ trong vai trò sáng lập, quản trị và điều hành. Do đó, một trong những mục tiêu đặt ra của SeABank là định vị ngân hàng trở thành ngân hàng được lựa chọn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

#### *7.6.4. Hoạt động chống tham nhũng*

Với đặc thù hoạt động ngân hàng, kinh doanh tiền tệ là một lĩnh vực nhạy cảm, hấp dẫn các đối tượng tội phạm và có nhiều cạm bẫy đối với bất cứ cán bộ ngân hàng nào không có lập trường tư tưởng vững vàng, non yếu nghiệp vụ, các yêu cầu đánh giá rủi ro về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm đã được SeABank đưa vào công tác kiểm soát tuân thủ tại các đơn vị kinh doanh, đơn vị Hội sở, công tác giám sát tuân thủ thường xuyên; định kỳ năm các đơn vị kinh doanh được kiểm tra toàn diện bởi kiểm soát tuân thủ hoặc kiểm toán nội bộ. Trong đó, chú trọng tới hoạt động nghiệp vụ về tín dụng, kế toán giao dịch và an toàn kho quỹ. Một số rủi ro trọng yếu liên quan đến tham nhũng phổ biến trên thị trường và rất cần sự kiểm tra giám sát sát sao trong thời gian tới như: cán bộ những nhiều, đòi tiền khách hàng; cán bộ làm sai quy trình quy định hoặc che giấu thông tin trong quá trình tác nghiệp nhằm vụ lợi...

SeABank đã ban hành Quy định về chính sách phòng, chống tham nhũng tại SeABank và thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm, đáp ứng quy định của NHNN... Công tác truyền thông, đào tạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm đã được tăng cường. Năm 2022, SeABank xây dựng và golive khóa học E-Learning về phòng, chống tham nhũng và tội phạm. Trong kỳ đào tạo đầu tiên, đã có 4.027 CBNV tham gia đào tạo và tỷ lệ tham gia đạt hơn 97% và tỷ lệ hoàn thành loại Đạt trở lên là hơn 82%.

**Bảng: Số liệu chi tiết kết quả đào tạo Khóa học E-Learning về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm năm 2022**

STT	Khu vực	Toàn hàng			Cán bộ quản lý		
		Số lượng tham gia đào tạo	Tỷ lệ tham gia	Tỷ lệ hoàn thành mức ĐẠT trở lên	Số lượng tham gia đào tạo	Tỷ lệ tham gia	Tỷ lệ hoàn thành mức ĐẠT trở lên
1	Hội sở chính	1638	97,79%	91,15%	281	96,90%	89,32%
2	Chi nhánh Sở Giao dịch	52	98,11%	100%	21	100%	100%
3	Khu vực Hà Nội 1	191	97,95%	59,16%	46	97,87%	56,52%
4	Khu vực Hà Nội 2	328	96,47%	79,88%	74	97,37%	89,19%
5	Khu vực Hà Nội 3	126	97,67%	80,95%	34	97,14%	79,41%
6	Khu vực Miền Bắc 1	305	98,71%	82,62%	68	98,55%	86,76%
7	Khu vực Miền Bắc 2	96	98,97%	87,50%	21	100%	100%
8	Khu vực Miền Nam	295	97,36%	76,95%	63	98,44%	84,13%
9	Khu vực Miền Trung 1	366	96,57%	69,40%	87	100%	74,71%
10	Khu vực Miền Trung 2	257	96,98%	77,04%	59	100%	74,58%
11	Khu vực Hồ Chí Minh 1	218	94,37%	74,77%	52	96,30%	61,54%
12	Khu vực Hồ Chí Minh 2	154	96,86%	68,18%	35	94,59%	71,43%
<b>Tổng</b>		<b>4026</b>	<b>97,36%</b>	<b>82,09%</b>	<b>841</b>	<b>97,79%</b>	<b>82,05%</b>

(Số liệu: Kết quả đào tạo Khóa học E-learning năm 2022)

Ngoài ra, các nội dung đào tạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm cũng được lồng ghép, đưa vào các lớp đào tạo về tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp giảng dạy trong khóa SeAStart dành cho CBNV mới và đảm bảo 100% các cán bộ mới gia nhập SeABank được đào tạo; các khóa SeAGo tại đơn vị kinh doanh mới mở, SeAHIPO dành cho cán bộ trưởng nhóm, trưởng nhóm tiềm năng, SeAManager... cũng thường xuyên được cập nhật nội dung đào tạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm.

SeABank đã ban hành “Tuyên bố về chính sách phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và hối lộ trong hoạt động mua sắm hàng hóa - dịch vụ, hợp tác đối tác tại SeABank” và đăng công khai trên website SeABank nhằm truyền thông tới các nhà cung cấp, nhà thầu, đối tác của SeABank. Bên cạnh đó, SeABank ban hành mẫu biểu cam kết minh bạch và đưa vào hồ sơ mời thầu gửi các đối tác, nhà cung cấp; theo đó yêu cầu các tổ chức cam kết tuân thủ và thực hiện theo Chính sách phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm của SeABank. Chính sách này được các đối tác, nhà đầu tư, nhà cung cấp biết đến nhiều hơn, thêm sự tin tưởng và hợp tác với SeABank.

Năm 2022, không có vụ việc nào trực tiếp liên quan đến vấn đề tham nhũng hoặc xử lý kỷ luật liên quan đến tham nhũng phát sinh.

## **7.7. Phát triển nhân tài**

---

Đồng hành với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược phát triển nguồn lực của Ngân hàng chú trọng nâng cao định vị giá trị nhân viên EVP. Trong đó, môi trường làm việc dựa trên giá trị cốt lõi và mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng là một trong những yếu tố quan trọng được ưu tiên dành nguồn lực đầu tư.

Môi trường làm việc tại SeABank đề cao nguyên tắc bình đẳng, đa dạng và trao quyền cho CBNV nhằm xây dựng môi trường làm việc tạo động lực thúc đẩy hiệu quả, đồng hành và gắn kết. Các CBNV được khuyến khích thể hiện và khơi dậy tinh thần gắn kết, chia sẻ và yêu thương thông qua các hoạt động văn hóa tổ chức dựa trên giá trị cốt lõi của Ngân hàng. Trong đó, các hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường làm việc như phân biệt đối xử, quấy rối... bị nghiêm cấm tại SeABank. Nhận thấy tầm quan trọng của việc lắng nghe các vấn đề của nhân viên trong môi trường làm việc, chúng tôi đã thiết lập một cơ chế khiếu nại/ tố giác nội bộ cho CBNV, giúp bảo vệ quyền lợi của CBNV và tạo dựng văn hóa làm việc an toàn, lành mạnh. Các CBNV có thể tố giác/khiếu nại thông qua hotline [baocaosaipham@seabank.com.vn](mailto:baocaosaipham@seabank.com.vn) và [gs.rrhd@seabank.com.vn](mailto:gs.rrhd@seabank.com.vn) hoặc số điện thoại của Giám đốc Khối PC&TT, Giám đốc Khối QTRR. Các đơn vị tiếp nhận thông tin tố giác/khiếu nại có trách nhiệm điều tra, kiểm tra các thông tin có liên quan, báo cáo cấp có thẩm quyền để có phương án xử lý kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

Song song, hệ thống các chính sách nhân sự cũng được cấu trúc với sự tham gia tư vấn của các đối tác nhân sự hàng đầu như Mercer, Talentnet,... theo định hướng về thúc đẩy văn hóa dựa trên giá trị cốt lõi và mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng nhằm mang đến cho CBNV những quyền lợi, đãi ngộ hấp dẫn, hiệu quả qua đó thu hút, giữ chân và gắn kết đội ngũ đồng hành cùng chiến lược phát triển, bao gồm:

- Hệ thống quản trị hiệu quả công việc theo nguyên tắc đa chiều, minh bạch và công bằng dựa trên kết quả làm việc theo KPIs nhằm ghi nhận đúng sự đóng góp, cống hiến của các cá nhân trong sự phát triển của tổ chức;
- Hệ thống các chương trình quy hoạch nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) và khung quy hoạch nhân tài (Talent pool) dựa trên đánh giá năng lực (Competency) tạo điều kiện và khuyến khích CBNV tối đa hóa năng lực, phát triển bản thân; đồng thời phát triển đội ngũ nhân sự có tính kế thừa cho chiến lược phát triển. Kế hoạch nhân sự kế cận được Ngân hàng triển khai định kỳ hàng năm theo các chương trình (i) quy hoạch và bổ nhiệm đối với CBNV tại Đơn vị kinh doanh và Hội sở, và (ii) đánh giá năng lực và quy hoạch đối với từng nhóm chức danh ưu tiên theo định hướng, chiến lược kinh doanh hàng năm. Sau khi được quy hoạch, CBNV được: (i) tham gia các chương trình đào tạo theo lộ trình đào tạo của nhóm chức danh, (ii) ưu tiên xem xét bổ nhiệm vào vị trí công việc cao hơn căn cứ vào nhu cầu nhân sự thực tế. Các chương trình quy hoạch nhân sự kế cận được Ban Lãnh đạo Ngân hàng quan tâm, chỉ đạo thực hiện sát sao hàng năm để xây dựng nguồn nhân lực bền vững cho sự phát triển của SeABank.
- Hệ thống các chính sách chi trả được đánh giá, cập nhật dựa trên tham chiếu dữ liệu thị trường và chi trả dựa trên kết quả, hiệu quả làm việc và những thành tích, đóng góp vượt trội của cá nhân nhằm mang lại cho CBNV đãi ngộ tương xứng với cống hiến và hiệu quả làm việc;
- Hệ thống chính sách phúc lợi chú trọng các giá trị (i) bảo vệ sức khỏe và cân bằng cuộc sống, (ii) thúc đẩy các giá trị văn hóa tổ chức và (iii) đãi ngộ hấp dẫn.
- Ban hành Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Ngân hàng nhằm thể chế hóa các quy định của Pháp luật Lao động. Đồng thời, SeABank còn duy trì một số chính sách phúc lợi ở mức cao hơn so với quy định của pháp luật như chính sách nghỉ phép năm cao hơn mức tiêu chuẩn của pháp luật đối với những CBNV có thâm niên công tác và có nhiều đóng góp cho Ngân hàng, chính sách mua bảo hiểm sức khỏe bên cạnh bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật...

### **Chương trình phát triển nguồn nhân lực và phát triển đội ngũ kế cận**

Chính sách phát triển nhân tài và phát triển đội ngũ kế cận của SeABank dựa trên chiến lược phát triển của Ngân hàng. SeABank hoạch định chiến lược phát triển đội ngũ kế cận (buy - build) đảm bảo xây dựng nguồn lực nhân sự có năng lực, làm việc hiệu quả và cam kết cống hiến, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh doanh đồng thời thúc đẩy sự đa dạng và bình đẳng giới trong cấu trúc đội ngũ. Trên cơ sở đó, các chương trình quy hoạch, phát triển nhân tài được triển khai dựa trên hệ thống các tiêu chuẩn về năng lực, hiệu quả làm việc, tiềm năng phát triển theo lộ trình nghề nghiệp với sự tham gia của Khối Quản trị và Phát triển Nguồn nhân lực và trưởng các đơn vị nhằm đảm bảo hiệu quả của công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ theo các mục tiêu của chiến lược phát triển bền vững của Ngân hàng.

Đội ngũ cán bộ quản lý với vai trò quan trọng trong công tác đánh giá, phát triển năng lực đội ngũ được tham gia các chương trình huấn luyện và đào tạo phát triển nhân tài như: SeAFactors,



SeAChallengers, SeACoach,... và đã được phát huy vai trò trong các chương trình tạo nguồn nhân sự kế cận từ cấp trưởng nhóm đến quản lý cấp cao: SeAHipo, SeAManagers, SeACaptains, SeALeaders.

### **Các chương trình, sáng kiến nổi bật:**

- Các dự án hỗ trợ xây dựng khung năng lực: Thực hiện các chương trình đánh giá năng lực hàng năm cho các vị trí chức danh từ Trưởng nhóm đến Giám đốc chi nhánh, do cán bộ Quản lý cấp cao của đơn vị, Khối Khối Quản trị và Phát triển Nguồn nhân lực và các chuyên gia đào tạo huấn luyện thực hiện.
- Xây dựng phát triển các nội dung huấn luyện & đào tạo theo hệ thống các chương trình “SeA...”
- Thực hiện Kỳ thi sát hạch nghiệp vụ định kỳ 02 lần/năm

### **Kết quả triển khai:**

- Số cán bộ/đội ngũ khối nhân sự được tham gia các chương trình tập huấn train the trainer/đào tạo nhân tài/tham gia cập nhật về khung năng lực...
  - Chương trình TTT: 50 - 70 người/năm
  - Đào tạo phát triển nhân tài: 30-50 người/năm
  - Chương trình đánh giá năng lực hàng năm: 150-200 người/năm
  - Kỳ thi sát hạch nghiệp vụ định kỳ: 1800-2000 người/lần
- Chương trình đào tạo về PTBV cho cấp quản lý: Tổ chức các khóa đào tạo/ hội thảo về Quản lý và phát triển bền vững trong thời đại 4.0 được thiết kế lãnh đạo và quản lý cấp trung, cấp cao như: SeALeader , SeALeader Talk.
- Số giờ đào tạo trung bình hàng năm của mỗi nhân viên theo giới tính và nhóm nhân viên:
  - Theo giới tính: Nữ 45h/năm - Nam 43h/năm
  - Theo nhóm nhân viên: CBNV tân tuyển 62h/năm- CBNV hiện hữu 24h/năm - Cán bộ quản lý 46h/năm

## **7.8. Văn hóa doanh nghiệp bền vững**

---

### *7.8.1. Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp*

Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với CBNV Ngân hàng được ban hành để ngăn ngừa hành vi cạnh tranh không lành mạnh, tăng cường chất lượng dịch vụ, góp phần xây dựng SeABank phát triển lành mạnh, ổn định và bền vững. Trong đó, quy tắc đầu tiên và quan trọng nhất mà CBNV Ngân hàng phải chủ động, tự giác tuân thủ là tuân thủ các quy định của pháp luật, văn bản quy định nội bộ, chỉ đạo và hướng dẫn của Ngân hàng, và xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, lành mạnh và bình đẳng, ví dụ như nghiêm cấm các hành vi bạo lực, hành vi quấy rối tình dục, quấy nhiễu, phân biệt chủng tộc, kỳ thị dân tộc, kỳ thị giới tính; sử dụng tiết kiệm điện, nước, thiết bị vật tư của ngân hàng, tích cực bảo vệ môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp.

Ngoài ra, Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp cũng quy định rõ SeABank xây dựng môi trường kinh doanh đảm bảo công bằng, trung thực với khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, nhà phân phối, đối thủ cạnh tranh (sau đây được gọi chung là bên thứ ba) và CBNV của SeABank. Theo đó, SeABank cung

cấp quyền tiếp cận bình đẳng và công bằng đối với hàng hóa, dịch vụ sản phẩm, cơ sở vật chất, lợi ích dựa trên các tiêu chí khách quan; không phân biệt đối xử với bên thứ ba dựa trên màu da, tôn giáo, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, giới tính, xu hướng tính dục, bản dạng giới, tình trạng khuyết tật, tình trạng hôn nhân và tình trạng gia đình.

### *7.8.2. Văn hóa tổ chức tiếp tục phát triển mạnh mẽ*

Với mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức, SeABank luôn chú trọng phát triển văn hóa doanh nghiệp, xác định văn hóa tổ chức là tài sản vô hình, góp phần tạo nên sức mạnh cho tổ chức. Với quy mô 5.158 CBNV, SeABank đã nỗ lực xây dựng một văn hóa mang bản sắc riêng, khác biệt. Trở lại mạnh mẽ sau hai năm dịch bệnh, năm 2022, SeABank đã tổ chức nhiều chương trình nội bộ, nâng cao tinh thần thi đua và gắn kết giữa CBNV trên toàn hệ thống.

### **SeABank năm thứ 2 liên tiếp được vinh danh “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”**

Năm 2022 vừa qua, SeABank lần thứ 2 liên tiếp được HR Asia, tạp chí uy tín hàng đầu về nhân sự tại Châu Á, công nhận là “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2022”. Một trong những yếu tố giúp cho SeABank vinh dự được công nhận chính là sự thành công trong việc phát triển văn hóa tổ chức, gắn kết nhân viên, đội ngũ ban lãnh đạo một cách xuất sắc, có chính sách nhân sự vượt trội, chế độ đãi ngộ hấp dẫn và thường xuyên tổ chức các hoạt động nội bộ sôi nổi nhằm tăng cường sự gắn kết của các CBNV. Đặc biệt trong bối cảnh thị trường đầy biến động sau đại dịch, môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế gặp nhiều thách thức, SeABank vẫn duy trì tốt yếu tố này.

### **Lan tỏa yêu thương tới cộng đồng với những hoạt động ý nghĩa**

SeABank luôn đề cao và đi đầu trong việc thực hiện giá trị cốt lõi “Vì cộng đồng”, trao tặng hàng nghìn suất quà, hiến máu nhân đạo, thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, các hoạt động CSR thông qua các chương trình Xuân Yêu Thương, Tuần lễ công dân, SeABankers vì trẻ thơ.

Đặc biệt, ngày “Day of love – Ngày của yêu thương 7/9” năm 2022 đã tổ chức thành công chương trình đấu giá và quyên góp được hơn 930 triệu đồng. Số tiền quyên góp từ Day of Love 2022 được sử dụng để trao tặng 5 căn nhà, mỗi căn trị giá 70 triệu đồng cùng các vật dụng gia đình thiết yếu cho các hộ nghèo tại các tỉnh Thanh Hóa, Quảng Ngãi và Cần Thơ với tổng trị giá 400 triệu đồng.

### **Gắn kết, nâng cao tinh thần CBNV**

SeABank là ngân hàng đi đầu trong việc triển khai chương trình Vinh danh thâm niên CBNV – SeAProud. Chương trình được triển khai từ năm 2020 nhằm vinh danh và tri ân những CBNV đã gắn bó và cống hiến nhiều năm với Ngân hàng. Quà tặng là các e-Voucher qua SeAMobile App đã nhận được phản hồi tích cực từ các CBNV do thuận tiện và dễ dàng sử dụng. Trong năm 2022, đã có hơn 1.300 CBNV được vinh danh và nhận e-Voucher từ chương trình SeAProud.

Đặc biệt, sau 2 năm vắng bóng vì đại dịch Covid-19, chương trình Teambuilding 2022 - Make Tomorrow Today! đã nhận được sự hưởng ứng và chờ đón vô cùng nồng nhiệt của CBNV trên toàn hàng. Hàng loạt các hoạt động được triển khai ở khắp các chi nhánh, đơn vị trên toàn quốc. Tất cả đã tạo nên một bức tranh tổng thể Teambuilding 2022 đầy thành công và rực rỡ.

Ngay khi được tổ chức trở lại, SeALeague 2022 đã ngay lập tức gây chú ý, thu hút sự tham gia đông đảo của các SeABanker trên toàn hàng. SeALeague năm nay thực sự bùng nổ khi có sự tham gia của 35 đội bóng, với số lượng cầu thủ lên tới 525 người cùng 233 bàn thắng được ghi. Giải được tổ chức trong vòng hơn một tháng, tại cả 3 miền Bắc - Trung - Nam, đặc biệt vòng chung kết toàn hàng được tổ chức tại mảnh đất Tây Nguyên đại ngàn - TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.

Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đã triển khai một loạt các hoạt động, chương trình, cuộc thi cho CBNV nhân các ngày kỷ niệm như: Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 - với cuộc thi ảnh “Phụ nữ là...”, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 - với cuộc thi “Nữ thần tượng SeABank”, Ngày Quốc tế Đàn ông 19/11 - với minigame “Đàn ông phải...”, cuộc thi “Chúng ta là SeABankers”, “SeABankers ngày ấy - bây giờ”, “Vua Tiếng Việt - phiên bản SeABank”, thi kiến thức I love SeABank... tất cả đều nhận được sự quan tâm của các CBNV trên toàn hệ thống, thu hút được nhiều bài dự thi, hàng chục nghìn lượt tương tác trên nền tảng mạng xã hội.

Thấu hiểu những cố gắng, nỗ lực cống hiến của CBNV cho sự phát triển thịnh vượng của Ngân hàng, ngoài chương trình “Động viên quyết toán cuối năm” diễn ra thường niên, năm 2022 ngân hàng còn triển khai chương trình “Động viên quyết toán 6 tháng đầu năm” nhằm khích lệ, cổ vũ tinh thần các đơn vị thời điểm kết thúc 6 tháng đầu năm, tạo tiền đề cho 6 tháng cuối năm về đích thắng lợi.

Tiếp nối thành công của hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022, Ban lãnh đạo Ngân hàng cũng đã quyết định chi thưởng 6 tháng đầu năm cho CBNV toàn hệ thống. Đây như một lời tri ân của Ban lãnh đạo đối với sự đóng góp của CBNV toàn hàng vào thành công chung của SeABank, đưa SeABank đạt được thành tích đáng tự hào - với lợi nhuận trước thuế 2.806 tỷ đồng, tương đương 180% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 115% kế hoạch đã đặt ra.

### **Luôn ở bên CBNV và gia đình**

Các chương trình phúc lợi dành cho CBNV luôn là nhóm chương trình được chú trọng và quan tâm hàng đầu tại SeABank. Hơn ai hết, SeABank hiểu rằng việc chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần cho CBNV là vô cùng quan trọng. Đây là yếu tố giúp CBNV yên tâm công tác, là nguồn động lực cho CBNV nỗ lực cố gắng và phấn đấu hơn nữa cũng như gắn bó dài lâu cùng SeABank.

Trong năm 2022, SeABank đã triển khai nhiều chương trình phúc lợi ý nghĩa và thiết thực dành cho CBNV trên toàn hệ thống và có nhiều đổi mới để phù hợp với thực tế.

Một chương trình đặc biệt thu hút sự quan tâm và chờ đợi của các SeABanker mỗi dịp Tết đến xuân về là quà tặng SeATết. Năm Nhâm Dần 2022, SeABank đã mang đến món quà SeATết tinh tế và thiết thực mang tên “Bữa cơm sum vầy, đong đầy hạnh phúc”. Quà tặng là bộ bát đĩa cao cấp 9 món Gốm Chu Đậu (6 bát, 3 đĩa) họa tiết hoa đào và hoa mai biểu tượng đặc trưng cho ngày Tết. Đặc biệt, mỗi CBNV sẽ nhận được 2 bộ quà tặng như lời tri ân của SeABank gửi tới tứ thân phụ mẫu của các SeABanker. Ngày Tết, SeABank không chỉ có quà tặng cho tứ thân phụ mẫu của các SeABanker, mà còn có cả chương trình lì xì dành cho CBNV và con của CBNV. Mỗi bao lì xì chất chứa sâu đậm giá trị tình cảm giữa người cho và người nhận, đặc biệt giữa Ban lãnh đạo với các CBNV trong đại gia đình SeABank.

Các bạn nhỏ của SeABank hàng năm còn được tham gia vào các cuộc thi dành cho con của CBNV. Vào kì nghỉ hè các con đã có một sân chơi rất bổ ích và lý thú mang tên “Bé SeABank vẽ tranh cuộc sống 2022” với chủ đề “Mùa hè của em”. Vào dịp cuối năm, với mong muốn lắng nghe những suy nghĩ, tâm tư, những điều ước trong sáng, ý nghĩa của các bé dịp Noel, Ngân hàng đã tổ chức cuộc thi “Viết thư cho Ông già Noel 2022” với chủ đề “Câu chuyện của em”. Cả hai cuộc thi đều thu hút số lượng lớn các bạn nhỏ SeABank tham gia, chứng tỏ được sự yêu thích của các con đối với các cuộc thi thường niên do SeABank tổ chức.

### *7.8.3. Phát triển văn hóa thân thiện với môi trường*

Từ năm 2018, SeABank đã triển khai chuỗi hoạt động vì môi trường “Let’s go green with SeABank” trên toàn hệ thống với mục đích nâng cao, khuyến khích ý thức bảo vệ môi trường. Các phong trào, hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn các giải pháp sống xanh, phân loại rác thải, trồng cây xanh và hoạt động chung tay bảo vệ môi trường như: tiết kiệm điện, nước, giấy tại văn phòng; chạy vì môi trường; dọn vệ sinh môi trường; tuyên truyền, khuyến khích sử dụng các sản phẩm bảo vệ môi trường (túi vải, ống hút tre, inox dùng nhiều lần, cây văn phòng...), mua và sử dụng các thùng rác phân loại tại văn phòng... đã nhận được sự hưởng ứng của CBNV trên toàn quốc. Kết hợp với hoạt động này, chương trình “SeAHero - cùng SeABank giải cứu rác” được tổ chức nhằm lan tỏa sâu rộng hơn các thông điệp về môi trường, từng bước nâng cao ý thức về môi trường.

Với mục tiêu phát triển bền vững gắn với tạo dựng các giá trị cho cộng đồng, năm 2022, SeABank luôn tích cực tham gia các hoạt động trồng rừng để duy trì và tái tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường như: trao tặng 74.400 cây xanh hồi sinh rừng tại núi Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh) sau thảm họa cháy rừng; trao tặng 153.850 cây keo trị giá 200 triệu đồng cho huyện Hương Sơn, (Hà Tĩnh) nhằm giúp đỡ các hộ dân trồng rừng phát triển kinh tế và gia tăng diện tích rừng, phủ xanh đồi núi trọc; trao tặng 28.000 cây trà mù cứt với tổng kinh phí hơn 200 triệu đồng cho khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen nhằm bảo tồn và phục hồi tài nguyên đa dạng sinh học điển hình của địa phương.

Bắt nhịp với công nghệ phát triển, SeABank đã ứng dụng công nghệ AI để nhận diện và so sánh sinh trắc học, từ đó phát triển tính năng mở tài khoản và đăng ký dịch vụ SeANet/SeAMobile 100% online bằng phương thức eKYC. Nhờ đó, khách hàng có thể dễ dàng sử dụng các dịch vụ của SeABank mà không cần đến quầy giao dịch. Điều này giúp hạn chế tối đa di chuyển, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát sinh khí thải hơn so với phương thức truyền thống.

Dự án “Văn phòng điện tử - SeAOffice” của SeABank chính thức triển khai từ 01/06/2021. Từ khi triển khai hệ thống SeAOffice, đa số các văn bản nội bộ đã được trình ký điện tử. Với số lượng trung bình 70.000 văn bản nội bộ trình ký mỗi năm và tốc độ gia tăng khoảng 10% mỗi năm thì riêng việc trình ký điện tử đã giúp SeABank tiết kiệm số lượng khổng lồ về giấy, mực in, văn phòng phẩm, giúp bảo vệ môi trường.

### *7.8.4. Hạnh phúc với những chỉ số gắn kết CBNV*

Sự gắn kết và hài lòng của CBNV luôn là yếu tố quan trọng trong việc tạo ra nền móng vững chắc, góp phần phát triển tổ chức trong dài hạn. Đó chính là những thước đo của một “chỉ số hạnh phúc” - người lao động hạnh phúc, hài lòng về môi trường làm việc đồng nghĩa với sự cam kết gắn bó và

công hiến vì thành công của tổ chức. Đây chính là đòn bẩy, là nền tảng cho sự phát triển bền vững và thịnh vượng. Hướng tới trở thành một trong những ngân hàng dẫn đầu về Văn hóa tổ chức, SeABank đã và đang triển khai rất nhiều chính sách, chương trình phúc lợi giúp gắn kết CBNV với nhau và gắn kết CBNV với Ngân hàng.

Với mục tiêu đó, SeABank đã tiến hành thực hiện Survey CBNV về chỉ số đo lường gắn kết (chỉ số thể hiện sự cam kết về mặt cảm xúc của CBNV dành cho tổ chức) để đánh giá mức độ hài lòng của CBNV về các yếu tố chính, bao gồm: môi trường làm việc và quan hệ đồng nghiệp, văn hóa tổ chức, chính sách đãi ngộ đối với CBNV của Ngân hàng. Kết quả khảo sát đạt ghi nhận những kết quả khả quan về chỉ số gắn kết của SeABanker, cụ thể:

- Hơn 62% CBNV đánh giá hoàn toàn hài lòng và gắn kết với Ngân hàng, đây là kết quả khả quan so với mặt bằng chung các doanh nghiệp trong khu vực năm 2022 (theo khảo sát của PwC (PricewaterhouseCoopers) thực hiện tháng 3/2022 với sự tham gia của 18.000 người lao động đang làm việc tại các công ty thuộc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, chỉ có khoảng 57% người tham gia khảo sát cảm thấy gắn kết với doanh nghiệp của mình).
- Chỉ số hài lòng của CBNV theo các khía cạnh:

<b>Nội dung</b>	<b>Chỉ số hài lòng</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chỉ số hài lòng</b>
Chính sách đãi ngộ	84,4%	Khen thưởng công bằng và minh bạch	85,6%
Cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp	88,8%	Tinh thần hợp tác và kết nối vì mục tiêu chung	88,4%
Hình ảnh, thương hiệu Ngân hàng	91,8%	Lãnh đạo truyền cảm hứng và tạo động lực	90,6%
Quan hệ đồng nghiệp	91%	Hỗ trợ từ cán bộ quản lý trực tiếp	90,4%

Kết quả trên cho thấy SeABank đã thành công trong việc duy trì tốt các yếu tố liên quan đến văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc và quyền lợi của CBNV gồm: môi trường làm việc linh hoạt; cơ sở vật chất hiện đại, tiện ích; chính sách nhân sự vượt trội, thăng tiến rõ ràng; chế độ đãi ngộ, động viên hấp dẫn xứng đáng với năng lực...

Năm 2022, những kết quả mà hệ thống SeABank đạt được là rất quan trọng và to lớn. Đó là thành tựu được kết tinh từ sự nỗ lực, sáng tạo của toàn thể đội ngũ CBNV theo sự định hướng đúng đắn, linh hoạt, nhạy bén, quyết liệt và trách nhiệm của Ban Lãnh đạo; từ đó tạo nên những nền tảng giá trị bền vững cho chiến lược phát triển của Ngân hàng.

## **7.9. Tạo dựng giá trị cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động thực hiện bền vững**

Phát triển bền vững được coi là mục tiêu và chiến lược của SeABank trong quá trình hoạt động, đặc biệt các hoạt động an sinh xã hội vì cộng đồng luôn được ngân hàng chú trọng triển khai thường xuyên với tổng ngân sách gần 200 tỷ đồng qua các năm.

Hàng năm, SeABank luôn chú trọng thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, hoạt động vì cộng đồng như chương trình thiện nguyện Xuân yêu thương, SeABankers vì trẻ thơ... Các chương trình này nhận được sự hưởng ứng tích cực của đông đảo cán bộ nhân viên SeABank.

### **Hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn**

Trong năm 2022, SeABank tiếp tục duy trì các hoạt động từ thiện ý nghĩa hướng tới những mảnh đời khó khăn và đối tượng dễ bị tổn thương như người nghèo, người già, trẻ em, người khuyết tật, bệnh nhân... nhằm mang lại cuộc sống hạnh phúc và tương lai thịnh vượng cho cộng đồng.

Theo đó, SeABank tiếp tục đóng góp 500 triệu đồng cho Quỹ “Ngày mai tươi sáng” nhằm hỗ trợ các bệnh nhân ung thư, nâng tổng số tiền đã ủng hộ lên hơn 2.2 tỷ đồng. Ngân hàng cũng ủng hộ 300 triệu đồng cho Quỹ “Vì người nghèo” với mục đích hỗ trợ người nghèo khám chữa bệnh; hỗ trợ sinh viên học tập, phát triển sản xuất; xây dựng các công trình dân sinh, nhà đại đoàn kết. Bên cạnh đó, SeABank hỗ trợ 5 tỷ đồng, tương đương 100 căn nhà cho người nghèo tại Tuyên Quang theo Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.

Năm 2022, SeABank tiếp tục triển khai chương trình “Day of Love - Ngày của Yêu thương”, đầu giá và vận động quyên góp được 930 triệu đồng cho các hoạt động nhân văn. Trong đó, 640 triệu đồng được sử dụng để xây nhà cho hộ khó khăn tại Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Cần Thơ và tặng nhà cho gia đình các chiến sĩ ở Hoàng Sa, Trường Sa; 470 triệu đồng quà tặng cho những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, các bệnh viện, trường học, các trung tâm bảo trợ xã hội địa phương...

### **Đẩy mạnh phát triển giáo dục**

Nhận thức rõ tầm quan trọng của đầu tư cho giáo dục, SeABank tiếp tục triển khai thường xuyên, tích cực và chủ động các hoạt động khuyến học, nuôi dưỡng phát triển tri thức nhằm ươm mầm những tài năng trẻ, hướng tới tương lai tươi sáng.

Theo thông lệ hàng năm, SeABank tiếp tục đóng góp 110 triệu đồng cho Quỹ Học bổng Ngân hàng của NHNN với mục đích xét cấp thưởng, cấp học bổng cho các sinh viên ngành ngân hàng có thành tích cao, khuyến khích và động viên các em tiếp tục phấn đấu.

Năm 2022, Quỹ khuyến học UMUM của SeABank đã dành hơn 2 tỷ đồng cho các hoạt động trao học bổng khuyến học, tặng quà động viên và trao học bổng khởi nghiệp nhằm động viên tinh thần, cải thiện chất lượng và điều kiện giáo dục cho các em nhỏ khó khăn. Quỹ cũng đã tự hào chứng kiến 14 em học sinh tốt nghiệp THPT và bắt đầu hành trình tương lai, đồng thời tiếp tục nhận đỡ đầu thêm 26 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tiếp tục sứ mệnh nuôi dưỡng ước mơ tới trường, ươm mầm tài năng trẻ.

Quỹ One Day One Smile cũng đã tổ chức nhiều chương trình ý nghĩa hướng tới trẻ em như: chương trình “Xuân Yêu thương” chia sẻ yêu thương, tặng quà cho nhiều em khó khăn tại các bệnh viện,

trường học, các trung tâm bảo trợ xã hội địa phương... với tổng ngân sách lên đến 470 triệu đồng; chương trình “SeABankers vì trẻ thơ” với hàng loạt hoạt động tặng quà, trao học bổng, thăm hỏi nhằm động viên, giúp đỡ các em nhỏ khó khăn, trẻ em vùng sâu vùng xa, trẻ khuyết tật, bệnh nhi trên toàn quốc... 2022 cũng là năm đầu tiên Quỹ tổ chức chương trình quyên góp - đấu giá “Ủ ấm mầm xanh”, hỗ trợ hơn 130 triệu đồng cho các em học sinh đang được Quỹ Ươm mầm Ước mơ đỡ đầu.

Ngoài ra, chương trình “Day of Love - Ngày của Yêu thương” cũng dành hơn 290 triệu đồng trong tổng số 930 triệu đồng cho mục đích khuyến học, nuôi dưỡng những mầm non tương lai thông qua các hoạt động: ủng hộ xây thư viện cộng đồng ở Hà Giang/Sơn La; nhận đỡ đầu theo năm học các trẻ em vùng cao ở Mường Tè, tỉnh Lai Châu; ủng hộ các cơ sở đang nuôi trẻ mồ côi ngoài Nhà nước.

### **Các công tác xã hội khác**

Năm 2022, với mục tiêu phát triển bền vững gắn với tạo dựng các giá trị cho cộng đồng, SeABank luôn tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và gìn giữ cảnh quan, bao gồm: Trao tặng 153.850 cây keo trị giá 200 triệu đồng cho các hộ dân trồng rừng tại Hương Sơn - Hà Tĩnh; trao tặng 28.000 cây trà mù tạt trị giá hơn 200 triệu đồng cho Khu Bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen...

Ngân hàng cũng tổ chức chương trình thường niên “Tuần lễ Công dân 2022” với chủ đề “SeABankers vì cuộc sống xanh” nhằm lan tỏa những giá trị tích cực về môi trường và thực hiện trách nhiệm công dân thông qua các hoạt động như: trồng cây, nhặt rác, phân loại rác, hạn chế sử dụng túi nilon, tiết kiệm điện, sử dụng các phương tiện công cộng, dọn dẹp vệ sinh đường phố, chung tay làm sạch môi trường biển... theo tình hình thực tế tại địa phương.

Bên cạnh đó, sau 1 năm vắng bóng do Covid-19, giải chạy “Cộng đồng chạy vì tương lai - SeABank Run for the Future 2022” tiếp tục được tổ chức nhằm thúc đẩy phong trào thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe cộng đồng và gây quỹ, nhận đỡ đầu và trao học bổng cho 24 em học sinh nghèo hiếu học.

Ngoài ra, ngân hàng luôn bám sát định hướng của NHNN, hưởng ứng lời kêu gọi của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên toàn quốc như: đóng góp 3 tỷ đồng cho Quỹ phòng, chống tội phạm Trung ương; tài trợ sửa chữa di tích lịch sử văn hóa tại Đàn Nam Giao - Huế...

## **7.10. Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả**

---

### *7.10.1. Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường*

Xác định doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững khi kết hợp mục tiêu tăng trưởng, lợi nhuận kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường, SeABank luôn chú trọng bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ sinh thái, hướng đến phát triển bền vững của cả cộng đồng dựa trên 17 mục tiêu PTBV (SDG: Sustainable Development Goals), hành động với phương châm “hành động có trách nhiệm với xã hội”.

Trong năm 2022, SeABank triển khai các quy định và tăng cường công tác giám sát theo quy định về sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả tại trụ sở làm việc như: quy định về yêu cầu kỹ thuật của thiết bị điện cho việc lựa chọn, lắp đặt các trang thiết bị điện tại trụ sở làm việc; nội quy sử dụng điện

và các trang thiết bị điện; quy định rõ về số giờ bật tắt các thiết bị điện; quy định rõ về sử dụng nước, giấy, phân loại rác, cụ thể như sau:

***Công tác di dời, mở môi trụ sở làm việc:***

- 100% thiết bị điều hòa không khí được chuyển đổi sang dùng Gas R32, R410A;
- 100% thiết bị chiếu sáng được chuyển đổi sang đèn LED;
- Trang bị biển tần lắp đặt cho quạt thông gió;

***Công tác sửa chữa, bảo dưỡng:***

- 100% các đơn vị thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thang máy, điều hòa không khí;
- Thay thế loại đèn huỳnh quang chày bằng đèn LED: các đơn vị kinh doanh được lắp đặt đèn máng, huỳnh quang, các bóng đèn chày được chuyển sang thành bóng đèn LED;
- Thay thế, loại đèn điều hòa hết khấu hao sử dụng gas R22 sang điều hòa sử dụng gas R32, R410A.

***Ban hành quy định về sử dụng năng lượng tài nguyên hiệu quả tại trụ sở làm việc, hướng dẫn đơn vị kinh doanh trong việc vận hành trụ sở làm việc:***

- Quy định rõ về số giờ bật tắt các thiết bị điện, nội quy sử dụng điện và các trang thiết bị điện;
- Quy định rõ về yêu cầu kỹ thuật của thiết bị điện cho việc lựa chọn, lắp đặt các trang thiết bị điện tại trụ sở làm việc;
- Quy định rõ về sử dụng nước, giấy, phân loại rác.
- Tuyên truyền và đôn đốc cán bộ nhân viên về việc sử dụng điện, nước, giấy tiết kiệm;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ tại đơn vị kinh doanh trong việc sử dụng điện, nước, giấy;
- Nghiên cứu, cập nhật các quy định về mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường;
- Kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành về sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả.

***Sáng kiến sử dụng năng lượng tái tạo:***

- Tận dụng tầng mái của trụ sở làm việc để lắp đặt hệ thống điện mặt trời, sử dụng cho một số thiết bị điện tại văn phòng: chiếu sáng hành lang, chiếu sáng biển quảng cáo...
- Nâng cao chất lượng giám sát tuân thủ trong việc sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm: lắp đặt camera giám sát tại khu vực làm việc, kịp thời phát hiện các hành vi lãng phí.

***Tầm nhìn 2030: nghiêm cứu về sử dụng năng lượng tái tạo, giảm phát thải ròng:***

- Mua điện từ các nhà cung cấp điện mặt trời, điện gió, thông qua mạng lưới điện EVN, từ đó thúc đẩy phát triển sản xuất năng lượng sạch;
- Đầu tư, tài trợ các dự án trồng rừng giảm phát thải và kinh doanh tín chỉ cac-bon.



### 7.10.2. Tiêu thụ nước

**SeABank sử dụng nguồn nước sinh hoạt sạch và đảm bảo tiết kiệm khi sử dụng cũng như tuân thủ xả thải theo quy định:**

- Nguồn nước: 100% nước sinh hoạt của văn phòng làm việc được mua từ các Công ty Cấp nước của khu vực;
- Tiêu thụ nước: nước được sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt.
- **Xả thải:** nước thải sinh hoạt được xả ra môi trường tuân thủ quy chuẩn Việt Nam số QCVN 14:2008/BTNMT. Quy chuẩn này đưa ra những quy định về xử lý nước thải sinh hoạt như giá trị về các thông số gây ô nhiễm môi trường tối đa có trong nước thải sinh hoạt được phép thải ra nguồn tiếp nhận ngoài môi trường. SeABank luôn tuân thủ quy định về xả thải:
- Đối với những văn phòng hội sở, các chi nhánh/phòng giao dịch được đặt trong các tòa nhà văn phòng, lượng nước xả thải lớn hơn 5m<sup>3</sup>/ngày đêm, chủ sở hữu tòa nhà hoặc ngân hàng sẽ xin giấy phép xả thải và xây dựng hệ thống trạm xử lý nước thải. Nước xả thải ra môi trường đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT
- Đối với những trụ sở làm việc có nước sinh hoạt xả thải ra môi trường nhỏ hơn 5m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước xả thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, trước khi đưa ra môi trường và không phải xin cấp phép xả nước thải theo Khoản 3, điều 16 Nghị định 201/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2017/NĐ-CP)

**Phương pháp được sử dụng để xác định các tác động liên quan đến nước, bao gồm phạm vi đánh giá, khung thời gian và bất kỳ công cụ hoặc phương pháp nào được sử dụng:**

- Trụ sở làm việc của SeABank được quy định với định mức 30l/người/ngày. Định mức này được theo dõi để kịp thời phát hiện sự cố gây thất thoát, hành vi gây lãng phí.
- Tại các trụ sở làm việc có cấp giấy phép xả nước thải ra môi trường do SeABank quản lý vận hành, nước thải được quan trắc chỉ số theo QCVN 14:2008/BTNMT định kỳ 3 tháng/lần. Hàng năm, SeABank báo cáo Sở tài nguyên môi trường.

**Cách giải quyết các tác động liên quan đến nước: căn cứ vào Luật Môi trường, các nghị định của chính phủ, SeABank xây dựng các cách giải quyết sau:**

- Đối với các địa điểm đặt trụ sở làm việc, theo quy mô, định mức sử dụng, từ đó tính toán lượng nước tiêu thụ trong một ngày đêm, nếu nhỏ hơn 5m<sup>3</sup>, sẽ không cần đầu tư, xin cấp phép, nếu vượt quá chỉ số đó, sẽ yêu cầu chủ đầu tư trụ sở cấp phép môi trường.
- Đối với các tòa nhà có lượng xả nước thải trên 5m<sup>3</sup>/ngày đêm, SeABank yêu cầu chủ cơ sở cung cấp giấy phép xả nước thải ra môi trường.

**Tiêu chuẩn tối thiểu được thiết lập cho chất lượng xả nước thải và cách xác định các tiêu chuẩn tối thiểu này, bao gồm:**

- Cách xác định các tiêu chuẩn cho các cơ sở hoạt động ở những địa điểm không có yêu cầu xả thải cục bộ:

- + Nhu cầu xả nước thải nhỏ hơn 5m<sup>3</sup>/ngày đêm => Không xây dựng trạm xử lý nước thải
- + Nhu cầu xả nước thải lớn hơn 5m<sup>3</sup>/ngày đêm => Phải xây dựng trạm xử lý nước thải, các chỉ số đáp ứng Bảng 1- Giá trị các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt (Cột B quy định giá trị C)
- Tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn chất lượng nước: Tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn theo Quy chuẩn nước sinh hoạt của Việt Nam theo QCVN 01-1: 2018/BYT
- Tiêu chuẩn ngành: Tiêu chuẩn nước cấp sinh hoạt 6-1:2010/BYT, của Bộ Y Tế.

### 7.10.3. Tiêu thụ điện

Trong quá trình hoạt động, SeABank luôn tăng cường công tác giám sát theo quy định về sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả tại trụ sở làm việc: Quy định về yêu cầu kỹ thuật của thiết bị điện cho việc lựa chọn, lắp đặt các trang thiết bị điện tại trụ sở làm việc; Nội quy sử dụng điện và các trang thiết bị điện; Quy định rõ về số giờ bật tắt các thiết bị điện; Quy định rõ về sử dụng nước, giấy, phân loại rác.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã bắt đầu triển khai lắp đặt điều hòa không khí có công nghệ Inverter và sử dụng Gas R32, R410A thân thiện với môi trường cho các điểm giao dịch được mở mới, di dời. Hệ thống chiếu sáng chuyển đổi từ bóng đèn huỳnh quang sang đèn LED giúp tiết kiệm năng lượng.

### 7.10.4. Quản lý rác thải

SeABank luôn luôn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đồng thời mang đến cho khách hàng, công chúng một hình ảnh SeABank thân thiện, có trách nhiệm với cộng đồng. SeABank sử dụng chai thủy tinh đựng nước uống để có thể tái sử dụng nhiều lần thay cho nước khoáng đóng chai. SeABank đã trang bị các thùng rác phân loại tại tất cả các cơ sở của mình. Việc sử dụng các túi đựng rác từ vật liệu tái chế góp phần thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường tại SeABank.

Hoạt động của khu vực văn phòng: Cán bộ làm việc tại khu vực văn phòng 8h/ngày (từ 7h00 đến 17h hàng ngày, kể cả nghỉ trưa) nên sẽ phát sinh rác thải sinh hoạt. Tại Toà nhà văn phòng hiện nay không tổ chức bếp ăn tập thể nên lượng chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh không đáng kể. Kết quả khảo sát chất thải rắn sinh hoạt loại này chủ yếu là: Giấy, nilon, thực phẩm (hoa quả). Thống kê khối lượng phát sinh rác thải sinh hoạt thông thường tại khu vực văn phòng trung bình khoảng 25 kg/ngày đêm hay 750 kg/tháng.

Hiện nay, khu văn phòng đã ký hợp đồng với Công ty Vệ sinh Pan, Xí nghiệp môi trường đô thị để thu gom và vận chuyển rác thải đến nơi quy định của TP. Hà Nội. Hình thức thu gom như sau:

Rác thải: Thùng chứa rác 14 lít (10 thùng được phân bố đều trong các tầng của tòa nhà văn phòng, trung bình 2 thùng/tầng). Nhân viên vệ sinh thu gom trực tiếp từ các thùng rác trước giờ thu rác (Tòa nhà văn phòng hiện nay đang có 2 nhân viên thực hiện nhiệm vụ này) sau đó chuyển ra xe thu gom đầy tay hàng ngày.

Tần suất và thời gian thu gom rác sinh hoạt thông thường hiện nay tại Ngân hàng do Xí nghiệp môi trường đô thị như sau:

- Tần suất: 1 ngày/lần
- Thời gian thu gom: 19h30 - 20h00 hàng ngày
- Hình thức thu gom: Rác thải sinh hoạt thông thường sẽ được nhân viên công ty vệ sinh Pan tập trung tại kho chứa rác.

Đến thời gian quy định, theo tín hiệu của tổ thu gom rác, nhân viên vệ sinh sẽ mang thùng rác ra đổ vào xe thu gom đẩy tay.

#### 7.10.5. Phát thải khí nhà kính

Nguồn phát thải khí nhà kính (GHG) chính của SeABank chủ yếu đến từ việc sử dụng năng lượng điện. SeABank sử dụng các hướng dẫn của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC - *Good Practice Guidance and Uncertainty Management in National Greenhouse Gas Inventories*) về kiểm kê khí nhà kính và hệ số phát thải gián tiếp của mạng lưới điện Việt Nam để tính toán tổng lượng GHG phát thải trong năm kiểm kê. Tổng lượng khí nhà kính phát thải gián tiếp dựa trên năng lượng tiêu thụ (phạm vi 2) trong cả năm 2022 là: 4.886 tCO<sub>2</sub> tương đương.

Lượng phát thải GHG gián tiếp dựa trên năng lượng tổng thị trường (phạm vi 2) tính bằng tấn CO<sub>2</sub> tương đương: SeABank sử dụng điện năng của EVN, không mua bán điện với các công ty cấp điện xanh (điện gió, điện mặt trời).

Các khí bao gồm trong tính toán: CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O được quy đổi ra tCO<sub>2</sub> tương đương

Năm cơ sở để tính toán: 2022

- Lý do lựa chọn năm cơ sở: căn cứ theo quy định pháp luật tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 về Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.
- Lượng phát thải trong năm cơ sở: 4.886 tCO<sub>2</sub> tương đương.
- Bối cảnh cho bất kỳ thay đổi đáng kể nào về lượng khí thải dẫn đến việc tính toán lại lượng khí thải của năm cơ sở: Cơ quan quản lý nhà nước ban hành hệ số phát thải của lưới điện mới.

Nguồn dữ liệu của các hệ số phát thải được sử dụng: hệ số phát thải của lưới điện được tham chiếu theo văn bản số 1278/BĐKH-TTBVTOD về công bố kết quả tính toán hệ số phát thải của lưới điện VN năm 2021.

Phương pháp hợp nhất phát thải: bao gồm cổ phần vốn chủ sở hữu, kiểm soát tài chính, hoặc kiểm soát hoạt động.

Các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và/hoặc công cụ tính toán được sử dụng: Thống kê mức tiêu thụ điện năng toàn hàng năm 2022 (không bao gồm các công ty con, công ty liên kết của SeABank)

#### **Các sáng kiến giảm thiểu phát thải khí nhà kính:**

SeABank đã ban hành quy định về sử dụng năng lượng tài nguyên hiệu quả tại trụ sở làm việc nhằm quy định các chỉ số sử dụng năng lượng hiệu quả (BEI – chỉ số tiêu thụ điện năng; COP – chỉ số hiệu quả của máy lạnh) nhằm tạo cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng tại SeABank.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã bắt đầu triển khai lắp đặt điều hòa không khí có công nghệ Inverter và sử dụng Gas R32, R410A thân thiện với môi trường cho các điểm giao dịch được mở mới, di dời. Hệ thống chiếu sáng chuyển đổi từ bóng đèn huỳnh quang sang đèn LED giúp tiết kiệm năng lượng.

#### Tiêu chuẩn, phương pháp luận ứng dụng trong đo lường khí nhà kính:

- Tỷ lệ lượng phát thải khí nhà kính theo chỉ số của tổ chức.
- Chỉ số dành riêng cho tổ chức (mẫu số) được chọn để tính tỷ lệ.
- Các loại phát thải khí nhà kính có trong tỷ lệ được báo cáo: điện năng tiêu thụ
- Khí bao gồm trong tính toán CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O được quy đổi theo CO<sub>2</sub> tương đương

#### 7.11. Mục lục GRI

<b>Tuyên bố áp dụng</b>	Báo cáo phát triển bền vững này của SeABank được lập và công bố thông tin tham chiếu tới các tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI) trong kỳ báo cáo năm 2022. Các nội dung được liệt kê trong phần Mục lục GRI dưới đây thuộc kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, trừ khi được chú thích khác tại mục công bố tương ứng trong báo cáo.
<b>Áp dụng GRI 1</b>	GRI 1: Nguyên tắc chung 2021

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung Công bố thông tin	Vị trí trong báo cáo thường niên	Số trang
<b>GRI 1: Nguyên tắc chung 2021</b>	1-1 Áp dụng các nguyên tắc báo cáo	Nêu tại mục tham chiếu cho GRI 1-4	
<b>GRI 1: Nguyên tắc chung 2021</b>	1-2 Công bố thông tin theo tiêu chuẩn GRI 2 - Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021	Nêu tại mục tham chiếu cho GRI 2	
<b>GRI 1: Nguyên tắc chung 2021</b>	1-3 Xác định các chủ đề trọng yếu	Chương VII – Nhận diện và quản trị các chủ đề trọng yếu	
<b>GRI 1: Nguyên tắc chung 2021</b>	1-4 Công bố thông tin theo tiêu chuẩn GRI 3 - Các chủ đề trọng yếu 2021	Nêu tại mục tham chiếu cho GRI 3	
<b>GRI 1: Nguyên tắc chung 2021</b>	1-5 Lựa chọn công bố thông tin theo các tiêu	Chương VII – Quản lý tác động từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá	

<b>Tiêu chuẩn GRI</b>	<b>Nội dung Công bố thông tin</b>	<b>Vị trí trong báo cáo thường niên</b>	<b>Số trang</b>
	chuẩn GRI 200, 300, 400 cho từng chủ đề trọng yếu	trình phát triển bền vững Chương VII – Phát triển nhân tài Chương VII – Tạo dựng giá trị cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động thực hiện bền vững Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả	
<b>GRI 1: Nguyên tắc chung 2021</b>	1-7 Bao gồm bảng phụ lục danh sách các nội dung GRI áp dụng trong báo cáo	Đã thực hiện tại bảng này	
<b>GRI 1: Nguyên tắc chung 2021</b>	1-8 Tuyên bố về việc áp dụng theo chuẩn mực báo cáo GRI	Đã thực hiện tại bảng tuyên bố áp dụng ở trên	
<b>GRI 1: Nguyên tắc chung 2021</b>	1-9 Thông báo cho GRI	Đã thông báo về việc sử dụng GRI và tuyên bố sử dụng qua thư điện tử tới <a href="mailto:reportregistration@globalreporting.org">reportregistration@globalreporting.org</a>	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-1 Thông tin về tổ chức	Chương I – Thông tin khái quát Chương I – Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-2 Thông tin về các công ty con	Chương I – Công ty con Chương VII – Giới thiệu chung về báo cáo phát triển bền vững của SeABank	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-3 Kỳ báo cáo, tần suất, và thông tin liên hệ	Chương VII – Giới thiệu chung về báo cáo phát triển bền vững của SeABank	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-4 Trình bày lại thông tin báo cáo	Chương VII – Giới thiệu chung về báo cáo phát triển bền vững của SeABank	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-5 Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	Chương VII – Giới thiệu chung về báo cáo phát triển bền vững của SeABank	

<b>Tiêu chuẩn GRI</b>	<b>Nội dung Công bố thông tin</b>	<b>Vị trí trong báo cáo thường niên</b>	<b>Số trang</b>
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-6 Các hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	Chương I – Chuỗi giá trị và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng Chương II – Tình hình tài chính – Hoạt động kinh doanh của các công ty con	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-7 Cán bộ nhân viên	Chương II – Tổ chức và nhân sự	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-8 Lao động không phải nhân viên của tổ chức	SeABank không có hình thức lao động khác ngoài lao động chính thức toàn thời gian.	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-9 Cơ cấu và thành phần quản trị	Chương I – Mô hình quản trị và bộ máy quản lý Chương V – Cơ cấu tổ chức HĐQT	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-10 Đề cử và lựa chọn quản lý cấp cao	Chương V – Cơ cấu tổ chức HĐQT – Đề cử và lựa chọn quản lý cấp cao	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-11 Người đứng đầu tổ chức	Chương V – Cơ cấu tổ chức HĐQT	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-15 Xung đột lợi ích	Chương V – Cơ cấu tổ chức HĐQT – Quản lý Xung đột lợi ích	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-16 Chính sách báo cáo các vấn đề trọng yếu	Chương VII – Nhận diện và quản trị các chủ đề trọng yếu	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-17 Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	Chương V – Cơ cấu tổ chức HĐQT – Hội đồng quản trị	

<b>Tiêu chuẩn GRI</b>	<b>Nội dung Công bố thông tin</b>	<b>Vị trí trong báo cáo thường niên</b>	<b>Số trang</b>
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-18 Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	Chương V – Hoạt động của Hội đồng quản trị	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-19 Chính sách về thù lao	Chương V – Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích đối với HĐQT, BKS, CQKTNB	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-20 Quy trình xác định mức thù lao	Chương V – Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích đối với HĐQT, BKS, CQKTNB – Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-21 Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	Chương V – Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích đối với HĐQT, BKS, CQKTNB – Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-22 Tuyên bố về chiến lược PTBV	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT Thông điệp của Ban TGD Chương VII – Định hướng Phát triển bền vững	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-23 Cam kết chính sách	Chương VII – Định hướng Phát triển bền vững	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-24 Triển khai các cam kết chính sách	Chương VII – Định hướng Phát triển bền vững	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-25 Quy trình khắc phục tác động tiêu cực	Chương VI – Tuân thủ - Biện pháp quản lý, kiểm soát tuân thủ trong toàn ngân hàng Chương VII – Quản lý tác động từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá trình phát triển bền vững	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-26 Cơ chế tham vấn và báo cáo các mối quan ngại	Chương II – Tổ chức và nhân sự	

<b>Tiêu chuẩn GRI</b>	<b>Nội dung Công bố thông tin</b>	<b>Vị trí trong báo cáo thường niên</b>	<b>Số trang</b>
<b>chung 2021</b>			
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-27 Tuân thủ luật pháp và quy định	Chương V – Cam kết của HĐQT về Phát triển bền vững Chương VI – Tuân thủ - Cam kết về tuân thủ các nghĩa vụ tuân thủ Chương VII – Các nguyên tắc triển khai hoạt động phát triển bền vững của SeABank - Cam kết của doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm trong Phát triển bền vững (Xây dựng văn hóa PTBV)	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-28 Quyền hội viên trong các hiệp hội	Chương I – Thông tin khái quát	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-29 Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan	Chương VII – Gắn kết các bên hữu quan	
<b>GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021</b>	2-30 Các thỏa ước thương lượng tập thể	Chương II – Tổ chức và nhân sự	
<b>GRI 3: Các chủ đề trọng yếu 2021</b>	3-1 Quy trình xác định các chủ đề trọng yếu	Chương VII – Nhận diện và quản trị các chủ đề trọng yếu	
<b>GRI 3: Các chủ đề trọng yếu 2021</b>	3-2 Danh sách các chủ đề trọng yếu	Chương VII – Nhận diện và quản trị các chủ đề trọng yếu	
<b>GRI 3: Các chủ đề trọng yếu 2021</b>	3-3 Quản trị các chủ đề trọng yếu	Chương VII – Quản trị Phát triển bền vững Chương VII – Quản lý tác động từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá trình phát triển bền vững Chương VII – Tạo dựng giá trị cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động thực hiện bền vững Chương VII – Sử dụng năng lượng tiết kiệm và xử lý chất thải hiệu quả	



<b>Tiêu chuẩn GRI</b>	<b>Nội dung Công bố thông tin</b>	<b>Vị trí trong báo cáo thường niên</b>	<b>Số trang</b>
<b>GRI 200: Tiêu chuẩn về kinh tế</b>	201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	Chương II – Tình hình tài chính – Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	
<b>GRI 200: Tiêu chuẩn về kinh tế</b>	201-2 Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	Chương VII – Nhận diện và quản trị các chủ đề trọng yếu	
<b>GRI 200: Tiêu chuẩn về kinh tế</b>	201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	Chương II – Tổ chức và nhân sự Chương VII – Phát triển nhân tài	
<b>GRI 200: Tiêu chuẩn về kinh tế</b>	201-4 Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ	Chương II - Tình hình tài chính <i>SeABank không phát sinh các khoản hỗ trợ tài chính từ Chính phủ trong kỳ báo cáo.</i>	
<b>GRI 200: Tiêu chuẩn về kinh tế</b>	203-2 Ảnh hưởng kinh tế gián tiếp trọng yếu	Chương VII - Quản lý tác động từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá trình phát triển bền vững	
<b>GRI 200: Tiêu chuẩn về kinh tế</b>	205-1 Các hoạt động được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	Chương VII - Quản lý tác động từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá trình phát triển bền vững – Hoạt động chống tham nhũng	
<b>GRI 200: Tiêu chuẩn về kinh tế</b>	205-2 Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình phòng chống tham nhũng	Chương VII - Quản lý tác động từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá trình phát triển bền vững – Hoạt động chống tham nhũng	
<b>GRI 200: Tiêu chuẩn về kinh tế</b>	205-3 Các sự cố tham nhũng đã được xác nhận và biện pháp khắc phục	Chương VII - Quản lý tác động từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá trình phát triển bền vững – Hoạt động chống tham nhũng  <i>Năm 2022, Không có vụ việc nào trực tiếp liên quan đến vấn đề tham nhũng hoặc xử lý kỷ luật liên quan đến tham nhũng phát sinh tại SeABank.</i>	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	302-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả	

<b>Tiêu chuẩn GRI</b>	<b>Nội dung Công bố thông tin</b>	<b>Vị trí trong báo cáo thường niên</b>	<b>Số trang</b>
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	302-3 Đo lường việc sử dụng năng lượng	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	302-4 Tiết kiệm tiêu thụ năng lượng	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	303-1 Sử dụng nước như một nguồn tài nguyên chung	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	303-2 Quản lý các tác động liên quan đến xả thải nước	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	303-3 Nguồn cung cấp nước	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả <i>100% nước sinh hoạt của văn phòng làm việc được mua từ các công ty cấp nước của khu vực.</i>	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	303-4 Xả thải nước	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả <i>SeABank luôn tuân thủ quy định về xả thải.</i>	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	303-5 Tiêu thụ nước	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	304-1 Các địa điểm hoạt động thuộc sở hữu, cho thuê, quản lý trong hoặc liền kề với các khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu bảo tồn	Các tòa nhà, địa điểm thuộc hoạt động của SeABank được đặt tại các khu vực đông dân cư, không nằm trong hoặc liền kề với các khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu bảo tồn.	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	304-2 Tác động trọng yếu của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	Các tòa nhà, địa điểm thuộc hoạt động của SeABank được đặt tại các khu vực đông dân cư, không nằm trong hoặc liền kề với các khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu bảo tồn.	

<b>Tiêu chuẩn GRI</b>	<b>Nội dung Công bố thông tin</b>	<b>Vị trí trong báo cáo thường niên</b>	<b>Số trang</b>
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	304-3 Môi trường sống được bảo vệ hoặc phục hồi	Các tòa nhà, địa điểm thuộc hoạt động của SeABank được đặt tại các khu vực đông dân cư, không nằm trong hoặc liền kề với các khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu bảo tồn.	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	304-4 Các loài trong danh sách đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực bị ảnh hưởng bởi các hoạt động	Các tòa nhà, địa điểm thuộc hoạt động của SeABank được đặt tại các khu vực đông dân cư, không nằm trong hoặc liền kề với các khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu bảo tồn.	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	305-2 Phát thải khí nhà kính (Phạm vi 2) do tiêu thụ năng lượng gián tiếp	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	305-5 Giảm phát thải khí nhà kính	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	306-1 Rác thải và các tác động nghiêm trọng liên quan đến rác thải	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả - Quản lý rác thải	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	306-2 Quản lý các tác động nghiêm trọng liên quan đến rác thải	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả - Quản lý rác thải	
<b>GRI 300: Tiêu chuẩn về môi trường</b>	306-3 Lượng rác thải	Chương VII – Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm hiệu quả - Quản lý rác thải	
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	401-2 Phúc lợi dành riêng cho nhân viên toàn thời gian	Chương II – Tổ chức và nhân sự Chương VII – Phát triển nhân tài	
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	403-1 Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Chương VII – Phát triển nhân tài	
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	403-6 Nâng cao sức khỏe người lao động	Chương II – Tổ chức và nhân sự Chương VII – Phát triển nhân tài	

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung Công bố thông tin	Vị trí trong báo cáo thường niên	Số trang
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	404-1 Số giờ đào tạo trung bình hàng năm của mỗi nhân viên	Chương VII – Phát triển nhân tài	
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng của nhân viên và các chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	Chương II – Tổ chức và nhân sự Chương VII – Phát triển nhân tài	
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	404-3 Tỷ lệ phần trăm nhân viên nhận được đánh giá hiệu quả làm việc và tư vấn phát triển nghề nghiệp thường xuyên	Chương VII – Phát triển nhân tài	
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	405-1 Mức độ đa dạng trong cấp quản lý và nhân viên	Chương II – Tổ chức và nhân sự Chương V – Cơ cấu tổ chức HĐQT	
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	406-1 Các sự cố phân biệt đối xử và hành động khắc phục được thực hiện	Chương V – Cam kết của HĐQT về Phát triển bền vững Chương VII – Phát triển nhân tài Chương VII – Văn hóa doanh nghiệp bền vững Chương VI – Cam kết của doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm trong phát triển bền vững (Xây dựng văn hóa phát triển bền vững) <i>SeABank hiện chưa ghi nhận các sự cố phân biệt đối xử. SeABank đã xây dựng Quy trình tiếp nhận và xử lý các kiến nghị, đề xuất của người lao động, đảm bảo quyền lợi và việc thực hiện chính sách đối với người lao động.</i>	
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	408-1 Các hoạt động có rủi ro đáng kể đối với việc sử dụng lao động trẻ em	Chương VI – Cam kết của doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm trong phát triển bền vững (Xây dựng văn hóa phát triển bền vững) <i>SeABank cam kết không sử dụng hình thức lao động trẻ em.</i>	

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung Công bố thông tin	Vị trí trong báo cáo thường niên	Số trang
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	409-1 Các hoạt động có rủi ro đáng kể đối với hình thức lao động cưỡng ép	Chương VI - Cam kết của doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm trong phát triển bền vững (Xây dựng văn hóa phát triển bền vững) <i>SeABank cam kết không áp dụng hình thức lao động cưỡng ép.</i>	
<b>GRI 400: Tiêu chuẩn về xã hội</b>	416-2 Sự cố không tuân thủ liên quan đến các tác động tới sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ	<i>SeABank hiện chưa ghi nhận sự cố không tuân thủ liên quan đến các tác động tới sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ.</i>	

## VIII. MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH

# MIỀN BẮC

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1	SeABank Sứ Giao Dịch	198 Trần Quang Khải, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3944 8688
2	SeABank Hà Nội	25 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3928 2681
3	SeABank Lê Thái Tổ	Tầng 1, 120 Hàng Trống, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3944 8688 (ext 8905)
4	SeABank Hồ Gươm	54 Tràng Tiền, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3928 2681
5	SeABank Lãn Ông	51 Bát Đàn, P. Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3923 3974
6	SeABank Trần Phú	5 Trần Phú, P. Điện Biên Phủ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3747 5934
7	SeABank Nguyễn Hữu Huân	104 Nguyễn Hữu Huân, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 6270 1166
8	<b>SeABank Long Biên</b>	<b>339 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội</b>	<b>024 3872 9532</b>
9	SeABank Ngọc Lâm	278 Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	024 3873 6432
10	SeABank Ngô Gia Tự	487 Ngô Gia Tự, tổ 9, P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	024 3872 9531
11	SeABank Sài Đồng	Tòa Sunrise III A, KĐT mới Sài Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	024 3872 9533
12	SeABank Gia Lâm	73 Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	024 3872 9535
13	SeABank Đại An	Tầng 1 Tòa PVI Tower, đường Phạm Văn Bạch, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 6664 0888
14	SeABank Hàm Nghi	B1 - 08 Vinhomes Gardenia Hàm Nghi, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024 3944 8688
15	SeABank Hồ Tùng Mậu	102 - 104 Hồ Tùng Mậu, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3944 8688
16	SeABank Mỹ Đình	Tầng 1 tòa B5, KĐT Mỹ Đình 1, Nguyễn Cơ Thạch, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024 3944 8688
17	SeABank Trung Hòa	150 Vũ Phạm Hàm, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3944 8688
18	SeABank Trần Duy Hưng	170 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 6282 3333
19	SeABank Đào Tấn	62 Đào Tấn, P. Cống Vị, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3734 5848
20	SeABank Đông Anh (Đại Kim)	Xóm 1, Thôn Ngọc Chi, X. Vĩnh Ngọc, H. Đông Anh, TP. Hà Nội	024 6296 6665
21	<b>SeABank Đống Đa</b>	<b>324 Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội</b>	<b>024 6282 3333 (ext 3011)</b>
22	SeABank Phố Huế	Tầng 1,2 5 Tòa 88 Phố Huế, P. Ngô Thi Nhậm, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 8912)
23	SeABank Nguyễn Ngọc Nại	89 Nguyễn Ngọc Nại, P. Khương Thượng, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	02462823333 (ext 3080)
24	SeABank Nguyễn An Ninh	116 Nguyễn An Ninh, P. Tương Mai, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 2108)
25	SeABank Vĩnh Hoàng	Tầng 1, tòa nhà Tiến Phú, lô 8-3 A, KĐT Vĩnh Hoàng, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 4228)
26	SeABank Kim Liên	436 Xã Đàn, P. Nam Đồng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 3088)
27	SeABank Khâm Thiên	142 Lê Duẩn, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 3093)
28	SeABank Hồ Đắc Di	Tầng 1, 156 Xã Đàn II, P. Nam Đồng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	02462823333 (ext 3102)
29	SeABank Hàn Thuyên	21 Hàn Thuyên, P. Phan Chu Trinh, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 2299)
30	SeABank Vạn Xuân	38 Yết Kiêu, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 2134)
31	SeABank Bà Triệu	57 Bà Triệu, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 6282 3333 (ext 2279)
32	<b>SeABank Cầu Giấy</b>	<b>174 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội</b>	<b>024 3791 4507 (ext 3618)</b>
33	SeABank Nguyễn Khánh Toàn	102 - N2 - A2 Nguyễn Khánh Toàn, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 2712)
34	SeABank Lạc Long Quân	15 Lạc Long Quân, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 2613)
35	SeABank Thăng Long	448 Hoàng Hoa Thám, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	02437914507 (ext 2633)
36	SeABank Tây Hồ	141 Hoàng Quốc Việt, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 3699)
37	SeABank Xuân La	Nhà D10, khu Shophouse Dreamland Hồ Tây, 107 d. Xuân La, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 3605)
38	SeABank Yên Phụ	151 Yên Phụ, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 2553)
39	SeABank Sóc Sơn	44 Khu B2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 2111)
40	SeABank Quán Thánh	188 Quán Thánh, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3791 4507 (ext 2883)
41	<b>SeABank Thanh Xuân</b>	<b>Tầng 1 &amp; 2 tòa Artemis, 3 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội</b>	<b>024 3623 0689</b>
42	<b>SeABank Láng Hạ</b>	<b>22 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội</b>	<b>024 3776 4233</b>
43	SeABank Láng Thượng	74 Chùa Láng, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3775 9537
44	SeABank Thành Công	14 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 6269 1188

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
45	SeABank Thái Thịnh	139 Yên Lãng, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3562 7471
46	SeABank Hào Nam	96 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3776 4233
47	SeABank Đội Cấn	225 Đội Cấn, P. Đội Cấn, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3723 6171
48	SeABank Bạch Mai	350 Bạch Mai, P. Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 3627 4925
49	SeABank Tôn Đức Thắng	254 Tôn Đức Thắng, P. Hàng Bột, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3628 2333
50	<b>SeABank Hà Đông</b>	<b>150 Trần Phú, P. Mộ Lao, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội</b>	<b>024 6325 1188</b>
51	SeABank Kim Văn	Tầng 1, tòa CT12B, KĐT Kim Văn Kim Lũ Đ. Nguyễn Xiển, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024 6325 1188 (ext 3252)
52	SeABank Văn Quán	108 Nguyễn Khuyến, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	024 6325 1188 (ext 3244)
53	SeABank Ngọc Hồi	267 Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội	024 6325 1188 (ext 3218)
54	<b>SeABank Hải Phòng</b>	<b>15 Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng</b>	<b>022 5374 7878</b>
55	SeABank Trần Nguyễn Hân	227C Trần Nguyễn Hân, P. Nghĩa Xá, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5378 2500
56	SeABank Tôn Dãn	140 + 141 Quang Trung, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	022 5383 1407
57	SeABank Lê Chân	259 Hai Bà Trưng, P. Cát Dài, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5371 1166
58	SeABank Tô Hiệu	179 Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5361 0406
59	SeABank Hàng Kênh	181 Hàng Kênh, P. Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5359 1296
60	SeABank Hồng Bàng	39-41 Điện Biên Phủ, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	022 5392 1193
61	<b>SeABank Hải An</b>	<b>Thửa số 17, khu B1 - lô 7B Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng</b>	<b>022 5326 0088</b>
62	SeABank Lê Lợi	54 Lê Lợi, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5365 5919
63	SeABank Hải Đăng	Số 162 Đà Nẵng, P. Lạc Viên, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5365 0637
64	SeABank Lạch Tray 1	137 Hồ Sen, P. Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5384 7361
65	SeABank Lạch Tray 2	286 Lạch Tray, P. Kênh Dương, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5373 5710
66	SeABank Lê Thánh Tông	129 Phố Mới, Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng	022 5365 4298
67	<b>SeABank Quảng Ninh</b>	<b>Tầng 1,2,3 ô số LK1, Khu Dân Cư và Chung Cư Cao Cấp Việt Hàn, P. Hồng Gai, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh</b>	<b>020 3352 5388</b>
68	SeABank Cẩm Phả	662 Trần Phú, P. Cẩm Thạch, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	020 3352 5388 (ext 6423)
69	SeABank Hạ Long	547 Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	020 3352 5388 (ext 6415)
70	SeABank Bắc Ninh	Lô CC4, Lý Thái Tổ, P. Ninh Xá, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6272
71	SeABank Tiên An	173 Nguyễn Gia Thiều, P. Tiên An, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6003
72	SeABank Từ Sơn	Tầng 1 TTTM Nam Hồng, P. Đình Bản, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6190
73	SeABank Lim	102 đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6193
74	<b>SeABank Hải Dương</b>	<b>122B-122C-124A, Thống Nhất, P. Lê Thanh Nghị, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương</b>	022 0384 9999
75	SeABank Nguyễn Lương Bằng	50-52 Nguyễn Lương Bằng, P. Bình Hàn, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	022 0389 3966
76	SeABank Hải Tân	677 Lê Thanh Nghị, P. Hải Tân, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	022 0386 4899
77	SeABank Sao Đỏ	10 Nguyễn Trãi 1, P. Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	022 0359 4444
78	SeABank Kim Thành	20 Đường 20.9 Khu Đồng Văn, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	0220 384 9999
79	SeABank Gia Lộc	286 Nguyễn Chế Nghĩa, thị trấn Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	022 0371 7456
80	SeABank Thành Đông	123 Chi Lăng, P. Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.	022 0384 8989
81	SeABank Vinh Phúc	04 Mê Linh, P. Liên Bảo, TP. Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc	021 1369 6666
82	PGD Phúc Yên	Số 22 đường Trần Hưng Đạo, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, tỉnh Vinh Phúc	021 18827 - 0988 26 9512 (TNGDV Th
83	<b>SeABank Thái Nguyên</b>	<b>179 Hoàng Văn Thụ, Tổ 2B, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</b>	<b>020 8365 9268 (ext 8810)</b>
84	SeABank Phố Yên	291 tiểu khu 5, thị trấn Ba Hàng, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	020 8365 9268 (ext 8826)
85	SeABank Đại Từ	Tổ dân phố Đình, thị trấn Hùng Sơn, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	020 83659268 (ext 8839)
86	SeABank Bắc Giang	Số 270 đường Hoàng Văn Thụ, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	020 43555333
87	SeABank Nam Định	Số 7+9 đường Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, TP. Nam Định	022 83928666

# MIỀN TRUNG

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1	SeABank Hà Nam	181 Biên Hòa, P. Lương Khánh Thiện, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	022 6352 2288
2	SeABank Thái Bình	79A Lê Lợi, P. Đền Thám, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình,	022 7383 4688
3	SeABank Đà Nẵng	373 Nguyễn Văn Linh, P. Thạch Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	023 6358 4360
4	SeABank Hoàng Diệu	22-22A Hoàng Diệu, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6365 1397
5	SeABank Núi Thành	Tầng 1, 104-106-108 Núi Thành, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6363 2632
6	SeABank Tuyên Sơn	Tầng 1, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6378 2777
7	SeABank Điện Biên Phủ	505-507 Điện Biên Phủ, P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	02363 727 335
8	SeABank Lý Thường Kiệt	Tầng 1, 16 Lý Thường Kiệt, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6383 0444
9	SeABank Hòa Xuân	107 - 109 Nguyễn Phước Lan, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	023 6368 6810
10	SeABank Lê Duẩn	269 - 271 Lê Duẩn, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	023 6389 6552
11	SeABank Quảng Nam	506 Hai Bà Trưng, P. Tân An, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam	023 5373 7888
12	SeABank Nha Trang	42 Yersin, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	025 8391 9003
13	SeABank Cam Ranh	2142 - 2144 Hùng Vương, P. Cam Lộc, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	025 8395 5800
14	SeABank Lê Hồng Phong	900 Lê Hồng Phong, P. Phước Long, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	025 8388 0488
15	SeABank Vĩnh Hải	411 đường 2/4, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	025 8383 5588
16	SeABank Mỹ Ca	367 Hùng Vương, P. Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	025 8397 3977
17	SeABank Diên Khánh	261 Lạc Long Quân, thị trấn Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	025 8385 2852
18	SeABank Nghệ An	tầng 1,2,3 căn hộ CH-B khu A Chung cư Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8354 2668
19	SeABank Lê Nin	32 Lê Nin, P. Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8354 2668
20	SeABank Nguyễn Sỹ Sách	Tầng 1, 02 Nguyễn Sỹ Sách, P. Hưng Bình, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8354 2668
21	SeABank Nguyễn Văn Cừ	288 Nguyễn Văn Cừ, P. Hưng Bình, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8869 7979
22	PGD Hưng Bình	Tòa Trường Thịnh Phát, liền kề số 11, P. Hưng Bình, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8369 9456
23	SeABank Thanh Hóa	Lô 03 + 04, 19 Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	023 7385 7575
24	SeABank Lam Sơn	Lô 02, 47 Lê Hữu Lập, P. Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	023 7388 8628
25	SeABank Trường Thi	454 - 456 Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa	023 7385 7575 (ext 6615)
26	SeABank Đông Sơn	196 Lê Lai, P. Đông Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	023 7388 8818
27	SeABank Bình Định	04 - 06-08 Ý Lan, P. Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	025 6381 1455
28	SeABank Phù Mỹ	135B Quang Trung, TT. Phù Mỹ, H. Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	025 6381 1455
29	SeABank Quảng Ngãi	111 Phan Chu Trinh, P. Nguyễn Nghiễm, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999 (ext 8818)
30	SeABank Trương Quang Trọng	408 Nguyễn Văn Linh, P. Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999 (ext 8871)
31	SeABank Đồng Cát	1116 Quang Trung, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi	025 5373 7999 (ext 8861)
32	SeABank Đức Phổ	428 Nguyễn Nghiễm, P. Nguyễn Nghiễm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999 (ext 8884)
33	SeABank Huế	8 - 10 Nguyễn Huệ, P. Vinh Ninh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	023 4394 8688
34	SeABank Tố Hữu	Tầng 1 Shophouse 01 - The Manor Crown, Tố Hữu, P. Xuân Phú, Tỉnh Thừa Thiên Huế	
35	SeABank Hà Tĩnh	144B Trần Phú, P. Nguyễn Du, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	023 9376 7575
36	SeABank Thành Sen	Liên kề 06 Hàm Nghi, P. Hà Huy Tập, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	023 9376 7575
37	SeABank Nguyễn Chí Thanh	33 Nguyễn Chí Thanh, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	023 9376 7575
38	SeABank Đắc Lắc	35 - 37 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc	026 2389 8888
39	SeABank Khánh Xuân	373 Võ Văn Kiệt, P. Khánh Xuân, TP. Buôn Ma Thuột	026 2389 8888
40	SeABank Quảng Phú	121 Hùng Vương, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'ga, tỉnh Đắc Lắc	026 2392 8686
41	SeABank Krông Năng	154 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắc Lắc	026 2375 2222



# MIỀN NAM

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1	<b>SeABank Hồ Chí Minh</b>	<b>Tầng 1-2-3, 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. HCM</b>	<b>028 3824 0700 (ext 6001)</b>
2	SeABank Q. 9	38 Dương Đình Hội, P. Phước Long, TP. Thủ Đức	028 3824 0700 (ext 5040)
3	SeABank Q. 1	Tầng 1 Khu TM Cao ốc HORIZON - 214 Trần Quang Khải, P. Tân Định, Q. 1, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5061)
4	SeABank Botanic	312 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5081)
5	SeABank Bạch Đằng	Tòa nhà NICE Building - 467 Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5100)
6	SeABank Khánh Hội	143A Khánh Hội, P. 3, Q. 4, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5181)
7	SeABank Lê Quang Định	490C Lê Quang Định, P.11, Q. Gò Vấp, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5240)
8	SeABank Bến Thành	77 - 79 Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5341)
9	<b>SeABank Sài Gòn</b>	<b>78 - 80 Cách Mạng Tháng 8, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. HCM</b>	<b>028 3933 3232</b>
10	SeABank Hùng Vương	108 Lý Thường Kiệt, P. 7, Q. 10, TP. HCM	028 3956 2069
11	SeABank Q. 11	1024 - 1026 đường 3/2, P. 12, Q. 11, TP. HCM	028 6293 4363
12	SeABank Trần Hưng Đạo	859 Trần Hưng Đạo, P. 1, Q. 5, TP. HCM	028 3924 6920
13	SeABank Q. 10	320 - 322 Đường 3/2, Q. 10, TP. HCM	028 382 6955
14	SeABank Phú Hưng	Tòa nhà Petroland Tower, 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM	028 3933 3232
15	SeABank Đa Kao	60 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM	028 3911 1241
16	SeABank Lê Văn Sỹ	344 Lê Văn Sỹ, quận 3, TP. HCM	028 3824 0700
17	SeABank Tân Bình	197 - 199 Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP. HCM	028 6292 2070
18	SeABank Hòa Bình	699 Lê Trọng Tấn, Khu phố 2, P. Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, TP. HCM	028 3765 4866
19	SeABank Âu Cơ	882 Âu Cơ, P.14, Tân Bình, TP. HCM	028 6257 4844
20	SeABank Cộng Hòa	298 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, TP. HCM	028 6292 2061
21	<b>SeABank Phú Mỹ Hưng</b>	<b>673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM</b>	<b>028 3784 0300 (ext 7060)</b>
22	SeABank Q. 7	457 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM	028 3784 0300 (ext 5223)
23	SeABank Q. 8	24 - 26 đường 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM	028 3784 0300 (ext 5564)
24	<b>SeABank Tân Phú</b>	<b>166 Lũy Bán Bích, P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, TP. HCM</b>	<b>028 3961 1900</b>
25	SeABank Phú Lâm	27D đường Kinh Dương Vương, P. 12, Q. 6, TP. HCM	028 3961 1900 (ext 5263)
26	SeABank Bình Tân	297 Vành Đai Trong, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP. HCM	028 3961 1900 (ext 5200)
27	SeABank Tân Phát	295 - 297 Minh Phụng, P. 2, Q. 11, TP. HCM	028 3969 5207
28	<b>SeABank Tân Thành</b>	<b>48 Trường Sơn, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM</b>	<b>028 3848 8089</b>
29	SeABank Nguyễn Thái Sơn	103 đường số 3, Cityland, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM	028 6295 7558
30	<b>SeABank Bình Dương</b>	<b>281 đại lộ Bình Dương, P. Chánh Nghĩa, Q. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương</b>	<b>027 4371 6056</b>
31	SeABank Thủ Dầu Một	254 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	027 4371 6054
32	SeABank Dĩ An	446 Nguyễn An Ninh, khu phố Đông Tân, P. Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương	027 4379 6896
33	SeABank Sứ Sao	1545 đại lộ Bình Dương, tổ 12, khu 2, p. Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	027 4358 5667
34	<b>SeABank Vũng Tàu</b>	<b>270 Lê Lợi, P. 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</b>	<b>025 4354 3095</b>
35	SeABank Bà Rịa	54 Nguyễn Tất Thành, P. Phước Trung, Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	025 4371 7530
36	SeABank Sao Mai	171 Lê Hồng Phong, P. 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	025 4357 7408
37	SeABank Trung Nhì	27-29-31 Trung Nhì, P. 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	025 4351 3263
38	<b>SeABank Đồng Nai</b>	<b>823 - 825 Phạm Văn Thuận, KP5, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai</b>	<b>025 1629 0900</b>
39	SeABank Hồ Nai	726 Quốc Lộ 1A, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	025 1629 0900 (ext 5706)
40	<b>SeABank Cần Thơ</b>	<b>26-28 Nguyễn An Ninh, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ</b>	<b>029 2625 5666</b>
41	SeABank Xuân Khánh	301 đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	029 2375 4868
42	<b>SeABank Châu Đốc</b>	<b>86 Đồng Đa, P. Châu Phú A, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang</b>	<b>029 635667729</b>
43	<b>SeABank Kiên Giang</b>	<b>204 Nguyễn Trung Trực, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang</b>	<b>029 7625 1068</b>
44	<b>SeABank Gò Công</b>	<b>176 Trương Định, P. 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang</b>	<b>027 33971 8728</b>
45	<b>SeABank Cà Mau</b>	<b>125 - 127 Nguyễn Tất Thành, P. 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau</b>	<b>029 0366 2266</b>
46	SeABank Cái Nước	Quốc lộ 1A, Khóm 2, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	029 0388 2277
47	SeABank Long An	29 Trà Quý Bình, P.2, TP. Tân An, tỉnh Long An	027 2393 9666
48	SeABank Thủ Đức	790 Phạm Văn Đồng, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. HCM	028 3622 0676

## IX. MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

Quốc gia	Tên Ngân hàng	SWIFT CODE
<b>Algeria</b>	Banque Al-Baraka d'Algerie*	BRKADZAL
<b>Australia</b>	Australia and New Zealand Banking Group Limited (ANZ Bank)*	ANZBAU3M
	KEB Hana Bank Co., Ltd., Sydney Branch	KOEXAU2S
<b>Austria</b>	Erste Group Bank AG*	GIBAATWG
	Erste Bank der oesterreichischen Sparkassen AG*	GIBAATWW
	Societe Generale, Vienna Branch	SGABATWW
<b>Bahrain</b>	KEB Hana Bank Co., Ltd., Manama Branch	KOEXBHBM
<b>Bangladesh</b>	Islami Bank Bangladesh Ltd.*	IBBLBDDH
<b>Belarus</b>	Joint Stock Company Belagroprombank*	BAPBBY2X
	Joint Stock Company 'Savings Bank 'Belarusbank'*	AKBBBY2X
<b>Belgium</b>	BNP Paribas Fortis SA/NV*	GEBABEBB
	Societe Generale, Brussels Branch	SGABEB2
<b>Brazil</b>	Banco KEB Hana do Brasil S.A*	KOEXBRSP
<b>Cambodia</b>	ACLEDA Bank Plc.*	ACLBKHPP
	Canadia Bank Plc*	CADIKHPP
	Foreign Trade Bank of Cambodia*	FTCCKHPP
<b>Canada</b>	KEB Hana Bank Canada*	KOEXCATT
	National Bank of Canada*	BNDCCAMM
<b>China</b>	Agricultural Bank of China Limited*	ABOCCNBJ
	Bank of Beijing Co., Ltd.*	BJCNCNBJ
	Bank of Communications Co Ltd*	COMMCNSH
	Bank of Jiangsu Co., Ltd.*	BOJSCNBN
	Bank of Nanjing*	NJCBCNBN
	Bank of Ningbo Co., Ltd.*	BKNBCN2N
	Bank of Ruifeng*	ZSRBCN2S
	China Construction Bank Corporation*	PCBCCNBJ
	China Guangfa Bank Co., Ltd.*	GDBKCN22
	China Merchants Bank Co., Ltd.*	CMBCCNBS
	KEB Hana Bank (China) Co., Ltd.*	HNBNCNBJ
	Hankou Bank Co Ltd*	WHCBCNBN

<b>Quốc gia</b>	<b>Tên Ngân hàng</b>	<b>SWIFT CODE</b>
	Hua Xia Bank Co., Ltd.*	HXBKCNBJ
	Huishang Bank Corporation Ltd*	HFCBCNSH
	Industrial and Commercial Bank of China Limited (ICBC)*	ICBKCNBJ
	Industrial Bank Co., Ltd.*	FJIBCNBA
	Industrial Bank of Korea (China) Limited*	IBKOCNBT
	JiLin JiuTai Rural Commercial Bank Co., Ltd.*	JTCBCNBJ
	Ningbo Yinzhou Rural Commercial Bank Co., Ltd. (Yinzhou Bank)*	YZBKCN2N
	Ping An Bank Co., Ltd.*	SZDBCNBS
	Wells Fargo Bank N.A., Shanghai Branch	PNBPCNSH
	Woori Bank (China) Ltd.*	HVBKCNBJ
	Xiamen International Bank Co., Ltd.*	IBXHCNBA
	Zhejiang Chouzhou Commercial Bank Co., Ltd.*	CZCBCN2X
	Zhejiang Mintai Commercial Bank Co., Ltd.*	ZJMTCNSH
	Zhejiang Tailong Commercial Bank Co., Ltd.*	ZJTLCNBH
<b>Czech Republic</b>	Ceska Sporitelna A.S.*	GIBACZPX
	Komerčni Banka A.S.*	KOMBZPP
<b>Denmark</b>	Spar Nord Bank AS	SPNODK22
<b>Egypt</b>	Arab African International Bank*	ARAIEGCX
	Banque Du Caire S.A.E*	BCAIEGCX
	Banque Misr S.A.E*	BMISEGCX
<b>Egypt</b>	Emirates National Bank of Dubai S.A.E*	EBILEGCX
	Export Development Bank of Egypt*	EXDEEGCX
<b>England</b>	KEB Hana Bank Co., Ltd., London Branch	KOEXGB2L
	Societe Generale, London Branch	SOGEGB2L
	Stonex Financial Limited	IGLUGB2L
	Wells Fargo Bank N.A., London Branch	PNBPGB2L
	Woori Bank Co., Ltd., London Branch	HVBKGB2L
<b>France</b>	Credit du Nord*	NORDFRPP
	Credit Industriel et Commercial S.A. (CIC)*	CMCIFRPP
	KEB Hana Bank Co., Ltd., Paris Branch	KOEXFRPP

<b>Quốc gia</b>	<b>Tên Ngân hàng</b>	<b>SWIFT CODE</b>
	Le Credit Lyonnais*	CRLYFRPP
	Societe Generale*	SOGEFRPP
<b>Germany</b>	Citibank Europe Plc, Frankfurt am Main Branch	CITIDEFF
	Deutsche Bank AG*	DEUTDEFF
	J.P. Morgan AG*	CHASDEFX
	KEB Hana Bank (D) AG*	KOEXDEFA
	ODDO BHF AG*	BHFBDEFF
	Oldenburgische Landesbank AG*	OLBODEH2
	Societe Generale, Frankfurt am Main Branch	SOGEDEFF
	Sparkasse KoelnBonn*	COLSDE33
	UniCredit Bank AG*	HYVEDEMM
<b>Greece</b>	Piraeus Bank S.A.*	PIRBGRAA
<b>Hong Kong</b>	Citibank N.A., Hong Kong Branch	CITIHKHX
	Erste Group Bank AG, Hong Kong Branch	GIBAHKHH
	Habib Bank Zurich (Hong Kong) Limited*	HFLIHKHH
	KEB Hana Bank Co., Ltd., Hong Kong Branch	KOEXHKHH
	MashreqBank PSC, Hong Kong Branch	MSHQHKHH
	Shinhan Bank Co., Ltd., Hong Kong Branch	SHBKHKHX
	UniCredit Bank AG, Hong Kong Branch	BVBEHKHH
	Wells Fargo Bank N.A., Hong Kong Branch	PNBPHKHH
<b>India</b>	Axis Bank Ltd.*	AXISINBB
	Axis Bank Ltd., Gandhinagar Branch*	AXISINAA
	Mashreqbank PSC, Mumbai Branch	MSHQINBB
	SBM Bank (India) Ltd	STCBINBX
<b>Indonesia</b>	PT Bank Central Asia Tbk*	CENAIDJA
<b>Indonesia</b>	PT Bank CIMB Niaga Tbk*	BNIAIDJA
	PT Bank Mega Tbk*	MEGAIDJA
	PT Bank QNB Indonesia Tbk*	AWANIDJA
<b>Italy</b>	BPER Banca S.p.A*	BPMOIT22
	Banco BPM S.p.A, Milan Branch*	BPMIITMM
	Iccrea Banca - Istituto Centrale del Credito Cooperativo S.p.A.*	ICRAITRR

<b>Quốc gia</b>	<b>Tên Ngân hàng</b>	<b>SWIFT CODE</b>
	Societe Generale, Milan Branch	SOGEITMM
	UniCredit S.p.A*	UNCRITMM
<b>Japan</b>	KEB Hana Bank Co., Ltd., Tokyo Branch	KOEXJPJT
	Mizuho Bank Ltd.*	MHCBJPJT
	Resona Bank Ltd.*	DIWAJPJT
	Societe Generale, Tokyo Branch	SOGEJPJT
	Sumitomo Mitsui Banking Corporation*	SMBCJPJT
	The Gifu Shinkin Bank*	GFSBJPJZ
	The Ogaki Kyoritsu Bank Ltd.*	OGAKJPJT
	Wells Fargo Bank N.A., Tokyo Branch	PNBPJPJX
<b>Jordan</b>	Arab Jordan Investment Bank*	AJIBJOAX
<b>Korea</b>	Industrial Bank of Korea*	IBKOKRSE
	KEB Hana Bank Co., Ltd.*	KOEXKRSE
	Kookmin Bank Co., Ltd.*	CZNBKRSE
	Suhyup Bank*	NFFCKRSE
	Nonghyup Bank*	NACFKRSE
	Shinhan Bank Co., Ltd*	SHBKKRSE
	Wells Fargo Bank N.A., Seoul Branch	PNBPKRSX
	Woori Bank Co., Ltd.*	HVBKKRSE
<b>Kuwait</b>	Commercial Bank of Kuwait K.P.S.C*	COMBKWKW
<b>Latvia</b>	AS Citadele Banka*	PARXLV22
<b>Laos</b>	Banque pour le Commerce Exterieur Lao Public*	COEBLALA
<b>Malaysia</b>	Citibank Berhad*	CITIMYKL
	Malayan Banking Berhad (Maybank)*	MBBEMYKL
	Public Bank Berhad*	PBBEMYKL
	RHB Bank Berhad*	RHBBMYKL
<b>Morocco</b>	Attijariwafa Bank*	BCMAMAMC
<b>Netherland</b>	KEB Hana Bank Co., Ltd., Amstelveen Branch	KOEXNL2A
<b>Norway</b>	DNB Bank ASA*	DNBANOKK
<b>Norway</b>	Skandinaviska Enskilda Banken AB, Oslo Branch	ESSENOKX
<b>Oman</b>	Bank Muscat SAOG*	BMUSOMRX
<b>Panama</b>	KEB Hana Bank Co., Ltd., Panama City Branch	KOEXPAPA

<b>Quốc gia</b>	<b>Tên Ngân hàng</b>	<b>SWIFT CODE</b>
<b>Pakistan</b>	Meezan Bank Ltd.*	MEZNPKKA
<b>Peru</b>	Banco GNB Peru*	HBPEPEPL
	Banco Internacional del Peru (Interbank)*	BINPPEPL
<b>Philippines</b>	Asian Development Bank*	ASDBPHMM
	KEB Hana Bank Co., Ltd., Makati City Branch	KOEXPHMM
<b>Poland</b>	Bank Millennium S.A.*	BIGBPLPW
	BNP Paribas Bank Polska SA*	PPABPLPK
	Societe Generale, Warsaw Branch	SOGEPLPW
<b>Romania</b>	Banca Comerciala Romana S.A.*	RNCBROBU
<b>Russia</b>	International Bank for Economic Co-operation*	IBECRUMM
	QIWI Bank JSC*	BELERUMM
<b>Singapore</b>	Axis Bank Ltd., Singapore Branch	AXISSGSG
	CIMB Bank Berhad, Singapore Branch	CIBBSGSG
	Citibank N.A., Singapore Branch	CITISGSG
	DBS Bank Ltd.*	DBSSSGSG
	KEB Hana Bank Co., Ltd., Singapore Branch	KOEXSGSG
	Mizuho Bank Ltd., Singapore Branch	MHCBSGSG
	Skandinaviska Enskilda Banken AB, Singapore Branch	ESSESGSG
	UniCredit Bank AG, Singapore Branch	BVBESGSG
	United Overseas Bank Limited*	UOVBSGSG
	JPMorgan Chase Bank, N.A, Singapore	CHASSGSG
	Wells Fargo Bank N.A., Singapore Branch	PNBPSGSG
<b>Slovakia</b>	Slovenska Sporitelna A.S.*	GIBASKBX
<b>Spain</b>	Banco De Sabadell S.A.*	BSABESBB
	CaixaBank S.A.*	CAIXESBB
<b>Sri Lanka</b>	Seylan Bank PLC*	SEYBLKLX
<b>Sweden</b>	Skandinaviska Enskilda Banken AB*	ESSESESS
<b>Switzerland</b>	Habib Bank AG Zurich*	HBZUCHZZ
	Luzerner Kantonalbank AG*	LUKBCH22
<b>Taiwan</b>	Bank SinoPac Co., Ltd.*	SINOTWTP
	Cathay United Bank*	UWCBTWTP
	Chang Hwa Commercial Bank Ltd.*	CCBCTWTP

<b>Quốc gia</b>	<b>Tên Ngân hàng</b>	<b>SWIFT CODE</b>
<b>Taiwan</b>	E. Sun Commercial Bank Ltd.*	ESUNTWTP
	O-Bank Co., Ltd.*	IBOTTWTP
	Taiwan Cooperative Bank, Ltd.*	TACBTWTP
	Wells Fargo Bank N.A., Taipei City Branch	PNBPTWTP
<b>Tunisia</b>	Union Internationale de Banques*	UIBKNTTT
<b>Thailand</b>	Bank of Ayudhya Public Co., Ltd.*	AYUDTHBK
	Bangkok Bank Public Co., Ltd.*	BKKBTHBK
	Export-Import Bank of Thailand*	EXTHTHBK
	Islamic Bank of Thailand*	TIBTTHBK
	Kasikornbank Public Co., Ltd.*	KASITHBK
	Krung Thai Bank Public Co., Ltd.*	KRTHTHBK
	Mizuho Bank Ltd., Bangkok Branch	MHCBTHBK
Siam Commercial Bank Public Company Limited	SICOTHBK	
<b>Turkey</b>	Denizbank AS	DENITRIS
<b>UAE</b>	Abu Dhabi Commercial Bank	ADCBAEAA
	Axis Bank Ltd., Dubai City Branch	AXISAEAD
	Dubai Islamic Bank PJSC, Dubai City Branch*	NISLAEAD
	First Abu Dhabi Bank P.J.S.C.*	FGBMAEAA
	Mashreqbank P.S.C.*	BOMLAEAD
	The National Bank of Ras Al - Khaimah P.S.C.*	NRAKAEAK
<b>Ukraine</b>	JSC 'Bank Credit Dnepr'*	CRDEUA2N
	Joint Stock Company The State Export - Import Bank of Ukraine (JSC Ukreximbank)*	EXBSUAUX
<b>USA</b>	Bank of America N.A., New York Branch*	BOFAUS3N
	BNP Paribas USA, Inc*	BNPAUS3N
	Capital One National Association	NFBKUS33
	China Construction Bank Corporation, New York Branch	PCBCUS33
	Citibank N.A.*	CITIUS33
	CoBank, ACB*	NBFCUS55
	Deutsche Bank AG, New York Branch	DEUTUS33
	Deutsche Bank Trust Company Americas*	BKTRUS33

<b>Quốc gia</b>	<b>Tên Ngân hàng</b>	<b>SWIFT CODE</b>
	Fifth Third Bank N.A.*	FTBCUS3C
	Habib American Bank*	HANYUS33
	Hancock Whitney Bank*	WHITUS44
	International Finance Corporation*	IFCWUS33
	JP Morgan Chase Bank N.A.*	CHASUS33
<b>USA</b>	KEB Hana Bank Co., Ltd., New York Branch	KOEXUS33
	Mashreqbank PSC, New York Branch	MSHQUS33
	MUFG Union Bank N.A.*	BOFCUS33
	Nonghyup Bank, New York Branch	NACFUS33
	Wells Fargo Bank N.A.*	WFBIUS6S
	Wells Fargo Bank N.A., New York Branch	PNBPUS3NNYC
	Wells Fargo Bank N.A., Philadelphia Branch	PNBPUS33
	Woori Bank Co., Ltd., Los Angeles Branch	HVBKUS6L
	Woori Bank Co., Ltd., New York Branch	HVBKUS33
<b>Vietnam</b>	Agricultural Bank of China Limited, Hanoi Branch	ABOCVNVX
	An Binh Commercial Joint Stock Bank*	ABBKVVNVX
	ANZ Bank (Vietnam) Limited*	ANZBVNVX
	Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB)*	ASCBVVNVX
	Bangkok Bank Public Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch	BKKBVNVX
	Bank of China (Hong Kong) Limited, Ho Chi Minh Branch	BKCHVVNVX
	Bao Viet Joint Stock Commercial Bank*	BVBVVNVX
	China Construction Bank Corporation, Ho Chi Minh City Branch	PCBCVVNVX
	Citibank N.A., Hanoi Branch	CITIVNVX
	DBS Bank Ltd., Ho Chi Minh City Branch	DBSSVVNVX
	DongA Joint Stock Commercial Bank (DongA Bank)*	EACBVNVX
	Global Petro Sole Member Limited Commercial Bank (GPBank)*	GBNKVVNVX
	Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (HD Bank)*	HDBCVVNVX
	Hong Leong Bank Vietnam Limited*	HLBBVVNVX



<b>Quốc gia</b>	<b>Tên Ngân hàng</b>	<b>SWIFT CODE</b>
	Indovina Bank Limited (IVB)*	IABBVNVX
	Industrial and Commercial Bank of China Limited (ICBC), Hanoi Branch	ICBKVVVN
	Industrial Bank of Korea, Ho Chi Minh City Branch	IBKOVNVX
	Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)*	BFTVVNVX
	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV)*	BIDVVNVX
	KEB Hana Bank Co., Ltd., Hanoi Branch	KOEXVNVX
	KEB Hana Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch	KOEXVN2X
	Kookmin Bank Co., Ltd., Hanoi Branch	CZNBVN2X
<b>Vietnam</b>	Kookmin Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch	CZNBVNVX
	Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank (LienVietPostBank)*	LVBKVNVX
	Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch	ICBCVNVX
	Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank)*	MSCBVNVX
	Mizuho Bank Ltd., Hanoi Branch	MHCBVNVX
	National Citizen Commercial Joint Stock Bank (NCB)*	NVBAVNVX
	Nonghyup Bank, Hanoi Branch	NACFVNVH
	Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank (OceanBank)*	OJBAVNVX
	Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB)*	ORCOVNVX
	Petrolimex Group Commercial Joint Stock Bank (PG Bank)*	PGBLVNVX
	Public Bank Vietnam Limited*	VIDPVNV5
	Saigon – Hanoi Commercial Joint Stock Bank (SHB)*	SHBAVNVX
	Saigon Bank for Industry and Trade (Saigonbank)*	SBITVNVX
	Saigon Joint Stock Commercial Bank (SCB)*	SACLNVX
	Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Sacombank)*	SGTTVNVX
	Shinhan Bank Vietnam Limited*	SHBKVNVX
State Bank of Vietnam*	STBVVNVX	
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank)*	TPBVVNVX	

<b>Quốc gia</b>	<b>Tên Ngân hàng</b>	<b>SWIFT CODE</b>
	Viet Capital Commercial Joint Stock Bank (Viet Capital Bank)	VCBCVNVX
	Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank (VietABank)*	VNACVNVX
	Vietnam - Russia Joint Venture Bank (VRB)*	VRBAVNVX
	Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank)*	VBAAVNVX
	Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank)*	EBVIVNVX
	Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIBBank)*	VNIBVNVX
	Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank)*	ICBVVNVX
	Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank (Maritime Bank)*	MCOBVNVX
	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank)*	VPBKVNVX
<b>Vietnam</b>	Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank (PVcomBank)*	WBVNVNVX
	Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)*	VTCBVNVX
	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (VietBank)*	VNTTVNVX
	Woori Bank Vietnam Limited*	HVBKVNVX

## **X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á

## Thông tin về Ngân hàng

**Giấy phép Hoạt động số** 0051/QĐ/NH-GP ngày 25 tháng 3 năm 1994

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép Hoạt động Ngân hàng được sửa đổi nhiều lần, và lần sửa đổi gần nhất là theo Quyết định 177/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 2 năm 2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh số** 0200253985 ngày 14 tháng 1 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần, và đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 36 vào ngày 22 tháng 2 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Văn Tàn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực
Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch – Thành viên HĐQT chuyên trách
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Tân	Thành viên
Ông Bùi Trung Kiên	Thành viên
Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Mathew Nevil Welch	Thành viên độc lập HĐQT (từ ngày 21/4/2022)
Ông Faussier Loic Michel Marc	Thành viên độc lập HĐQT (đến ngày 26/5/2022)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Faussier Loic Michel Marc	Tổng Giám đốc (từ ngày 3/1/2023) Phó Tổng Giám đốc cao cấp phụ trách điều hành (từ ngày 11/7/2022 đến ngày 2/1/2023) Phó Tổng Giám đốc cao cấp (từ ngày 3/6/2022 đến ngày 10/7/2022) Tổng Giám đốc (đến ngày 11/7/2022)
Bà Lê Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Long Nhi	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện  
theo pháp luật** Ông Lê Văn Tàn Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Trụ sở đăng ký** 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “SeABank”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 74 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của SeABank tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SeABank cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng hoặc các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “SeABank”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 74.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00133-23-2

(Đã ký)

(Đã ký)

---

Wang Toon Kim  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0557-2023-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

---

Trần Đình Vinh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0339-2023-007-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

	Thuyết minh	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tiền mặt và vàng</b>	<b>4</b>	<b>1.037.807</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")</b>	<b>5</b>	<b>9.826.851</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác</b>	<b>6</b>	<b>45.068.410</b>
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		41.462.465
2	Cho vay các TCTD khác		3.605.945
<b>IV</b>	<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>7</b>	<b>3.987.085</b>
1	Chứng khoán kinh doanh		3.987.085
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-
<b>VI</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>151.522.983</b>
1	Cho vay khách hàng	8	153.955.992
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(2.433.009)
<b>VIII</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>		<b>8.646.945</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10(a)	7.951.304
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10(b)	715.458
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	11	(19.817)
<b>IX</b>	<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>61.313</b>
4	Đầu tư dài hạn khác		62.432
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.119)
<b>X</b>	<b>Tài sản cố định ("TSCĐ")</b>		<b>1.085.692</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	13	427.189
a	Nguyên giá		877.679
b	Hao mòn TSCĐ		(450.490)
3	Tài sản cố định vô hình	14	658.503
a	Nguyên giá		854.399
b	Hao mòn TSCĐ		(195.896)
<b>XI</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>15</b>	<b>58.047</b>
a	Nguyên giá		64.466
b	Hao mòn bất động sản đầu tư		(6.419)
<b>XII</b>	<b>Tài sản Có khác</b>	<b>16</b>	<b>10.127.923</b>
1	Các khoản phải thu		5.490.462
2	Các khoản lãi, phí phải thu		2.594.093
4	Tài sản Có khác		2.083.798
	Trong đó: Lợi thế thương mại		409.431
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(40.430)
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>231.423.056</b>
			<b>211.663.515</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



	Thuyết minh	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN</b>	<b>17</b>	<b>3.838.696</b>
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNNVN	3.838.696	2.172.763
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>18</b>	<b>59.719.627</b>
1	Tiền gửi của các TCTD khác	44.265.765	35.552.732
2	Vay các TCTD khác	15.453.862	22.813.266
<b>III</b>	<b>Huy động từ tiền gửi của khách hàng</b>	<b>19</b>	<b>115.547.271</b>
<b>IV</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	<b>20</b>	<b>14.963</b>
<b>V</b>	<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>		<b>1.020</b>
<b>VI</b>	<b>Huy động từ phát hành giấy tờ có giá cho khách hàng</b>	<b>21</b>	<b>21.504.600</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>22</b>	<b>4.564.659</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả	3.699.830	2.947.979
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	864.829	626.850
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>205.190.836</b>	<b>193.000.251</b>
	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>VIII</b>	<b>Vốn và các quỹ</b>	<b>23</b>	<b>26.232.220</b>
1	Vốn	21.607.167	15.595.507
a	Vốn điều lệ	20.402.983	14.784.884
c	Thặng dư vốn cổ phần	1.204.184	810.623
2	Các quỹ của TCTD	1.155.967	855.641
5	Lợi nhuận chưa phân phối	3.469.086	2.212.116
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>26.232.220</b>	<b>18.663.264</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>231.423.056</b>	<b>211.663.515</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

		<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 Triệu VND</b>	<b>31/12/2021 Triệu VND</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>				
2	Cam kết giao dịch hối đoái	35(a)	89.722.996	94.432.442
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	35(a)	705.900	1.430.311
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	35(a)	705.900	625.751
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	35(a)	88.311.196	92.376.380
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	35(a)	5.493.687	1.782.559
5	Bảo lãnh khác	35(a)	6.109.202	4.228.007
6	Hợp đồng hoán đổi lãi suất	35(a)	7.759.570	8.089.470
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	35(b)	2.021.913	2.234.445
8	Nợ gốc khó đòi đã xử lý	35(c)	4.783.138	4.365.253
9	Tài sản và chứng từ khác	35(d)	1.534.181	1.524.891

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

(*Đã ký*)

(*Đã ký*)

(*Đã ký*)

Nghiêm Thị Thu Nga  
*Người lập biểu*

Nguyễn Thị Hoài Phương  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Thị Thu Hương  
*Phó Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

	Thuyết minh	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	15.149.800
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(8.143.873)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>7.005.927</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.642.698
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(275.381)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>28</b>	<b>1.367.317</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>29</b>	<b>223.886</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>228.111</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>31</b>	<b>621.173</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác		415.516
6	Chi phí hoạt động khác		(222.620)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>32</b>	<b>192.896</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần</b>	<b>33</b>	<b>7.937</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>34</b>	<b>(3.403.523)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>6.243.724</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>(1.174.738)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>5.068.986</b>
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(1.016.058)
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>36</b>	<b>(1.016.058)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>4.052.928</b>
<b>XIV</b>	<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>		<b>-</b>
			(đã trình bày lại)
<b>XV</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>37</b>	<b>1.889</b>

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nghiêm Thị Thu Nga  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoài Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	14.235.298	12.723.110
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(7.392.022)	(6.735.566)
03 Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.366.943	1.145.264
04 Chênh lệch số tiền thực thu, thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng và chứng khoán)	1.038.282	515.983
05 Thu nhập khác	99.133	107.111
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	93.796	102.746
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.310.317)	(2.474.267)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(877.938)	(566.024)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động</b>	<b>5.253.175</b>	<b>4.818.357</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		
09 Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	3.751.040	(7.256.985)
10 Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	17.303.270	4.969.304
11 (Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(32.841)	192.408
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(26.367.833)	(18.718.923)
13 Sử dụng dự phòng	(523.346)	(564.542)
14 Tăng khác về tài sản hoạt động	(2.778.762)	(1.306.331)
<b>Những thay đổi về nợ hoạt động</b>		
15 Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.665.933	1.967.061
16 Tăng tiền gửi và vay từ các TCTD khác	1.353.629	15.849.325
17 Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	5.762.634	(3.491.960)
18 Tăng phát hành giấy tờ có giá	2.451.400	11.988.460
21 Tăng khác về nợ hoạt động	26.758	123.831
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>7.865.057</b>	<b>8.570.005</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	Mua sắm tài sản cố định	(296.243)	(114.013)
04	Mua sắm bất động sản đầu tư	(27)	(7.139)
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	6.744	182.023
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	24.102	40.905
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	7.937	3.710
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>(257.487)</b>	<b>105.486</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
01	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	3.610.673	2.405.623
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>3.610.673</b>	<b>2.405.623</b>
<b>IV</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>11.218.243</b>	<b>11.081.114</b>
<b>V</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>41.108.880</b>	<b>30.027.766</b>
<b>VII</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 38)</b>	<b>52.327.123</b>	<b>41.108.880</b>

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nghiêm Thị Thu Nga  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoài Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Thành lập và hoạt động**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0051/QĐ/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 3 năm 1994. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 25 tháng 3 năm 1994.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

### **(b) Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Ngân hàng là 20.402.983 triệu Việt Nam Đồng (31/12/2021: 14.784.884 triệu Việt Nam Đồng). Ngân hàng đã phát hành 2.040.298.268 cổ phiếu phổ thông (31/12/2021: 1.478.488.369 cổ phiếu phổ thông), với mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 Đồng Việt Nam.

### **(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động**

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 198, Phố Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện, bốn mươi chín (49) chi nhánh, một trăm ba mươi hai (132) phòng giao dịch trên cả nước và hai (02) công ty con (31/12/2021: Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm hai mươi chín (129) phòng giao dịch trên cả nước và hai (02) công ty con).

Tại ngày báo cáo, Ngân hàng có hai (02) công ty con (31/12/2021: hai (2) công ty con) như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Giấy phép hoạt động</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng</b>
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank	0103099985 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 12 năm 2008 và điều chỉnh gần nhất ngày 24 tháng 10 năm 2018.	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Bưu điện	96/GP-NHNN ngày 28 tháng 9 năm 2018 và sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1656/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	Tài chính tiêu dùng	100%

**(d) Tổng số nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, SeABank có 5.648 nhân viên (31/12/2021: 4.972 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SeABank theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

**(c) Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của SeABank là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của SeABank là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất (“Triệu VND”).

## **3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được SeABank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ SeABank và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

**(iii) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(iv) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của SeABank trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(b) Ngoại tệ**

**Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay (đối với vàng quy đổi theo tỷ giá bình quân mua và bán vàng) của SeABank tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại Thuyết minh 46(b)). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm thì SeABank sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm để quy đổi.

Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của SeABank được quy đổi sang VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.



**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn và kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

**(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**

Tiền gửi tại các TCTD khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Cho vay các TCTD khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 (“Thông tư 11”) của NHNNVN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, SeABank trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 3(h).

Theo Thông tư 11, SeABank không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác.

**(e) Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư**

**(i) Phân loại**

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà SeABank có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

SeABank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, SeABank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

**(ii) Ghi nhận**

SeABank ghi nhận chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư vào ngày SeABank trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

**(iii) Đo lường**

***Chứng khoán nợ***

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán kinh doanh, SeABank ghi nhận theo giá gốc trừ đi chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán (nếu có).

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán đầu tư, SeABank ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư, bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng rủi ro trái phiếu chưa niêm yết. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, chứng khoán nợ do tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì SeABank không thực hiện trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với chứng khoán nợ của doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì SeABank trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các trái phiếu này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 3(h).

Dự phòng rủi ro chứng khoán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ và chứng khoán vốn sau ngày mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi nhận được.

***Chứng khoán vốn***

Chứng khoán vốn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá chứng khoán thực tế trên thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các loại chứng khoán vốn đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(f)(ii).

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(f)(ii).

Đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như dự phòng cho các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(f)(ii).

Trong trường hợp không có thông tin được xác định một cách đáng tin cậy để trích lập dự phòng các khoản đầu tư theo Thuyết minh 3(f)(ii), SeABank không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản này.

**(iv) *Dừng ghi nhận***

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SeABank đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

**(f) *Góp vốn, đầu tư dài hạn***

**(i) *Đầu tư dài hạn khác***

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và SeABank không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**(ii) *Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn***

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế (“TCKT”) mà SeABank đang đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Ngân hàng có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của SeABank tại đơn vị đó.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

**(g) Cho vay khách hàng**

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay không quá 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm và không quá 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của SeABank đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản cho vay này chấm dứt, hay khi SeABank chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày tại Thuyết minh 3(h).

**(h) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng**

**(i) Phân loại nợ**

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng, các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền, các khoản nợ mua lại, khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ, mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo quy định của Thông tư 11. Theo đó, SeABank thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng.

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo phương pháp định lượng như sau:

<b>Nhóm</b>		<b>Tình trạng quá hạn</b>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li> <li>• Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li> <li>• Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.</li> </ul>
		(e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc

<i>Nhóm</i>		<i>Tình trạng quá hạn</i>
		(f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.

Đối với các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng, SeABank phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày SeABank thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: quá hạn từ 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với SeABank mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì SeABank phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao nhất.

SeABank cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, SeABank điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

**Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19**

SeABank áp dụng Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 7 tháng 9 năm 2021 (“Thông tư 14”) và Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 2 tháng 4 năm 2021 (“Thông tư 03”) của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 (“Thông tư 01”) của NHNNVN quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì SeABank được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

<b>Thời điểm phát sinh khoản nợ</b>	<b>Tình trạng quá hạn</b>	<b>Khoảng thời gian phát sinh quá hạn</b>	<b>Áp dụng phân loại nợ</b>
Trước 23/1/2020	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 1/8/2021	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/05/2021 đến trước 17/7/2021 hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.
Trước 23/1/2020	Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020	Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn.
Từ 10/6/2020 đến trước 1/8/2021	Quá hạn	Từ 17/7/2021 đến trước 7/9/2021	

Ngoài ra, SeABank xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu thời hạn, miễn, giảm lãi theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14) như sau:

<b>Dự phòng bổ sung từng giai đoạn</b>	<b>Thời hạn</b>
Tối thiểu 30% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể**

Theo quy định của Thông tư 11, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Giá trị và tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 11 theo đó từng loại tài sản bảo đảm có tỷ lệ khấu trừ tối đa nhất định cho mục đích tính toán dự phòng rủi ro.

**(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung**

Theo Thông tư 11, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác, khoản mua giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng khác phát hành, khoản mua bán lại trái phiếu chính phủ.

**(iv) Xử lý nợ xấu**

Theo Thông tư 11, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

**(v) Phân loại dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng**

Theo Thông tư 11, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi SeABank được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

**(i) Các công cụ tài chính phái sinh**

**(i) Các hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi tiền tệ và hợp đồng quyền chọn ngoại tệ**

SeABank ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyên, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro tỷ giá đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của SeABank.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là các cam kết mua/bán một lượng ngoại tệ với đồng VND hoặc với một ngoại tệ khác tại một ngày trong tương lai với tỷ giá kỳ hạn được xác định tại ngày giao dịch. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch do đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ với đồng VND hoặc với một ngoại tệ khác với cùng một đối tác. Trong đó ngày thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định tại ngày giao dịch. Một giao dịch hoán đổi tiền tệ có thể gồm hai giao dịch giao ngay, hai giao dịch kỳ hạn hoặc một giao dịch giao ngay và một giao dịch kỳ hạn. Giao dịch hoán đổi với ngoại tệ và đồng VND phải có ít nhất một giao dịch kỳ hạn. Số tiền do chênh lệch giữa hai tỷ giá của hai giao dịch được ghi nhận vào ngày thanh toán của giao dịch thứ nhất như một khoản mục tài sản nếu dương và khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ là giao dịch khách hàng trả cho SeABank một giá mua quyền chọn để SeABank bán quyền cho phép khách hàng thực hiện mua hoặc bán một lượng ngoại tệ trong tương lai với tỷ giá đã được xác định tại ngày giao dịch. Theo đó, khách hàng có quyền nhưng không có nghĩa vụ thực hiện giao dịch mua bán đã cam kết. Giá trị cam kết được theo dõi trên tài khoản ngoại bảng tại khoản mục “Cam kết giao dịch quyền chọn”. Phí đã trả của giao dịch mua quyền lựa chọn sẽ được hạch toán phân bổ theo đường thẳng vào chi phí trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu hiệu lực hợp đồng đến ngày tất toán hợp đồng.

**(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất**

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền vốn danh nghĩa. Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền được theo dõi trên tài khoản ngoại bảng tại khoản mục “Cam kết hoán đổi lãi suất”. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có trao đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, các khoản thu nhập và chi phí với lãi suất tương ứng phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền chỉ trao đổi gốc cuối kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự giống như các hợp đồng kỳ hạn. Các khoản thu nhập và chi phí với lãi suất tương ứng phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.



**(j) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	8 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	6 - 15 năm
▪ phương tiện vận tải	6 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
▪ các tài sản cố định khác	5 năm

**(k) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(ii) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

**(l) Bất động sản đầu tư**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư.

Thời gian ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa, vật kiến trúc là 10 - 50 năm. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không được tính khấu hao.

**(m) Các tài sản Có khác**

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, SeABank thực hiện trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn được xác định như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Mức trích dự phòng</b>
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	100%

**(n) Tiền gửi của khách hàng**

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

**(o) Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**

Các khoản nhận ủy thác mà SeABank chịu rủi ro là các khoản nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay để sử dụng theo các mục đích chỉ định, SeABank có trách nhiệm hoàn trả vốn này khi đến hạn, SeABank ghi nhận số vốn nhận được là một khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, đồng thời ghi nhận các hoạt động đầu tư, cho vay vào báo cáo tài chính hợp nhất của SeABank.

**(p) Giấy tờ có giá đã phát hành**

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

**(q) Các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**(r) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**(s) Các quỹ dự trữ**

***(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng***

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng (“Nghị định 93”), Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Tỷ lệ trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất). Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ này được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

***(ii) Các quỹ dự trữ của công ty con***

***Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank***

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty được yêu cầu thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

**Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Bưu điện**

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, Công ty phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Tỷ lệ trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

**(t) Doanh thu**

**(i) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước được ghi nhận khi Ngân hàng thực sự thu được. Số lãi dự thu của các khoản nợ này được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

**(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ**

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

**(iii) Thu nhập từ đầu tư**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá trị ghi sổ của chứng khoán nợ.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của SeABank được xác lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thương và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, SeABank chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(u) Chi phí lãi**

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

**(v) Chi phí hoạt động dịch vụ**

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

**(w) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

**(x) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(y) Các bên liên quan**

Các bên liên quan của SeABank bao gồm các trường hợp sau đây:

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của SeABank;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại SeABank;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SeABank;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Ngân hàng và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Ngân hàng;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho SeABank.

**(z) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

SeABank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của SeABank chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm kết thúc cùng ngày, SeABank không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(aa) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của SeABank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của SeABank là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(bb) Các cam kết và nợ tiềm ẩn**

Tại bất cứ thời điểm nào SeABank cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. SeABank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

**(cc) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 (“Quyết định 16”) của Thống đốc NHNNVN về chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 49”) của Thống đốc NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16, Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(dd) Các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank, tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, SeABank phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SeABank xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà SeABank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được SeABank xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các tài sản tài chính đã được SeABank xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán;
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà SeABank có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được SeABank xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản được SeABank xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc;
- các khoản mà SeABank có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SeABank xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày tại các thuyết minh liên quan khác.

#### **4. Tiền mặt và vàng**

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Tiền mặt bằng VND	864.245	799.608
Tiền mặt bằng ngoại tệ	172.741	276.213
Vàng tiền tệ	821	207
	<hr/>	<hr/>
	1.037.807	1.076.028
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

#### **5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Tiền gửi tại NHNNVN bằng VND	8.156.513	2.543.854
Tiền gửi tại NHNNVN bằng ngoại tệ	1.170.338	2.230.506
Tiền gửi khác	500.000	25.000
	<hr/>	<hr/>
	9.826.851	4.799.360
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc (“DTBB”). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi khách hàng cá nhân và doanh nghiệp của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng. Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2022	31/12/2021
▪ Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
▪ Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
▪ Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
▪ Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

## 6. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	7.260.204	12.264.081
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	450.981	728.371
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	31.304.160	18.358.240
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.447.120	3.882.800
	41.462.465	35.233.492
<b>Cho vay các TCTD khác</b>		
Cho vay các TCTD khác bằng VND	3.605.945	5.083.507
Cho vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	-	2.273.478
	3.605.945	7.356.985
	45.068.410	42.590.477

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác thuộc Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn.

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	% /năm	% /năm
▪ Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2,80% - 10,5%	1,10% - 5,00%
▪ Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,60% - 4,75%	0,10% - 0,50%
▪ Cho vay bằng VND	4,04% - 10,96%	0,25% - 2,70%
▪ Cho vay bằng ngoại tệ	Không phát sinh	0,20% - 1,54%

## 7. Chứng khoán kinh doanh

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Chứng khoán nợ</b>		
Trái phiếu Chính phủ	3.070.752	8.544.746
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	916.333	3.045.688
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế (“TCKT”) trong nước phát hành	-	1.503.575
	<u>3.987.085</u>	<u>13.094.009</u>
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh</b>		
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (i)	-	(11.277)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (ii)	-	(102)
	<u>-</u>	<u>(11.379)</u>
	<u>3.987.085</u>	<u>13.082.630</u>

Trạng thái niêm yết tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Đã niêm yết	3.070.752	9.076.713

(i) Biến động dự phòng chung của dự phòng chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	11.277	4.765
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(11.277)	6.512
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>11.277</u>

(ii) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	102	7.306
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(102)	(7.204)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>102</u>

Kỳ hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2022</b>		<b>31/12/2021</b>	
	<b>Kỳ hạn</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Kỳ hạn</b>	<b>Lãi suất năm</b>
Trái phiếu Chính phủ	15 năm - 30 năm	2,50% - 8,00%	10 năm - 30 năm	2,20% - 8,70%
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành (bằng VND)	Không phát sinh		2 năm - 15 năm	2,70% - 7,60%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành (bằng VND)	Không phát sinh		1 năm - 10 năm	7,50% - 10,00%
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành	0,6 năm - 1 năm	6,40% - 13,50%	1 năm - 3 năm	6,50% - 11,50%

## 8. Cho vay khách hàng

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	153.583.375	127.202.660
Các khoản trả thay khách hàng	5.761	5.761
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài	366.856	379.738
	<b>153.955.992</b>	<b>127.588.159</b>

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	150.926.694	125.274.231
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	569.193	209.319
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	453.553	345.515
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	219.567	331.680
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.786.985	1.427.414
	<b>153.955.992</b>	<b>127.588.159</b>

Việc phân loại nợ được thực hiện theo chính sách kế toán nêu tại Thuyết minh 3(h)(i).

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Nợ ngắn hạn	75.809.545	72.328.675
Nợ trung hạn	45.686.603	27.424.345
Nợ dài hạn	32.459.844	27.835.139
	<b>153.955.992</b>	<b>127.588.159</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	<b>31/12/2022</b>	<b>%</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>%</b>
	<b>Triệu VND</b>		<b>Triệu VND</b>	
<b>Cho vay các tổ chức kinh tế</b>				
Công ty nhà nước	1.343.195	0,87	1.447.697	1,13
Công ty trách nhiệm hữu hạn	55.910.221	36,32	42.546.685	33,35
Công ty cổ phần có hơn 50% vốn Nhà nước (Nhà nước chiếm cổ phần chi phối)	3.001.502	1,95	3.105.530	2,43
Công ty cổ phần khác	55.911.304	36,32	50.595.918	39,66
Công ty hợp danh	44.775	0,03	24.154	0,02
Doanh nghiệp tư nhân	179.560	0,12	155.845	0,12
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	493.395	0,32	437.743	0,34
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	4.382	0,00	35.714	0,03
<b>Cho vay cá nhân</b>				
Hộ kinh doanh, cá nhân	37.065.183	24,07	29.234.563	22,92
<b>Cho vay khác</b>				
Thành phần kinh tế khác	2.475	0,00	4.310	0,00
	<b>153.955.992</b>	<b>100,00</b>	<b>127.588.159</b>	<b>100,00</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	<b>31/12/2022</b>	<b>%</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>%</b>
	<b>Triệu VND</b>		<b>Triệu VND</b>	
Nông lâm nghiệp, thủy sản	141.735	0,09	186.674	0,15
Khai khoáng	1.284.768	0,83	1.182.702	0,93
Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.390.000	7,40	7.857.069	6,16
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.326.144	0,86	1.563.952	1,23
Xây dựng	6.340.235	4,12	4.597.966	3,60
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	22.605.524	14,68	21.195.602	16,61
Vận tải, kho bãi	9.871.501	6,41	8.615.412	6,75
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	12.035.540	7,82	10.969.642	8,60
Thông tin và truyền thông	4.298.000	2,79	2.620.737	2,05
Hoạt động tài chính, bảo hiểm	3.308.279	2,15	2.298.678	1,80
Hoạt động kinh doanh bất động sản	7.332.956	4,76	5.845.064	4,58
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	9.809.000	6,37	7.990.560	6,26
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	104.328	0,07	119.426	0,09
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	9.874.313	6,41	7.585.494	5,95
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	37.065.184	24,09	29.234.563	22,91
Hoạt động dịch vụ khác	17.168.485	11,15	15.724.618	12,32
	<b>153.955.992</b>	<b>100,00</b>	<b>127.588.159</b>	<b>100,00</b>

Phân tích cho vay theo loại tiền tệ

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Cho vay bằng VND	151.601.437	124.552.865
Cho vay bằng ngoại tệ	2.354.555	3.035.294
	<b>153.955.992</b>	<b>127.588.159</b>

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
Cho vay bằng VND	3,50% - 13,50%	3,50% - 10,35%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,50% - 5,84%	2,50% - 3,64%

## 9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	<b>31/12/2022</b> <b>Triệu VND</b>	<b>31/12/2021</b> <b>Triệu VND</b>
Dự phòng chung (i)	1.141.268	946.205
Dự phòng cụ thể (ii)	1.291.741	835.412
	<hr/> 2.433.009	<hr/> 1.781.617

(i) Biến động dự phòng chung của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	<b>2022</b> <b>Triệu VND</b>	<b>2021</b> <b>Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	946.205	742.708
Trích lập dự phòng trong năm	195.063	203.497
	<hr/> 1.141.268	<hr/> 946.205

(ii) Biến động dự phòng cụ thể của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	<b>2022</b> <b>Triệu VND</b>	<b>2021</b> <b>Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	835.412	365.614
Trích lập dự phòng trong năm	979.675	1.034.340
Sử dụng dự phòng trong năm	(523.346)	(564.542)
	<hr/> 1.291.741	<hr/> 835.412

## 10. Chứng khoán đầu tư

### (a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
<b>Chứng khoán nợ</b>		
▪ Trái phiếu Chính phủ	3.168.253	6.705.572
▪ Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	2.351.512	1.829.073
▪ Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	250.000	5.457.404
▪ Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành	2.099.485	2.125.783
	7.869.250	16.117.832
<b>Chứng khoán vốn</b>		
▪ Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	82.054	82.054
	7.951.304	16.199.886

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối kỳ báo cáo như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Trái phiếu Chính phủ	7 năm - 30 năm	2,10% - 6,60%	5 năm - 30 năm	2,20% - 8,80%
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1 năm - 15 năm	2,5% - 15,00%	1 năm - 15 năm	2,90% - 15,00%
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	4 năm	9,53%	3 năm - 5 năm	9,00% - 10,00%
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành	1 năm - 3 năm	2,43% - 9,09%	1 năm - 3 năm	2,90% - 11,50%

Phân tích chất lượng trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	250.000	5.457.404

### (b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	715.458	663.222

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á  
Số 198, Phố Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014  
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm cuối năm như sau:

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	31/12/2022		31/12/2021	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
	1 năm - 10 năm	8,00% - 8,90%	1 năm - 10 năm	8,00% - 8,90%

## 11. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán (i)	1.875	40.931
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (ii)	17.942	2.395
	19.817	43.326

(i) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

### Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Dự phòng chung cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Dự phòng cụ thể chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	40.931	-	40.931
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	(39.056)	-	(39.056)
Số dư cuối năm	1.875	-	1.875

### Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dự phòng chung cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Dự phòng cụ thể cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	36.066	1.736	37.802
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	4.865	(1.736)	3.129
Số dư cuối năm	40.931	-	40.931



(ii) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trong năm như sau:

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

	<b>Dự phòng chung cho chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND</b>	<b>Dự phòng cụ thể chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	2.395	-	2.395
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	-	15.547	15.547
Số dư cuối năm	2.395	15.547	17.942

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

	<b>Dự phòng chung cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND</b>	<b>Dự phòng cụ thể cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu năm và cuối năm	2.395	-	2.395

## 12. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	<b>31/12/2022 Triệu VND</b>	<b>31/12/2021 Triệu VND</b>
Các khoản đầu tư dài hạn khác (i)	62.432	86.534
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (ii)	(1.119)	(1.443)
	61.313	85.091

- (i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của SeABank tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ
Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam	3.300	1,06%	3.300	1,06%
Công ty CP vàng bạc đá quý ASEAN (AJC)	-	0,00%	24.102	10,00%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	4.800	1,59%	4.800	1,59%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	10.000	5,00%	10.000	5,00%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	10.000	8,33%	10.000	8,33%
Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	11.000	2,20%	11.000	2,20%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	12.470	9,59%	12.470	9,59%
Công ty CP Xăng dầu dầu khí Hà Nội	7.500	2,83%	7.500	3,00%
Công ty CP Dịch vụ Số liệu toàn cầu	2.670	2,13%	2.670	2,13%
Công ty CP Phát triển Nhân trí Việt Nam	436	9,99%	436	9,99%
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	256	0,45%	256	0,45%
	<b>62.432</b>		<b>86.534</b>	

- (ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.443	28.754
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	(324)	(27.311)
Số dư cuối năm	<b>1.119</b>	<b>1.443</b>

### 13. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Các tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	18.127	259.005	290.409	99.074	12.357	678.972
Tăng trong năm	1.153	62.194	106.719	20.462	10.880	201.408
Thanh lý, nhượng bán	(206)	-	(1.108)	(502)	(885)	(2.701)
Số dư cuối năm	19.074	321.199	396.020	119.034	22.352	877.679
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	5.081	142.976	159.235	76.695	8.717	392.704
Khấu hao trong năm	967	19.749	28.133	9.804	1.800	60.453
Thanh lý, nhượng bán	(206)	-	(1.074)	(502)	(885)	(2.667)
Số dư cuối năm	5.842	162.725	186.294	85.997	9.632	450.490
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	13.046	116.029	131.174	22.379	3.640	286.268
Số dư cuối năm	13.232	158.474	209.726	33.037	12.720	427.189

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 75.133 triệu VND (31/12/2021: 74.523 triệu VND).

*Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Các tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	18.127	339.061	275.924	93.393	12.766	739.271
Tăng trong năm	-	9.111	41.134	14.545	1.401	66.191
Thanh lý, nhượng bán	-	(89.167)	(26.649)	(8.864)	(1.810)	(126.490)
Số dư cuối năm	18.127	259.005	290.409	99.074	12.357	678.972
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4.253	195.193	168.569	77.942	9.818	455.775
Khấu hao trong năm	828	20.600	17.315	7.617	709	47.069
Thanh lý, nhượng bán		(72.817)	(26.649)	(8.864)	(1.810)	(110.140)
Số dư cuối năm	5.081	142.976	159.235	76.695	8.717	392.704
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	13.874	143.868	107.355	15.451	2.948	283.496
Số dư cuối năm	13.046	116.029	131.174	22.379	3.640	286.268

## 14. Tài sản cố định vô hình

*Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	377.995	371.507	11.133	760.635
Mua trong năm	6.378	86.144	2.313	94.835
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.071)	-	(1.071)
Số dư cuối năm	384.373	456.580	13.446	854.399
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	158.449	5.951	164.400
Phân bổ trong năm	-	31.164	1.403	32.567
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.071)	-	(1.071)
Số dư cuối năm	-	188.542	7.354	195.896
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	377.995	213.058	5.182	596.235
Số dư cuối năm	384.373	268.038	6.092	658.503

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 36.215 triệu VND (31/12/2021: 21.447 triệu VND).

*Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	377.995	348.816	14.701	741.512
Mua trong năm	-	47.006	816	47.822
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.315)	(4.384)	(28.699)
Số dư cuối năm	377.995	371.507	11.133	760.635
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	153.545	8.976	162.521
Phân bổ trong năm	-	26.493	1.360	27.853
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.589)	(4.385)	(25.974)
Số dư cuối năm	-	158.449	5.951	164.400
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	377.995	195.271	5.725	578.991
Số dư cuối năm	377.995	213.058	5.182	596.235

## 15. Bất động sản đầu tư

*Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

	Quyền sử dụng đất Nghìn VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	28.282	42.527	70.809
Tăng trong năm	-	27	27
Giảm trong năm	(6.370)	-	(6.370)
Số dư cuối năm	21.912	42.554	64.466
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	5.245	5.245
Khấu hao trong năm	-	1.174	1.174
Số dư cuối năm	-	6.419	6.419
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	28.282	37.282	65.564
Số dư cuối năm	21.912	36.135	58.047

*Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

	Quyền sử dụng đất Nghìn VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	207.460	41.600	249.060
Tăng trong năm	2.222	4.917	7.139
Giảm trong năm	(181.400)	(3.990)	(185.390)
Số dư cuối năm	28.282	42.527	70.809
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	8.126	8.126
Khấu hao trong năm	-	1.109	1.109
Giảm trong năm	-	(3.990)	(3.990)
Số dư cuối năm	-	5.245	5.245
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	207.460	33.474	240.934
Số dư cuối năm	28.282	37.282	65.564

## 16. Tài sản Có khác

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các khoản phải thu nội bộ	433.134	410.722
Các khoản phải thu bên ngoài	5.057.329	1.581.119
Trong đó:		
<i>Phải thu từ thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (i)</i>	4.783.266	1.339.893
<i>Các khoản phải thu bên ngoài khác</i>	274.063	241.226
	5.490.463	1.991.841
<b>Các khoản lãi, phí phải thu</b>	2.594.093	1.679.591
<b>Tài sản có khác</b>		
Chi phí chờ phân bổ	1.505.438	1.288.185
Tài sản nhận gán nợ cho TCTD	140.359	908.982
Lợi thế thương mại	409.431	480.637
Tài sản có khác	28.570	147.396
	2.083.798	2.825.200
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (ii)	10.168.354 (40.430)	6.496.632 (41.094)
	10.127.923	6.455.538

(i) Đây là các khoản phải thu các nhà nhập khẩu là khách hàng của Ngân hàng khi sử dụng sản phẩm LC UPAS thư tín dụng trả chậm được phép trả ngay do Ngân hàng phát hành. Theo đó, Ngân hàng thông qua ngân hàng đối tác thanh toán cho người hưởng (nhà xuất khẩu) trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm và hưởng phí dịch vụ thanh toán trước.

(ii) Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	41.094 (664)	34.665 6.429
Số dư cuối năm	40.430	41.094

## 17. Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	1.700.330	-
Vay NHNNVN	2.138.366	2.172.763
	<hr/>	<hr/>
	3.838.696	2.172.763

## 18. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác</b>		
Bằng VND	7.229.595	12.260.723
<b>Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác</b>		
Bằng VND	33.671.380	20.939.489
Bằng ngoại tệ	3.364.790	2.352.520
	<hr/>	<hr/>
	44.265.765	35.552.732
<b>Vay các TCTD khác</b>		
Bằng VND	6.033.185	17.889.112
Trong đó:		
- Vay chiết khấu, tái chiết khấu	1.646.841	11.549.130
- Vay cầm cố, thế chấp	-	2.564.883
- Vay khác	4.386.344	3.775.099
Bằng ngoại tệ	9.420.677	4.924.154
Trong đó:		
- Vay cầm cố, thế chấp	82.355	1.575.960
- Vay khác (*)	9.338.322	3.348.194
	<hr/>	<hr/>
	15.453.862	22.813.266
	<hr/>	<hr/>
	59.719.627	58.365.998

(\*) Trong đó, số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm khoản vay chuyển đổi của Tổ chức Tài chính Quốc tế (“IFC”) số tiền là 75.000.000 USD. IFC có thể chuyển đổi khoản vay này thành cổ phiếu của SeAbank trong thời hạn của khoản vay.



Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2,85% - 8,80%	1,15% - 3,60%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,30% - 4,75%	0,20% - 0,45%
Tiền vay bằng VND	3,51% - 10,63%	0,80% - 4,73%
Tiền vay bằng ngoại tệ	1,00% - 7,86%	0,53% - 2,90%

## 19. Huy động từ tiền gửi của khách hàng

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	10.022.310	7.839.549
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	733.004	660.476
<b>Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	103.134.487	98.931.537
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	820.657	1.118.662
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	410.512	350.626
<b>Tiền gửi ký quỹ</b>	426.301	883.787
	<b>115.547.271</b>	<b>109.784.637</b>

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Công ty nhà nước	13.712.535	10.736.497
Công ty trách nhiệm hữu hạn	8.066.951	7.980.355
Công ty Cổ phần có trên 50% vốn Nhà nước	8.141.264	7.331.166
Công ty cổ phần khác	12.891.411	15.082.426
Công ty hợp danh	22.842	13.807
Doanh nghiệp tư nhân	344.397	391.654
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	783.568	955.081
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	129.949	145.415
Hộ kinh doanh, cá nhân	70.742.334	66.614.614
Thành phần kinh tế khác	712.020	533.622
	<b>115.547.271</b>	<b>109.784.637</b>

Lãi suất năm của tiền gửi của khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00% - 1,00%	0,00% - 0,20%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00% - 9,50%	0,20% - 6,25%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,98%	0,20% - 0,98%

## **20. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

	<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>		<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	
	<b>Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)</b>	<b>Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán)</b>	<b>Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)</b>	<b>Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán)</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Tài sản Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Tài sản Triệu VND</b>
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	30.349.361	(42.203)	44.384.185	4.052
Giao dịch kỳ hạn lãi suất	597.258	9.205	-	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	82.465.401	52.765	92.696.124	(104.126)
Giao dịch hoán đổi lãi suất	2.318.270	(34.730)	3.478.270	52.270
	<b>115.730.290</b>	<b>(14.963)</b>	<b>140.558.579</b>	<b>(47.804)</b>

## 21. Huy động từ phát hành giấy tờ có giá cho khách hàng

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
<b>Trái phiếu có kỳ hạn</b>		
• Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	10.899.000	9.900.000
• Trên 5 năm	1.650.000	900.000
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	8.955.600	8.253.200
	<hr/>	<hr/>
	21.504.600	19.053.200
	<hr/>	<hr/>

Lãi suất năm của giấy tờ có giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
<b>Trái phiếu có kỳ hạn</b>		
▪ Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	3,20% - 4,70%	3,60% - 4,00%
▪ Trên 5 năm	6,60% - 9,00%	7,80% - 9,00%
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	3,70% - 9,50%	3,60% - 8,60%
	<hr/>	<hr/>

## 22. Các khoản nợ khác

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ	22.980	22.590
Các khoản phải trả bên ngoài	4.475.371	3.521.362
Trong đó:		
▪ <i>Lãi, phí phải trả</i>	3.699.830	2.947.979
▪ <i>Doanh thu chờ phân bổ</i>	517	634
▪ <i>Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 41)</i>	434.315	302.044
▪ <i>Các khoản phải trả khác</i>	340.709	270.705
Quỹ khen thưởng phúc lợi	66.308	30.877
	<hr/>	<hr/>
	4.564.659	3.574.829
	<hr/>	<hr/>

## 23. Vốn và các quỹ

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của SeABank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	12.087.442	-	287.688	168.422	1.126.826	13.670.378
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.606.518	2.606.518
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	1.595.000	810.623	-	-	-	2.405.623
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (Thuyết minh 25)	1.102.442	-	-	-	(1.102.442)	-
Trích quỹ trong năm	-	-	266.355	133.176	(399.531)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.458)	(18.458)
Giảm khác	-	-	-	-	(797)	(797)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	14.784.884	810.623	554.043	301.598	2.212.116	18.663.264
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	14.784.884	810.623	554.043	301.598	2.212.116	18.663.264
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.052.928	4.052.928
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	1.813.116	906.557	-	-	-	2.719.673
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	809.996	(809.996)	-	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	286.999	-	-	(286.999)	-	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (Thuyết minh 25)	2.113.988	-	-	-	(2.113.988)	-
Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	594.000	297.000	-	-	-	891.000
Trích quỹ trong năm	-	-	391.551	195.774	(587.325)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(92.001)	(92.001)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.644)	(2.644)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	20.402.983	1.204.184	945.594	210.373	3.469.086	26.232.220

## 24. Vốn cổ phần

	31/12/2022		31/12/2021	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.040.298.268	20.402.983	1.478.488.369	14.784.884
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.040.298.268	20.402.983	1.478.488.369	14.784.884

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

## 25. Cổ tức

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã thông qua Nghị quyết số 425/2022/NQ-HĐQT về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 14 tháng 7 năm 2022 gửi đến Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước, Ngân hàng đã hoàn tất việc phát hành 211.398.767 cổ phiếu để trả cổ tức.

## 26. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	760.564	165.613
Thu nhập lãi cho vay	13.426.778	9.720.976
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	746.306	1.751.934
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	102.285	72.823
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	113.867	93.142
	<b>15.149.800</b>	<b>11.804.488</b>

## 27. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	6.494.356	5.820.082
Chi phí lãi tiền vay	556.747	153.714
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	972.850	538.819
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	119.920	105.780
	<b>8.143.873</b>	<b>6.618.395</b>

## 28. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ</b>		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	325.607	184.938
Dịch vụ ngân quỹ	6.971	5.411
Dịch vụ đại lý bảo hiểm	533.564	249.392
Dịch vụ tư vấn	272.561	237.684
Dịch vụ khác	503.995	841.694
	1.642.698	1.519.119
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ cho</b>		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(83.524)	(59.645)
Dịch vụ ngân quỹ	(21.384)	(18.290)
Dịch vụ khác	(170.473)	(295.297)
	(275.381)	(373.232)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	1.367.317	1.145.887

## 29. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
<b>Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối</b>		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	1.399.358	1.182.391
Thu nhập kinh doanh vàng	4.774	2.606
Các công cụ phái sinh tiền tệ	950.759	486.641
	2.354.891	1.671.638
<b>Chi phí về kinh doanh ngoại hối</b>		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	(38.655)	(77.748)
Chi phí kinh doanh vàng	(5.179)	(457)
Các công cụ phái sinh tiền tệ	(2.087.171)	(1.444.547)
	(2.131.005)	(1.522.752)
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	223.886	148.886

### 30. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	371.161	378.640
Lỗ về mua bán chứng khoán kinh doanh	(154.429)	(320.870)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng chung chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	11.277	(6.512)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	102	7.204
	228.111	58.462

### 31. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	813.819	400.540
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	(216.155)	(91.214)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11)	39.056	(3.129)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11)	(15.547)	-
	621.173	306.197

### 32. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
<b>Thu nhập hoạt động kinh doanh khác</b>		
Thu nhập từ các công cụ tài chính phái sinh khác	295.649	294.620
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	119.867	142.934
	415.516	437.554
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh khác</b>		
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(201.012)	(197.763)
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	(21.608)	(59.277)
	(222.620)	(257.040)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	192.896	180.514

### 33. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận	7.937	3.710
Lãi từ bán các khoản đầu tư dài hạn	-	6.041
	<hr/> 7.937	<hr/> 9.751

### 34. Chi phí hoạt động

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	36.804	78.802
Chi phí cho nhân viên:		
<i>Chi lương và phụ cấp</i>	1.661.091	1.232.748
<i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i>	90.619	61.287
<i>Chi trợ cấp</i>	166	486
<i>Chi khác cho nhân viên</i>	48.223	22.096
Chi về tài sản		
<i>Chi khấu hao tài sản cố định</i>	93.021	74.921
<i>Chi khác về tài sản</i>	475.162	338.261
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
<i>Công tác phí</i>	27.528	18.321
<i>Chi vật liệu và giấy tờ in</i>	41.939	37.048
<i>Chi bưu phí và điện thoại</i>	58.384	41.315
<i>Chi khác cho hoạt động quản lý</i>	515.786	312.401
Chi nộp phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi của khách hàng	100.038	112.083
Phân bổ lợi thế thương mại	71.206	71.206
Chi phí hoạt động khác	184.544	149.321
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12)	(324)	(27.311)
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng cho các Tài sản có khác (Thuyết minh 16)	(664)	6.429
	<hr/> 3.403.523	<hr/> 2.529.414



### 35. Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

#### (a) Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

	31/12/2022 Triệu VND		31/12/2021 Triệu VND			
	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần
Bảo lãnh vay vốn	-	-	-	94.083	(94.083)	-
Cam kết giao dịch hối đoái	89.722.996	6	89.722.996	94.432.442	-	94.432.442
Cam kết mua ngoại tệ	705.900	-	705.900	1.430.311	-	1.430.311
Cam kết bán ngoại tệ	705.900	-	705.900	625.751	-	625.751
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	88.311.196	6	88.311.196	92.376.380	-	92.376.380
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	5.518.179	(24.492)	5.493.687	1.828.529	(45.970)	1.782.559
Bảo lãnh khác	6.389.488	(280.286)	6.109.202	4.468.758	(240.751)	4.228.007
Hợp đồng hoán đổi lãi suất	7.759.570	-	7.759.570	8.089.470	-	8.089.470

#### (b) Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	2.021.913	2.234.445

#### (c) Nợ gốc khó đòi đã xử lý

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	4.783.138	4.365.253

(d) Tài sản và chứng từ khác

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Kim loại quý, đá quý giữ hộ	125.751	68.799
Tài sản thuê ngoài	1.408.430	1.456.092
	<u>1.534.181</u>	<u>1.524.891</u>

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.016.058	662.020

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.068.986	3.268.538
Thuế tính theo thuế suất của Ngân hàng	1.013.797	653.708
Thu nhập không chịu thuế	(1.587)	(1.950)
Chi phí không được khấu trừ	551	462
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	14.241	14.241
Điều chỉnh khác	(10.944)	(4.441)
	<u>1.016.058</u>	<u>662.020</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận tính thuế (2021: 20%). Việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

### 37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

#### (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	4.052.928	2.606.518
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(92.001)	(18.419)
	3.960.927	2.588.099

#### (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022	2021 (đã trình bày lại)	2021 (như đã trình bày trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.478.488.369	1.208.744.208	1.208.744.208
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2022	287.547.232	106.128.585	106.128.585
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2022	211.398.767	211.398.767	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022	9.764.384	-	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ	109.699.501	109.699.501	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2021	-	92.296.000	92.296.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2021	-	110.244.161	110.244.161
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	2.096.898.253	1.838.511.222	1.517.412.954

#### (iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022	2021 (đã trình bày lại)	2021 (như đã trình bày trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.889	1.408	1.706

### 38. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Tiền mặt, vàng	1.037.807	1.076.028
Tiền gửi tại NHNNVN	9.826.851	4.799.360
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	7.711.185	12.992.451
Tiền gửi tại các TCTD với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	33.751.280	22.241.041
	<hr/>	<hr/>
	52.327.123	41.108.880
	<hr/>	<hr/>

### 39. Tài sản, giấy tờ có giá thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

#### (a) Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Bất động sản	145.460.512	169.909.818
Động sản	11.534.630	13.896.766
Giấy tờ có giá	18.139.552	26.390.943
Các tài sản đảm bảo khác	93.916.445	82.455.931
	<hr/>	<hr/>
	269.051.139	292.653.458
	<hr/>	<hr/>

#### (b) Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	3.344.610	6.765.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
▪ Trái phiếu Chính phủ	2.479.610	5.448.000
▪ Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành	865.000	1.317.000
	<hr/>	<hr/>
	3.344.610	6.765.000
	<hr/>	<hr/>

#### 40. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2022	2021
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	5.345	4.595
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên	1.661.091	1.232.748
Tiền thưởng	27.785	17.893
	<hr/>	<hr/>
	1.688.876	1.250.641
	<hr/>	<hr/>
Thu nhập bình quân/tháng (triệu VND)	26,33	22,68
	<hr/>	<hr/>

#### 41. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

##### Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	1/1/2022	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Phải trả Ngân sách Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	21.357	123.297	(130.710)	13.944
Thuế thu nhập doanh nghiệp	272.094	1.016.058	(877.938)	410.214
Thuế thu nhập cá nhân	8.594	177.498	(175.935)	10.157
Các loại thuế khác	-	36.174	(36.174)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	302.045	1.353.027	(1.220.757)	434.315
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

##### Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	1/1/2021	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Phải trả Ngân sách Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.923	109.528	(92.095)	21.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176.098	662.020	(566.024)	272.094
Thuế thu nhập cá nhân	5.992	97.188	(94.586)	8.594
Các loại thuế khác	-	13.056	(13.056)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	186.013	881.792	(765.761)	302.044
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

## 42. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, SeABank có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và/hoặc số dư với SeABank trong năm như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG (“BRG”) và công ty con	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP và các công ty con	Cùng thành viên HĐQT
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Tài sản/(Nợ phải trả)</b>	
	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<i>Công ty Cổ phần Thăng Long GTC</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(9.182)	(60.785)
Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(314.900)	(370.400)
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG và Công ty con</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(345.320)	(152.553)
Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(268.094)	(631.545)
Tiền vay tại SeABank	302	-
Bảo lãnh tại SeABank	942.967	3.425
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(21.069)	(9.473)
Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(295.782)	(301.228)
Bảo lãnh tại SeABank	5.191	5.103
<i>Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(11.518)	(25.704)
Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(1.470.631)	(1.679.300)
Bảo lãnh tại SeABank	582	-
<i>Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn tại SeABank	(84.865)	(163.416)
Tiền gửi có kỳ hạn tại SeABank	(2.350.000)	(3.000.000)

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	<b>Doanh thu/(Chi phí)</b>	
	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<i>Công ty Cổ phần Thăng Long GTC</i>		
▪ Chi phí lãi tiền gửi	(17.703)	(20.394)
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG và công ty con</i>		
▪ Chi phí lãi tiền gửi	(15.539)	(16.467)
▪ Thu nhập lãi tiền vay	-	41.407
▪ Thu nhập phí bảo lãnh	11.641	71
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội</i>		
▪ Chi phí lãi tiền gửi	(12.373)	(12.817)
▪ Thu nhập phí bảo lãnh	25	19
<i>Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP</i> <i>và các công ty con</i>		
▪ Chi phí lãi tiền gửi	(105.525)	(74.501)
▪ Thu nhập lãi cho vay	51	-
▪ Thu nhập phí bảo lãnh	10	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh</i> <i>Bắc Hà Nội</i>		
▪ Chi phí lãi tiền gửi	(82.472)	(95.648)
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>	<b>(17.323)</b>	<b>(12.522)</b>
▪ Chủ tịch Hội đồng Quản trị	(4.390)	(3.240)
▪ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị	(3.510)	(2.160)
▪ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách	(2.620)	(1.000)
▪ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	(1.080)	(1.080)
▪ 02 Thành viên Hội đồng Quản trị	(1.080)	(1.080)
▪ Thành viên HĐQT Độc lập	(2.483)	(1.790)
<b>Thù lao của Ban Kiểm soát</b>	<b>(2.160)</b>	<b>(2.172)</b>
<b>Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác</b>	<b>(29.083)</b>	<b>(24.198)</b>

### **43. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của SeABank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

#### **(a) Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực sau:

Hoạt động ngân hàng:	Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận tiền gửi;</li><li>- Cấp tín dụng;</li><li>- Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và</li><li>- Các hoạt động ngân hàng khác.</li></ul>
Hoạt động công ty tài chính:	Cho vay tiêu dùng và các hoạt động tài chính khác
Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản:	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản



Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm kết thúc cùng ngày được trình bày trong bảng sau:

<b>(Triệu VND)</b>	<b>Hoạt động ngân hàng</b>	<b>Hoạt động công ty tài chính</b>	<b>Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản</b>	<b>Loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất</b>	<b>Cộng hợp nhất</b>
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu lãi	14.501.659	749.038	29.153	(130.050)	15.149.800
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.468.636	148.905	29.424	(4.267)	1.642.698
Thu nhập từ các hoạt động khác	4.003.561	3.959	6.239	(15.547)	3.998.212
	<b>19.973.856</b>	<b>901.902</b>	<b>64.816</b>	<b>(149.864)</b>	<b>20.790.710</b>
<b>Chi phí</b>					
Chi phí lãi	8.089.906	184.017	-	(130.050)	8.143.873
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	227.637	36.578	11.166	-	275.381
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	2.717.299	2	22.455	(15.547)	2.724.209
Chi phí hoạt động	3.057.088	274.834	4.662	66.939	3.403.523
	<b>14.091.930</b>	<b>495.431</b>	<b>38.283</b>	<b>(78.658)</b>	<b>14.546.986</b>
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	5.881.926	406.471	26.533	(71.206)	6.243.724
Chi phí dự phòng rủi ro	1.015.271	159.467	-	-	1.174.738
Kết quả kinh doanh bộ phận	<b>4.866.655</b>	<b>247.004</b>	<b>26.533</b>	<b>(71.206)</b>	<b>5.068.986</b>
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt	1.037.776	-	31	-	1.037.807
Tài sản cố định	1.080.992	4.700	-	-	1.085.692
Tài sản khác	230.049.700	6.336.979	620.274	(7.707.396)	229.299.557
Tổng tài sản	<b>232.168.468</b>	<b>6.341.679</b>	<b>620.305</b>	<b>(7.707.396)</b>	<b>231.423.056</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	3.838.696	-	-	-	3.838.696
Tiền gửi và vay TCTD khác	60.609.321	3.525.000	-	(4.414.694)	59.719.627
Tiền gửi của khách hàng	115.550.779	253	-	(3.761)	115.547.271
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	-	1.020	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	21.504.600	1.420.000	-	(1.420.000)	21.504.600
Các khoản nợ khác	4.424.365	645.930	27.699	(518.372)	4.579.622
Tổng nợ phải trả	<b>205.927.761</b>	<b>5.592.203</b>	<b>27.699</b>	<b>(6.356.827)</b>	<b>205.190.836</b>

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm kết thúc cùng ngày được trình bày trong bảng sau:

<b>(Triệu VND)</b>	<b>Hoạt động ngân hàng</b>	<b>Hoạt động công ty tài chính</b>	<b>Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản</b>	<b>Loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất</b>	<b>Cộng hợp nhất</b>
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu lãi	11.653.018	133.512	36.190	(18.232)	11.804.488
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.287.986	27.057	208.336	(4.260)	1.519.119
Thu nhập từ các hoạt động khác	2.909.290	9.943	387	(20.807)	2.898.813
	<b>15.850.294</b>	<b>170.512</b>	<b>244.913</b>	<b>(43.299)</b>	<b>16.222.420</b>
<b>Chi phí</b>					
Chi phí lãi	6.622.912	9.377	4.338	(18.232)	6.618.395
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	175.629	4.704	192.899	-	373.232
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	2.184.252	17.308	225	(6.782)	2.195.003
Chi phí hoạt động	2.385.726	72.031	4.711	66.946	2.529.414
	<b>11.368.519</b>	<b>103.420</b>	<b>202.173</b>	<b>41.932</b>	<b>11.716.044</b>
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	4.481.775	67.092	42.740	(85.231)	4.506.376
Chi phí dự phòng rủi ro	1.198.952	38.886	-	-	1.237.838
Kết quả kinh doanh bộ phận	<b>3.282.823</b>	<b>28.206</b>	<b>42.740</b>	<b>(85.231)</b>	<b>3.268.538</b>
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt	1.075.997	-	31	-	1.076.028
Tài sản cố định	880.990	1.513	-	-	882.503
Tài sản khác	210.090.429	3.082.419	604.691	(4.072.555)	209.704.984
Tổng tài sản	<b>212.047.416</b>	<b>3.083.932</b>	<b>604.722</b>	<b>(4.072.555)</b>	<b>211.663.515</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.172.763	-	-	-	2.172.763
Tiền gửi và vay TCTD khác	58.611.446	2.100.000	-	(2.345.448)	58.365.998
Tiền gửi của khách hàng	109.814.519	653	-	(30.535)	109.784.637
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	-	1.020	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	19.053.200	400.000	-	(400.000)	19.053.200
Các khoản nợ khác	3.565.296	41.423	33.123	(17.209)	3.622.633
Tổng nợ phải trả	<b>193.217.224</b>	<b>2.543.096</b>	<b>33.123</b>	<b>(2.793.192)</b>	<b>193.000.251</b>

**(b) Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của SeABank không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do SeABank hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng nhận định rằng SeABank chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, SeABank không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

**44. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng**

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của SeABank tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	<b>Trong nước</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Nước ngoài</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>Triệu VND</b>
Tổng dư nợ cho vay khách hàng và các TCTD khác	157.195.081	366.856	157.561.937
Tổng tiền gửi của khách hàng và các TCTD khác	159.796.947	16.089	159.813.036
Các cam kết tín dụng	11.602.889	-	11.602.889
Công cụ tài chính phái sinh	14.963	-	14.963
Kinh doanh và đầu tư chứng khoán	12.653.847	-	12.653.847

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của SeABank tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	<b>Trong nước</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Nước ngoài</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>Triệu VND</b>
Tổng dư nợ cho vay khách hàng và các TCTD khác	134.565.406	379.738	134.945.144
Tổng tiền gửi của khách hàng và các TCTD khác	145.268.268	69.101	145.337.369
Các cam kết tín dụng	6.010.566	-	6.010.566
Công cụ tài chính phái sinh	47.804	-	47.804
Kinh doanh và đầu tư chứng khoán	29.957.117	-	29.957.117

## 45. Quản lý rủi ro tài chính

Thuyết minh này cung cấp thông tin về các rủi ro mà SeABank có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà SeABank thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

### *Chính sách quản lý rủi ro*

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc Tổng Giám đốc tất cả các hoạt động của SeABank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của SeABank không ngừng phát triển an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và SeABank trong từng thời kỳ và quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của SeABank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Khối Quản trị rủi ro là cơ quan được SeABank thiết lập với nhiệm vụ xây dựng, phát triển và quản lý các chính sách, công cụ quản lý rủi ro; tổ chức và quản lý công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.

## 46. Rủi ro thị trường

### (a) Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Ngân hàng chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ phải trả cụ thể.

SeABank sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng. SeABank cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của SeABank được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Ngày định giá lại lãi suất và ngày đáo hạn dự kiến có thể khác với ngày quy định trong hợp đồng, đặc biệt với ngày đáo hạn tiền gửi của khách hàng.

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á**  
**Số 198, Phố Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B05/TCTD-HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Triệu VND)</b>	<b>Quá hạn</b>	<b>Không nhạy cảm lãi suất</b>	<b>Dưới 1 tháng</b>	<b>Từ 1 đến 3 tháng</b>	<b>Từ 3 đến 6 tháng</b>	<b>Từ 6 đến 12 tháng</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và vàng	-	1.037.807	-	-	-	-	-	-	1.037.807
Tiền gửi tại NHNNVN	-	9.826.851	-	-	-	-	-	-	9.826.851
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	7.711.185	23.667.000	10.390.225	150.000	3.150.000	-	-	45.068.410
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	3.987.085	-	-	-	-	-	3.987.085
Cho vay khách hàng - gộp	3.029.298	-	33.233.192	51.839.207	38.134.267	20.761.648	6.682.891	275.489	153.955.992
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	82.054	15.000	1.025.485	324.000	1.850.917	1.232.487	4.136.819	8.666.762
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	62.432	-	-	-	-	-	-	62.432
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	1.143.739	-	-	-	-	-	-	1.143.739
Tài sản Có khác - gộp	-	10.168.353	-	-	-	-	-	-	10.168.353
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.029.298</b>	<b>30.032.421</b>	<b>60.902.277</b>	<b>63.254.917</b>	<b>38.608.267</b>	<b>25.762.565</b>	<b>7.915.378</b>	<b>4.412.308</b>	<b>233.917.431</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.700.330	53.201	68.086	2.017.079	-	-	3.838.696
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	7.229.595	25.815.863	13.816.634	533.192	3.500.593	6.470.750	2.353.000	59.719.627
Tiền gửi của khách hàng	-	-	29.720.093	21.353.798	40.006.568	17.443.011	7.023.781	20	115.547.271
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	14.963	-	-	-	-	-	-	14.963
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	1.020	-	-	-	-	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	3.200.000	2.800.000	15.504.600	-	21.504.600
Các khoản nợ khác	-	4.564.659	-	-	-	-	-	-	4.564.659
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>11.810.237</b>	<b>57.236.286</b>	<b>35.223.633</b>	<b>43.807.846</b>	<b>25.760.683</b>	<b>28.999.131</b>	<b>2.353.020</b>	<b>205.190.836</b>
<b>Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất</b>	<b>3.029.298</b>	<b>18.222.184</b>	<b>3.665.991</b>	<b>28.031.284</b>	<b>(5.199.579)</b>	<b>1.882</b>	<b>(21.083.753)</b>	<b>2.059.288</b>	<b>28.726.595</b>

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á**  
**Số 198, Phố Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B05/TCTD-HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Triệu VND)</b>	<b>Quá hạn</b>	<b>Không nhạy cảm lãi suất</b>	<b>Dưới 1 tháng</b>	<b>Từ 1 đến 3 tháng</b>	<b>Từ 3 đến 6 tháng</b>	<b>Từ 6 đến 12 tháng</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và vàng	-	1.076.028	-	-	-	-	-	-	1.076.028
Tiền gửi tại NHNNVN	-	4.799.360	-	-	-	-	-	-	4.799.360
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	12.992.452	21.158.953	6.099.769	2.339.303	-	-	-	42.590.477
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	13.094.009	-	-	-	-	-	13.094.009
Cho vay khách hàng - gộp	2.313.928	-	19.829.146	34.081.842	38.775.464	28.188.869	2.990.758	1.408.152	127.588.159
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	82.054	1.099.999	486.866	2.810.220	4.529.989	6.119.601	1.734.379	16.863.108
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	86.534	-	-	-	-	-	-	86.534
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	948.067	-	-	-	-	-	-	948.067
Tài sản Có khác - gộp	-	6.496.632	-	-	-	-	-	-	6.496.632
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.313.928</b>	<b>26.481.127</b>	<b>55.182.107</b>	<b>40.668.477</b>	<b>43.924.987</b>	<b>32.718.858</b>	<b>9.110.359</b>	<b>3.142.531</b>	<b>213.542.374</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	25.240	60.967	68.086	2.018.470	-	-	2.172.763
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	12.506.171	30.331.481	10.943.119	1.354.080	261.947	2.969.200	-	58.365.998
Tiền gửi của khách hàng	-	-	28.869.577	28.203.150	24.042.626	17.333.254	11.334.030	2.000	109.784.637
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	47.804	-	-	-	-	-	-	47.804
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
TCTD chịu rủi ro	-	1.020	-	-	-	-	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	17.930	225.630	1.365.940	143.700	17.300.000	-	19.053.200
Các khoản nợ khác	-	3.574.829	-	-	-	-	-	-	3.574.829
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>16.129.824</b>	<b>59.244.228</b>	<b>39.432.866</b>	<b>26.830.732</b>	<b>19.757.371</b>	<b>31.603.230</b>	<b>2.000</b>	<b>193.000.251</b>
<b>Mức chênh nhạy cảm với lãi suất</b>	<b>2.313.928</b>	<b>10.351.303</b>	<b>(4.062.121)</b>	<b>1.235.611</b>	<b>17.094.255</b>	<b>12.961.487</b>	<b>(22.492.871)</b>	<b>3.140.531</b>	<b>20.542.123</b>

**(b) Rủi ro tiền tệ**

SeABank chịu rủi ro tiền tệ trong những giao dịch bằng ngoại tệ, chủ yếu bằng Đô la Mỹ. Rủi ro trong các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ làm phát sinh lãi hoặc lỗ ngoại tệ và các khoản lãi hay lỗ ngoại tệ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

SeABank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của SeABank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SeABank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây liệt kê trạng thái tiền tệ của các loại tài sản, nợ phải trả của SeABank tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b> <b>(Triệu VND)</b>	<b>USD</b>	<b>EUR</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt và vàng	121.607	38.137	13.818	173.562
Tiền gửi tại NHNNVN	1.170.338	-	-	1.170.338
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	2.793.441	58.318	46.342	2.898.101
Công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	7.859.683		(2.971)	7.856.712
Cho vay khách hàng - gộp	2.354.555		-	2.354.555
Tài sản Có khác - gộp	492.802	379	2.967	496.148
	<b>14.792.426</b>	<b>96.834</b>	<b>60.156</b>	<b>14.949.416</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	12.782.509	-	2.967	12.785.476
Tiền gửi của khách hàng	1.826.265	96.289	38.620	1.961.174
Các khoản nợ khác	216.953	992	521	218.466
	<b>14.825.727</b>	<b>97.281</b>	<b>42.108</b>	<b>14.965.116</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(33.301)</b>	<b>(447)</b>	<b>18.048</b>	<b>(15.700)</b>

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b> <b>(Triệu VND)</b>	<b>USD</b>	<b>EUR</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt và vàng	108.912	95.065	72.237	276.214
Tiền gửi tại NHNNVN	2.230.506			2.230.506
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	6.612.325	205.438	66.886	6.884.649
Cho vay khách hàng - gộp	3.035.294			3.035.294
Tài sản Có khác - gộp	306.586	513	1.090	308.189
	12.293.623	301.016	140.213	12.734.852
<b>Nợ phải trả</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	7.275.592	-	1.090	7.276.682
Tiền gửi của khách hàng	1.816.233	273.578	36.724	2.126.535
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	5.991.912	424.789	48.568	6.465.269
Các khoản nợ khác	59.643	1.415	-	61.058
	15.143.380	699.782	86.382	15.929.544
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(2.849.757)</b>	<b>(398.766)</b>	<b>53.831</b>	<b>(3.194.692)</b>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Ngân hàng áp dụng:

	<b>Tỷ giá ngày</b>	
	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
AUD	16.068,00	16.593,00
CAD	17.452,00	17.974,00
CHF	25.450,00	24.892,00
KRW	18,81	19,28
EUR	25.284,00	25.981,00
GBP	28.582,00	30.958,00
HKD	3.018,00	2.920,00
JPY	179,00	198,50
SGD	17.617,00	16.934,00
THB	681,00	678,00
USD	23.530,00	22.840,00
XAU	6.615.000,00	6.110.000,00



## 47. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng mà SeABank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của SeABank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Ngoài ra SeABank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Mức độ tập trung của rủi ro tín dụng (cho dù là nội hay ngoại bảng) phát sinh từ các công cụ tài chính tồn tại theo từng nhóm đối tác khi các nhóm này có các đặc điểm kinh tế tương tự nhau mà có thể khiến khả năng trả nợ của các nhóm đối tác này sẽ bị ảnh hưởng tương tự như nhau khi có các biến động về điều kiện kinh tế hay những điều kiện khác.

Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo khu vực và theo loại khách hàng liên quan đến các hoạt động đầu tư, cho vay và ứng trước, cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh của SeABank.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Triệu VND)	Chưa quá hạn và chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn và đã lập dự phòng	Tổng cộng
Tiền gửi tại NHNNVN	9.826.851	-	-	9.826.851
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	45.068.410	-	-	45.068.410
Cho vay khách hàng - gộp	150.235.160	691.534	3.029.298	153.955.992
Chứng khoán đầu tư - gộp	8.666.762	-	-	8.666.762
Tài sản tài chính khác - gộp	8.044.126	-	40.430	8.084.556
	221.841.309	691.534	3.069.728	225.602.571

### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Triệu VND)	Chưa quá hạn và chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn và đã lập dự phòng	Tổng cộng
Tiền gửi tại NHNNVN	4.799.360	-	-	4.799.360
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	42.590.477	-	-	42.590.477
Cho vay khách hàng - gộp	124.756.129	518.102	2.313.928	127.588.159
Chứng khoán đầu tư - gộp	16.863.108	-	-	16.863.108
Tài sản tài chính khác - gộp	3.630.338	-	41.094	3.671.432
	192.639.412	518.102	2.355.022	195.512.536

#### **48. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình SeABank huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của SeABank. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của SeABank theo các nhóm kỳ đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021:

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á**  
**Số 198, Phố Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B05/TCTD-HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Triệu VND)</b>	<b>Quá hạn</b>		<b>Đến 1 tháng</b>	<b>Từ 1 đến 3 tháng</b>	<b>Trong hạn</b>		<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>Đến 3 tháng</b>	<b>Trên 3 tháng</b>			<b>Từ 3 đến 12 tháng</b>	<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>			
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và vàng	-	-	1.037.807	-	-	-	-	-	1.037.807
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	9.826.851	-	-	-	-	-	9.826.851
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	31.378.185	10.390.225	3.300.000	-	-	-	45.068.410
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	3.987.085	-	-	-	-	-	3.987.085
Cho vay khách hàng - gộp	569.193	2.460.105	10.254.253	15.829.437	75.773.756	33.797.222	15.272.026	153.955.992	
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	97.054	1.025.485	2.174.917	1.232.487	4.136.819	8.666.762	
Góp vốn đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	62.432	62.432	
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	2.533	1.141.206	1.143.739	
Tài sản cố khác - gộp	-	-	1.154.603	1.776.795	5.120.111	981.135	1.135.709	10.168.353	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>569.193</b>	<b>2.460.105</b>	<b>57.735.838</b>	<b>29.021.942</b>	<b>86.368.784</b>	<b>36.013.377</b>	<b>21.748.192</b>	<b>233.917.431</b>	
<b>Nợ phải trả</b>									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.700.330	53.201	2.085.165	-	-	3.838.696	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	33.045.458	13.816.634	4.033.785	6.470.750	2.353.000	59.719.627	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	29.720.093	21.353.798	57.449.579	7.023.781	20	115.547.271	
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(342.057)	46.016	311.004	-	-	14.963	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	1.020	-	1.020	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	6.000.000	15.504.600	-	21.504.600	
Các khoản nợ khác	-	-	913.612	877.395	2.329.302	387.419	56.931	4.564.659	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>65.037.436</b>	<b>36.147.044</b>	<b>72.208.835</b>	<b>29.387.570</b>	<b>2.409.951</b>	<b>205.190.836</b>	
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>569.193</b>	<b>2.460.105</b>	<b>(7.301.598)</b>	<b>(7.125.102)</b>	<b>14.159.949</b>	<b>6.625.807</b>	<b>19.338.241</b>	<b>28.726.595</b>	

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á**  
**Số 198, Phố Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B05/TCTD-HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Triệu VND)**

	<b>Quá hạn</b>		<b>Đến 1 tháng</b>	<b>Từ 1 đến 3 tháng</b>	<b>Trong hạn</b>		<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>Đến 3 tháng</b>	<b>Trên 3 tháng</b>			<b>Từ 3 đến 12 tháng</b>	<b>Từ 12 tháng</b>			
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và vàng	-	-	1.076.028	-	-	-	-	-	1.076.028
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	4.799.360	-	-	-	-	-	4.799.360
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	34.151.405	6.099.769	2.339.303	-	-	-	42.590.477
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	13.094.009	-	-	-	-	-	13.094.009
Cho vay khách hàng - gộp	209.319	2.104.609	7.136.389	8.662.273	66.112.220	28.447.238	14.916.111		127.588.159
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	182.054	486.865	4.328.770	4.269.632	7.595.787		16.863.108
Góp vốn đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	86.534		86.534
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	1.513	946.554		948.067
Tài sản cố khác - gộp	-	-	583.824	1.038.350	1.520.162	1.375.521	1.978.775		6.496.632
<b>Tổng tài sản</b>	<b>209.319</b>	<b>2.104.609</b>	<b>61.023.069</b>	<b>16.287.257</b>	<b>74.300.455</b>	<b>34.093.904</b>	<b>25.523.761</b>		<b>213.542.374</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	25.240	60.967	2.086.556	-	-		2.172.763
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	42.837.652	10.943.119	1.616.027	2.969.200	-		58.365.998
Tiền gửi của khách hàng	-	-	28.869.577	28.203.150	41.375.880	11.334.030	2.000		109.784.637
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	8.746	16.572	56.756	(34.270)	-		47.804
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	1.020	-		1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	17.930	225.630	1.509.640	17.300.000	-		19.053.200
Các khoản nợ khác	-	-	872.802	1.075.489	1.227.562	368.046	30.930		3.574.829
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>72.631.947</b>	<b>40.524.927</b>	<b>47.872.421</b>	<b>31.938.026</b>	<b>32.930</b>		<b>193.000.251</b>
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>209.319</b>	<b>2.104.609</b>	<b>(11.608.878)</b>	<b>(24.237.670)</b>	<b>26.428.034</b>	<b>2.155.878</b>	<b>25.490.831</b>		<b>20.542.123</b>

#### **49. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngày 3 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Ngân hàng đã ban hành Quyết định số 06/2023/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông Faussier Loic Michel Marc giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 3 tháng 1 năm 2023.

#### **50. Các thay đổi trong cơ cấu của Ngân hàng**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự thay đổi trọng yếu trong cơ cấu của SeABank.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

*(Đã ký)*

*(Đã ký)*

*(Đã ký)*

Nghiêm Thị Thu Nga  
*Người lập biểu*

Nguyễn Thị Hoài Phương  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Thị Thu Hương  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

*Nơi nhận:*

- CBTT;
- Lưu: VP HĐQT,
- Ban TT&TT

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**LÊ VĂN TÀN**